



ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

*Mừng Xuân
Mậu Tuất, 2018*



M
Â
U
T
U
ẤT

2
0
1
8

TẬP SAN ĐA HIỆU KÍNH CHÚC

*Các Niên Trưởng, các sĩ quan Quân Sự Vụ, Văn
Hóa Vụ, các phu nhân, các anh chị thuộc đại gia
đình CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa
Hiệu, các Độc Giả, và Thân Hữu*

MỘT NĂM MỚI VẠN SỰ NHƯ Ý

QUAN NIỆM VÀ QUY ĐỊNH CỦA ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN NIỆM:

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài vở theo nhiều thể loại, như các bút ký, chiến trường xưa, nhất là liên quan đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận những bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết cộng sản, đặc biệt là cộng sản VN

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,... để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, VPS, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên trang web.

**TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN ĐA HIỆU
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CSVSQ TVBQGVN**



TỔNG HỘI TRƯỞNG, KIÊM CHỦ NHIỆM:

CSVSQ TSU A CẦU, K29

Email: jamesetsu@gmail.com

*** * ***

CHỦ BÚT:

CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ, KIÊM THỦ QUỸ:

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27

tran27147@yahoo.com

*** * ***

PHÁT HÀNH:

Hội CSVSQ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.

Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH, K26

*** * ***

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN:

DA HIEU MAGAZINE

P.O. Box 8628

FOUNTAIN VALLEY, CA 92728

E-mail Tòa Soạn Đa Hiệu: dahieu2016@gmail.com

*** * ***

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ TVBQGVN

<http://tvbqgvn.org>

Group của Võ Bị Việt Nam:

vobivietnam@yahoo.com

Mục Lục

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phân đầu		1
2	Thư Tổng Hội	Tsu A Cầu	6
3	Tâm Tình của TBTC/ XXI	Phạm Văn Thuận	8
4	Thơ Gửi Đồi 1515	Vũ Thế Khanh	12
5	Thầy Cúi	Võ Ý	13
6	Những Mùa Xuân Đã Qua	Tường Thúy	24
7	Long Tân	Huỳnh Minh	38
8	Thơ Cali Nỗi Nhớ	Sao Linh	47
9	Nhân Quyền Cho Việt Nam	Nguyễn Quốc Đồng	48
10	Quan Hệ giữa Cambodge và VNCH	Đặng Kim Thu	58
11	Thơ Đà Lạt Mùa giáng Sinh	Đặng Đức Ý	74
12	Một Thời Để Nhớ	Song Vũ	75
13	Sài Gòn, 30 Tháng Tư	Trần Văn Hiễn	96
14	Tôi Xin Tạ Ôn Người	Trần Kim Bảng	106
15	Thơ Nhớ Người Đi	Nguyễn Cát Minh Nguyệt	116
16	Lời Cảm Ôn Muộn Màng	Christina Cao	117
17	Sư Đoàn 3 Bộ Binh	Đặng Đình Liêu	127
18	70 Năm Thành Lập TVBQGVN		135
19	Tiểu Sử Cố Thiếu Tướng	Nguyễn Văn Kiềm	139
20	Thơ Xuân Sang	Hữu Hiễn	141
21	Mậu Thân Huru Chiến	Vương Mộng Long	142
22	Cảm Nghĩ Về Một Lần Tiếp Đón	Đặng Bích Phương	171
23	Chim Trời Bạt Gió	Vi Vân	175
24	Thơ Một Thời Để Nhớ	Lê Kim Nga	191
25	Mùa Hè Đỏ Lửa	Tổ Quyên	192
26	Những Con Tuấn Mã Vô Bị	Phạm Văn Hòa	227
27	Thơ Hai Người Lính	Nguyễn Minh Thanh	236
28	“Vui Sau Cái Vui...”	Tô Văn Cấp	239
29	Tình Mãi Không Quên!	Lê Văn Điền	248

30	Thơ Mai Tôi Về	Nguyễn Đông Giang	254
31	Lời Chia Tay Muộn	Trần Châu Giang	255
32	Tùy	Ấu Tím	260
33	Thơ TTNDH	Phạm Kim Khôi	265
34	Trận Bình Giã, 1964	Trần Ngọc Toàn	266
35	Tôi và... Thông Dịch Viên	Hạ Bá Chung	271
36	Dòng Máu Lạc Hồng	Minh Nguyệt	282
37	Qua Lăng Kính Ấy	Nguyễn M.	287
38	Hạ Sát Trung Tá Võ Vàng	Phạm Văn Hồng	300
39	Thơ Xuân Này Nhớ Nhà	Lê Anh	314
40	“Bản Thánh Ca Alpha Đỏ”	Quốc Nam	315
41	Thông Báo Học Bổng	TTNDH	316
42	Tổng Kết Quỹ Yểm Trợ	TTNDH	319
43	Cây Mùa Xuân 2018	Hoàng Như Cầu	321
44	Yểm Trợ Đại Hội XXI	Trần Trí Quốc	324
45	Báo Cáo Tài Chánh	Trần Trí Quốc	327
46	Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	334
47	Chia Buồn		338

ĐA HIỆU SỐ 112

Phát Hành Cuối Tháng Giêng, 2018

KỶ NIỆM 70 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Tập San Đa Hiệu phát hành định kỳ, mỗi năm 3 số, vào các tháng 1, 5, 9. Đa Hiệu số 112 đã phát hành vào cuối tháng Giêng, 2018.

Đa Hiệu số 113 sẽ phát hành vào tháng 5, 2018. Rất mong quý cộng tác viên đóng góp bài vở cho Đa Hiệu số 113 trước ngày 1 tháng 4 năm 2018.



LÁ THƯ TỔNG HỘI

Huntington Beach, ngày 1 tháng 1 năm 2018

- Thừa các NT, quý vị sĩ quan Văn Hoá Vụ và Quân Sự Vụ, quý phu nhân, cùng toàn thể CSVSQ,
- Các anh chị thuộc Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,
- Quý chiến hữu, độc giả, và thân hữu,

1. Khởi thủy, Trường Sĩ Quan Việt Nam được thành lập tại Huế năm 1948. Năm 1950 trường di chuyển về Đà Lạt và đổi danh xưng thành Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Sau này, Trường được đổi tên thành TVBQGVN vào năm 1959. Trải qua nhiều thời kỳ phát triển cho đến ngày mất Miền Nam Việt Nam, 1975, Trường đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, trở thành một quân trường nổi tiếng trong vùng Đông Nam Á. Trong gần 27 năm, TVBQGVN đã đào tạo được hơn 6,000 sĩ quan hiện dịch phục vụ trên khắp mọi miền đất nước.

Nhân dịp Kỷ Niệm 70 Năm Thành Lập Trường, thay mặt toàn thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan, chúng tôi xin cảm ơn quý vị sĩ quan Quân Sự Vụ, Văn Hóa Vụ, và Cán Bộ đã trách nhiệm lo lắng, huấn luyện các khoá SVSQ suốt thời gian thụ huấn, cho đến ngày họ mãn khoá. Đó là ngày “những đứa con yêu của Tổ Quốc” được tung đi bốn phương trời, phục vụ và chiến đấu khắp 4 vùng Chiến Thuật. Miệt mài trôi theo cuộc chiến, một số đã trở thành những cấp lãnh đạo cao cấp của quốc gia, những con đại bàng trên chiến địa, những đơn vị trưởng gương mẫu, từ thấp nhất đến cao nhất. Họ đã mang lại hào quang, vinh dự, và cả những huyền thoại chiến đấu cho Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam nói riêng và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói chung.

2. Dù thời gian đã thấm thoát qua đi, nhưng trong sâu thẳm mỗi CSVSQ vẫn luôn mong mỗi một ngày được gặp lại bạn bè để được cùng nhau ôn lại những kỷ niệm trên đồi 1515, tìm lại

ký ức tuổi thanh niên hiên ngang, hào hùng với những ước mơ, hoài bão của người trai thời loạn. Trường đã là một ngôi nhà, một đại gia đình, không có khoảng cách về lứa tuổi, địa lý, thời gian, và cả không gian. Năm nay, một lần nữa **Đại Hội XXI CSVSQ/ TVBQGVN lại được tổ chức tại Nam California, Hoa Kỳ vào 3 ngày 22 đến 24 tháng 6 năm 2018**. Rất mong sẽ đón tiếp các NT, các CSVSQ, các phu nhân, Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu cùng gia đình về tham dự đại hội.

3. Theo luật tuần hoàn của tạo hóa, Tết Mậu Tuất lại một lần nữa về với mọi người, mọi gia đình. Trong không khí rộn ràng của những ngày Xuân sắp đến, chúng tôi kính chúc quý độc giả và gia đình một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, và nhiều may mắn.

Trân trọng,

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN,
THT kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu



CSVSQ Tsu A Cầu, K29

TỔNG HỘI CSVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI

15292 Knollwood Cir., Huntington Beach, CA 92647, US

Phone: 714-261-5289 &Email: jamesstu@gmail.com

VĂN THƯ

Số: 012/BCH/TH/2016-18

Trích yếu: V/v bổ nhiệm thành phần nhân sự BCH/TH nhiệm kỳ 2016-2018

Tham chiếu: Nội Quy TH/CSVSQ/TVBQGVN

Quyết định Đại Hội Đồng Kỳ Thứ XX ngày 26 tháng 6 năm 2016

Tổng Hội Trường Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam quyết định bổ nhiệm và thông báo thành phần nhân sự vào Ban Chấp Hành Tổng Hội nhiệm kỳ 2016-2018 như sau:

Trường Ban Tổ Chức Đại Hội XXI: CSVSQ Phạm Văn Thuận, K18

Văn thư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Orange County, ngày 04 tháng 11 năm 2017

Cựu SVSQ Tsu A Cầu K29

Tổng Hội Trường

NƠI NHẬN:

- CSVSQ liên hệ “để đảm nhận phần vụ trách nhiệm”

ĐỒNG KÍNH GỬI:

- Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát “để kính tường”

- Các BCH Liên Hội, Hội CSVSQ,

- Các BDD Khoá CSVSQ,

- Các Đoàn PNLV,

- Tổng Đoàn TTNDH

“để thông báo”

- Hệ Thống Truyền Thông Tổng Hội “để phổ biến”

TÂM TÌNH HƯỚNG VỀ ĐẠI HỘI XXI

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

Kính thưa quý niên trưởng, các bạn cựu SVSQ, quý chị, cùng các cháu TTNDH.

Tôi, cựu SVSQ Phạm Văn Thuận khoá 18, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội XXI/ CSVSQ/ TVBQGVN, xin được gửi đến quý vị đôi chút tâm tình **HƯỚNG VỀ ĐẠI HỘI VÕ BỊ XXI**.

Ngay khi nhận nhiệm vụ, chúng tôi đã thấy khó khăn trước mắt là tình trạng anh em chúng ta kẻ đứng trong hàng người ở ngoài hàng, nhìn nhiều hướng khác nhau, tuy cùng chung ước muốn xây dựng một Tổng Hội vững mạnh. Chúng tôi thấy dù ở phía nào, mọi người đều có nhiệt tâm thiện chí, chỉ tiếc chưa tạo được cơ hội ngồi lại với nhau cùng góp sức hoàn thành mục đích chung.

Chỉ còn 7 tháng nữa là hết nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành đương nhiệm, một nhiệm kỳ mới sẽ bắt đầu. Thế nhưng chúng ta đã chuẩn bị được gì cho tương lai? Chúng tôi luôn gắng tự nhủ không ai trong chúng ta là hoàn hảo, cho nên nếu cứ nhìn vào khuyết điểm của nhau, cứ bàn về cái sai sót của nhau thì đến bao giờ mới mong có được một Tổng Hội như ý.

Thưa quý niên trưởng, thưa các bạn.

Chúng ta đã từng hãnh diện được đứng trong đội ngũ SVSQ Trường VBQGVN, nơi chúng ta được rèn luyện nề nếp sinh hoạt có tôn ti trật tự kỷ luật, từ đó phát khởi tinh thần tự nguyện tôn trọng **DANH DỰ-TRÁCH NHIỆM** và lòng yêu quý trân trọng **TÌNH TỰ VÕ BỊ**. Thế rồi, ngôi trường của chúng ta cũng đành tan theo vận nước, nhưng chúng ta vẫn còn Tổng Hội là nơi anh em CSVSQ tìm về tụ hội, quây quần

nương tựa nhau cùng hun đúc lý tưởng Quốc Gia và giữ vững lập trường chống tà quyền CS bán nước, hại dân. Thời gian gần đây, chúng ta không khỏi buồn lòng chứng kiến cảnh anh em một nhà nhìn nhau xa lạ. Chúng ta cần dẹp bỏ thiên kiến để giữ vững ngôi nhà chung, tránh cảnh tan đàn xẻ nghé.

Với mục đích duy trì truyền thống sinh hoạt tốt đẹp của các CSVSQ/ TVBQGVN, chúng tôi xin được làm nhiệm vụ người lính kèn thổi lên nhạc hiệu Tập Hợp để mọi người chúng ta cùng vào hàng. Quân số chúng ta ngày một ít đi mà không được bổ sung, nhưng còn bao nhiêu người chúng ta cũng quyết đứng chung thành một khối bền chặt, để vẫn còn là chỗ dựa cho thế hệ đàn em, hậu duệ mạnh dạn tiến bước nối gót cha anh thực hiện sứ mạng chống Cộng cứu dân, giúp nước.

Trong việc chuẩn bị cho Đại Hội XXI, có một điều xin được nhấn mạnh. Đó là chúng tôi ước mong các khoá, các hội, các vùng sớm vận động tìm người ứng cử vào Ban Chấp Hành Tổng Hội (THT, HĐTV và GS), càng nhiều ứng viên càng tốt để cho việc bầu chọn, tránh được việc đề cử người không sẵn sàng rồi phải miễn cưỡng chấp nhận vì bị ép buộc như đã từng xảy ra.

Kính thưa quý niên trưởng, các bạn cựu SVSQ, quý chị, cùng các cháu TTNDH,

Chúng tôi mạn phép ngỏ bày đôi dòng tâm tình của người lính thổi kèn hiệu Tập Hợp, mong không làm phật lòng anh em. Ước ao được chào đón quý vị về tham dự **ĐHVB XXI tổ chức tại thành phố Westminster và Anaheim, Orange County, California, Hoa Kỳ vào các ngày 22, 23, và 24 tháng 6 năm 2018.**

Chúng tôi cũng tha thiết hy vọng được mọi người tiếp tay yểm trợ vật chất và tinh thần, hợp tác quảng bá cổ động giúp cho Ban Tổ Chức. Cùng nhau, chúng ta chung lòng góp sức cho Đại Hội được thành công tốt đẹp để xây dựng một **TỔNG HỘI DUY NHẤT**, có đủ thực lực và uy tín để khôi phục và

duy trì truyền thống sinh hoạt **Đoàn Kết Vững Mạnh, Tương Thân Tương Kính**, gìn giữ tâm niệm **Danh Dự, Trách Nhiệm**, và **Tình Tự Vô Bị**.

Trân trọng

Phạm Văn Thuận, Khoa 18
Trưởng Ban Tổ Chức



**“Ta bỏ lại đời sinh viên mộng mị,
Nhìn đỉnh Lâm Viên nghiêng bóng quân trường.
Alpha ơi! Màu Đỏ đẹp vô cùng,
Chiều doanh trại nhớ về em bất tận” (12-1965)**

Thi Sĩ Quốc Nam, Khóa 22

Gửi Đôi 1515

Vũ Thế Khanh, K20

*có một nỗi nhớ
không bao giờ quên
có một niềm yêu
không bao giờ dứt
có một ngọn đời
hằn sâu kỷ ức*

*luôn nung cháy bỏng ước mơ tôi
tôi luôn thực hiện
những khát vọng đầu đời
những khát vọng...*



*mà Hoa Kỳ đã đem hoa theo năm tháng!
những gì ở dĩ vãng
vẫn thắm hoa
máu vẫn ấm trong tim
mình Làm Thay Cho MÌNH, anh em nhà cũ
nỗi niềm
những đứa con Không Bao Giờ NGỦ
của đời 1515.*

*nay trăng Không Khuyết
Ý CHÍ ĐẦY, trăng có mất đâu?
và lửa sáng suốt đêm thâu
đêm lạnh sẽ qua mau như ảo giác
kỷ niệm chúng mình luôn đây ấp
hồi Anh Em!...*



Thầy Cùi Cổ Linh Thiêng...

Võ Ý, K17

Khóa 17 nhập trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tháng 11 năm 1960, trước K18 một năm. Hai năm sau, năm 1962, Khóa 19 nhập trường. Vào lúc này (1960-1963), Quân trường gồm 5 khóa là:

- Khóa 15 (64 SVSQ (Sinh Viên Sĩ Quan) - Tốt nghiệp 55 Th/U, 2 Ch/U).

- Khóa 16 (326 SVSQ - Tốt nghiệp 226 Th/U, 52 về Đồng Đế Nha Trang).

- Khóa 17 (210 SVSQ - Tốt nghiệp 179 Th/U, 10 Ch/U).

- Khóa 18 (201 SVSQ - Tốt nghiệp 191 Th/U).

- Khóa 19 (412 SVSQ - Tốt nghiệp 391 Th/U).

Vị chỉ huy trưởng bấy giờ là Trung Tá Trần Ngọc Huyền (xuất thân Khóa 2, Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức**, binh chủng Pháo Binh).

K17 nhập trường sau cuộc binh biến đầu tháng 11/1960 do một số sĩ quan nhảy dù khởi xướng. Thiếu Tướng Lê Văn Kim bị nghi ngờ có can dự đến sự kiện nên buộc phải bàn giao chức

vụ Chỉ Huy Trường cho Trung Tá Trần Ngọc Huyền, Chỉ Huy Phó kiêm Văn Hóa Vụ Trường. (Trung Tá Huyền tốt nghiệp cử nhân văn chương Pháp, Đại Học Văn Khoa Saigon.)

Tân Chỉ Huy Trường chấn chỉnh ngay chương trình huấn luyện bằng cách đệ trình thượng cấp (qua Bộ Giáo Dục và Bộ Quốc Phòng) công nhận văn bằng tốt nghiệp thiếu úy hiện dịch của Trường Võ Bị Quốc Gia, (chương trình 4 năm) tương đương trình độ văn hóa năm thứ hai Cử nhân Toán Lý Hóa.

Ông mở thêm môn “Khoa Học Lãnh Đạo” (1), do chính ông phụ trách để truyền đạt cho các sinh viên sĩ quan nghệ thuật Lãnh Đạo Chỉ Huy. Nội dung của môn học này có vẻ đơn giản nhưng vô cùng thiết thực cho cấp chỉ huy khi đối diện với đời sống cụ thể tại đơn vị cũng như trên chiến trường.

Ông áp dụng phương pháp của Socrate (1) (dạy cho người nô lệ xưa) là không thuyết giảng dài dòng, chỉ nêu những câu hỏi, gợi ra câu trả lời do sự suy luận đơn giản. Vì vậy, SVSQ không phải buồn ngủ hoặc nhàm chán khi nghe thuyết giảng trù tượng và dài dòng. Thay vào đó, mỗi người được phát một tờ giấy quay ronéo tóm tắt vài trường hợp thường xảy ra trong đơn vị, liên hệ với đủ hạng người, từ thượng cấp “đại úy cà dẹt”, đồng cấp “trung úy lấu cá”, “thiếu úy nịnh bợ” đến thuộc cấp “thượng sĩ bướng” vì có 17 năm công vụ; “trung sĩ lý” vừa chậm, lại vừa khó bảo...

Lớp học chia thành toán, từ 8 đến 10 người, cùng thảo luận và tìm biện pháp giải quyết một cách hữu lý những vấn đề do “nhân vật” trong giấy gây ra, mà SVSQ là đơn vị trưởng tương lai, phải giải quyết!

Thông thường, giữa sinh viên và chỉ huy trưởng quân trường, có khoảng cách rất xa. Trong giờ lãnh đạo chỉ huy, mọi người ngang hàng, chỉ hơn nhau trong *lý luận hợp lý, sâu sắc và chín chắn*. Từ thái độ e dè của thuộc cấp, sinh viên dần dần nhận thấy chỉ huy trưởng của họ thành thật và suy luận sắc bén, nên chấp nhận là “Thầy” (hơn là Chỉ Huy Trường).

Qua cách truyền đạt này, cũng là lúc Thầy đặt họ trước tình thế của đất nước, đưa thí dụ người hiền hòa đang làm vườn, bị láng giềng kéo côn đồ phá rào, sang nhà mình đe dọa, đốt phá cả nơi thờ phượng tổ tiên ông bà, thì thử hỏi chui xuống hầm, chạy trốn, quỳ lạy tha chết hay gọi vợ con, anh em **hợp lực** đánh đuổi kẻ kia về. Suy luận rồi thảo luận, sinh viên tự tìm lấy câu trả lời duy nhất là “quyết chống lại” tên hàng xóm tham lam.

Cũng từ đó, Thầy Huyền truyền bá “Triết Lý Nhân Sinh” (1) của mình cho đám học trò thân yêu và nhận họ cùng một giống với mình, “giống cùi”!

Danh từ “Cùi” dùng để gọi các SVSQ, được truyền tụng trong quân trường (và sau này ngoài đơn vị) từ ngày Trung Tá Trần Ngọc Huyền đảm nhận trách nhiệm Chỉ Huy Trường, vào khoảng cuối năm 1960.

Ngày nay, tại hải ngoại, danh từ “Cùi” vẫn được nhắc lại đầu đó, từ trong nội bộ cựu SVSQ Võ Bị Quốc gia Việt Nam (VBQG/VN) cho đến tập thể người Việt tị nạn Cộng Sản và các hội đoàn, tổ chức khác!

Trong thời chiến, danh từ cùi biến thành “mặt khẩu” cho các đồng môn Võ Bị Đà Lạt nhận nhau chỗ đông người, nơi xa lạ, tại đơn vị hay trên chiến trường, nhờ vào mẫu số chung “Cùi” của họ, dù bất cứ thời khắc nào. Danh từ xấu xa được biến thành “quý danh” (1), riêng cho một tập thể có những đặc tính khác người.

Xin nêu 5 đặc tính khác người đó là: (2)

1- *Không làm điều trái lẽ phải, vô lý, bất công (mặc dầu có nhiều người làm). Và vì chỉ một mình, mình không làm mà bị thù ghét, hãm hại, ruồng rẫy, nên tự xem mình là “cùi hủi”.*

2- *Không thương đội, hạ đạp! Làm việc vì bổn phận, trách nhiệm, lẽ phải và lòng tự trọng; chứ không phải sợ bị phạt, hoặc làm cho giỏi để được thưởng.*

3- Khi làm lỗi, thẳng thắn nhận lỗi. Nếu cần, chịu phạt thay cấp dưới!

4- Quan tâm thuộc cấp. Không lợi dụng khai thác thuộc cấp để làm lợi cho mình.

5- Thà chịu người ghét, không làm điều cần quý để người khinh!

Các đặc tính trên đây phản ánh “cá tính” đặc biệt của vị thầy “cao ngạo”, cũng là vị Chỉ Huy Trưởng tài hoa và lẫm liệt của Trường VBQG/VN (1960-1964), cố Đại Tá Trần Ngọc Huyền!

Năm điều cốt lõi phản ánh “triết lý nhân sinh” cũng là 5 điều *tâm niệm* của “môn phái cùi” và họ thật sự hãnh diện khi gọi “chương môn nhân” của mình là... “Thầy Cùi”! Tự hạ mình thành cùi mà thâm tâm vẫn “cao ngạo”. Không phải cao ngạo lếu láo, khinh chê bừa bãi mà tự mình mình biết, có những kẻ được cho là quyền cao chức trọng, nhưng lại thuộc loại ích kỷ ty tiện, nên môn phái cùi lộ vẻ lịch thiệp bên ngoài mà bên trong lại ngầm... khinh bỉ! Cái cao ngạo hầu như “bệnh hoạn” của cùi là chỗ đó và sẵn sàng nhận hậu quả về thái độ ấy, vì họ đã chuẩn bị tâm tư, *dám làm dám chịu!*

Cũng cần biết một giai thoại vô cùng kỳ cục mà “thầy cùi” là tác giả trong **giờ khám phòng SVSQ** thuộc Lữ đoàn Pháo binh (K2, Thủ Đức – 10/1952). (Cũng có thể qua giai thoại này mà “thầy cùi” áp dụng danh từ “cùi” cho đám học trò sau này của mình chăng?)

Số là, trung úy Ladonne (xuất thân trường Võ Bị Saint Cyr, Pháp), Sĩ Quan Cán Bộ Lữ Đoàn SVSQ Pháo Binh, nhìn lên cánh tử của SVSQ Trần Ngọc Huyền, mở mắt to ngạc nhiên, hắt hàm hỏi:

- Cái gì kỳ cục vậy?

Trong thế nghiêm, ông trả lời:

- Hình lửa thể toàn diện nhìn để quên đời.

- Tôi thấy hình rồi, nhưng tại sao có câu “Lespreux! n’*y* touchez pas?” (Giống cùi, chớ sờ vào!)

Trả lời:

- Vì giống lespreux (giống cùi) không hiểu nổi cái đẹp!

Trung úy lờ, bỏ đi. Vì nếu ông lấy tấm hình xuống sẽ tự thú mình là “lespreux” sao? Vì thế tấm hình lửa thể vẫn nằm tro trên cánh tù. (3)

Cho đến một hôm, thượng cấp (Thống chế Juin, Quân đội Pháp) viếng thăm quân trường (vào lúc này, 1952, người Pháp vẫn còn nắm giữ quân đội), Trung úy Ladonne, đang đêm, xuống phòng năn nỉ SVSQ Cùi Huyền:

- Cho em bé (*tấm hình lửa thể*) vào trong tù ngủ một đêm rồi sáng mai đem ra phơi! (3)

Từ một giáo sư Pháp văn, bị động viên vào Thủ Đức, học quân sự với huấn luyện viên Tây mà chưa chắc các vị này nói và hiểu tiếng Tây rành rẽ bằng SVSQ Cùi, nên SVSQ này “ngông” mà Tây vẫn nể nang là một điều... hiếm có!

Một giai thoại khác liên quan đến các điều tâm niệm 2, 3, 4 của môn phái cùi, là khi 52 SVSQ Khóa 16 (trên tổng số 326) bị loại vì không đủ điểm trung bình, do quyết định của Tổng Tham Mưu (TTM) ký và quân trường thi hành. Trước giờ lên tàu về quê, một SVSQ thiếu may mắn xin gặp thầy cùi. Sau khi nghe được sự bất công mà anh X là nạn nhân của 8 tuần sơ khởi, thầy hứa sẽ điều tra và thầy cũng nói rõ là, vì TTM đã quyết định nên khó làm gì khác hơn ngoài việc sẽ dành một chỗ cho khóa tới. Anh X chảy nước mắt cho biết, anh là một trẻ mồ côi, được một ông sư ở Huế nuôi đi học, tưởng khi thành sĩ quan sẽ giúp lại mấy đứa mồ côi đang nuôi như anh. Anh không muốn sự bất công này hại thêm nhiều người nữa. Thầy cũng khóc theo và khuyên anh nên... hy vọng! (1).

Ngay sau đó, thầy cùi triệu tập hội đồng giáo sư, huấn luyện viên và cán bộ, yêu cầu điều tra lại hồ sơ này. Mọi người ngần

ra. Hầu hết các vị đều xác nhận anh này giỏi, xếp hạng 1 phần 3 trên cao. Chỉ có cán bộ trong hệ thống chỉ huy và kỷ luật mới phê điểm thấp tận cùng. Hỏi lý do, ngang ngược, khó bảo, vi phạm kỷ luật thường xuyên. Ý kiến của Hội đồng, trừ cán bộ kỷ luật, cho anh này trở lại.

Tối đấy, thầy thảo văn thư gửi Tổng Tham Mưu Trưởng, với bản sao kính trình Tổng Thống (Tổng Tư Lệnh), *tự mình nhận lỗi* vì thiếu kiểm soát, hại một sĩ quan tương lai, làm giảm uy



**Đại Tá Trần Ngọc Huyền,
Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN,
1960-1963**

danh Quân Đội vì đã có một quyết định bất công. Vì thế, xin thượng cấp giải nhiệm, trao quyền chỉ huy cho người khác, chuyển chuyên đi đơn vị tác chiến 3 năm trước khi cho giải ngũ. (Vì thầy cù xin giải ngũ nhiều lần từ trước!) Riêng đối với SVSQ X, xin thu lại quyết định sa thải, ban lệnh cho QĐI liên lạc với chùa Y tại Huế, cấp phương tiện cho anh ta trở lại trường kịp theo học giai đoạn 2 (K16) sắp khai giảng!

Bốn đêm sau, Đại tướng Tổng TMT gọi điện thoại báo tin là, đã lệnh cho QĐI thi hành những đề nghị về X. Rồi trong tiếng cười sảng khoái, ông thêm:

- “Mày xin giáng chức, xin phạt, mà tao lại được khen. Để khi nào về đây, tao kể cho mày nghe!” (1)

Trong tuần ấy, SVSQ X trở lại trường!

Nếu còn sống sót trên đời này, thiết nghĩ “cù X” thuộc K16, sẽ không thể nào quên được cuộc hồi sinh nhờ vào tinh thần trách nhiệm của cấp chỉ huy của mình là, *có lỗi thì nhận*

lỗi! Thiết nghĩ, tính can trường này hiển hiện trong câu châm ngôn của đoàn Sinh Viên Võ Bị Quốc Gia là, **Tự Thắng Để Chỉ Huy!**

Những cùi K16, K17, K18, K19 được “Thầy Cùi” truyền đạt bí kíp nhân sinh trong suốt những năm tháng được trui rèn tại quân trường. (Các cùi Khóa 15 sắp mãn khóa và cùi Khóa 20 mới nhập trường khoảng 4 tuần, vẫn được “nêm” môn lãnh đạo chỉ huy đủ mùi vị cay đắng, ngọt bùi này!)

Qua môn học đó:

- Cùi tìm thấy lý do để chống Cộng,
- Cùi tìm thấy lý tưởng Quốc Gia dân tộc để phụng sự,
- Cùi nhắm thẳng quân thù và bóp cò với ý thức “Bảo Quốc An Dân” chứ không vì công hầu khanh tướng hay hiếu sát kiêu “thề phanh thây uống máu quân thù”!

Một thời gian ngắn sau khi các khóa này ra trường, ngôi Trường Mẹ vang dội chiến công lẫy lừng cũng như gương hy sinh anh dũng của các cùi như Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc, K16, Thủy Quân Lục Chiến, tại mặt trận Quảng Trị; Đặng Ngọc Khiết, K17, Biệt Kích nhảy Bắc bị tử hình; Võ Toàn, K17, trung đoàn trưởng mưu lược thuộc SĐ1 BB; Lê Huân, K18, SĐ1 BB, tử chiến Hạ Lào; Võ Thành Kháng, Thủ khoa K19, TQLC, hy sinh trận Bình Giã chỉ sau 2 tuần sau lễ tốt nghiệp; Châu Minh Kiến, K19, SĐ5 BB, can trường đơm lược tại mặt khu Hồ Bò năm 65, mặt khu Dương Minh Châu năm 68...

Rất nhiều cùi đã chọn cái chết oanh liệt trước hay trong ngày 30 tháng 4/1975, trên chiến trường, trong ngục tù, hay trên đường vượt thoát tìm tự do. Những niên trưởng như Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, K8, Tư lệnh Quân Đoàn II; Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, K7, Tư lệnh Sư Đoàn 7BB, đều tuân tiết theo vận nước.

Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, K16, Trung Đoàn Trưởng 42/

SĐ22 BB... chọn cách ở lại với đồng đội để đồng sanh đồng tử...

Thiếu Tá Phan Ngọc Lương, K17, nổi dậy chống nhà cầm quyền CS ở Huế, bị tử hình;

Thiếu tá Trần Văn Bé, K19 và Thiếu tá Phạm Văn Tư, K19, vượt ngục CS (sau 30/04/75) không thành công, chấp nhận tròng đạn thù với ánh mắt cao ngạo!

....

Từ sau ngày đau thương đó, đàn con của Trường Mẹ chịu chung số phận với vận nước, tủi nhục và uất hận ngay trên quê hương mình. Một số vượt thoát ra hải ngoại và lòng vẫn nung nấu một ngày về. Nỗi niềm đó đơm bông, kết trái thành những Hội Ái Hữu, Tổng Hội Cựu SVSQ/ VBQG/ VN, Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên, mà hãnh diện nhất là Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu...

Dẫu biết, *son hà cũng huyển*, nhưng chữ **không ngờ** vẫn nhói trong lòng của đa số “cùi”, bởi vì, tập thể này đang có dấu hiệu... *rạn nứt*, không phải do khác biệt lập trường quan điểm mà do bất đồng trong tổ chức sinh hoạt. Cụ thể là, sau Đại hội Tổng hội cựu SVSQ/VBQG/VN lần thứ 20 (2016), một số cựu SVSQ đề nghị hoãn in quyển “TVBQG, Theo Dòng Lịch Sử” vì cho rằng, còn nhiều điểm (ý tưởng và lời văn) không xứng tầm một quyển sử của một quân trường nổi tiếng. Một số khác phê phán *thiếu cân nhắc* các huynh đệ của mình, vì không đồng suy nghĩ hoặc phương cách làm việc!

Nếu tình trạng này không sớm tìm cách *hóa giải* thì quý huynh đệ *ăn làm sao, nói làm sao* với các *hậu duệ* của mình?

Đành bó tay sao?

Do tình cờ, hay do một lẽ huyền vi mà bỗng dưng có một chiến hữu Không Quân hỏi chúng tôi về ý nghĩa của chữ “cùi” thường dùng trong tập thể CSVSQ Đà Lạt, tôi giải thích qua sự hiểu biết của mình. Nhưng cũng từ giây phút đó, tôi nhớ về

Thầy Cùi của mình.

Ở nước Trời, nơi Cối Vĩng Hằng hoặc dưới Suối Vàng, Thầy nghĩ gì về sự rạn nứt này, Tổng Hội rồi sẽ ra sao và *môn phái cùi* sẽ bị phân hóa cho đến bao giờ?

Lúc còn sinh tiền, (khoảng 1980) tại Houston, một số niên trưởng Khóa 16 vẫn thường thăm viếng và tâm tình với Thầy. Qua đó, Thầy biết, trong nội bộ K16, khóa đầu đời được huấn luyện theo phương pháp do Thầy phác họa, cũng có... bất đồng! Thầy bèn viết “Lời Thách Đồ Của Người Anh Cũ” (4) với ước mong hàn gắn những rạn nứt đó:

- “*Tôi muốn kể với các anh mẫu chuyện nhỏ trích trong một vở kịch của Corneille (Pháp, thế kỷ 17): Vua Auguste giết cha của Cinna. Cinna căm thù, kết tập bè đảng phản vua. Vua biết chuyện và bắt trọn cả đám. Lính giải Cinna bị trói, bắt quỳ trước mặt vua để nhận tội. Vua từ trên ngai bước xuống, cởi trói cho Cinna, đưa hai tay ra trước, nói: “Soyons amis, Cinna!” (Chúng ta hãy là đôi bạn, Cinna!)*

Nay, đem Lời Thách Đồ (dành riêng cho K16) áp dụng vào hiện tình của cả Tổng Hội, sẽ là một điều... câu âu. Bởi vì, trong tập thể chúng ta, không có ai là vua August, không có ai là Cinna cả, mà chỉ có môn phái cùi, được đào tạo tại lò Lâm Viên, cùng **chung một lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc, một màu cờ thiêng liêng, Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, và một ước vọng hiện nay.**

Qua ước vọng, người cựu SVSQ nào đó được tập thể tín nhiệm, bầu vào trách vụ này trách vụ kia, không phải là vua. Người hội viên (của Hội, của Tổng Hội), cùng kẻ vai chia sẻ trách nhiệm để mong đạt được **mục tiêu chung** do tổng hội đề ra, cũng không phải là Cinna kết bè kết đảng để chống phá...

Kính thưa Thầy Cùi,

Thầy ra đi, để lại cho miền Nam nói chung và môn phái cùi nói riêng, một di sản có giá trị dài lâu.

- Nhờ vào tài trí, nhân danh chính phủ Việt Nam non trẻ, Thầy đã “deal” với chính phủ Pháp để “mua” lại Dinh Độc Lập với giá một đồng danh dự! (*). Cũng chính nhờ vào sự khôn khéo mà Thầy loại dần ảnh hưởng của sĩ quan Pháp ra khỏi Quân Đội VNCH lúc ban đầu (1953) (*). Sáng tạo chương trình “Tiếng Nói Dạ Lan” (5), quả là một liều thuốc bổ đã nâng cao tinh thần chiến đấu của người lính chiến Cộng Hòa sau cuộc biến động tháng 11/1963:

“Tiếng nói của em gái hậu phương gọi các anh trai tiền tuyến, các chiến sĩ can trường trên mọi nẻo đường đất nước...”

- Di sản của Thầy để lại cho môn phái cùi cũng thật vô giá. Chẳng hạn như, Triết Lý Nhân Sinh, trong đó có nguồn gốc chữ Cùi cao ngạo; đề nghị thượng cấp phương pháp đào tạo SVSQ thành cấp chỉ huy tin cậy cho Quân Đội Quốc Gia dựa trên 3 phương diện quân sự, văn hóa, và lãnh đạo chỉ huy.

Bản văn lễ truy điệu các chiến sĩ trận vong thật u hiên: *“...đêm nay, gió lạnh trên đồi thông đang thổi dậy, ánh lửa hồng đang mờ tỏ từng hồi... Hãy nung nấu tâm can chúng tôi với ngọn lửa thiêng truyền thống...”* (6) mà mỗi một cựu SVSQ khi nghe lần đầu bài truy điệu này tại vũ đình trường Lê Lợi trong lễ mãn khóa, dưới ánh đuốc chấp chôn, không ai là không nổi... gai ốc!

Kính thưa Thầy Cùi,

Trước những chỉ dấu đau lòng, chúng em nghĩ đến Thầy, như một chỗ dựa, như một cầu xin. *Có linh thiêng, xin chỉ lối đưa đường...* (6)

Dựa vào 5 điều tâm niệm của môn phái, chúng tôi thiện nghĩ, tất cả cựu SVSQ đều chịu trách nhiệm về sự *rạn nứt*, nếu có, trong tổng hội, dù ít dù nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, lên tiếng, hay im lặng. Từ đó, mỗi thành viên thử dùng bửu bối “tự thắng” để tự điều chỉnh thái độ của mình, hầu sớm vui hòa vào sinh hoạt chung của tập thể.

Nếu sinh hoạt chung vẫn không phù hợp với suy nghĩ của

mình thì môn phái cùi bằng mọi giá đành chấp nhận “không sợ lỗ”! Lỗ ở đây hàm ý mọi bất như ý. Mọi bất như ý chỉ là *ghẻ lỗ*! Đã cùi thì sợ gì ghẻ lỗ? Cho nên, môn phái cùi rất cần đến sự “chấp nhận không sợ lỗ” để nhìn thẳng vào mặt nhau, tay nắm tay trong quyết tâm tái xây dựng một tổng hội yêu thương và nhân nhĩn, để phục vụ ước vọng chung của toàn dân là, dựng lại ngọn *cờ vàng ba sọc đỏ* trên núi cũ sông xưa...

Được như vậy, từ trên trời xanh, giữa đám mây trắng, Thầy Cùi Trần Ngọc Huyền an nhiên nhìn xuống dương gian với một nụ cười mãn nguyện và cao ngạo muôn thuở. Mãn nguyện, vì dù trong bất cứ nghịch cảnh nào, đám học trò của Thầy đã thực sự hiểu thấu *triết lý cùi* và đã tin yêu mang triết lý đó dần thân, tô thắm cuộc đời, dẫn biết cuộc đời lắm... truân chuyên!?

CA, Thanksgiving 2017

Ghi chú:

(1) Triết Lý Nhân Sinh Truyền Lại Cho Quân Trường (Trần Ngọc Huyền)

(2) Nguồn Gốc Chữ Cùi (TNH)

(3) Danh từ Cùi được dùng lần đầu... (TNH)

(4) Lời Thách Đố Của Người Anh Cũ (TNH)

(5) (4) Chương trình Dạ Lan: https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BB%9D_c%E1%BB%A7a_D%E1%BA%A1_Lan

(6) Lời trích trong bài “Lễ Truy Diệu Truyền Thống”

(*) Tất cả các ghi chú 1, 2, 3, 4 và (*) đều nằm trong link:

http://nguyenttin.tripod.com/dt_tranngochuyen.htm

** Cuối tháng 2/1957, trường Thủ Đức đổi tên thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Ngày 1/8/1963, trường lấy lại tên cũ là Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ngày 1/7/1964, trường được cải danh một lần nữa thành Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Hình đầu bài: **Lễ Mãn Khóa 17 SVSQ TVBQGVN.**



Những Mùa Xuân Đã Qua

Tường Thúy, K20/1

Những cánh hoa đào trong vườn đang hé nở, rung rinh trước gió, báo hiệu mùa Xuân lại đang trở về trên Tucson, một thành phố bé nhỏ của miền Nam nước Mỹ, nơi gia đình chúng tôi đã trải qua hai mươi lăm mùa Xuân trên xứ người. Hai mươi lăm năm, thời gian đâu phải là ngắn, nó dài hơn thời gian gia đình tôi sống trên mảnh đất tự do của miền Nam Việt Nam kể từ ngày di cư, rời bỏ miền Bắc năm 1954, nơi chôn nhau cắt rốn, để thoát chạy khỏi chế độ phi nhân Cộng Sản. Hai mươi lăm năm, chúng tôi đã lại được sống như một con người sau khi chịu bao cực khổ, nhọc nhằn, cay đắng suốt mười bảy năm trời dưới chế độ Cộng Sản. Bây giờ, tuổi đời đã chồng chất trên đôi vai, đã hằn trên khuôn mặt, đã nhuộm bạc mái đầu, ngồi đây nghĩ về những mùa Xuân đi qua mà thấy bùi ngùi, tiếc nuối khoảng thời gian êm ả của ngày tháng xa xưa, sống trong chế độ VNCH, rồi lại thấy xót xa, rùng mình khi nhớ tới những lúc khổ sở cùng cực trong vòng lửa đỏ của CSVN.

Ngày đó, trước 30/4 năm 1975, cứ mỗi độ Xuân về, từ thành phố cho đến thôn quê, ở miền Nam VN, nhà nhà đều như đôi môi hồng lên. Mọi người lo dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa cho sạch sẽ, đẹp để đón mừng Xuân đến. Nhà nào cũng có chưng bày ít nhất một cành mai, một chậu cúc vàng, chậu

hồng, hay thược dược trong nhà, một đôi câu đối đỏ dán bên cửa. Bàn thờ cũng được lau chùi cẩn thận, lư đồng, chân nến được đánh bóng sáng choang. Quang cảnh ngày Tết như hiện diện khắp nơi, khắp chốn. Những bài hát mừng Xuân vang lên từ những máy phát thanh càng làm không khí Tết trở nên vui tươi, rộn rã hơn:

*“Xuân đã đến rồi gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời,
Vui trong bình minh muôn loài chim hót vang mọi nơi
Đem trong tiếng cười cho kiếp người tình thương đắm đuối
Ánh Xuân đem vui với đời...”*

(Đón Xuân - Phạm Đình Chương)

Nhà tôi cũng không ngoại lệ. Khi Mẹ tôi còn sống, bà quy tụ tất cả anh chị em chúng tôi lại, phân công lớn, nhỏ, ai có việc nấy. Con trai thì phụ bố quét vôi nhà, sơn cửa, hay vật lá mai, đánh bóng đồ thờ; con gái phụ Mẹ quét dọn nhà cửa, làm bánh mứt. Chúng tôi ai cũng háo hức sửa soạn để đón Tết, mừng Xuân.

Rồi gần đến ngày Tết thì mẹ lại chỉ huy đám con gái gói bánh chưng. Mẹ chỉ bảo cặn kẽ làm sao để gói được những chiếc bánh vuông vắn như đã được đóng khuôn, cũng như đừng gói bánh quá chặt tay vì khi luộc, không có chỗ cho nếp nở ra bánh sẽ dễ bị “hấy” (hấy nghĩa là gạo bên trong bánh còn sống), và cũng không được gói quá lỏng, vắn vắn và vắn vắn... Dù được chỉ từng ly từng tí, thế nhưng những chiếc bánh chưng đầu tiên, thành phẩm đầu đời của chúng tôi với muôn hình thù kỳ quặc đã cho Mẹ và chúng tôi những trận cười đến chảy cả nước mắt. Mẹ phải ngồi sửa lại và một lần nữa bài học gói bánh chưng được Mẹ dạy lại tỉ mỉ hơn. Cuối cùng thì những chiếc bánh được những bàn tay vụng về của chúng tôi gói, đã trông gần giống như chiếc bánh của mẹ. “Lần đầu được thế là đẹp lắm rồi” Mẹ khuyến khích. Đến lúc luộc bánh, Mẹ đích thân chỉ cho nhóm con trai, đương nhiên có cả bọn con gái chúng tôi nữa:

- “Khi luộc bánh cần nhất là nước lúc nào cũng phải ngập bánh và lửa phải có đủ củi và cháy đều, vì vậy phải cần người ngồi trông lửa cho thêm củi và thêm vào nồi bánh khi nước cạn. Khi bánh chín vớt ra nhớt nhúng qua chậu nước lạnh rồi xếp lên một tấm ván, sau đó để một tấm ván nữa lên phía trên, tấm ván này không quá nặng dùng để ép cho bánh được rền hơn”.

Những lời dặn dò, chỉ dẫn này của Mẹ, chúng tôi luôn luôn ghi nhớ trong lòng. Sau này khi Mẹ đã không còn nữa, hàng năm chúng tôi, dù ai cũng có gia đình riêng, nhưng cứ gần đến ngày Tết là anh chị em chúng tôi lại trở về căn nhà của Bố Mẹ, quây quần bên nhau, nhặt lá mai, quét vôi nhà, trang hoàng bàn thờ, nhà cửa, gói bánh chưng, như ngày nào Mẹ còn sống, để Bố tôi không cảm thấy buồn và cô đơn mỗi khi Tết đến, Xuân về.

Vui nhất là những ngày gói bánh. Chúng tôi, người mua nếp, mua đậu, kẻ mua thịt, mua lá. Chị em quây quần bên nhau làm việc trong tiếng cười, tiếng nói rôm rả, đầy tình yêu thương như ngày nào còn Mẹ. Chắc Mẹ cũng hãnh diện vì những dạy dỗ chỉ bảo của Mẹ cho các cô con gái, con dâu, đã được các con hoàn thành một cách xuất sắc. Về phía các ông thì lo đồ nhậu cho cuộc chiến đấu đêm nay với cái nồi bánh chưng to tướng, để trên chiếc lò đã được kê sẵn sàng ở giữa sân rồi.

Bánh đã được bỏ vào nồi, nước đã đổ đầy và lửa cũng đã cháy. Dù đã lớn tuổi nhưng bố tôi cũng muốn tham dự vào nhóm mấy ông con trai. Vui quá mà, dâu có thể để Bố lui thủ ở trong phòng được. Thế là một chỗ ngồi danh dự cho Bố ở giữa cái chiếu đã được để sẵn. Cũng chính nhờ có Bố mà đêm canh bánh chưng không bị buồn ngủ, vì những câu chuyện đường rừng, nhất là chuyện ma của Bố kể nghe vừa sợ, vừa hấp dẫn làm sao.

- Hạnh nè, cô sợ ma hả? Sao cứ đưa cái lưng cho chú Sơn

giữ dùm vậy.

Thấy tôi bị ông anh rê trâu, ông xã tôi ôm vai, kéo tôi vào sát bên mình. Anh nói nhỏ nhưng cố ý cho mọi người nghe thấy:

- Có anh ôm như thế này, chả ma nào dám tới gần em đâu. Nó mà dám tới, thì anh... anh đẩy em ra anh chạy trước.

Cả nhà cười ầm lên, còn tôi thì tức đỏ mặt:

- Ghét anh lắm, không thèm ngồi cạnh anh nữa. Em ngồi



với Bố.

Nói xong tôi bò sang bên cạnh, ôm lấy cánh tay Bố. Bố cười vỗ vỗ lên bàn tay tôi:

- Ừ, ngồi với Bố thì chắc ăn hơn không ma nào dám lại, phải không, con gái của Bố?

Đến khoảng mười giờ thì âm thanh cười nói bị giảm vì câu nói của chị Cả:

- Quý vị ơi, xin vui lòng điều chỉnh âm thanh “cho vừa đủ nghe để khỏi làm phiền hàng xóm đang cần sự yên lặng nghỉ ngơi. Xin cảm ơn quý vị.”

Âm thanh tuy giảm, nhưng niềm vui không vì thế mà giảm

đi. Những tiếng cười cũng vẫn thỉnh thoảng bật lên trong đêm tối, những đĩa đậu phộng rang, mực nướng, cá nướng cũng vui dần theo câu chuyện, giữa mùi lá dong, mùi đậu, mùi nếp nấu chín thơm lừng trong không gian, thêm vào tiếng củi reo tí tách trong lò và ánh lửa bập bùng trong màn đêm. Ôi còn gì tuyệt vời cho bằng. Một khung cảnh đầm ấm đoàn viên như thế này tìm đâu thấy được.

Hai mươi mốt mùa Xuân tự do hạnh phúc dưới chính thể VNCH của miền Nam đối với tôi là những cái Tết thanh bình, ngoại trừ vào năm 1968. Vụ tấn công của VC trong những ngày đầu năm Tết Mậu Thân đã gây nên bao chết chóc, đau thương cho những người dân vô tội. Ở miền Trung nhất là tại Huế, cuộc thảm sát đẫm máu của bọn CSBV đối với người dân không chỉ là nỗi đau cho riêng Huế mà là nỗi đau chung của người dân miền Nam VN. Oán hờn này làm sao quên được. Niềm đau này làm sao xóa mờ.

Rồi ngày 30/4/1975, ngày Quốc Hận, những đau thương, khốn khổ đã bao trùm lên miền Nam VN. Khi nhìn thấy hình ảnh những tên lính Bắc Việt gày gò, bần thiêu, nhếch nhác kéo từng đàn, từng tốp, lê gót trên những đường phố Saigon, tôi đã ngạc nhiên, cay đắng và tự hỏi:

“Những kẻ đói ăn như thế này mà là kẻ chiến thắng mình sao? Một mâu thuẫn không thể tưởng tượng nổi.”

Nhưng sau này tôi đã hiểu được điều mâu thuẫn này. Đó là VNCH chỉ là một quân cờ thí trong bàn cờ chính trị mà người bán đứng mình lại chính là đồng minh của mình. Thật chua xót thay!

Thế rồi 17 năm sống dưới chế độ CS, tôi đã hiểu được thế nào là CS. Nó còn tồi tệ, khốn nạn, bỉ ổi gấp trăm ngàn lần những gì mà chế độ VNCH mô tả trong những bài viết, bài tuyên truyền nữa. Chả thế mà người dân lần lượt rủ nhau bỏ nước ra đi bằng mọi phương tiện. Trong những thành phố, tỉnh lỵ của miền Nam, người miền Nam cứ vắng dần, phần

vượt biên, phần bị bắt đi tù, phần bị đẩy đi kinh tế mới. Những căn nhà lớn nhỏ đều đã thay đổi chủ bằng sự chiếm đoạt của những kẻ từ miền Bắc vào.

Chồng tôi bị bắt đưa đi “cải tạo” tháng 6 năm 1975, mấy mẹ con tôi về sống cùng với Bố và em tôi. Tôi bị cho nghỉ việc vì là vợ của sĩ quan chế độ cũ. Lúc đầu với số tiền dành dụm, cả nhà tôi cũng sống sót qua ngày, nhưng dần dà qua mấy lần đổi tiền thì cuộc sống trở nên bi thảm hơn, ngày đói nhiều hơn ngày no. Không thể đi làm để kiếm tiền thì cách duy nhất là bán đi những gì mình có trong tay như đồ đạc, quần áo, ..., gom lấy ít vốn rồi theo bạn, theo bè ra ngoài chợ tập buôn, tập bán, kiếm chút lời nuôi con. Nhưng cuộc sống không dễ dàng như mình nghĩ. Bọn công an luôn rình mò, bắt bớ, nhất là trong những ngày lễ Tết, Đây là cơ hội để chúng vơ vét hàng hóa của những người bán buôn nghèo, bằng cách đổ lên đầu họ trăm thứ tội. Nhẹ thì mất cả vốn lẫn lời, nặng thì ngoài việc mất hàng, còn bị bắt giam.

Dù biết vậy nhưng không thể ngồi nhà khoanh tay nhìn đàn con chịu đói; hơn nữa, giờ này gần Tết, hàng bán cũng chạy hơn nên vẫn phải tiếp tục ra chợ kiếm tiền để tiêu Tết và gửi quà cho chồng trong tù.

Đã ba mùa Xuân trôi qua, ba mùa Xuân anh còn biền biệt trong tù. Năm nay Xuân lại trở về, Tết lại đến. Còn anh, anh ở nơi đâu? Rồi những đêm giao thừa, tôi hay ngồi trên bậc thềm nhà, ngồi trong bóng đêm mà nhớ đến anh da diết. Biết bao giờ chúng mình mới được gần nhau, hả anh? Sao tương lai chúng mình lại đen tối như đêm ba mươi thế này? Tôi gục đầu xuống vòng tay, mặc cho những dòng nước mắt cứ tuôn trào mà nghe tim mình nhói buốt, mà thấy tâm hồn mình cô đơn vô cùng. Tôi cứ ngồi như thế cho đến khi một cái áo khoác lên vai tôi và tiếng Huy khe khẽ nói:

- Mẹ ơi, vào đi ngủ đi, ở ngoài này lạnh lắm. Con mang thêm áo cho mẹ nè.

Tôi ngược đầu lên, Huy đứng đó, nhìn tôi chờ đợi. Tôi mỉm cười với con:

- Ừ, ngoài này hơi lạnh. Cám ơn con. Thôi mình cùng vào nhà, Huy nhé.

Tôi nằm bên cạnh ba đứa con mà vẫn không thể nhắm mắt lại được. Nhìn sang Huy, thấy thằng bé đã ngủ rồi. Tôi nhẹ nhàng ngồi lên, kéo cái chăn đắp lại cho nó. Huy là đứa con lớn nhất của tôi. Khi anh đi tù con mới lên năm, bây giờ con đã gần chín tuổi rồi, đã ra dáng là anh hai, biết lo cho các em khi mẹ ra chợ. Hôm nọ con lại gần thủ thủ với tôi:

- Mẹ ơi, gần Tết rồi, mẹ không may áo mới cho Tí Dung hả, con thấy cái áo em mặc đã chật rồi đấy.

- Mẹ biết rồi, mẹ có may cho em một cái áo khác. Còn con và Hoàng thì mẹ may cho hai đứa hai cái quần rồi.

- Mẹ lấy vải đâu mà may quần áo cho mấy đứa hả mẹ? Mà mẹ may lúc nào vậy, sao con không thấy? Huy thắc mắc.

- Đúng rồi, mẹ đâu có tiền mà mua vải. Mẹ lấy áo dài cũ của mẹ ra sửa thành áo cho bé Dung. Còn của hai đứa là mẹ sửa lại quần của bố; quần của bố còn mới, mặc cũng đẹp lắm, con ạ.

- Mẹ may lúc nào hả?

- Vào ban đêm khi các con ngủ đó. Được chưa, cậu bé hay thắc mắc của mẹ.

Nghĩ đến mà thương cho những đứa bé, sinh bất phùng thời, vô phúc phải sống trong thời buổi mà quý nhiều hơn thân, nước mắt tôi lại trào ra. Gạt đi những dòng nước mắt, tôi nhẹ bước xuống giường, ra ngồi bên cửa sổ. Bên ngoài trời vẫn tối đen như mực. Nhìn về phía sân sau, bất giác ánh mắt của tôi chợt dừng lại nơi ba hòn gạch lớn. Chúng đã ở đây đã lâu lắm rồi, đã từng được dùng để kê thành nơi nấu nồi bánh chưng. Và rồi hình ảnh của những ngày thân yêu xa xưa ấy lại lần lượt hiện về trong tâm trí tôi:

“Nồi bánh chưng to ở giữa sân đang sôi sùng sục, mùi bánh, mùi lá dong, mùi nếp, mùi đậu thơm lừng, rồi mùi khói của than, tiếng reo tí tách của củi, cùng với ánh lửa bập bùng trong đêm. Ôi, lại còn những tiếng cười, tiếng nói, những khuôn mặt đỏ ửng ngày nào nữa.”

Tôi đang đắm mình trong cơn mộng. Chợt tiếng ho của Bố tôi từ phòng bên vang lên làm tôi bừng tỉnh. Tất cả hình ảnh đột nhiên tan biến đi hết. Chỉ còn lại nơi đây một khung cảnh lạnh lẽo, vắng tanh đến rợn người. Tôi nghĩ đến mâm cơm cúng cho buổi sáng đầu năm: lại một bát bánh bột lọc, một chén nước mắm nhỏ, và một bát canh rau muống đánh mắm cà chua, nhưng rau muống thì sào qua với chút dầu, chút muối. “Thế là hậu hĩ quá rồi.” tôi mỉm cười chua chát.

Với một đời sống bị kìm kẹp trong xã hội CS, muốn có được một miếng thịt cũng phải chờ theo tiêu chuẩn mới được mua, muốn mua gì cũng phải sắp hàng. Đã vậy thực phẩm chính yếu của người VN là gạo cũng không có để bán cho dân thay vào đó cái mà họ cung cấp cho dân là bo bo, một loại thức ăn cho trâu, ngựa. Cuộc sống khốn khổ, bần cùng như thế thì làm gì còn có Tết, làm gì còn có Xuân. Những bữa cỗ thịnh soạn trong những ngày Tết như dưới thời VNCH chỉ còn là một giấc mơ trong quá khứ mà thôi. Bây giờ trên bàn thờ cúng các cụ trong ngày đầu năm ngoài bát bột lọc, hay bát bo bo và một đĩa rau muống, thì còn gì nữa đâu. Một nén nhang được thắp lên để tạ lỗi cùng tổ tiên vì sự quá đăm đặc của một bữa cỗ trong chế độ CSVN. Mùi hương của nén nhang chỉ khơi thêm trong lòng con cháu sự đắng cay, buồn tẻ, và để cho những giọt nước mắt cứ âm thầm chảy càng lúc càng nhiều hơn nữa

Thế rồi những mùa Xuân buồn tẻ, lạnh lẽo, vô vị, cứ nối tiếp đi qua cho đến ngày chồng tôi, anh tôi, em tôi với một thân xác tàn tạ, được trả về từ những trại tù nơi rừng sâu, núi thẳm. Từ một nhà tù nhỏ trở ra nhà tù lớn, các anh cũng chẳng có gì khác hơn, cũng vẫn bị những bất công, kỳ thị, dọa dẫm.

Chế độ CS là như thế đó.

Các cụ xưa có nói: “Trời không đóng cửa ai bao giờ.” Sự cầm tù quân, cán, chính, thuộc chế độ VNCH của bọn CS, cùng những cuộc vượt biên bị thảm của những thuyền nhân VN, đã đánh động vào con tim của thế giới. Những trại tị nạn đã được mở ra để cứu vớt các thuyền nhân. Còn riêng đối với người tù cải tạo, thì một chương trình nhân đạo khác đã được thành lập do lòng tốt của những người Việt hải ngoại cùng một số những nhân vật cao cấp trong chính phủ Mỹ giúp đỡ. Đó là chương trình HO (Humanitarian Operation).

Biên Tập Viên Mặc Giao của RFA đã viết trong bài “Hành Trình HO” là chương trình này được vận động bởi,

“... ý tưởng cứu những người tù “cải tạo” ra khỏi đất nước một cách hợp pháp đã nảy sinh trong lòng những người vợ của họ đang sống tại Mỹ. Một trong những người như thế là bà Khúc Minh Thơ, chồng bà là một sĩ quan đã chết trước khi trở thành một HO và bà có rất nhiều bạn bè của chồng vẫn nằm trong trại cải tạo. Bà Khúc Minh Thơ, sang Mỹ năm 1977, có ý tưởng vận động cho tù nhân cải tạo, luôn thôi thúc trong lòng bà. Ông Shef Lawman, một chuyên viên của Bộ Ngoại giao Mỹ làm việc tại Việt Nam cho tới phút cuối. Do có vợ Việt ông Lawman hiểu rất rõ tình hình chính trị, văn hóa và xã hội Việt Nam và là người đầu tiên bà Khúc Minh Thơ gặp và trao đổi với ông ý tưởng của mình. Từ gợi ý của ông Lawman, một hội mang tên Gia đình Tù nhân Chính trị Việt Nam thành hình, tập hợp vợ con của những người tù “cải tạo” để có tiếng nói chung.”

Bà Khúc Minh Thơ:

“Người thúc đẩy cho tôi nhiều nhất là ông Robert Funseth. Ông ấy đặc trách chương trình tị nạn của Bộ ngoại giao. Người thứ hai, theo dõi diễn tiến của tụi tôi nhiều nhất, là ông Shef Lawman, nhân viên của Bộ ngoại giao... Ngoài ra bên lập pháp còn có TNS John McCain và TNS Robert Kennedy.”

Xin cảm ơn bà Khúc Minh Thơ, ông Robert Funseth, ông Shef Lawman, Thượng Nghị Sĩ Jonh McCain, Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, và Tổng Thống Reagan, người đã ký cho thi hành chương trình này. Xin chân thành gửi đến quý vị lời cảm ơn mặc dù có muộn màng.

Vì lòng tốt của quý vị mà ngày nay chúng tôi đã có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc trên miền đất tự do này. Xin cảm ơn nước Mỹ, nơi đã giang rộng vòng tay để cứu mang chúng tôi.

Năm 1992, gia đình chúng tôi rời VN trên chuyến bay United Airline và đặt chân lên miền đất tự do ngày 14/7/1992, tại sân bay San Francisco. Từ đây, chúng tôi tới phi trường Denver, thuộc tiểu bang Colorado. Một lần nữa, United Airline đưa gia đình tôi và một gia đình nữa đến phi trường Tucson của tiểu bang Arizona. Để từ đây, xin nhận nơi này làm quê hương thứ hai trong đời và Tucson sẽ là tổ ấm đầu tiên và mãi mãi cho gia đình chúng tôi trên xứ người vì:

*“Saigon ơi, tôi đã mất người trong cuộc đời
Saigon ơi, thôi đã hết thời gian tuyệt vời
Giờ còn đây, những kỷ niệm sống trong tôi,
Những nụ cười nát trên môi, những giọt lệ ôi sâu đắng...”*

(Saigon Vĩnh Biệt – Nam Lộc)

Việc khó khăn đầu tiên trong cuộc sống trên xứ người là cái rào cản của ngôn ngữ. Mặc dù ở VN, tiếng Anh là một sinh ngữ đã được dạy ở bậc trung học, nhưng vốn liếng học chẳng được bao nhiêu. Hơn nữa, chương trình học từ chương không có thực tập, nên khi qua đây nói chuyện với người Mỹ, không những phải vận động trí óc để tìm từ ngữ mà còn phải có sự trợ giúp của cả hai bàn tay múa may lung tung nữa. Dù vậy, chính bản thân cũng biết rằng mình chẳng làm cho người đối thoại hiểu mình thêm được tí nào, khi nhìn nét mặt và nụ cười của họ. Còn nghe người Mỹ nói khác nào như vịt nghe sấm, nghe chỉ thấy lú ra, lú rú như chim. Vì vậy muốn được hội

nhập nhanh và dễ dàng, cả nhà chúng tôi đều phải theo học các lớp ESL.

Tôi còn nhớ, sau bốn tháng ăn tiền trợ cấp của chính phủ, chúng tôi nhất quyết xin hội USCC, nơi bảo trợ cho gia đình chúng tôi, tìm đùm việc làm.

Những ngày đầu mới đi làm, tôi rất sợ những buổi họp nhất là buổi họp để giới thiệu về mình. Tôi phải về nhà soạn trước một vài câu ngắn và học thuộc lòng. Vậy mà khi nói vẫn còn lắp bắp, lúng ta, lúng túng, xấu hổ ời là xấu hổ. Nhưng một thời gian sau, vì nhờ tiếp xúc thường xuyên, nghe cũng quen dần và nói cũng khá hơn một chút, nên không phải trốn tránh hay chỉ lấy nụ cười để khóa lấp điều mình không hiểu. Tuy vậy, vẫn có những lỗi lầm đáng buồn cười như có lần Fred, người supervisor của department tôi đang làm việc, đi ngang qua chào:

- Hi Thuy, how are you doing?

Tôi sồn sác trả lời:

- Hi Fred, I'm testing some boards.

Tôi thấy ông ấy đứng lại cười cười, rồi nói thật chậm rãi như để cho tôi nghe rõ hơn:

- Thuy, I ask you, how... are... you... doing? Not, what are you doing?

Đỏ mặt, tôi xin lỗi vì nghe không rõ, ông ấy cười và hứa sẽ nói chuyện với tôi nhiều hơn để tôi học hỏi thêm.

Về phần con cái, hai cháu lớn đã hội nhập dễ dàng vào cuộc sống. Lúc đầu các cháu sáng đi học ESL ở Community College, chiều đi làm thêm phụ với bố mẹ. Một thời gian, sau khi tiếng Anh đã vững, các cháu ghi danh vào đại học University of Arizona ở Tucson. Còn riêng cháu gái, học lớp 11 của trường Catalina gần nhà. Thời gian mới đi học, quả là quá khó khăn cho cháu, vì dưới chế độ CS, ngoại ngữ các cháu được học chỉ là tiếng Nga, nên khi qua đây, tiếng Anh rất yếu.

Hôm nào đi học về cháu cũng khóc:

- Con không hiểu gì cả làm sao con học, hả mẹ? Con không muốn học nữa, mẹ cho con nghỉ học đi, mẹ ơi!”

Cả hai vợ chồng chúng tôi phải khuyên bảo, dỗ dành và chiều nào sau khi đi làm về hai vợ chồng cũng cùng phải học chung với cháu đến khuya. Mẹ thì tra tự điển, còn bố thì giảng toán, giảng bài. Cuối cùng với sự cố gắng của cả nhà, cháu cũng đã hoàn thành xong chương trình High School. Thành tích ngày ra trường của cháu: cháu là người đứng thứ ba trong top five của toàn trường Catalina. Như vậy bước đường vào Đại Học của cháu đã dễ dàng rồi.

Những khó khăn ban đầu đã đi qua, những cố gắng và chăm chỉ của chúng tôi đã được bù đắp. Chúng tôi đã có một cuộc sống ổn định. Mùa Xuân đầu tiên trên xứ người của gia đình chúng tôi cũng đã ẩm cúng và hạnh phúc hơn mùa Xuân năm trước trên quê hương. Dù ở đây không có không khí Tết, không có pháo đỏ, nhưng có rượu nồng, không có những cánh mai vàng nhưng có những cảnh đào đỏ thắm, cũng đã an ủi được phần nào cho những người xa xứ. Và mâm cơm cúng đầu năm trên bàn thờ tổ tiên không còn làm cho tôi cảm thấy xót xa, đắng lòng như ngày nào.

Mấy mùa Xuân đầu, gia đình chúng tôi đón Tết vẫn còn đầy đủ mọi người, vì lúc đó các con vẫn còn đang đi học, căn nhà vẫn còn vang tiếng cười đùa của chúng. Nhưng rồi thời gian trôi qua, các con dần dần từng đứa tốt nghiệp ra trường, có công ăn việc làm, rồi lấy vợ, lấy chồng, thì lần lượt tản mác, rời bỏ chúng tôi đi lập nghiệp ở thành phố xa hoặc ở các tiểu bang khác. Căn nhà chỉ còn lại hai vợ chồng, cho nên mỗi khi Tết đến, Xuân về, hai đứa chúng tôi đều cảm thấy trong lòng mang mang nỗi buồn nhẹ nhẹ. Nhưng vì sinh kế, vẫn còn phải đi làm, hơn nữa công việc quá bận rộn, không có nhiều thời gian để suy nghĩ về sự trống vắng của căn nhà, sự tẻ lạnh của những ngày Tết, thế nên nỗi buồn cũng trôi qua.

Tuy vậy chúng tôi vẫn được an ủi trong lòng, vì hàng năm dù ở xa, các con, các cháu vẫn trở về đây tụ họp, quây quần bên bố mẹ, bên ông bà, vào dịp lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch. Tết đến, Xuân về mà không có các con, các cháu bên cạnh thì cũng buồn thật. Nhưng buồn thì buồn, chúng tôi cũng hiểu được cuộc sống ở bên Mỹ này, không giống như ngày xưa ở VN, các con cũng có đời sống của riêng mình, không thể trách móc hay đòi hỏi gì hơn ở chúng được. Ngay đối với chúng tôi, lúc bấy giờ, ngày Tết Âm Lịch cũng vẫn phải đi làm mà không được nghỉ. Tiểu bang nơi chúng tôi ở, không có nhiều người Việt như bên California, hay Texas nên không khí Tết hân hoan như không có, dù cộng đồng người Việt ở thành phố chúng tôi sinh sống cũng tổ chức đón Tết, mừng Xuân ở đâu đó.

Không có thời gian ăn Tết, nhưng theo tập tục VN, để đón mừng năm mới, nhà cửa cũng phải trang hoàng đẹp đẽ, nên sau khi tan sở về, chúng tôi cũng đi sắm vài chậu hoa bày khắp nhà để mừng Xuân; mâm cỗ đầu năm trên bàn thờ tổ tiên cũng được sửa soạn tươm tất để đón ông bà về: Nào hoa quả, bánh chưng, nào kẹo, mứt, hột dưa, đủ cả.

Mười mấy mùa Xuân qua cứ đều đều như thế cho đến khi chúng tôi về hưu. Về hưu là thời gian hưởng thụ kết quả của những ngày tháng vất vả với cuộc sống. Bấy giờ thanh thoi rồi, không có con mọn phải lo nên hai vợ chồng tôi lên kế hoạch đi du lịch, đi thăm bạn bè, bà con, nay chỗ này, mai chỗ khác. “Giờ còn khỏe mạnh, đi chơi được thì cứ đi. Mai một sức khỏe không còn, chân run, mắt kém không đi được nữa lúc đó lại tiếc.” Đó là lời khuyên của rất nhiều người quen biết. Chúng tôi đã thực hiện đúng theo lời khuyên, vì thế chúng tôi đã có những năm tháng, những mùa Xuân tuyệt vời trên bước đường du lịch của mình.

Bây giờ, tuổi đã càng cao, sức khỏe không còn như mấy năm trước, chúng tôi đã thôi không lang thang đây đó khắp nơi nữa, mà an hưởng tuổi già của mình bên những chậu hoa,

cây cảnh, bên đàn cháu nhỏ dễ thương. Vợ chồng cô con gái út của chúng tôi đã dọn về ở gần bố mẹ, nên các cháu qua chơi bên ông bà thường xuyên hơn.

Mùa Xuân lại về trên Tucson, ngoài sân những chậu cúc vàng tươi đang khoe sắc cùng với những bông hồng rực rỡ. Tôi lững thững bước ra vườn. Một làn gió nhẹ thoảng qua. Con gió vẫn còn mang một chút hơi lạnh lạnh của mùa Đông làm tôi rùng mình. Nhìn những cánh đào thắm rung rinh trong gió nhẹ, tôi chợt nhớ đến những cánh mai năm nào ở quê hương tôi. Quê hương tôi tình của tôi bây giờ ra sao? Có một chút gì đó xót xa, có một chút gì đó nao nao đang dâng lên ở trong lòng, tôi nghe mắt mình cay cay. Tiếng hát Lê Thu từ trong nhà văng vẳng ra nghe mà ray rứt, buồn làm sao. Ôi những mùa Xuân trong đời!

*Tôi đi tìm lại một mùa Xuân
Dù không mong đến chuyện tương phùng
Đủ tháng năm trôi vào xa vắng
Và Xuân nay khác biệt Xuân xưa*

Tôi đi tìm lại một mùa Xuân
Mùa Xuân năm đó chưa thấy lại
Tôi vẫn đi trong chiều Xuân tái
Tìm để mà tìm như thế thôi.

(Tôi đi tìm lại mùa Xuân – Đoàn Nguyên)

Tucson – Az, 2017



John Pimlott

Trận Long Tân

*Huỳnh Dĩ Minh. K28
(Phỏng dịch)*

Tháng Tư, 23-1964, Tổng Thống Johnson đã kêu gọi nhiều quốc gia tham dự, với hy vọng tập hợp được các nước Đồng Minh, để giúp đỡ cho một nước bạn “đang bị bao vây”. Vì không mang ý nghĩa toàn thế giới, Anh Quốc từ chối gửi lực lượng quân sự, phần chính là vì cuộc khủng hoảng ở Borneo. Nhưng, vào cuối năm, để đáp ứng lời kêu gọi, Philippine, Cộng Hoà Hàn Quốc [Đại Hàn], Thái Lan, Úc, và Tân Tây Lan đều xác định là muốn được đóng góp bằng hình thức hỗ trợ quân sự... Điều này cũng đủ để Johnson mô tả đó là cuộc chiến phát triển theo tính chất quốc tế hơn là thuần túy chỉ là vấn đề của Mỹ.

Trong sự kiện đó, tầm vóc và tính chất sự hỗ trợ của đồng

minh khác nhau. Cộng Hoà Hàn Quốc, ngay tức thì đã dàn 2 sư đoàn Bộ Binh, 1 lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến (khoảng 48 ngàn quân). Trong khi đó, Philippines chỉ tập trung vào hoạt động Dân Sự Vụ và chỉ gửi khoảng 2 ngàn nhân viên cho bình định và phát triển nông thôn. Giữa 2 thái cực, Úc Đại Lợi với sự hậu thuẫn của Tân Tây Lan, đã dàn khoảng 7 ngàn quân chiến đấu, phần lớn nằm ở Tỉnh Phước Tuy, Đông Nam của Saigon. Họ đã chiến đấu rất có hiệu quả, bằng sự dũng mãnh, và rõ ràng là không có đối thủ ở Việt Nam.

Sự tham dự của UDL (Australia) thật ra đã có trước khi Johnson kêu gọi nhiều nước tham gia. Tháng 8-1962, 20 tháng trước khi có lời kêu gọi, Toán Huấn Luyện Lục Quân Úc cho VN, gồm 30 sĩ quan và hạ sĩ quan, đã đến Vùng I Chiến Thuật để cố vấn cho Quân Đội VNCH. Vào năm 1964, toán huấn luyện này đã gia tăng thêm 80 nhân viên, mà nhiều người trong số đó đã làm việc cho Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ tháp tùng với quân đội VNCH trong các cuộc hành quân. Với mục đích thống nhất chỉ huy, Úc đã hội nhập cùng với toán cố vấn chính yếu Mỹ, mặc dù họ được cho phép phát triển theo ý của họ. Những thay đổi thực sự đến vào tháng 5-1965, khi chính phủ Úc đồng ý gửi Tiểu Đoàn 1, thuộc Lữ Đoàn 1 Hoàng Gia Úc như là một đơn vị hoàn toàn chiến đấu. Được đưa tới Biên Hòa bên ngoài Saigon, Lữ Đoàn 1 (LD), tham gia cùng với Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Mỹ mới đóng quân ở đó, đạt được rất nhiều kinh nghiệm quý báu qua những cuộc hành quân bằng trực thăng vận trong Chiến Khu D.

Vào tháng 9-1965, các lực lượng Úc được tăng cường một khẩu đại bác 105mm (cùng với số lượng tương đương được Tân Tây Lan cung cấp 2 tháng trước) và 1 chi đội thiết vận xa M113.

Sự lớn mạnh hiệu quả của Lữ Đoàn 1 đã giúp thuyết phục được chính quyền ở Canberra cho hình thành một lực lượng đặc nhiệm gồm 2 tiểu đoàn bộ binh, thiết vận xa, công binh, pháo binh, và tiếp liệu. Tổng cộng quân số là 1.500 quân.

Quyết định này được công bố vào tháng 3-1966. Lữ Đoàn 5 và 6 sẽ thay thế khi LĐ 1 trở về nước.

Đa số người Úc không thích ý tưởng quân đội Úc chỉ phụ trợ cho quân đội Mỹ trong chiến tranh VN, nên đã có áp lực để lực lượng quân đội Úc được chuyển thành những đơn vị hành quân độc lập ở Nam VN, cách xa vùng biên giới quốc tế. Đó là vùng ven biển.

Lực lượng đặc nhiệm Úc sẽ do chính họ điều hành, trong những cuộc hành quân bán độc lập. Người ta đã chọn tỉnh Phước Tuy, nằm theo ven biển gần Saigon, với thị trấn Vũng Tàu, có diện tích khoảng 1500 dặm vuông, phần lớn do CS kiểm soát. Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc đến Vũng Tàu, Tỉnh Phước Tuy vào tháng 5-1966.

Tỉnh này không có rừng rậm, chỉ những rẻo đất nhỏ với nhiều bụi cây nằm rải rác, cùng với những đồi thấp và những đồn điền cao su của các chủ Tây trước kia. Dân số khoảng 100 ngàn sống tập trung ở ven biển. Những thành phần thân Cộng, cũng như những người lưng chừng đã từng là những phần tử tham gia phá hoại cùng CS từ thập niên 1940. Đơn vị chủ lực của VC là Sư Đoàn 5, được biết là ẩn núp trong núi Mây Tào ở hướng Đông Bắc, trong khi tiểu đoàn du kích địa phương là D445 hoạt động trong những khu xã ấp lân cận. Nơi đây chẳng có 1 đơn vị nào của Nam VN hay Mỹ hành quân, nhằm quét sạch VC trong khu vực.

Lữ Đoàn Trưởng O.D Jackson của lực lượng đặc nhiệm quyết định thành lập khu căn cứ ở Núi Đất, là khu đồi nhỏ cách 2h0 dặm về phía Bắc Vũng Tàu. Từ vị trí này, lực lượng Úc có thể dùng đại bác 155mm của Mỹ để kiểm soát một vùng có đường kính lớn. Được yểm trợ hỏa lực, các đơn vị bộ binh của ông có thể tổ chức những cuộc hành quân **“tuần tiểu tấn công”**, làm sạch VC trong những khu xã, ấp lân cận, cũng như mang quân chêm vào giữa khu dân cư và Sư Đoàn 5 VC ở khu dân cư tập trung ở phía Nam.

Tháng 5 /24/1966, LĐ5 hợp cùng Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Mỹ mở cuộc hành quân để bình định khu Núi Đất. Ba tuần sau, để thay thế các đơn vị Mỹ, Lữ Đoàn 6 đến. Giờ đây, quân Úc đang tự thực hiện các cuộc hành quân.

Núi Đất chỉ có vài khu vực; bộ binh sống dưới những lều bạt. Họ phải đào hầm hố để đặt các khẩu đại bác. Thời tiết tùy thuộc hoàn toàn vào gió mùa. Mặc dù vậy, những cuộc tuần tiễu cũng bắt đầu ngay tức khắc. Các toán Biệt Không Úc [SAS Australian Special Air Service] bắt đầu đẩy sâu vào Phước Tuy, để lại các đơn vị bộ binh làm sạch vùng trái độn chung quanh căn cứ, nhằm đẩy các đơn vị du kích của VC ra xa ngoài tầm súng cối của chúng... Trong tiến trình hành quân lục soát khu dân làng Long Tân và Long Phước một cách thận trọng từ phía Nam và phía Đông, dân chúng đã được dời tới những địa điểm an toàn hơn.

Nhưng lực lượng đặc nhiệm Úc đã có vấn đề: Thiếu tiếp tế về trang bị, trực thăng yểm trợ không hiệu quả. Quan trọng hơn cả là phối hợp tình báo tồi. Rõ ràng là VC muốn đánh Núi Đất càng nhanh càng tốt khi họ có thể di chuyển những tiểu đoàn VC từ núi Mây Tào vào. Nhưng ngay khi ấy, Úc đã không nắm vững được hoạt động của VC, vì họ không phân biệt được những tin tức tình báo nào đáng tin cậy, khi có hàng đồng gửi tới họ.

Khi súng cối và đại bác không giạt bắn vào Núi Đất sáng ngày 17/8 giết chết một binh sĩ thuộc lực lượng đặc nhiệm và làm bị thương 23 quân nhân Úc, trong một trận đánh bất ngờ, lực lượng Úc đã không thể phối hợp để đáp trả. Toàn thể LĐ5 và Đại Đội A, LĐ6 đã được bung ra ngoài hành quân tuần tiễu. Với 2 tiểu đoàn đã rải ra, Jackson chỉ còn vài đại đội trừ bị trong căn cứ để truy tìm những kẻ tấn công, trong khi chỉ có 3 đại đội bảo vệ căn cứ đang lùng sục những khu vực chung quanh. Đưa quân tuần tiễu về căn cứ khi bị súng cối của VC pháo kích là khuyến khích chúng tấn công; vì thế, Jackson đã đưa Đại Đội B/ LĐ6, với quân số không đầy đủ, ra ngoài để

càn quét trong khu vực phía Đông ngoài căn cứ.

Đại đội đã chẳng tìm thấy gì, nên trở về căn cứ vào ngày 18/8. Đại Đội D/LĐ6 thay thế. Khi ấy, lực lượng Úc đã không biết rằng 7 tiểu đoàn VC (hơn 4 ngàn quân) đang tiến gần về Núi Đất. Trong đó, 3 tiểu đoàn VC đi vòng về phía Bắc, 4 tiểu đoàn còn lại tiến về từ phía Đông, ẩn núp trong đồn điền cao su Long Tân. Đại Đội D, do Thiếu Tá Harry Smith làm đại đội trưởng, có quân số 108 người, gồm ba trung đội 10, 11, và 12, cộng với toán nhỏ của ban chỉ huy. Đại đội này, có nhiệm vụ thay thế Đại Đội B, tiếp tục càn quét về phía Đông của đồn điền cao su.

Vào 11 giờ ngày 18 /8, họ rời Núi Đất. Mũi nhọn đi đầu là Trung Đội 12 của Trung Úy David Sabben. Hai tiếng sau, họ bắt tay với Đại Đội B. Vào buổi sáng, họ đã tìm thấy một số hố súng cối ở phía Tây bìa rừng cao su, cách Núi Đất khoảng 2 ngàn mét. Smith quyết định lần theo dấu vết về hướng Đông. Sau khi đi khoảng 300m dấu vết để lại tách làm đôi. Đường mòn bên trái đi vòng qua hướng Bắc của ven đồn điền cao su, trong khi và con đường bên phải đi thẳng vào rừng cao su, với các hàng cây cách nhau đều đặn. Trung úy Geoff Kendall, của Trung Đội 10, cho chiếm con đường phía B, trong khi Trung Úy Gordon Sharp, của Trung Đội 11, di chuyển về phía Đông. TĐ12 và ban chỉ huy đi theo Sharp.

Ngay sau 15:00 giờ, 45 phút sau khi bắt đầu hành quân, toán đi đầu của Trung Đội 11 bất ngờ phát giác ra 6 VC. Theo như binh nhì Allen May thuộc toán tiền sát mô tả,

- “Khi ấy, một nhóm những tên VC đang ngồi quanh bên bếp lửa để ăn trưa.”

Quân Úc nổ súng, truy đuổi toán VC, đi sâu vào rừng cao su, vượt qua cái chòi của người cạo mủ, tới một trảng trống nhỏ. Đây là phía Đông bìa rừng cao su. Vượt xa khỏi khu vực đó là rừng thiên nhiên chạy dài thành “một bức tường xanh”.

Lúc 16:08 giờ, quân của Sharp tiến vào trảng trống, ngay

tức thì bị hỏa lực bắn như mưa. Theo lời bình nhĩ Peter Anislie,

- “Hàng triệu những đốm sáng lóe lên từ cánh rừng bắn ra, với tầm bắn từ đầu gối trở lên, tiếng nổ rền kinh khiếp.”

Hai binh sĩ Úc chết. Những người còn lại tìm chỗ ẩn núp vào bất cứ những vị trí nào có thể núp, đáp trả lại bằng hỏa lực tối đa. Dường như VC muốn đánh bọc sườn để bao vây Trung Đội. Đồng thời Trung Đội 12, cùng với ban chỉ huy của Smith



ở xa phía sau, đã bị súng cối của VC đánh chặn, nên không thể cứu Trung Đội 11, đang trong tình trạng nguy ngập. Tuy nhiên, khi tình trạng giao động ban đầu đã qua đi, quân Úc lấy lại bình tĩnh bắn vào các mục tiêu, một cách cẩn thận, không cho VC chiến thắng dễ dàng, mau chóng. Đại bác 105 mm, bắn đi từ Núi Đất, đã yểm trợ mạnh mẽ.

ĐU Morrie Stanley, sĩ quan tiền sát của Tân Tây Lan tháp tùng cùng BCH của Smith, gọi bắn chặn cạnh sườn phía Đông của Trung Đội 11 liên tục dưới thời tiết xấu, trong 2 tiếng rưỡi. Việc điều chỉnh của ông đã giúp 24 khẩu đại bác nả đạn chính xác, đạt được kết quả quan trọng trên chiến trường. Pháo binh 155mm của Mỹ cũng tham dự. Lúc đang bị VC bao vây, Trung Độ 11 phải chiến đấu sống còn giữa cơn ác mộng của những âm thanh, TĐ10, đang đi chuyển từ phía Bắc

xuống, cố giải tỏa áp lực. Khi ấy trời bắt đầu đổ mưa. Khi nói “mưa”, Kendall nhớ lại:

- “Loại mưa giống như ở VN sau buổi trưa. Mưa như trút nước.”

Tầm nhìn bị cắt hẳn còn khoảng 50m. Cùng với tiếng nổ của pháo binh bắn đi từ Núi Đất, quân Úc tiến sát các vị trí VC đang bắn vào TĐ11. Kendall ra lệnh cho đơn vị nổ súng và,

- “Tất cả đều quì xuống nhả đạn bắn xé vào chúng... Tôi không nghĩ là chúng biết đạn từ đâu bắn tới.”

Nhưng địch quân đã nhanh chóng phục hồi, chuyển hướng đánh chặn TĐ10, đã được pháo binh của Stanley bắn yểm trợ vào những khu vực phụ cận. Nhưng nỗ lực giải cứu 11 cũng thất bại. Đại Đội D bị nhận sâu trong trở ngại.

Ở Núi Đất, Đại Tá Colin Townsend theo dõi trận đánh. Ông ra lệnh cho Lữ Đoàn 6 HGU sắp đặt lực lượng giải vây. Biết rằng tốc độ là yếu tố quyết định, ông đưa Đại Đội A của LĐ6, mới trở về căn cứ, vào khu vực lâm chiến bằng thiết vận xa M113 của Chi Đội 1. Họ đã được báo động vào 16:40giờ. Tr/U Adrian Roberts nhanh chóng tập trung được 10 chiếc, trong số này nhiều chiếc đã cũ kỹ được thừa hưởng của Chi Đoàn 1 từ năm trước. Một vài chiếc thiết vận xa (TVX) thiếu cả lá chắn thép dành cho xạ thủ đại liên M50. Có vài chiếc không có hệ thống liên lạc nội bộ để trường xa hướng dẫn tài xế. Mặc dù trong tình trạng như vậy, Đại Đội A/LĐ6 lên TVX không chậm trễ rời Núi Đất lúc 17:45giờ, hướng về điểm ngang suối Đá Bàng. Hai chiếc TVX có nhiệm vụ đón Townsend, người đang chỉ huy trận đánh Long Tân. Với tình trạng như vậy, Roberts tin tưởng việc tiếp cứu có hiệu quả.

Trong khi đó, Đại Đội D vẫn tiếp tục sống sót. Mặc dù thiếu đạn dược, đại đội đã 2 lần để Tr/Đ 12 cố bắt tay với TR/Đ 11 từ hướng Tây Bắc. Vào khoảng 17:00giờ, Smith ra lệnh trung đội bung về hướng BCH, vị trí giờ đây để một lỗ hổng nhỏ ở hướng Tây. Những người bị thương được đưa vào và vòng đai

phòng thủ, đã được thiết lập vội vàng. Sau khi Tr/U Sharp hy sinh, Trung Đội 11 giờ đây dưới quyền chỉ huy của Trung Sĩ Bob Buick. Trung đội chỉ còn 10, 11 người là không bị thương và phải tự bảo vệ cho chính họ, ít nhất cho tới khi TVX tới.

Đại Đội D đã gom được một số quân, được hai trực thăng UH-1 từ Núi Đất tái tiếp tế. Vào khoảng 18:00giờ, pháo binh ngưng bắn, để trực thăng vào theo hướng dẫn bằng khói màu. Trực thăng không đáp, mà chỉ bay xuống gần mặt đất, đẩy những thùng đạn được gói trong mền cho BCH của Smith.

Chuyến tái tiếp tế đúng lúc. Ngay khi VC bắt đầu pháo kích và nã đạn lần nữa vào quân Úc, chúng cố xung phong bằng biển người, nhưng đã bị quân Úc chặn lại dù khó khăn. Buick và 11 người sống sót đã trở về vòng đai phòng thủ của đại đội. Khi trực thăng tiếp tế đến, họ đã chạy rút qua các hàng cây để bắt tay cùng đơn vị chính. Mặc dù tổn thất nặng, VC vẫn quyết tâm xóa sổ Đại Đội D, bằng cách đưa Tiểu Đoàn 445 đi vòng qua phía Tây để khoá gọn vòng vây. Trong khi chúng đang thực hiện kế hoạch này, thiết vận xa của Roberts đã vượt suối Đá Bàng và bất ngờ đụng độ chúng. Thoạt đầu, hai bên đều không có phản ứng. Sau đó, hỏa lực đại liên M-50 trên TVX đã nã đạn, nổ như trút vào đám quân du kích. Roberts vẫn tiếp tục cho di chuyển những TVX. Vài chiếc đã cán qua VC trên đường tiến. Mặc dù, một chiếc xe đã bị trúng đạn và viên chỉ huy đã bị thương nặng, những xe khác vẫn nổ súng đánh thông qua BCH của Smith. Họ đã đến vào 18:40 giờ. Những binh sĩ sống sót tả tơi của Đại Đội D đã bật lên nỗi vui mừng khi thấy lực lượng tiếp viện.

Đại Đội B/LD6 đã chạy bộ vào khu chiến sự để bắt tay với Đại Đội D. Dù chỉ có một bộ phận nhỏ tăng viện, VC cũng bị mất tinh thần, vì hỏa lực của chúng thừa dãn. Townsend, nắm lấy quyền chỉ huy, tổ chức vòng đai phòng thủ, và ra lệnh cho binh sĩ của ông rút về trảng trống phía Tây, để những người chết hoặc bị thương được trực thăng bốc ra.

Trời lúc bây giờ đã tối. Mặc dù mưa đã ngừng, nhưng hoàn cảnh cũng còn rất xấu. Quân Úc đã phải trải qua một đêm căng thẳng. Họ nghe thấy tiếng của VC đang đi gom lại những binh sĩ bị thương của họ. Dù sao cuộc tấn công của địch cũng chấm dứt. Hoả lực yểm trợ từ Núi Đất đã mang lại kết quả tốt. Từ nơi đây, pháo binh đã bắn 2.639 loạt đạn từ đại bác 105 ly, 155 loạt từ 155mm cho Lữ Đoàn 6 HGU.

Sáng hôm sau, Townsend lệnh cho Đại Đội D đi đầu tái chiếm lại mặt trận. Họ đã tiến vào khu vực đã bị tàn phá không thể tin nổi,

- “Nhiều trăm xác chết nằm rải rác khắp nơi trên một diện tích chỉ lớn bằng có 2, 3 sân chơi dã cầu.” Họ đã tìm thấy và tải thương hai binh sĩ Úc bị thương. Nhưng tại điểm gặp gỡ đầu tiên, cảnh tượng thực sự tạo ra xúc động. Nơi đó là một vòng cung, với **hình ảnh những xác chết của binh sĩ Trung Đội 11, tay vẫn còn nắm chặt súng, “Làm như nằm bất động trong cuộc thực tập, chỉ cần sờ vào là họ sẽ sống lại.”**

Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc [ATF] bị chết 17 người ở trận Long Tân. Nhưng thương vong của VC rất nặng: 245 xác đã được tìm thấy và chôn, và nhiều chứng cứ là một số VC bị thương, hoặc chết đã được mang đi. Trận đánh Long Tân là trận đầu tiên của lực lượng Úc ở Phước Tuy. Họ đã không bỏ phí nó, đã buộc Sư Đoàn 5 VC phải rút lại về núi Mây Tào và Úc dần dà đã mở rộng vòng kiểm soát ra toàn tỉnh.

Những cuộc đụng độ vẫn tiếp diễn. Thí dụ, 2 đại đội của LD5/HGU, với thiết giáp yểm trợ đã giết 43 VC trong trận đánh kéo dài 24 giờ tại Bình Ba, phía Bắc Núi Đất. Những chiến dịch, bằng những cuộc tuần tiểu “Tìm và Tiêu Diệt”, đầy hiệu quả; và “Tâm Lý Chiến” đã thu phục được lòng dân và đã thuyết phục họ ủng hộ cho chính quyền nhiều hơn cho CS.

Mặc dù sự thành công đã đạt được ở chừng mức nào đó, nhưng kết quả kéo dài không lâu. Khi quân đội Úc triệt thoái

khỏi VN vào cuối năm 1971, với tổng cộng thương vong là 423 chết, 2,398 bị thương, họ đã để lại một khoảng trống ở Phước Tuy mà quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã không thể thay thế được. Cũng chính vì vậy, VC đã trở lại các làng, xã đã không còn “Lính Đánh Thuê Ưc”, có thời đã làm VC sống trong sợ hãi./.



Cali Nỗi Nhớ

Sao Linh, K30/1

Niềm mơ ước từ lâu gặp gỡ
Đã trở thành hiện thực hôm nay
Cali một sáng mây bay
Nụ cười rạng rỡ vòng tay thân tình

*Xa nhau lắm tình trong gang tấc
Gặp nhau đây có phải là duyên
Tôi, em người ở hai miền
Gặp nhau trong Phố hàn huyên nỗi niềm*

Trời Cali hôm nay đẹp quá
Mừng đón em lữ khách đường xa
Nắng như hiểu thấu lòng ta
Chan hoà vạt nắng mượt mà reo vui

*Rồi cũng phải đến giờ từ biệt
Người đi về để lại vấn vương
Gửi em bên ấy niềm thương
Tôi ôm nỗi nhớ buồn phương trời này*

BÌNH LUẬN

Nhân Quyền Cho Việt Nam

Nguyễn Quốc Đống, K13

Tự Do-Dân Chủ-Nhân Quyền luôn luôn là những ước mơ chính đáng của con người, vì ai cũng muốn được sống một cuộc sống hạnh phúc, có phẩm giá. Ở những quốc gia dân chủ phương Tây, như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Úc, Canada; hay tại châu Á, như Nhật Bản, Nam Hàn, Singapore..., ước mơ này của người dân được chính quyền quan tâm, được luật pháp bảo vệ. Trái lại ở các nước thiếu dân chủ, bị cai trị bởi độc tài quân phiệt, độc tài tôn giáo, nhất là độc tài toàn trị cộng sản, như tại Tàu, Bắc Hàn, Cuba, Việt Nam... các vi phạm trầm trọng về nhân quyền đã trở thành một thách thức cho lương tâm của nhân loại. Chúng ta thử tìm hiểu tình trạng nhân quyền tại Việt Nam ngày nay, khi đất nước thống nhất dưới sự cai trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, sau biến cố lịch sử ngày 30-4-1975.

1-Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ) của Liên Hiệp Quốc:

Được phát sinh trực tiếp từ những kinh nghiệm của chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), bản TNQTNQ được ký ngày 10-12-1948, công nhận các quyền căn bản mà mọi người trên thế giới đều được thụ hưởng, không phân biệt chủng tộc, màu da, quốc tịch... , như quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, tự do lập hội, tự do tham gia vào việc điều hành đất nước... Đây chính là khuôn mẫu chung mà các quốc gia và dân tộc cần đạt tới. Các biện pháp thông tin và giáo dục được sử dụng nhằm thúc đẩy các quốc gia thành viên của LHQ tôn trọng các quyền căn bản của con người được liệt kê trong bản tuyên ngôn nói trên.

Hội đồng nhân quyền LHQ xác nhận “sự công nhận nhân phẩm của mọi người trên thế giới và các quyền bình đẳng không thể tước đoạt của họ chính là nền tảng của tự do, công lý và bình đẳng trên thế giới”. Hội đồng cũng xác nhận, **“nhân quyền cần phải được bảo vệ bằng luật pháp, để con người không bị bắt buộc phải sử dụng đến biện pháp cuối cùng là vùng dậy chống lại độc tài và áp bức”**.

2- Các vi phạm nhân quyền của CSVN tại miền Nam sau biến cố 30-4-1975:

Sau ngày 30-4-1975, Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, Đảng CSVN áp đặt một loạt chính sách trả thù tàn bạo lên dân, quân miền Nam. Người miền Nam đang sống hạnh phúc, no ấm dưới chế độ tự do, dân chủ, với đầy đủ các quyền căn bản, bỗng dưng mất hết mọi thứ quyền, từ quyền con người đến quyền công dân. Các viên chức trong chính quyền VNCH, các sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị tước đoạt quyền công dân, và bị đưa vào các trại tù mang danh “học tập cải tạo”. Nơi đây họ bị giam giữ nhiều năm, dù không bị kết án với tội danh rõ ràng nào tại tòa án. Nhiều người bị hành quyết khi trốn trại, và nhiều ngàn người chết đói, chết bệnh. Sau nhiều năm bị đầy đọa trong các trại tù lao động khổ sai, trở về nhà, họ lại bị quản chế tại địa phương.

Những người không bị đi tù “cải tạo”, lớp bị tổng đi các vùng rừng núi, nông thôn khô cằn (mang tên đẹp đẽ là các vùng kinh tế mới), lớp phải bươn chải lao động nhọc nhằn kiếm sống qua ngày. Giới tư sản miền Nam mất hết tài sản vì các đợt đòi tiền, vì các chiến dịch cải tạo công thương nghiệp tư doanh... Toàn miền Nam bị cơn lốc CS đánh cho tan tành, người dân sống dở, chết dở dưới bàn tay “bên thắng cuộc”. Làm gì còn nhân quyền?

Sau 1975, người dân Bắc thi nhau “vào vợ vét “. Dân miền Nam phải tìm mọi cách vượt biên, vượt biển, liều chết tìm tự do tại các nước như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Pháp, Đức, Nhật,

Úc... Chính tại các nước tư bản này, họ mới được hưởng đời sống có phẩm giá, với tự do, dân chủ, và nhân quyền. Nơi quê hương bản xứ của họ, họ chỉ là các công dân hạng hai, bị kỳ thị trong mọi lãnh vực, giấc mơ nhân quyền thật xa vời!

3- Các vi phạm nhân quyền của CSVN đối với người dân cả nước (từ 1975 đến nay):

Việt Nam CS trở thành một thành viên của Liên Hiệp Quốc ngày 20-9-1977. Như vậy CSVN đã phải công nhận Bản TNQTNQ dành cho các nước hội viên của LHQ. Trên thực tế, CSVN chỉ ghi nhận các quyền tự do căn bản của công dân trong bản Hiến pháp, mà không hề thực thi các quyền này cho người dân. Họ không hề tuân theo các khuyến cáo của Hội Đồng Nhân Quyền LHQ, công khai vi phạm nhiều điều khoản của bản TNQTNQ.

Sau 30-4-1975, suốt 10 năm (1975-1985), CSVN thực hiện đấu tranh giai cấp để loại trừ giai cấp tư sản, áp dụng chính sách kinh tế chỉ huy, nên toàn dân hai miền Nam, Bắc VN chìm đắm trong nghèo đói. Để thoát khỏi tình trạng này, năm 1986, CSVN phải thực hiện đổi mới, nói lỏng một số chính sách kinh tế, nhưng vẫn duy trì quyền độc tôn về chính trị, nên khai sinh ra cái gọi là “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (thực chất là CS trá hình). Hai khái niệm đối chọi nhau như nước với lửa được CSVN kết hợp thành một, để đánh lừa người dân trong nước, và thế giới tự do bên ngoài. Nói cách khác, CSVN chấp nhận cho làm kinh tế kiểu tư bản (dù phải đi ngược lại chủ thuyết Marx-Lenin), nhưng lại không công nhận quyền tự do chính trị của người dân như trong chế độ tư bản. Sau 42 năm thống trị cả nước, giai cấp tư sản đỏ ra đời, tài sản lên đến nhiều triệu, thậm chí nhiều tỷ đô la. Để bảo vệ một chế độ ngày càng bị người dân chán ghét, khinh bỉ, CSVN đàn áp khốc liệt người dân mọi giới, tiêu diệt mọi tiếng nói phản kháng, dù bên ngoài tỏ ra ôn hoà.

Sau đây là một số vi phạm nhân quyền trầm trọng của nhà

cầm quyền CS đối với người dân cả nước:

- Một số trí thức lên tiếng về dân chủ, nhân quyền bị đưa ra toà, và bị kết án nhiều năm tù, như các luật sư Lê Chí Quang, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Lê Công Định, Lê Quốc Quân... các bác sĩ Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Đan Quế..., kỹ sư Trần Huỳnh Duy Thức, giáo sư Phạm Minh Hoàng...

- Các lãnh đạo tôn giáo lên tiếng đòi tự do tôn giáo bị giam tù, hay bị quản thúc như linh mục Nguyễn Văn Lý, hòa thượng Thích Quảng Độ, mục sư Nguyễn Công Chính...



- Các nhạc sĩ chỉ dùng lời ca nói lên khát vọng tự do của một con người bình thường cũng bị bỏ tù, như các nhạc sĩ Việt Khang, Trần Vũ Anh Bình...

- Các bloggers, tức các nhà báo dùng internet để đòi hỏi quyền tự do ngôn luận cũng bị bức hại, bị bỏ tù, điển hình như Huỳnh Anh Tú, Phạm Thanh Nghiên, Nguyễn Hữu Vĩnh, Nguyễn Ngọc Già, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh (Mẹ Nấm)...

- Các sinh viên lên tiếng vì chủ quyền đất nước (chống Tàu xâm lược, cướp biển đảo của VN) như Nguyễn Phương Uyên, Đinh Nguyên Kha, hay các thanh niên nói lên khát vọng được sống trong chế độ tự do, dân chủ, nhân quyền thời VNCH như Nguyễn Viết Dũng, Hoàng Thị Hồng Thái, Ngô Thanh Vân cũng bị đánh đập, hay bỏ tù...

- Các nhà văn lên tiếng chống các bất công trong xã hội bị trù dập, bỏ tù, sau cùng phải đi lưu vong như Dương Thu Hương, Trần Khải Thanh Thủy, Vũ Thư Hiên...

- Những bạn trẻ tranh đấu cho quyền lợi của người lao động tại các hãng xưởng cũng bị đàn áp, bỏ tù như Đỗ Thị Minh Hạnh, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Đoàn Huy Chương...

- Các nông dân bị cướp đất, ruộng vườn, biểu tình đòi lại ruộng đất, bị đánh đập dã man. Họ đi khiếu kiện nhiều chục năm mà chẳng cấp “chính quyền” nào giải quyết. Thậm chí có người phải chống lại lệnh cưỡng chế đất bằng vũ khí tự chế, đề rồi phải ngồi tù 4 năm như anh Đoàn Văn Vươn ở Hải Phòng, hay anh Đặng Ngọc Viết đã bắn chết cán bộ cưỡng chế đất rồi tự sát. Những người tranh đấu cho quyền đất đai vẫn còn đang ngồi tù như Cấn Thị Thêu, Trần Thị Nga...

- Gần đây nhất là vụ nhà máy Formosa xả chất thải độc hại xuống biển thuộc 4 tỉnh miền Trung khiến nhiều ngàn tấn cá chết, và ngư dân các tỉnh này mất hết phương tiện sinh sống. Họ biểu tình đòi bồi thường thì bị đàn áp dã man, và bị truy tố về tội phá rối trật tự.

.....

Hầu như mọi thành phần dân chúng đều trở thành nạn nhân của nhà cầm quyền CS, những người lẽ ra có nhiệm vụ phải lo cho đời sống của người dân, về vật chất cũng như tinh thần. Họ ký kết vào Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, nhưng đã vi phạm nhân quyền trắng trợn và thô bạo!

4- Những nỗ lực tranh đấu bảo vệ nhân quyền cho người Việt:

a. Nỗ lực của người dân trong nước:

Trong nước, người dân bị kèm kẹp tối đa, nên khó tập hợp thành lực lượng đông và mạnh, đủ để cân bằng với lực lượng đàn áp của bọn cầm quyền CS. Dân oan mất đất, mất ruộng vườn, rất đông, ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Họ là một khối

không đồng nhất, thiếu tổ chức, và không người lãnh đạo. Do đó phong trào hoạt động không đạt kết quả, dễ bị nhà cầm quyền không chế. Họ kêu cứu ai hỗ trợ? Đảng, rồi Quốc hội, rồi thủ tướng... Đây chính là các thành phần chống lưng cho bọn ăn cướp, làm sao chúng giúp họ? Một số người can đảm giúp dân oan thuua kiện thì bị theo dõi, đàn áp, đánh phá. Vì chỉ là số nhỏ, nên chẳng làm bọn cướp đất e dè. Cứ nhìn xem các đội “cưỡng chế đất “được sự yểm trợ của công an, quân đội của CS, thì ta biết chúng là ai.

Một số cán bộ CS cũng lên tiếng trước những vi phạm nhân quyền trắng trợn của bọn cầm quyền, nhưng lại sợ mất quyền lợi của bản thân và gia đình, nên đa số chỉ lên tiếng yếu ớt qua các “góp ý, thỉnh nguyện, sửa sai...” Hình thức này vô hiệu. Những người thức tỉnh, lên tiếng mạnh mẽ chống cộng thì bị theo dõi và đàn áp, không còn đường sống tại quê nhà, đành chọn lưu vong để tiếp tục tiếng nói vì công lý; như ông Đặng Xương Hùng (cựu lãnh sự cs tại Thụy Sĩ), hay anh Đặng Chí Hùng (có cha mẹ đều là đảng viên CS), hiện đang tỵ nạn tại Canada.

Một số người đã thành lập các nhóm “Xã Hội Dân Sự” (XHDS) để liên kết sức mạnh, giúp họ có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong việc tố cáo các vi phạm nhân quyền, nhưng CSVN kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các tổ chức này, để không trở thành nguy hiểm cho chế độ. Chúng ta thấy nhiều nhóm XHDS đã liên lạc với các tổ chức nước ngoài, kêu gọi có biện pháp để “buộc” CSVN phải tôn trọng nhân quyền của người dân. Hình thức tranh đấu cho nhân quyền này cũng không có tác dụng. Một số thành viên các tổ chức này còn ra nước ngoài, tham dự các hội thảo về nhân quyền, để được “huấn luyện” về phương pháp tranh đấu cho nhân quyền! Rốt cuộc, họ tranh đấu không đạt nhiều kết quả, mà còn bị mang tiếng là các tổ chức dân chủ “cuội”. Ngược lại, CS tự khoác cho CSVN tấm áo dân chủ bằng cách cho phép XHDS “giả hiệu” tự do hoạt động.

b. Nỗ lực của người Việt tỵ nạn CS (TNCS) tại hải ngoại:

Tại hải ngoại, người Việt TNCS là thành phần hỗ trợ mạnh nhất cho các phong trào tranh đấu vì nhân quyền ở trong nước. Họ yểm trợ cả về vật chất (giúp tài chánh), và tinh thần (kêu gọi các tổ chức quốc tế, các vị dân cử... lên tiếng yểm trợ phong trào, và kết án CSVN vi phạm nhân quyền...) Họ tranh đấu không mệt mỏi, mong giúp cải thiện đời sống cho đồng bào trong nước, và dân chủ hóa nước nhà.

Chính nhờ các nỗ lực của người Việt hải ngoại, CSVN phần nào nhượng bộ trước đòi hỏi của quốc tế trong việc đối xử với các tù nhân lương tâm. Một số được giảm án tù, một số được cho ra tỵ nạn tại nước ngoài..., dù chỉ là một số rất nhỏ, so với con số hơn 100 tù nhân lương tâm đang bị giam trong các nhà tù CS.

c. Nỗ lực của quốc tế:

Trong cuộc chiến vì nhân quyền cho Việt Nam, chúng ta ghi nhận những nỗ lực không nhỏ của các tổ chức ngoài VN như Quốc Hội Hoa Kỳ, Quốc Hội Liên Âu, Tổ Chức Theo Dõi Nhân Quyền (Human Rights Watch), Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters Without Borders),... luôn đồng hành với những người dân bị đàn áp, bị các nhà cầm quyền không tôn trọng nhân phẩm con người sách nhiễu. Họ lên án các vi phạm nhân quyền, kêu gọi phải chấm dứt các quấy nhiễu, bức hại người dân, trao giải thưởng cho những chiến sĩ vì tranh đấu cho nhân quyền mà bị kỳ thị, theo dõi, giam tù.... Để ca tụng gương can đảm của họ, hỗ trợ tinh thần cho họ trên con đường tranh đấu cam go vì lợi ích chung của con người, tổ chức này đã trao các giải thưởng nhân quyền cho nhiều người, như LS Nguyễn Văn Đài, thành viên của tổ chức Lao Động Việt, Đỗ Thị Minh Hạnh,... Trường hợp mới nhất là giải thưởng “Phụ Nữ Can Đảm Quốc Tế” được bà Melania Trump, đệ nhất phu nhân Hoa Kỳ, được trao cho blogger Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, tháng 3, 2017.

Trong quá khứ, chúng ta còn ghi nhận nỗ lực của quốc hội Hoa Kỳ để cải thiện tình trạng nhân quyền tồi tệ tại Việt Nam, và thúc đẩy tự do, dân chủ cho Việt Nam. Nhiều dự luật Nhân Quyền cho VN (Vietnam Human Rights Act) được đệ trình lên Quốc Hội Hoa Kỳ từ năm 2003 đến năm 2013, được hạ viện thông qua dễ dàng, nhưng chưa bao giờ được thượng viện chấp thuận vì quyền lợi riêng.

5- Làm sao để có được nhân quyền cho người dân Việt:

Đầu tiên chúng ta phải khẳng định, nhân quyền chỉ có được tại các thể chế dân chủ, tự do. Các chế độ độc tài, luôn phản dân chủ, không bao giờ quan tâm đến việc thực thi nhân quyền, cho nên mong chờ CSVN trả lại nhân quyền cho người dân chỉ là nuôi ảo vọng. Các tranh đấu cho nhân quyền trong xã hội VN đều bị CSVN chụp mũ là “muru toan lật đổ...”, và bị trừng phạt rất nặng.

Đối với loại nhà nước này, các hình thức “xin, thỉnh nguyện” đều vô ích, vì nếu thực thi nhân quyền, chế độ độc tài sẽ sụp đổ không sớm thì muộn. Nhiều thỉnh nguyện thư được gửi đến CSVN từ nhiều thành phần, như trí thức trong nước, trí thức hải ngoại, dân biểu, nghị sĩ của các quốc hội nước ngoài, bộ ngoại giao các nước dân chủ Âu, Mỹ... CSVN chẳng coi các thỉnh nguyện, các lời kêu gọi này ra gì. Có lần, Nguyễn Minh Triết, chủ tịch nước CS còn tuyên bố “quan niệm về nhân quyền của VN khác với các nước khác”. CSVN còn khẳng định tại VN không có tù nhân chính trị, hay tù nhân lương tâm, chỉ có các tội phạm hình sự, vì vi phạm luật pháp quốc gia, nên phải bị trừng phạt theo luật. (sic!)

Đầu tháng 10-2017, Tổng Thống Donald Trump đến Hà Nội, thăm VN với tính cách là quốc khách của VN. Trong lúc đoàn xe của ông đang di chuyển, ca sĩ VC Mai Khôi đã trưng biểu ngữ “Piss on you Trump”. Cô ta giải thích lý do cho thái độ miệt thị này là “ông Trump không nhắc nhở gì tới nhân quyền cho VN, đã không mời đại diện các tổ chức xhds đến

gặp ông để bàn thảo vấn đề nhân quyền như TT Obama đã làm trong chuyến thăm VN năm 2016...”. Vậy chuyện tranh đấu cho nhân quyền của VN là chuyện của tổng thống Mỹ, hay là chuyện của người dân VN? Ông Obama mời xhds VN đến gặp ông, rồi ông có áp lực được CSVN cải thiện tình trạng nhân quyền tại VN hay không? Giới lãnh đạo VN dù được bầu qua hình thức dân chủ giả hiệu, vẫn khẳng định “chủ quyền” của họ, chính phủ ngoại quốc nào áp lực được họ phải làm điều họ không muốn?

Tháng 9, 2017, tại Úc, chúng ta thấy xuất hiện một phong trào do cô Trần Kiều Ngọc, một luật sư di trú trẻ tuổi khởi xướng. Phong trào mang tên **“Giới Trẻ Thế Giới Vì Nhân Quyền”**, cái tên rất hay, gây chú ý, và được một số người Việt chống cộng tại hải ngoại ủng hộ, vì tưởng phong trào này “tranh đấu cho nhân quyền” tức là “chống Cộng”. Nhưng sau đó, cô TKN xác định phong trào của cô phát xuất từ lòng yêu thương, có mục tiêu “chỉ chống ác, không chống Cộng”. Tất nhiên một phong trào do nhóm nào thành lập thì sẽ do nhóm đó quyết định mục tiêu, và đường lối hoạt động, vì phong trào này phát sinh tại Úc, một nước dân chủ.

Tuy nhiên chúng ta phải rõ ràng một điều, **tranh đấu cho nhân quyền không phải chỉ chống ác là đủ, nhất là tại VN dưới sự cai trị của CS, kẻ thủ ác nhiều nhất là Đảng CS, và kẻ nắm giữ nhân quyền của người Việt cũng chính là Đảng CSVN, thì nếu muốn “vì nhân quyền” muốn “chống ác” dứt khoát phải “chống Cộng”**.

Xét cho cùng, lực lượng duy nhất sẽ giành lại nhân quyền, và cuộc sống có phẩm giá cho người Việt phải chính là người dân VN trong nước, với sự hỗ trợ của đồng bào Việt TNCS tại hải ngoại. Người Việt cùng chung dòng giống, cùng máu đỏ, da vàng, cùng nền văn hoá, cùng là nạn nhân của CS trong nhiều năm, hẳn có nhiều mẫu số chung trong cuộc chiến lâu dài này. Chúng ta vẫn phải tiếp tục vận động quốc tế để có thêm sự hỗ trợ từ bên ngoài, nhưng phải bỏ tinh thần lệ thuộc

vào người khác, bỏ óc nô lệ thì mới phát triển được tinh thần tự lực, tự cường cần thiết cho việc dân chủ hóa nước nhà, để thành quả đạt được sẽ là “nhân quyền cho người dân”, và quan trọng hơn nữa là “độc lập, tự chủ cho nước nhà”.

Phương cách nào hữu hiệu cho việc tranh đấu khó khăn này? Đó là **“khai dân trí để họ hiểu đúng thực tế, liên kết nhiều thành phần cùng chung mục tiêu để gia tăng lực lượng, kiên trì, và đặt quyền lợi của tập thể trên quyền lợi bản thân và phe nhóm”**. Đây chỉ là một số điều căn bản, còn thực tế khi bắt tay vào việc, các nhóm hành động sẽ phát huy được sáng kiến phải làm gì thêm, để giúp phong trào phát triển, và đi đến thành công.

Một điều đáng mừng là có nhiều người, trong đó có nhiều bạn trẻ, trong nước cũng như tại hải ngoại đang dần thân vào con đường đúng đắn này. Họ dành công sức và thời gian mở các chương trình livestream trên internet để khai dân trí, cung cấp cho người dân tin tức quan trọng về đời sống chính trị, xã hội,...; liên kết những người quan tâm đến các vấn đề của cộng đồng, của đất nước... Cố gắng của những “chiến sĩ nhân quyền” này khiến chế độ CSVN run sợ; họ tìm mọi cách đánh phá, nhưng không dập tắt được tiếng nói của những người công chính.

Kết luận: Có người nói rằng các quốc gia do chế độ cộng sản cai trị là các quốc gia “bị cầm tù”, mà đã là nhà tù, thì có cai tù nào cho tù nhân được tự do, được có nhân quyền, được sống hạnh phúc, có phẩm giá? Nếu người dân Việt Nam không sáng suốt chọn con đường tranh đấu đúng, không can đảm chấp nhận hy sinh, không làm một cuộc cách mạng thay đổi triệt để cơ chế của quốc gia, của xã hội, thì các tranh đấu cho nhân quyền sẽ đi vào lối mòn quanh co, không lối thoát, làm hao mòn khí lực của dân tộc, gây mất niềm tin cho các thế hệ mai sau.

24-11-2017

QUAN HỆ GIỮA CAMBODGE * VÀ VNCH

(Từ 1954 Đến 1970)

Đặng Kim Thu, K19

Cambodge là một nước có đường biên giới chung với Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) về phía Đông. Từ năm 1954 đến 1975 là giai đoạn cầm quyền của Norodom Sihanouk, với đường lối trung lập thiên tả, cũng đã gây nhiều sóng gió và căng thẳng giữa hai nước VNCH và Cambodge.

I. Vấn đề người Việt ở Cambodge:

Trong thời kỳ Sihanouk cầm quyền, có khoảng chừng 400 ngàn người Việt sống ở Cambodge. Hầu như 100% các công chức làm việc ở Nam Vang (Phnom Penh) thời Pháp thuộc đều là người Việt và phần lớn gia đình của họ ở lại lập nghiệp, không trở về Việt Nam.

Khi người Pháp còn cai quản ba nước Đông Dương, việc qua lại giữa người dân hai nước không có gì khó khăn, không cần sổ thông hành và cũng không có hàng rào quan thuế, vì vậy người Việt sang sinh sống ở Cambodge khá đông. Những người này làm rất nhiều nghề.



Người Pháp lập ra các đồn điền cao su, tuyển mộ người Việt ở các tỉnh ven biển. Số này đã lên đến cả trăm ngàn người, làm việc tại các đồn điền Mimot, Chup, Chipu, và các đồn điền mới khai mở.

Ngoài ra còn gần 100 ngàn người Việt sinh sống bằng nghề đánh cá ở vùng Biển Hồ và dọc theo sông Cửu Long.

Năm 1954, khi người Pháp trả độc lập cho Cambodge, người Miên vui mừng. Trái lại, Việt kiều ở Cambodge tỏ ra lo lắng, bắt đầu sống trong tình trạng hồi hộp, đầy thận trọng. Họ bị đe dọa, bị làm tiền và tù tội, có thể xảy ra bất cứ lúc nào, do những chuyện vớ vẩn. Rơi vào những trường hợp như vậy, Việt kiều không biết kêu cứu vào đâu, khi mà Lãnh Sự Quán Việt Nam chưa có văn phòng cũng như chưa có đại diện.

Từ năm 1957, Sihanouk cấm Việt kiều làm 18 nghề và buộc các hãng buôn, cơ sở sản xuất phải sử dụng 70% người Miên làm việc. Không chỉ cấm nghề mà còn cấm bán nhà cửa, đất đai cho người không phải là người Miên. Lúc này, có nhiều Việt kiều bắt đầu bán đồ, bán tháo nhà cửa, tài sản để hồi hương.

Đã có xảy ra nhiều trường hợp làm tiền trắng trợn một số Việt kiều, sinh sống lập nghiệp hàng mấy chục năm có cơ ngơi vững vàng. Chỉ bị ai đó tố cáo vớ vẩn liền bị công an Cambodge bắt giam, đòi tiền chuộc. Nếu không có tiền chuộc, họ có thể bị “cáp duồn” (tiếng Miên có nghĩa là bị giết), hoặc bị đuổi về Việt Nam. Một số khác tự ý vượt biên giới trốn về VN vì không thể sinh sống hoặc bị chính quyền Cambodge phiền nhiễu. Cũng có một số người Việt làm ăn khấm khá nên muốn nhập quốc tịch Miên để cho được dễ dàng trong việc sinh sống hàng ngày.

Việc xin nhập quốc tịch tại Miên bị hạn chế bởi luật lệ rất nghiêm khắc:

- Phải nộp tiền lệ phí xin nhập quốc tịch 10.000 Riels. (Thời giá lúc đó là rất lớn.)

- Phải biết nói, viết, đọc chữ Miên. Ít nhất là những chữ trong các thông cáo dán ở những nơi công cộng. Sau 2 năm kiểm tra lại, nếu không đạt đủ tiêu chuẩn sẽ bị thu hồi quốc tịch Miên.

- Trong thời hạn 5 năm phải tập sống theo phong tục, tập quán của người Miên. Không được xúc phạm đến người Miên chính thống và nền văn hóa của người Miên.

- Không được làm chính trị, chống phá chính phủ Miên.

II. Vấn đề người Miên ở trên lãnh thổ VN:

Người Miên đã sinh sống trên vùng đồng bằng miền Nam Việt Nam từ rất lâu. Khoảng non một triệu người sống rải rác trong vùng châu thổ Sông Cửu Long. Họ sống chung với người Việt hàng thế kỷ, nhưng vẫn giữ phong tục, tập quán của riêng họ. Họ quây quần lấy nhau, sống chung quanh những ngôi chùa Miên nguy nga, hợp thành từng “sóc” riêng biệt.

Đối với người Miên, các sư sãi (ông Lục) là hiện thân của Phật, nên các lời nói của các sư sãi nói ra đều được họ tuyệt đối nghe theo. Của cải dư được bao nhiêu họ đem cúng vào chùa và nuôi các sư sãi.

Sau năm 1954, chính phủ Ngô Đình Diệm áp dụng luật quốc tịch mới. Đối với người Miên ở Việt Nam, họ là công dân Việt Nam. Từ đó mới có danh từ “người Việt gốc Miên”. Trong khi đó, Sihanouk yêu cầu chính phủ VNCH công nhận cho người Miên được những quyền, như:

* Vẫn giữ quốc tịch Miên và được hưởng chế độ ngoại kiều ưu đãi như trước đây, như Pháp đã công nhận.

* Được học tiếng Miên tại trường. Chùa chiền Miên phải do thanh tra chính phủ Cambodge kiểm soát.

* Sư sãi người Miên thuộc quyền quản trị của “Vua Sãi” ở Cambodge và được sang Phnong Penh (Nam Vang) chịu lễ thụ phong.

Sihanouk can thiệp vào vấn đề người Miên ở Việt Nam

bằng hai cách công khai và bí mật:

- **Công khai:** bằng cách đòi cho người Miên được hưởng quy chế ngoại kiều. Tổ cáo, phản kháng trước công luận quốc tế về vụ đàn áp người Miên của chính phủ VNCH.

- **Bí mật:** thành lập một lực lượng vũ trang do chính phủ Cambodge đỡ đầu, với tên gọi là “Phong Trào Giải Phóng Người Miên Krom” (Mouvement de Libération des Khmers Krom). Lực lượng này thường xuất hiện từng 1, 2 tiểu đội, võ trang, quàng khăn trắng, thường khuấy động ở vùng biên giới. Một số sư sãi thỉnh thoảng len lút liên lạc với nhóm khăn trắng để lấy báo chí, tài liệu âm thầm phổ biến kín trong các “sóc”. Do đó, hầu hết các sư sãi đều có tư tưởng hướng về Cambodge.

Trong khi đó, phía VNCH giúp đỡ phong trào “Người Miên Tự Do” của Sơn Ngọc Thành và Sơn Thái Nguyên, thiết lập căn cứ và đài phát thanh trọng lãnh thổ Việt Nam, tuyển mộ thanh niên Miên ở Việt Nam gia nhập vào lực lượng vũ trang chống lại chính phủ Sihanouk. Chính phủ Ngô Đình Diệm tài trợ, tuyên truyền nâng cao uy tín của Sơn Ngọc Thành, để chiêu dụ và kích động lòng tự ái dân tộc của người Miên ở Việt Nam gia nhập lực lượng của Sơn Ngọc Thạch.

- Quan hệ ngoại giao giữa VNCH và Cambodge từ 1956 đến 1963.

Khi toà Đại Diện VNCH được thành lập ở Nam Vang thì cơ quan này đóng một vai trò quan trọng trong quan hệ giữa hai quốc gia, với những hậu quả tốt, xấu khác nhau. Ông Ngô Trọng Hiếu được cử giữ chức vụ đại diện đầu tiên từ tháng 5 năm 1956 .

Nhiệm vụ đầu tiên của tòa đại diện là lấy lòng khỏi Việt kiều tại Cambodgek, như: Hoạt động cứu trợ kiều bào bị hỏa hoạn, bị thiên tai, can thiệp cho các cá nhân bị tòa xử oan ức.

Trước đây, thời Pháp thuộc, Việt Kiều qua lại biên giới chỉ cần giấy lưu thông. Nhưng kể từ ngày 1 tháng 7 - 1957, chế

độ giấy lưu thông bị bãi bỏ, thay thế bằng giấy thông hành (passport) và chiếu khán nhập nội (visa) do tòa Đại Diện cấp. Đối với vấn đề di chuyển của đồng bào vùng biên giới, ông Ngô Trọng Hiếu cũng đã gửi thỉnh nguyện thư yêu cầu Bộ Ngoại giao Cambodge, bổ sung một số quy định cụ thể về việc qua lại của dân chúng ở biên giới.

Tuy nhiên, nhiệm vụ chính yếu của tòa Đại Diện là tìm cách thuyết phục Sihanouk thay đổi chính sách trung lập, thân Cộng. Ông Ngô Trọng Hiếu đã thành công trong giai đoạn đầu “Mua Chuộc và Thân Thiện”. Lần nào về Sài Gòn, ông Hiếu cũng mua sắm đủ thứ tặng phẩm quý giá đưa sang Nam Vang làm quà tặng cho Hoàng Hậu Sisowath Kossmach và Hoàng Thân Sisiwath Manizeth.

Sihanouk, qua ảnh hưởng của bà mẹ, đã có một thái độ tốt đẹp và cởi mở đối với chính phủ VNCH. Ông Ngô Trọng Hiếu áp dụng chính phương thức “phóng tài hóa, thu nhân tâm” nên không những biếu xén quà cáp cho Hoàng Gia Cambodge, mà còn mua chuộc các giới chức cao cấp trong chính phủ, bằng cách thường xuyên mở yến tiệc mời họ tham dự và gửi họ những tặng phẩm quý giá.

Khoảng thời gian này là giai đoạn quan hệ tốt đẹp giữa Cambodge và VNCH mà cũng là thành quả của ông Ngô Trọng Hiếu.

Mặc dù vậy, qua thời gian vẫn không thuyết phục được Sihanouk thay đổi chính sách trung lập, thân Cộng. Giải pháp ve vãn, thân thiện bất thành cho nên chính phủ VNCH chỉ còn một cách là chủ trương quyết hạ cho bằng được Quốc Vương Sihanouk. Vì nếu không làm được điều này thì Sihanouk sẽ tạo một mũi dùi đâm cực mạnh ngang hông VNCH, khi mà Sihanouk cho Việt Cộng trú đóng trong lãnh thổ Cambodge, dung túng bọn phiến loạn, và những phần tử chống đối chính phủ Ngô Đình Diệm. Vì vậy, cơ quan mật vụ của Bác Sĩ Trần Kim Tuyến quyết định thực hiện âm mưu đảo chính lật đổ

Sihanouk. Ông bí mật móc nối và giúp đỡ tiền bạc vũ khí cho hai nhân vật chống Sihanouk để lật đổ Sihanouk. Đó là Sam Sarry và Sơn Ngọc Thành.

Ngô Trọng Hiếu mua chuộc được viên tướng Khmer là Đáp Chuôn phối hợp thực hiện âm mưu này nhưng bị bại lộ. Tháng Giêng năm 1959, khi Đáp Chuôn chuẩn bị cuộc đảo chính, Sihanouk cho quân tấn công bản doanh Đáp Chuôn ở Siêm Riệp, bắt và xử bắn Đáp Chuôn tại chỗ. Hai nhân viên truyền tin người Việt, được Trần Kim Tuyến bí mật phái đến bên cạnh Đáp Chuôn để liên lạc với Sài Gòn, cũng bị xử tử với tang vật là điện đài, tài liệu báo cáo về Sài Gòn, và 100 ký vàng của VNCH tặng Đáp Chuôn.

Từ vụ này, ông Ngô Trọng Hiếu bị Sihanouk trục xuất về nước. Ông Phạm Trọng Nhân được cử sang thay thế.

Vì âm mưu đảo chánh bất thành, Bác Sĩ Trần Kim Tuyến bày tiếp âm mưu ám sát Sihanouk. Vào đầu tháng 5-1959, hai chiếc va li tặng phẩm, nhờ xe mang bằng số Ngoại Giao Đoàn, đã vượt qua biên giới đến tòa đại sứ VNCH một cách an toàn. Ngoài mấy điệp viên chủ chốt trong cơ quan mật vụ của Trần Kim Tuyến, không một ai trong tòa Đại diện VNCH biết gì về âm mưu này, kể cả ông đại diện Phạm Trọng Nhật. Vào ngày sinh nhật Quốc Vương Norodom Sihanouk, hai va-li tặng phẩm (có chất nổ cực mạnh) được gửi vào hoàng cung với danh thiếp giả của một bác sĩ Pháp, tên là De La Fournière.

Khi Trưởng Ban Nghi Lễ, Hoàng thân Norodom Rakrivan, xem xét các tặng phẩm thì một tiếng nổ long trời làm sập đổ cả trần nhà, tung bay, tan vỡ hết tất cả các đồ đạc trong phòng. Trưởng Ban Nghi Lễ và 4 vệ sĩ bị nổ banh xác. Thái tử Norodom Sihanouk thoát khỏi cuộc mưu sát, nhờ vào thời khắc đó, ở ngoài cửa Hoàng Cung có một số người đến mừng sinh nhật Quốc Vương, Sihanouk ra “ban công” chào đáp lễ nên thoát chết.

Hậu quả là sự đổ vỡ toàn diện trong quan hệ giữa VNCH và

Cambodge. Tình hình lại càng căng thẳng trong những năm kế tiếp. Hai bên công kích lẫn nhau trên báo chí và đài phát thanh ngày càng mãnh liệt. Sihanouk biết rõ chính Ngô Đình Diệm đã tài trợ và dung dưỡng tổ chức Khmer Serei của Sơn Ngọc Thành. Đây là nỗi ám ảnh lớn của Sihanouk, vì ông ta biết rõ tổ chức này xuất phát từ VNCH, với kế hoạch chống lại chính quyền của ông ta.

Sihanouk luôn nghi ngờ và đề phòng Tòa Đại Diện VNCH tại Cambodge. Chính phủ Cambodge thường gây cản trở các hoạt động của Tòa Đại Diện trong giới Việt kiều. Các thành viên trong ban thường vụ hội Việt kiều ở Cambodge bị mật vụ của Phòng Nhì (do người Pháp điều khiển) theo dõi rất sát và bị chính phủ Cambodge thường xuyên làm khó dễ, đồng thời mua chuộc một số Việt kiều chống chính phủ Ngô Đình Diệm hoạt



***Quốc Vương Norodom
Sihanouk của Cambodge
(1922-2012).***

động ngầm trong cộng đồng người Việt ở Cambodge. Chính vì vậy mặc dù có nhiều cố gắng lôi cuốn và tuyên truyền nhưng Tòa Đại Diện chỉ nắm được một thiểu số người Việt ở Cambodge mà thôi.

Không bao lâu, Sihanouk kết thân với CS Bắc Việt và Trung Cộng. Việc đầu tiên của ông ta là chấp thuận cho Trung Quốc đặt tại Nam Vang một phòng đại diện thương mại, đồng thời cũng mở rộng bang giao với các nước CS. Tháng 7- 1962, Sihanouk lại chấp nhận cho CS Bắc Việt đặt phòng thương mại tại Cambodge.

Sihanouk không muốn lệ thuộc vào đường sông Cửu Long, phải qua lãnh thổ VNCH. Ông cho xây dựng Hải Cảng Sihanoukville. Đây là hải cảng nước sâu duy nhất mà

Cambodge có được ở vịnh Thái Lan và cách Nam Vang 180 cây số về hướng Nam, do chính phủ Pháp viện trợ.

Khi cảng này được xây dựng xong vào năm 1960 thì tàu ngoại quốc không phải qua sông Cửu Long để tới Nam Vang nữa. Nhờ có hải cảng Sihanoukville mà tàu bè của các nước Cộng Sản và của CS Bắc Việt đến thẳng Cambodge dễ dàng.

Mặc dù Sihanouk có lập trường công khai chống lại sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương, tuy nhiên vẫn giữ chính sách trung lập để được nhận viện trợ của Mỹ. Phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ chỉ trông coi về phần vũ khí viện trợ và ngân sách cho quân đội Cambodge. Còn phần huấn luyện thì giao cho Phái Bộ Quân Sự Pháp.

Một xa lộ, nối liền hải cảng Sihanoukville với thủ đô Phnom Penh và một bệnh viện lớn, được Mỹ viện trợ. Khánh thành chưa được bao lâu thì Trung Cộng nhảy vào viện trợ cho Cambodge dựng lên một hệ thống cột điện dọc xa lộ, mà Mỹ mới làm xong. Bệnh viện ở Nam Vang do Mỹ xây cất thì lại được Liên Xô viện trợ máy móc, cùng trang bị thuốc men với một số bác sĩ người Nga. Với chính sách trung lập “đu dây” lúc đầu, Sihanouk dần dần thiên về hướng thân Cộng Sản. Dĩ nhiên điều này rất có lợi cho CS Bắc Việt mà bất lợi cho VNCH.

Sau vụ đảo chính hụt của Đắp Chuôn, Sihanouk bắt đầu có những liên hệ chính thức, thân hữu với CS Bắc Việt, mà cụ thể là để cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) của Việt Cộng lập mật khu an toàn trong lãnh thổ Cambodge, từ đó làm bàn đạp tấn công VNCH từ vùng ba biên giới đến tận Hà Tiên. Sihanouk làm ngơ trước sự xâm nhập người và quân cụ của Bắc Việt vào miền Nam Việt Nam, xuyên qua “đường mòn Hồ Chí Minh”. Đã vậy, ông ta còn cho phép dân Miên mua, bán gạo, thuốc men công khai với MTGPMN của CS.

III. Tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước:

Sau khi người Pháp chấm dứt cai trị ở Đông Dương; biên

giới giữa Việt Nam và Campuchia, do người Pháp phân định, không được rõ ràng, trở thành căn nguyên của nhiều vụ đụng độ vũ trang giữa hai bên.

- **Đoạn biên giới từ Hà Tiên tới Tây Ninh.** Việc phân định biên giới và cắm mốc đã được thực hiện từ năm 1873. Các cột mốc đều chủ yếu bằng gỗ. Sau gần một thế kỷ, phần lớn các cột mốc này đã bị hủy hoại hoặc bị người dân ở gần biên giới chuyển dịch có chủ ý, hoặc vô tình.

- **Đoạn từ Tây Ninh đến ngã ba biên giới Việt-Miên-Lào** thì việc cắm mốc không thích hợp, chỉ xác định trên bản đồ mà không được xác định rõ trên thực địa. Vì vậy, các vụ vi phạm biên giới đều do cả hai bên đều phạm phải.

Khi tảo thanh “quân phiến loạn” và tàn quân của lực lượng giáo phái, quân đội VNCH đôi khi tràn lấn sang lãnh thổ Cambodge. Cứ mỗi lần như thế thì Sihanouk lại lên tiếng phản đối.

Ngày 25 tháng 10 - 1962, hai ngôi làng ở tỉnh Rata Naraki bị máy bay của Không Quân VNCH oanh tạc lúc truy kích địch. Sihanouk lên tiếng phản đối và đề nghị Liên Hiệp Quốc gửi phái đoàn đến điều tra. Tuy nhiên, chính phủ VNCH đã phủ nhận việc phi cơ oanh tạc và cho rằng nguyên cơ chủ yếu của sự căng thẳng hiện tại ở biên giới VNCH và Cambodge là do sự hoạt động của Việt cộng, do chế độ Cộng Sản Hà Nội dựng lên và nuôi dưỡng. Vì vậy, chính phủ VNCH đề nghị chính phủ Cambodge hợp tác diệt trừ lực lượng này. Rất tiếc, đề nghị hợp tác đã bị phía chính phủ Cambodge từ chối. Hơn nữa, những lần xung đột giữa VNCH và Cambodge lại bị CS Bắc Việt khai thác, gây thêm mâu thuẫn để hai bên càng chống nhau.

IV. Quan hệ ngoại giao giữa VNCH và Cambodge từ 1960 đến 1970.

Trong giai đoạn 1956 - 1959, cuộc cải cách xã hội của chính phủ Ngô Đình Diệm, cũng mang lại một số thành tích

tốt, tạo cho chính phủ ông Diệm một thế đứng tương đối vững. Tuy nhiên từ cuối năm 1959, khi nghị quyết 15 của Đảng Lao Động Việt Nam (ngụy danh của Đảng Cộng Sản VN) ra đời, Cộng Sản Việt Nam dần dần xây dựng cơ sở và chuyển hướng từ đấu tranh chính trị, tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị song hành với đấu tranh vũ trang. MTGPMN của Việt Cộng, được chính thức thành lập vào ngày 20 tháng 12 – 1960, đã ảnh hưởng đáng kể ở vùng nông thôn Miền Nam.

Trước tình trạng an ninh ở nông thôn càng ngày càng xấu đi do Việt Cộng tăng cường hoạt động, với sự yểm trợ của miền Bắc CS, để đối phó lại, chính phủ Ngô Đình Diệm tập trung quyền lực và hạn chế tự do, dân chủ của người dân, tạo duyên cớ cho những nhóm đối lập kích động dân chúng chống đối ông Ngô Đình Diệm, như một chính phủ độc tài và gia đình trị. Tiếp theo sau là vụ khủng hoảng Phật Giáo, khởi đầu từ miền Trung, rồi lan ra toàn quốc, đào sâu thêm sự bất mãn của dân chúng. “Xuống đường”, rồi bị đàn áp dẫn đến duyên cớ chính phủ Cambodge đoạn giao với VNCH:

- Nhân vụ chính phủ Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, phản ứng cả Cambodge càng mạnh mẽ. Nhiều cuộc biểu tình đại quy mô được tổ chức tại Nam Vang và các tỉnh của Cambodge.

- Bộ Ngoại Giao Cambodge gửi kháng thư cho chính phủ Ngô Đình Diệm. Đồng thời, Sihanouk cũng gửi điệp thư cho các cường quốc phương Tây, yêu cầu can thiệp.

Sau đó, chính phủ Cambodge đã quyết định đoạn giao với VNCH. Ngày 27 tháng 8 – 1963, Tòa Đại Diện VNCH tại Nam Vang nhận được thông điệp của bộ Ngoại giao Cambodge về việc đoạn giao với VNCH, với lý do:

- Quân đội VNCH thường xâm phạm biên giới và gây thiệt hại vật chất và dân chúng Khmer.

- Chính phủ VNCH đối xử tàn bạo đối với người Khmer, thiểu số ở Việt Nam.

- Người Khmer theo đạo Phật bị chính quyền Việt Nam đàn áp.

Công hàm xác nhận rằng Cambodge cắt đứt liên hệ chính trị với VNCH. Ngay sau đó, đại diện VNCH và nhân viên rút về nước, chỉ để lại một nhân viên phụ trách phòng kiều vụ, bên trong khuôn viên tòa đại sứ Nhật Bản tại Nam Vang. Tương tự như vậy, Tòa Đại Diện Cambodge ở Sài Gòn cũng rút về nước, và việc phụ trách kiều vụ phải nhờ tòa Đại Sứ Úc ở Sài Gòn đảm trách.

Tuy nhiên con số Việt kiều ghi danh chính thức tại phòng kiều vụ rất ít, vào khoảng hai ngàn người, còn lại đa số thiên về MTGP hoặc CS Bắc Việt. Đoạn giao giữa hai nước phát



Ông Trần Kim Tuyến (1925-1995), Giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội Phủ Tổng Thống, thực chất là người chỉ huy hệ thống an ninh, mật vụ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam trong suốt giai đoạn 1956-1963, một nhân vật kỳ bí.

sinh những hậu quả như sau:

1- Hậu quả kinh tế.

Để tránh lệ thuộc vào sông Cửu Long trong lãnh thổ VNCH, chính phủ Cambodge đã cố gắng phát triển hải cảng

Sihanoukville, đồng thời hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, nối liền hải cảng này với thủ đô Nam Vang.

Tuy nhiên, vì nhu cầu trao đổi hàng hóa, nhiều chợ trời dọc biên giới được mở ra để dân chúng hai bên mua bán, trao đổi hàng hóa. Vì nhu cầu của việc mưu sinh và thói quen của hai dân tộc sống cạnh nhau dọc biên giới, họ đã tự động chọn những địa điểm thuận lợi ở biên giới để nhóm chợ.

Hai chợ trời biên giới lớn nhất là Gò Dầu Hạ, tỉnh Tây Ninh, giáp ranh thị trấn Bavet, tỉnh Svey Rieng và chợ trời Thường Phước thuộc quận Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong, giáp với thị trấn Peamcher, tỉnh Prey Veng.

Cho dù tình trạng bang giao giữa VNCH và Cambodge thay đổi theo chiều hướng ngày càng xấu đi và các viên chức ở các đồn biên phòng của hai nước có cảm đoán việc họp chợ, nhưng họ cũng không ngăn nổi. Chợ trời biên giới vẫn duy trì bền vững với thời gian vì người dân Cambodge cần sản phẩm của Việt Nam, ngược lại người Việt Nam cũng cần sản phẩm của Cambodge. Việt Nam mua của Cambodge các món hàng của Pháp và Trung Quốc. Cambodge mua của Việt Nam các món hàng của Mỹ và Nhật. Khi vấn đề giao thông giữa hai nước bị trở ngại vì quyền lợi dị biệt thì giới kinh doanh chuyển sang lối buôn hàng lậu.

Từ ngã ba biên giới, thuộc tỉnh KonTum tới Hà Tiên, thuộc Rạch Giá, có vô số con đường bí mật để vận chuyển hàng lậu. Cả hai chính phủ đều bất lực không thể ngăn chặn nổi sự qua lại của các con buôn. Thông qua giới buôn lậu, hàng hóa của Trung Quốc, của Pháp, của Cambodge tràn ngập Sài Gòn.

Chợ trời biên giới cũng là nơi trung chuyển thư từ của thân nhân hai bên và đã là nơi gặp gỡ của Việt Kiều ở Cambodge với thân nhân ở Việt Nam.

2- Hậu quả chính trị.

Sau khi Chính Phủ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, chính phủ VN kế tiếp vẫn tiếp tục chính sách thân Mỹ và chống Cộng,

cho nên cũng chống lại chủ trương trung lập, thiên Cộng của Sihanouk.

Ngày 27 tháng 12 - 1963, Bộ Ngoại Giao VNCH ra thông cáo xác nhận VNCH không tham dự hội nghị quốc tế về trung lập hoá Cambodge, nhưng sẵn sàng giải quyết mọi xung đột với Cambodge bằng cách thương thuyết song phương giữa hai nước.

Mặc dù được Liên Xô và Pháp ủng hộ, đề nghị triệu tập hội nghị quốc tế về Cambodge bị trở ngại vì sự chống đối của Mỹ. Mỹ không muốn vai trò của Mỹ đối với đồng minh VNCH sẽ được đề cập tới trong hội nghị.

Vì việc tổ chức hội nghị thất bại, Sihanouk đe dọa sẽ ký kết một hiệp ước quân sự với Trung Cộng và CS Bắc Việt, nếu Mỹ và VNCH không tham dự hội nghị. Sau đó, Sihanouk thay đổi ý kiến và đưa ra 3 điều kiện tiên quyết để họp hội nghị.

- a. Hội nghị phải đặt trên căn bản thỏa hiệp Genève 1954.
- b. Không chấp nhận VNCH tham dự.
- c. Không bàn về vấn đề Việt Nam và Lào.

Lý do không chấp nhận VNCH là vì Cambodge đã công nhận MTGPMN của CS, là đại diện duy nhất của miền Nam; cũng như không chấp nhận một hội nghị về Cambodge mà mục đích là để Mỹ-Anh có dịp gặp Trung Cộng, để bàn chuyện riêng tư.

Ngày 20-6-1964, Sihanouk gửi công hàm cho Chủ tịch MTGPMN của CS Nguyễn Hữu Thọ nói rõ:

“Chúng tôi từ chối mọi yêu sách lãnh thổ để đổi lấy sự công nhận dứt khoát đường biên giới hiện tại và chủ quyền của chúng tôi đối với các đảo ven bờ của chúng tôi mà chính phủ Saigon đòi hỏi chủ quyền không dựa trên pháp lý nào.”

Sihanouk tin tưởng rằng Trung Quốc, chứ không phải Hoa Kỳ, cuối cùng sẽ giành được quyền kiểm soát bán đảo Đông Dương. Quyền lợi của Cambodge sẽ được bảo đảm vững chắc

nhất, bằng cách thỏa hiệp với phe cuối cùng sẽ chiến thắng và đưa ra các điều khoản trước khi phe này giành được thắng lợi, nhằm thu được những điều khoản có lợi nhất. Vì lẽ đó, Sihanouk quyết định thương thuyết với MTGPMN và CS Hà Nội, mà ông ta tin rằng sẽ là người chủ tương lai của miền Nam.

Ngày 11- 4-1966, hai chính phủ Cambodge và CS Hà Nội đã đồng ý quyết định nâng Tòa Đại Diện Thương Mại của Cambodge tại Hà Nội và Đại Diện của Hà Nội tại Cambodge lên hàng Đại Diện Ngoại Giao.

Đến ngày 24-6-1967, chính phủ Cambodge lại chấp thuận nâng Tòa Đại Diện Ngoại Giao của Bắc Việt tại Nam Vang lên hàng Đại Sứ Quán.



Tướng Lon Nol của Cambodge sau khi đảo chánh lật đổ Sihanouk, năm 1970.

Ngày 19-7-1966, Cambodge tuyên bố chấp nhận MTGP là đại diện của miền Nam Việt Nam và công nhận ông Nguyễn Văn Hiếu là đại diện của tổ chức này tại Nam Vang.

Đến ngày 9-5-1968, chính phủ Cambodge chấp nhận nâng Toà Đại Diện Ngoại Giao của MTGPMN của CS tại Nam Vang lên hàng đại sứ quán.

Không còn là chuyện bí mật nữa, rõ ràng là Cambodge công khai cho MTGPMN của CS sử dụng lãnh thổ Cambodge xây dựng căn cứ địa để tấn công VNCH.

Phía VNCH cũng đã biết từ lâu là có một lực lượng lớn VC thiết lập các hậu cứ tại miền giáp ranh ở phía Đông Cambodge và vận chuyển một số lượng lớn vũ khí quân dụng, được tải từ Hải Cảng Sihanoukville đến vùng biên giới, với sự chấp nhận

của Sihanouk.

Khi giao tranh với quân lực VNCH, VC dễ dàng lánh sang Cambodge. Chính phủ VNCH phản ánh với chính phủ Cambodge, đồng thời tố cáo trước Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc về việc quân đội Cambodge công khai yểm trợ VC tấn công VNCH.

Ngày 5- 7-1966, Bộ Ngoại Giao VNCH tuyên bố giành quyền truy kích Việt Cộng sang lãnh thổ Cambodge để tự vệ.

Vùng biên giới giữa VNCH và Cambodge luôn căng thẳng, kể từ sau khi Mỹ cũng tuyên bố sử dụng quyền truy kích sang khu vực biên giới bằng hỏa lực của phi cơ và pháo binh.

Cuộc đảo chánh của Lon Nol, tháng 3-1970.

Cuộc đảo chánh này đã mở ra một thời kỳ mới về bang giao, hợp tác giữa VNCH và Cambodge.

Năm 1965 khi Mỹ đưa quân vào chiến trường miền Nam Việt Nam thì Mỹ không thể để yên cho một nước Cambodge, mà bề ngoài là trung lập nhưng bên trong lại hỗ trợ cho CS, trong cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam Việt Nam. Trong quá khứ, sự xích mích và tranh chấp giữa VNCH với Cambodge bắt nguồn từ lý do kể trên.

Vì duyên cớ đó. Mỹ cần phải tìm ra một giải pháp thích ứng trước hiểm họa do Cộng Sản gây ra ảnh hưởng đến nền độc lập và đời sống người dân miền Nam Việt Nam. Sihanouk bị tố cáo là chứa chấp CS, cho CS lập căn cứ xuất phát những cuộc hành quân tấn công VNCH.

Trong thời gian này, Cambodge ngày càng có quan hệ chặt chẽ với các nước CS. Đối với xung đột ở Việt Nam, Sihanouk ngả hẳn về phía CS Bắc Việt, công khai thừa nhận MTGPMN của CS. Sihanouk muốn lấy cảm tình của CS Bắc Việt và MTGP, vì ông cho rằng hai lực lượng này sau cùng sẽ chiến thắng và sẽ lãnh đạo miền Nam Việt Nam.

Do chính sách trung lập của Sihanouk, Mỹ không có lý do

chính đáng để can thiệp vào Cambodge. Vì vậy, để quân đội VNCH và quân đội Mỹ có thể tấn công qua lãnh thổ Cambodge để triệt hạ các căn cứ VC, Mỹ phải hỗ trợ Lon Nol làm cuộc đảo chánh ngày 18-3-1970.

Cuộc đảo chính Sihanouk của Lon Nol đã kết thúc thời kỳ hòa bình và trung lập của Cambodge. Đất nước này từ nay rơi vào cuộc chiến tranh tàn khốc trong những năm 70. Dân tộc Khmer phải trải qua từ thảm trạng này sang thảm trạng khác.

Năm 1972, thông cáo chung Thượng Hải, do Mỹ và Trung Quốc ký, đã tạo ra biến chuyển quan trọng lớn lao trong cán cân quyền lực của “chiến tranh lạnh”.

“Liên minh ngầm” giữa Mỹ và Trung Cộng, nhằm trực tiếp chống lại sức mạnh đang gia tăng rõ rệt của Liên Xô, khiến Trung Quốc bớt lo ngại về một cuộc tấn công tiềm tàng từ Liên Xô và cho phép Mỹ tập trung sức mạnh quân sự ở Châu Âu để đối phó với Liên Xô và các nước chư hầu CS ở Đông Âu.

Khi đầu tư vào cuộc chiến ở Đông Dương mà thấy không còn có lợi thì Mỹ tìm cách rút khỏi cuộc chiến, cũng như “thí bỏ” những quân cờ không còn cần thiết nữa. Thế là, VNCH và Cộng Hòa Khmer (Cambodge) bị bỏ rơi vào tháng Tư, 1975. Một bài học đích đáng cho hai quốc gia ở Đông Dương.

Chú thích:

* “Campuchia” là phiên âm tiếng Anh được chuyển ngữ từ tiếng Pháp “Cambodge”, trong khi “Kampuchea” được phát âm gần như trung thực với cách phát âm của người Khmer. Tuy nhiên, với người dân Miên bình thường, họ nhận là người Khmer sống trong đất nước Khmer.

Đà Lạt Mùa Giáng Sinh

Đặng Đức Ý, K28

Em ơi! Đà Lạt mùa Giáng Sinh
Đường Lâm Viên có sao lung linh
Anh đi giữa hai hành thông nhớ
Một khoảng đời xanh, một chuyện tình

*Chiều có sương giăng nóc giáo đường
Có đàn chim ngủ trắng gác chuông
Cánh mền xếp lại bao thương nhớ!
Hồn mộng bay về mấy lũng sương*

Bồi hồi anh đứng trước ngõ hoa
Xưa em tặng cánh mimosa
Hương vẫn còn thơm con dốc nhỏ
Đến khoảng hồ xanh đáng ngọc ngà

*Có nghe dòng suối hát không em?
Hãy đi từng bước nhỏ thật êm
Để nắng dừng tan trên hoa mận
Để có mây bay giữa tóc mềm*

Mắt em xanh dòng khói cà phê
Alpha anh đỏ thắm môi thề
Tình em mây trắng về trăm ngã
Theo anh rong ruổi khắp đường quê

*Em ơi! Đà Lạt mùa Giáng Sinh
Đường Lâm Viên có sao lung linh
Anh đi đến đồi hoa bất tử
Ngồi đó và mơ chuyện chúng mình.*



*SVSQ Đặng Đức Ý, K28 đang chào kiếm.



Một Thời Để Nhớ

Song Vũ

Một

Ngày 15 tháng 11 năm 1963, sau 4 ngày có tiếng là tham gia cuộc đảo chánh Tổng thống Ngô Đình Diệm; Tiểu Đoàn 3/11 thuộc Sư Đoàn 7 được lệnh lên xe trở về nhiệm sở.

Tôi là Đại Đội Phó Đại Đội 1 của tiểu đoàn, đại đội trưởng là Trung Úy Ngô Văn Cao, Khóa 4 Thủ Đức. Đại Đội 2 do Trung Úy Hoàng Lê Cường, Khóa 16 mới nhận bàn giao từ Đại Úy Nghiêm trước đó khoảng 2 tuần. Đại Đội 3 do Thiếu Úy Huỳnh Khánh Sơn, khóa 6 Thủ Đức là đại đội trưởng.

Mang danh là về tham dự đảo chánh, nhưng Trung Đoàn 11 chỉ đóng vai trò hỗ trợ biểu dương lực lượng chứ hoàn toàn không có “đầu súng” với ai cả. Đơn vị của chúng tôi đóng quân kiểm soát khu vực trường Petrus Ký, Tổng Nha Cảnh Sát. Đại đội tôi bố trí trong khuôn viên của trường này.

Tôi tốt nghiệp khóa 17 VB ngày 30 tháng 3 do chính Tổng Thống Diệm chủ tọa lễ mãn khóa. Trình diện BTL/ SĐ7 vào giữa tháng 4 khi mùi thuốc súng của trận Ấp Bắc mới vừa tạm lắng. Đại Tá Bùi Đình Đạm, Tư Lệnh Sư Đoàn còn đang tất bật chỉ huy các cuộc hành quân truy kích địch trên địa bàn lãnh thổ tiểu khu Định Tường. Vì thế, 12 thiếu úy Khóa 17 chúng tôi (trong đó có thủ khoa Vĩnh Nhi) phải chờ cả tuần lễ trước khi chính thức trình diện ông để nhận nhiệm sở mới.

Đại tá Đạm, xuất thân Khóa 1 Võ Bị, người nhỏ nhắn, nói chuyện khoan thai từ tốn và trên khuôn mặt ông luôn tươi tắn, vui vẻ. Trước khi gặp ông, chúng tôi mừng tượng ra một vị tư lệnh uy nghi bệ vệ cùng những lời huấn từ sắt thép cho lớp

sĩ quan mới ra trường như chúng tôi. Nào ngờ khi gặp ông, với lối nói chuyện chậm rãi, rành mạch, đã khiến lòng chúng tôi ấm áp khi thấy một vị niên trưởng quan tâm đến lớp đàn em sẽ làm việc chung với mình. Ông tóm lược tình hình địch quân trong vùng, nói phác qua về trận chiến khốc liệt với đơn vị chính quy Cộng Sản lần đầu tiên quy tụ thành cấp tiểu đoàn, rồi lợi dụng tình thế tranh chấp chính trị bất ổn ở Sài Gòn mở đầu một trận đánh lớn quy mô lớn ngõ hầu tạo uy thế cho cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam của (CSMTGPVN). Sau đó ông căn dặn chúng tôi phải gương mẫu trong chỉ huy đơn vị và hết lòng phục vụ cho đất nước, đồng bào. Chúng tôi ghi nhớ những lời ông ân cần dặn dò:



- “Quân đội của chúng ta còn rất non trẻ, cả trong tổ chức lẫn kinh nghiệm chiến đấu. Các thiếu úy là những sĩ quan tình nguyện và được đào tạo bài bản. Tôi hy vọng các anh sẽ là những sĩ quan nòng cốt cho quân đội sau này. Bước khởi đầu bao giờ cũng có nhiều khó khăn bở ngỡ, nhưng tôi tin là các anh sẽ trưởng thành mau chóng. Chỉ có điều tôi cần nhấn mạnh để các anh phải luôn nhớ, các anh là tấm gương cho thuộc cấp của mình. Binh sĩ dưới quyền các anh sẽ chiến đấu theo gương của các anh. Họ đặt niềm tin vào cấp chỉ huy của mình hay không là do các anh. Thành hay bại của một đơn vị là do cấp chỉ huy tạo ra.”

Sau đó ông cho chúng tôi biết sẽ bổ sung 12 người cho các tiểu đoàn tác chiến thuộc 3 trung đoàn trực thuộc gồm 10, 11, 12. Mỗi trung đoàn 4 sĩ quan.

Nguyễn Tiến Mão, Nghê Hữu Cung, Võ Thừa Tự, và tôi chọn Trung Đoàn 11 do Thiếu Tá Nguyễn Duy Bách là trung đoàn trưởng. Trung Đoàn 10 do Thiếu Tá Trần Văn Đắc là trung đoàn trưởng và Thiếu Tá Vũ Lộ thuộc Trung Đoàn 12. Nguyễn Tiến Mão và tôi về Tiểu Đoàn 3 do Đại Úy Huỳnh

Văn Chính là tiểu đoàn trưởng. Nghê Hữu Cung và Võ Thừa Tự về Tiểu Đoàn 1 của Đại Úy Dương Hữu Trí.

Tiểu Đoàn 3 lúc đó đang hành quân vùng Đức Hòa Đức Huệ. Tôi về Đại Đội 1, còn Mão về Đại Đội 2. Chúng tôi gặp lại hai đàn anh khóa 16, Ngô Gia Tiến - Đại Đội 1 và Hoàng Lê Cường - Đại Đội 2. Tiểu Đoàn 3/11 là tiểu đoàn của trung đoàn được giao trách nhiệm thử súng AR15 của sư đoàn nên Đại Đội 2 của Mão còn có tên là đại đội hỏa lực do Đại Úy Nghiêm “đầu bạc” là đại đội trưởng. Ba đại đội còn lại 1, 3, và Chỉ Huy trang bị Garant M1, tiểu liên Thompson, và Carbin, súng cối 81, 60, và đại liên 30.

Trong suốt thời gian gần 7 tháng, Tiểu Đoàn 3/11 hành quân lưu động liên tục trong vùng lãnh thổ của các Tiểu Khu Long An, Định Tường, Gò Công, Kiến Phong, Vĩnh Long, Vĩnh Bình... Thường thì hành quân chừng năm ba ngày lại kéo nhau ra các làng xóm ven tỉnh lỵ nghỉ dưỡng quân một hai ngày. Phải thú thực là với các cuộc di chuyển liên tục khi bằng xe, khi bằng tàu Hải Quân, lúc bằng phi cơ trực thăng, cuộc sống lang thang mệt mỏi vì di chuyển khiến cả lính lẫn quan đều bơ phờ, hộc hác. Có thể nói, đơn vị chẳng có ngày nào là một ngày nghỉ dưỡng quân thực sự. Lãnh thổ phụ trách thì quá rộng, đơn vị quân đội trách nhiệm an ninh lại quá ít. Cả khu chiến Tiền Giang lúc đó chỉ có một mình SĐ7 là lực lượng chính, thỉnh thoảng vì nhu cầu hành quân, có sự tăng cường của một hai đơn vị TQLC, BĐQ, hoặc Nhảy Dù trong một thời gian ngắn.

Cho đến cuối tháng 10, Tiểu Đoàn 3/11 mới di chuyển từ Vĩnh Bình sau các cuộc hành quân tại Cầu Ngang, Cầu Kè, Long Toàn, Long Hữu trở về lại Định Tường. Nghỉ được hai ngày tại Cai Lậy, tiểu đoàn tiếp tục hành quân vùng Cổ Cò thuộc Đồng Tháp; 3 ngày sau đó kéo về Ngã Ba Thủ Thừa thuộc tỉnh Long An chờ lệnh. Hôm đó là ngày 9 tháng 11.

Đại Úy Huỳnh Văn Chính về BTL/ SĐ7 họp hành quân.

Hôm sau, sáng ngày 10 chúng tôi kéo về ngã ba Phú Lâm tham gia đảo chánh!

Ngày 14, các đơn vị chính của địch áp sát thành phố Mỹ Tho. Tiểu Đoàn 3/11 được lệnh lên xe khản cấp trở lại chiến trường. Buổi trưa cùng ngày đoàn xe dừng bánh tại ngã ba Dưỡng Diêm đổ quân. Chúng tôi tiến quân dọc theo phía Bắc của con rạch đi về hướng sông Mỹ Tho. Khi đơn vị cách tuyến xuất phát chừng 3 cây số, đại đội tôi đi đầu chạm địch.

Trận đánh với đơn vị chính quy CS thứ hai tôi gặp kể từ sau ngày ra trường. (Sau trận đánh tại Sóc Ruộng, Vĩnh Bình với Tiểu Đoàn 307 vào khoảng tháng 7.)



Địch sử dụng đủ loại vũ khí hạng nặng, phòng không, đại liên, súng cối để cầm chân đơn vị chúng tôi. Xế chiều, Đại Úy Chính, tiểu đoàn trưởng, bị thương nặng; Thiếu Úy Thuận, đại đội trưởng chỉ huy, cũng bị thương. Đại Úy Cao (mới được gán cấp bậc đại úy sau ngày đảo chánh - không liên quan gì với vụ đảo chánh cả. Ông tốt nghiệp khóa 4 Thủ Đức và được đề nghị từ trước, nhưng chưa kịp gán lon thì tiểu đoàn kéo về Sài Gòn nên nhân tiện trước khi lên xe đi Dưỡng Diêm, Đại Úy TĐT gán luôn cho ông!) Đại úy Cao được chỉ định làm tiểu đoàn phó cho Đại Úy Năng lúc này được BCH/TRĐ chỉ định thay thế Đại Úy Chính và tôi được đôn lên làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 tại mặt trận.

Trận chiến tiếp tục cho tới chiều. Ba bốn phi tuần khu trục AD6 từ Sài Gòn bay vùn vụt oanh kích vị trí cố thủ của địch. Súng cối, phòng không địch cũng thi nhau nhả đạn vào lực

lượng của ta. Nhờ những nương đào trong các vườn cây ăn trái, đại đội tôi sử dụng như những giao thông hào nên đã đẩy lui ít nhất hai lần địch quân xung phong muốn tràn qua tuyến. Đêm xuống rất nhanh, thương binh được di tản bằng đường bộ lui về phía sau ra ngã ba Quốc Lộ 4, từ đó di tản bằng xe về Quân Y Viện 7, hoặc Tổng Y Viện Cộng Hòa.

Sáng ngày 15, tiểu đoàn được lệnh tiếp tục tiến vào lục soát vị trí phòng thủ của địch. Một số xác chết địch còn nằm ngổn ngang trong các hầm cá nhân, băng bông máu me vương vãi khắp nơi. Địch tổn thất khá nặng. Phần còn lại lợi dụng đêm tối, băng theo ruộng lúa rồi lẩn trốn vào khu Đồng Tháp bao la.

Buổi chiều cùng ngày chúng tôi được lệnh lên xe trở về chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho nghỉ dưỡng quân và bổ sung quân số, quân trang thiết bị.

Buổi chiều tối, các niên trưởng Cường, Tiến, cùng Mão, và tôi rủ nhau qua cầu Mỹ Tho uống bia. Từ trong một quán ven sông, nhìn ra đường, cuộc sống diễn tiến bình thường, phẳng lặng. Tôi có cảm giác chẳng ai quan tâm tới những cuộc lộn xộn chính trị vừa mới xảy ra tại Sài Gòn, cũng chẳng ai quan tâm tới trận đánh ác liệt mà chúng tôi vừa mới trải qua cách đây hai ngày. Cuộc chiến này hình như được khoán trắng cho những người lính. Sư đoàn, những diễn biến tiếp theo sau đó, có lẽ vì lý do chính trị, ngay cả các cấp chỉ huy cao hơn trong BTL cũng thay đổi nhanh chóng. Đại tá Đạm, rồi tướng Có, rồi tướng Đồng thay phiên nhau bàn giao trong khoảng thời gian chưa tới 2 tháng.

Hai

Tháng 9/1964, Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị về làm tư lệnh sư đoàn sau khi đã thay thêm ba tư lệnh, tổng cộng là 6 vị tư lệnh kể từ sau ngày đảo chánh. (Lần lượt là Bùi Đình Đạm, Nguyễn Hữu Có, Phạm văn Đồng, Bùi hữu Nhơn, Huỳnh văn Tồn, Lâm văn Phát!) Tình hình chiến sự tạm lắng. Trước đây,

trực thăng UH17 - hình trái chuối - là phương tiện chủ chốt dùng để đổ quân trong trận đánh Ấp Bắc ngày nào. Vì vận tốc chậm chạp, hình thể to lớn khó xoay trở của máy bay, cộng thêm vào đó là yếu tố bất ngờ về việc trang bị vũ khí nặng, với số quân chính quy đông đảo của địch là lý do chính cho Việt Cộng tạo nên một chiến thắng để chúng tuyên truyền! Giờ đây các trực thăng này được thay thế dần bằng loại trực thăng HU1D gọn nhẹ, năng động hơn.

Khi về làm đại đội trưởng Trinh Sát 11, tôi đã có rất nhiều dịp hành quân trở lại vùng này. Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị là vị tướng đầu tiên mang đến cho Sư Đoàn 7 nhiều thay đổi tích cực. Ông áp dụng tổ chức các đại đội trinh sát cho các trung đoàn bộ binh, theo kinh nghiệm khi ông còn làm tư lệnh của Sư Đoàn 22 trên Cao Nguyên. Với tính năng gọn nhẹ, linh hoạt trong điều động; chuyên dùng để trinh sát, đột kích là hai nhiệm vụ chính của các đơn vị này. Trong bảng cấp số do Bộ Tổng Tham Mưu đưa ra, các sư đoàn Bộ Binh vùng đồng bằng thời gian đó không có tổ chức này. Tướng Trị linh động cho các trung đoàn lấy các binh sĩ tinh nhuệ của các tiểu đoàn để thành lập - Mỗi tiểu đoàn chịu trách nhiệm quản trị một trung đội - Nói cách khác, ngoại trừ đại đội 7 Trinh Sát là có bảng cấp số hẳn hoi, còn lại ba đại đội 10, 11, 12 là các đại đội trinh sát “lậu”, nằm ngoài bảng cấp số.

Từ khi Tiểu Đoàn 7 Trinh Sát (gồm 4 Đại Đội 7, 10, 11, 12 TS) được “bí mật” thành lập, chiến trường khu chiến Tiền Giang trở nên sôi động hẳn. Thiếu tá Thu, phụ tá hành quân của Tướng Trị, và Thiếu Tá Lê Nguyên Bình, Trưởng Phòng 2 SĐ, những người trách nhiệm sử dụng trực tiếp tiểu đoàn này, đặt tên cho một chiến thuật mới: **Đom Đóm - Điều Hâu!**

Từ đó, trên chiến trường bao la trống trải của Đồng Tháp, ngay sau khi phi cơ trinh sát phát giác ra các đơn vị cộng sản di chuyển, lập tức, tùy theo tình hình, các đại đội trinh sát sẽ mau chóng lên phi cơ, trực thăng vận đổ lên đầu địch để bắt sống hoặc tiêu diệt! Các đại đội TS là những con Điều Hâu

theo đúng nghĩa - lặn lơ giữa trời cao bỏ xuống đầu địch, sau các đợt càn quét của phi cơ trực thăng võ trang bay kèm yểm trợ. Thanh toán chiến trường chớp nhoáng, đơn vị lại lên phi cơ trở về các phi trường dã chiến lân cận để chờ một cuộc đổ quân mới. Những hợp đoàn trực thăng chở quân bay cao trên vòm trời đêm, đằng sau mỗi chiếc phi cơ là những đóm đèn màu đỏ lập lòe như những bầy đom đóm! Địch bắt đầu lo sợ khi di chuyển. Vùng mật khu Đồng Tháp không còn là chốn vườn hoang nhà trống cho chúng lộng hành!

Tháng 10 năm 1965, một trận đánh ác liệt khác tại vùng mật khu Xuân Sơn, Cẩm Sơn thuộc quận Cái Bè giữa hai Trung Đoàn 11 và 12 của Sư Đoàn 7, Tiểu Đoàn 41 BĐQ, Tiểu Đoàn ĐPQ Định Tường, Thiết đoàn 6 Kỵ Binh, Không Quân, và Giang Đoàn 21 Hải Quân tại Mỹ Tho với Trung Đoàn Đồng Tháp Cộng Sản. Trận đánh kéo dài hai ngày đêm với tổn thất nặng cho cả hai phía. Sau trận đánh, Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị bàn giao sư đoàn cho đại tá Nguyễn Viết Thanh.

Ba

Tôi có thể nói ngay, **Tướng Thanh là người sử dụng chiến thuật “Đom Đóm - Điều Hâu” thành công nhất trong thời gian ông làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7.** Thay vì đón đánh các đơn vị CS di chuyển lẻ tẻ trên chiến trường Đồng Tháp, ông mở rộng vùng hoạt động sang các chiến trường cận biên với Kampuchia, nơi tập trung các căn cứ tiếp liệu, bổ sung và bộ chỉ huy của cái gọi là MTGP, nơi các tỉnh ủy Long An và Định Tường trốn lánh ẩn núp.

Tướng Thanh mang đến một nét sinh hoạt mới: các cuộc họp rút kinh nghiệm sau các cuộc hành quân lớn! Các cuộc họp này được tổ chức ngay tại BTL/SĐ do các ban tham mưu SD cùng các đơn vị trưởng hành quân tham dự. Tướng Thanh ngồi chăm chú theo dõi diễn tiến cuộc hành quân do trung tâm hành quân SD thuyết trình, các cuộc điều động lực lượng của các đơn vị trưởng, kết quả trận đánh. Đến phần nhận xét phê bình, ông trình bày ý kiến của mình hoặc khen ngợi đơn

vị này hoặc phê bình đơn vị kia... Cuộc họp không mang tính chỉ trích hay la hét mà một số vị chỉ huy trưởng thường làm. Ngược lại, đúng là một cuộc họp tìm ra kinh nghiệm để cuộc hành quân tương tự trong tương lai có kết quả tốt đẹp hơn.

Bốn

Giữa năm 1965, tôi bàn giao lại Đại Đội Một, Tiểu Đoàn 1/11 cho Thiếu Úy Lê Văn Ba về nhận bàn giao Đại Đội TS 11. Đại đội vừa chịu tổn thất nặng sau trận đánh ở Cái Nứa thuộc quận Kiến Đức Định Tường; Trung úy Trương Văn Ba, Đại Đội Trưởng tử trận. Trung Tá Trung Đoàn Trưởng Nguyễn Văn Lộc, Khóa 6 Đà Lạt, kêu tôi lên trình diện. Ông ân cần dặn dò tôi với lời hứa sẽ cho đại đội nghỉ hai tuần để bổ sung và chỉnh đốn tinh thần binh sĩ. Vị trí tạm trú của đại đội nằm sát chân cầu Long Định. Buổi trưa trời nóng như đổ lửa, tôi đi theo Thiếu Tá Trung Đoàn Phó sang nhận bàn giao đơn vị. Tổng cộng cả quan lẫn lính là 65 người (trên tổng số 81 người theo danh sách trước đó)! Thượng Sĩ Thường Vụ Tuyển cho đại đội sắp thành hàng để giao lại cho tôi. Việc đầu tiên tôi làm là gặp ngay các trung đội trưởng để tìm hiểu những nhu cầu trang thiết bị của đơn vị. Và đúng như lời hứa của Trung Tá Lộc, sau hai tuần chỉnh trang Đại Đội TS11 đã sẵn sàng tham chiến. Quân số tôi có là 90 người.



*Thiếu Tướng Nguyễn Bảo Trị,
1966*

Đại đội có thêm hai chuẩn úy bổ sung về làm Đại Đội Phó và Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 và 2. Trung Đội 3 là một thượng sĩ. Các binh sĩ được bổ sung về là những binh sĩ tình nguyện có kinh nghiệm chiến trường.

Tiểu đoàn 7 TS, lúc tôi về làm đại đội trưởng TS11 - như tôi đã trình bày, gồm 4 đại đội trinh sát. Đại Đội 7 do trung úy Lê Hữu Cừ, Khóa 16 Võ bị là đại đội trưởng, Đại Đội 10TS do Trung Úy Phan Thái Gia, khóa 10 Thủ Đức chỉ huy, Đại Đội 11 do tôi chỉ huy, đại đội 12 do Thiếu Úy Lã Văn Tiêu—người có kinh nghiệm chỉ huy từ thời làm lính commando của Pháp—người nổi danh với cái tên **“Nghe súng nổ như lân thấy pháo!”** (Có một chi tiết thú vị là sau khi sang định cư tại Hoa Kỳ năm 1992. Tôi gặp lại đại úy Trần Ngọc T - từng giữ chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 2/44 khi tôi là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn này trong năm 1970. Khi gặp lại nhau tại San Jose, tôi mới biết bà xã của T chính là con gái của Đại Úy Lã Văn Tiêu, TS12 tôi vừa kể ở trên!).

Khi nào hành quân phối hợp từ 3 đại đội trở lên, Phòng Nhì Sư Đoàn cử Đại Úy Hoàng Trọng Hiền chỉ huy tổng quát.

Năm

Cuối năm 1965, Tiểu Đoàn 7 Trinh Sát tham gia trận tập kích vùng giáp ranh giữa tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, và Kampuchia - mặt khu Sông Trăng/ Ba Thu của CS. Các đại đội luân phiên trực thăng vận vào các mục tiêu đã được Phòng Nhì Sư Đoàn nghiên cứu kỹ từ không ảnh chụp được. Ngồi trên phi cơ nhìn xuống cả cánh đồng mông mênh nước, thật khó ai có thể ngờ được trong các bụi lùm xơ xác nằm rải rác trên các gò đất cao kia lại có thể là các hầm trú, kho tàng tiếp liệu của địch. Chỉ với 16 trực thăng chở quân và 6 trực thăng vũ trang, hai đại đội ứng chiến trên sân banh Hậu Nghĩa, hai đại đội luân phiên nhảy vào các mục tiêu nghi ngờ. Từ sáng tờ mờ cho tới chiều chạng vạng, các đại đội TS luân phiên càn quét lục soát trên một phạm vi khoảng 200 cây số vuông dọc theo biên giới Việt Miên để tiêu diệt các căn cứ hậu cần và bộ chỉ huy quân sự, hành chánh của tiểu khu Long An của CS—một điều mà chỉ có chiến thuật này mới có thể làm được thay vì phải sử dụng một lực lượng hành quân hỗn hợp lớn hơn nhiều lần mới có thể đạt cùng kết quả.

Cuộc hành quân không có chạm súng lớn nhưng kết quả lại rất khả quan. Phần lớn các căn cứ hậu cần của địch bị đơn vị chúng tôi tịch thu, hoặc phá hủy. Chúng tôi cũng phát giác và tịch thu nhiều kho súng cá nhân, thuốc men, các dụng cụ y khoa, tài liệu và bắt một số tù binh. Tồn thất của đơn vị TS là không đáng kể!

Khoảng 11 giờ trưa, sau đợt nhảy trực thăng đợt hai vào mục tiêu là một căn chòi nhỏ nằm chênh vênh giữa cánh đồng nước phèn, chúng tôi lục soát một chòi vịt, bắt hai tù binh già và khám phá ra 10 cây súng phòng không 12ly8 mới tinh còn bọc giấy dầu nằm trong một đụn rơm! Tướng Thanh ngay sau khi nghe tin tôi báo cáo, đã đáp máy bay trên đỉnh gò và vào chứng kiến tận mắt đồng chiến lợi phẩm của đơn vị chúng tôi. Ông nở nụ cười vui vẻ, hỏi han khích lệ chúng tôi cố gắng lục soát thật kỹ khu vực. Tướng Thanh ra lệnh cho các trực thăng khác tới chở số vũ khí và tù binh về. Còn đồng đạn được được đơn vị công binh sư đoàn tới phá hủy. Ông lên trực thăng tiếp tục điều động chỉ huy. Cứ mỗi lần có đơn vị báo cáo chiến lợi phẩm, ông lại đáp xuống tận nơi quan sát tại chỗ.

Máy bay của Tướng Thanh chỉ rời vùng khi những người lính của Tiểu Đoàn 7 TS được bốc ra hết khỏi khu vực hành quân. Đó là kỷ niệm đầu tiên của tôi với vị tư lệnh mà tôi kính mến.

Sáu

Khoảng tháng 9/1966, Sư Đoàn 7 tổ chức cuộc hành quân vào mật khu Hốt Hỏa thuộc Thạnh Phú, Kiến Hòa. Mật khu nằm sát biển. Nơi đây Cộng Sản lợi dụng vùng nước ngập mặn này làm khu an toàn cất giấu vận chuyển vũ khí và là nơi trú ẩn của tỉnh ủy Kiến Hòa. Trong một vùng rừng ngập nước, ẩn dấu dưới các lùm cây đước, cây bần um tùm xanh kín là nơi mật khu an toàn có người ở của CS. Chiều chiều khi thủy triều dâng, cả vùng ngập nước. Nếu dùng tàu của Giang Đoàn 21 Xung Phong Mỹ Tho để đổ bộ, Việt Cộng sẽ di chuyển phân tán rất nhanh. Địa thế lại còn khó khăn hơn đối với một cuộc

hành quân trực thăng vận vì rừng cây không có bãi đáp cho trực thăng. Tướng Thanh đã tìm ra lời giải cho bài toán này. Dĩ nhiên đối với các lực lượng đặc nhiệm khác như Hải Kích hoặc Biệt Kích Nhảy Dù, chuyên tổ chức cuộc hành quân có thể dễ dàng hơn nhiều, nhưng đây là một đơn vị bộ binh, tổ chức một cuộc hành quân đặc biệt trên địa thế này là rất khó.

Để bảo đảm tính bí mật của cuộc hành quân, chúng tôi chỉ được triệu tập về BTL/SĐ để nghe phổ biến lệnh hành quân có hai tiếng đồng hồ trước khi ra sân bay. Thang giầy và phao cứu nạn chỉ được cấp phát sau khi cả đơn vị đã có mặt trên phi trường Hồ Nước, Mỹ Tho. Được cái lính Trinh Sát mau hiểu nên qua ít thời gian hướng dẫn cách sử dụng, chúng tôi đều biết phải làm gì.

Hai Đại Đội 7 và 11 được trực thăng vận đầu tiên vào mục tiêu. Trong khi máy bay vũ trang bay vùn vụt sát đọt cây để tìm kiếm địch, cũng là lúc từng người một, chúng tôi đu theo thang dây xuống các lùm cây bên dưới! Chuyện hào hứng đầu tiên là hạ sĩ mang cây đại liên M60 của Đại Đội 7 TS trong khi cùng đồng đội đu theo thang xuống thì bị một du kích vác súng bắn lũng bàn tọa. Để an toàn không ăn thêm phát đạn thứ hai, anh chàng này buông tay cho rơi tự do ngay lên đầu tên du kích! Dĩ nhiên là với sức nặng của súng ống và thân mình hộ pháp của xạ thủ, tên Cộng Sản nằm dưới chết ngay không kịp phản ứng! Đại Đội 7 lập công đầu khi phát giác ra một chòi làm việc thuộc Tỉnh Ủy Kiến Hòa của CS, lấy rất nhiều tài liệu và một số súng ống, đạn dược cùng tiêu diệt một số cán binh Cộng Sản.

Nửa tiếng sau Đại Đội Trinh Sát 11 vào vùng. Khu vực chúng tôi xuống cũng là một vùng cây đước rậm rạp không rõ ở dưới các tán lá là cái gì! May mắn hơn, hai căn chòi lá nằm ngay trang dưới những tán lá kết chặt lại với nhau đã bị trực thăng võ trang, phát giác trước đó ít phút, đã bị bắn cháy. Khi đơn vị chúng tôi xuống tới đất, lửa khói vẫn còn nghi ngút. Cái may thứ hai đó là hai căn chòi này chỉ chứa súng tiểu liên

chứ không có lựu đạn hoặc đạn cối! Nếu có thì không biết kết quả ra sao!

Buổi chiều hai đại đội còn lại 12 và 10 được đưa vào vùng hành quân. Các đại đội này cũng triệt phá rất nhiều kho súng đạn của Cộng Sản, bắt tù binh và tài liệu, trong đó có cả danh sách sổ cán bộ kinh tài nằm vùng của tỉnh Kiên Hòa. Kết quả sau cuộc hành quân, các cơ sở nằm vùng này đều bị triệt phá.

Chiều nắng tắt dần, nước đã lội ngang đầu gối. Chúng tôi mang phao cứu nạn màu đỏ rực cả khu rừng, bị bơm lội và đang toan tính không biết đêm nay sẽ ngủ nghỉ ra sao. Lệnh trên cho biết không thể triệt thoái bằng trực thăng như thường ngày chúng tôi đã quen. Cả đơn vị leo lên cây ngồi ngủ! Trong cái vắng lặng của khu rừng được dưới chân, tiếng sóng biển vỗ ầm ỉ từ xa vọng lại, một thứ âm thanh đều đều trầm buồn làm người lính rất nhớ nhà. Tất cả chìm trong im lặng, lâu lâu mới có tiếng “ùm” do một anh chàng nào ngái ngủ rơi xuống nước!

Tôi không ngủ suốt đêm hôm ấy. Suy nghĩ vẩn vơ đủ mọi thứ chuyện. Năm ấy tôi mới có đứa con đầu lòng. **Tôi không biết sau này khi con tôi lớn khôn, nó có cơ hội để nhìn một đất nước đầy đau thương này có cơ hội sống trong no ấm, tự do? Nó có hiểu được những cơ cực của đời một người lính lứa tuổi cha ông như chúng tôi đang chiến đấu bảo vệ cho cuộc sống tự do no ấm của Miền Nam thân yêu? Nó có nhìn ra sự tàn độc, ngu muội của đám lãnh đạo Miền Bắc khi lừa một nửa dân tộc đi tàn sát một nửa còn lại để rồi cả dân tộc này tan hoang tàn lụi?** Những ý nghĩ lan man theo con nước bắt đầu ròng lúc trời rạng sáng. Một số vùng đất cao lại hiện ra, những đường thông thủy nhỏ biến thành các con rạch chảy quanh co trong các lùm cây. Ở đây không có tiếng chim muông gà rừng nào báo hiệu một bình minh lại chiếu sáng. Chỉ có tiếng lao xao của dòng nước đang rút dần ra biển.

Trưa ngày thứ ba tàu Hải Quân cập vị trí ấn định đón quân.

Chúng tôi lên tàu cùng số vũ khí, tài liệu, đạn dược tịch thu được của địch trở ra.

Bảy

Mỗi đại đội TS được sự đoàn thưởng 30 ngàn để tổ chức liên hoan. Doanh trại của đại đội tôi gồm bốn căn, cất thành hình chữ nhật khoảng giữa là một sân bóng chuyền. Hai dãy dành cho khu gia binh, một cho những người độc thân, và một dùng làm kho tiếp liệu của đại đội cùng ban chỉ huy đại đội.

Tôi dùng toàn bộ số tiền thưởng để mua bia, thuốc lá cùng ít khô sặt và mực khô, một ít bánh kẹo và thuốc lá để đại đội cùng uống ăn mừng chiến thắng. Tôi gọi điện thoại mời Đại Úy Hiền, Thiếu Tá Bình và nhân tiện tôi dò hỏi muốn mời luôn cả Chuẩn Tướng Thanh không biết có được không? Thiếu Tá Bình hứa sẽ nói và trả lời cho tôi biết khi có kết quả. Những tướng khó mà có cơ hội để gặp vị tư lệnh mình kính phục. Nào ngờ một hai tiếng đồng hồ sau đó thiếu Tá Bình gọi lại cho biết Tướng Tư Lệnh



Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Quân Đoàn IV 1969.

nhận lời.

Bỗng dưng cái hăng hái bỗng bột lúc đầu khi nảy sinh ý tưởng mới tư lệnh giờ đây trở thành nỗi lo. Tôi cầu cứu Đại Úy Hiền (vị tiêu đoàn trưởng của các đơn vị TS). Tôi kê rõ là bữa tiệc sẽ chỉ có vài thứ đồ nhậu bình dân.

- "Đừng lo, không sao. Tướng Thanh chịu chơi lắm. Ông biết mà, đại đội trinh sát của trung đoàn có cấp số bổng lộc gì đâu mà làm lớn được. Và lại hôm trước ông cũng đã từng đến

tham dự tiệc mừng chiến thắng của Đại Đội 7 TS rồi. Không sao đâu, đừng lo.”

Trong dãy nhà độc thân, hai hàng mỗi bên trái 5 tấm poncho sát cạnh nhau là những “mâm” tiệc. Riêng bàn quan khách có chiếc nón sắt dùng để đồ bia uống chung được thay bằng 10 chiếc ly nhựa. Đồ ăn được bày trên mười chiếc mâm nhôm đủ kiểu mượn từ khu gia binh. Đại đội tề tựu đông đủ, ngoại trừ một tiểu đội dàn chào danh dự quần áo chỉnh tề có mặt trước cổng ra vào doanh trại để đón phái đoàn.

Tướng Thanh cùng phái đoàn đi trên hai chiếc xe jeep. Xe trước là Đại Úy Hiền - Phó Phòng Nhì, Đại Úy Miêng - Trưởng Phòng Quân Báo, và Đại Úy Lê Hữu Cừ - Đại Đội Trưởng TS 7. Xe sau do Thiếu Tá Lê Nguyên Bình - Trưởng Phòng Nhì lái, Chuẩn Tướng Thanh ngồi bên cạnh. Sau ông là Thiếu Tá Xuyên - Trưởng Phòng 3 SĐ. Tôi ra đón phái đoàn tại cổng. Khi xuống xe, tôi hướng dẫn ông cùng phái đoàn đi thẳng tới “bàn tiệc”!

Sau khi yên vị, tôi đại diện đại đội ngỏ lời cảm ơn Chuẩn Tướng Tư Lệnh cùng phái đoàn đã đến tham dự bữa tiệc liên hoan. Sau đó Tướng Thanh nói rất vắn tắt:

- “Chúc mừng đơn vị đã góp phần chiến thắng cho cuộc hành quân vừa qua. Tôi chúc Đại Đội 11 TS sẽ tiếp tục đạt nhiều chiến công hơn nữa!”

Tôi rót bia và mời ông cùng ngồi xuống sàn xi măng để uống chung vui cùng đại đội. Tất cả phái đoàn cùng đơn vị chúng tôi vui vẻ cụng ly ăn mừng chiến thắng.

Tôi nhớ rất rõ, Tướng Thanh uống chưa hết ly bia quân tiếp vụ mặt ông đã đỏ bừng. Thiếu Tá Bình nói nhỏ vào tai tôi:

- “Ông tướng không uống được nhiều đâu, nhớ đừng có ép.”

Tôi hiểu ý không rót thêm bia vào ly của ông nữa.

Mọi người nói chuyện vui vẻ, thỉnh thoảng vị tư lệnh quay qua hỏi tôi một vài nét sinh hoạt và cuộc sống của các binh sĩ

trong đơn vị. Ông cũng hỏi tôi về tinh thần chiến đấu của đại đội trong các cuộc hành quân “Đom Đóm-Điều Hâu”. Nhân cơ hội này, tôi cũng nêu lên những suy nghĩ của mình về các cuộc hành quân cấp lớn hơn với chiến thuật **”Tìm và Tiêu Diệt Địch”** hiện hành.

Tôi cho rằng những cuộc di chuyển liên tục “tìm địch” thường làm tiêu hao sức lực của binh sĩ rất lớn và điều nghịch lý là chúng ta luôn ở thế bị động khi chạm địch! Địch trong thế thủ, hằm hó kiên cố, chúng ta chỉ còn trông mong nhiều vào hỏa lực áp đảo để tiêu diệt chúng. Trường hợp địch chờ cho ta tiến sát mới khai hỏa, ta sẽ trở ngại vì khoảng cách an toàn của phi pháo không cho phép; thành ra hơn hai năm làm đại đội trưởng của các tiểu đoàn, chạm địch nhiều lần mà thành quả không nhiều như hiện nay từ ngày tôi về đơn vị trinh sát này. Tướng Thanh gật gù suy nghĩ lời trình bày của tôi. Hơn nửa giờ liên hoan, tư lệnh ra dấu muốn đi xem quanh một vòng doanh trại; tôi đứng dậy mời ông đi theo tôi. Sau khi quan sát về xộc xệch của các căn nhà vách gỗ lợp đã bước sang thời kỳ sắp “sập”, ông quay qua hỏi thiếu tá Bình:

- Sao không cho sửa sang doanh trại này?

Thiếu Tá Bình cho biết, doanh trại vốn là khu gia binh của một đơn vị công binh tạo tác đồn trú nhưng sau khi hoàn thành công việc của Tiểu Khu giao nên đã rút đi nơi khác. Phòng Nhì Sư Đoàn muốn gom các đại đội TS về tập trung tại Mỹ Tho để dễ bề điều động nên có hỏi mượn tiểu khu doanh trại này. Tướng Thanh nói Thiếu Tá Bình hãy liên lạc ngay với Tiểu Khu cho người sửa chữa. Trường hợp không có kinh phí thì Phòng 4 SĐ phải làm công việc này.

Sau đó phái đoàn lên xe ra về. Tôi tiếp tục trở lại cùng đại đội ăn uống liên hoan.

Tám

Thực tình đây không phải là lần gặp gỡ thân mật đầu tiên của Tướng Thanh và tôi. Tôi từng gặp ông nhiều lần trong các

cuộc họp hành quân hoặc trong các cuộc họp rút kinh nghiệm sau mỗi chiến thắng hay thất bại. Về điểm tĩnh, từ tốn toát ra từ cung cách cư xử, lời nói của ông luôn làm cho những ai từng làm việc dưới quyền đều quý mến và cảm phục. Ông thường dùng bữa trưa tại Câu Lạc Bộ Sĩ Quan Sư Đoàn trên một chiếc bàn vuông nhỏ, đặt trong một góc phòng. Chung quanh ông các sĩ quan khác, hoặc vắng lai, hoặc cơ hữu của BTL ngồi chung nhau ăn uống ồn ào. Bàn ăn của ông cũng chỉ gồm ba món như những sĩ quan khác: một món canh, món xào, và một món cá hoặc thịt kho mặn, không bia rượu, không thuốc lá. Tôi còn được biết, trong các cuộc hành quân lớn hay nhỏ do sư đoàn tổ chức, ông ngồi trên máy bay trực thăng chỉ huy cả ngày là thường. Trong nhiều trường hợp, bữa ăn trưa chỉ là ổ bánh mì mà cả phi hành đoàn cùng các sĩ quan tham mưu đi theo ông dùng. Đầu bếp của sư đoàn mang ra sân bay phát cho mỗi người một ổ giống nhau!

Tính giản dị, lời nói đồng đạch nhưng khoan thai, phong thái trang nghiêm nhưng không bao giờ tạo nên sự lo sợ cho người đối thoại. Ông là mẫu người lãnh đạo mẫu mực mà tôi không thể quên.

Trong cuộc sống quân ngũ, tôi đã từng được phục vụ dưới nhiều cấp chỉ huy. Có những người coi đơn vị như một phương tiện để mang đến những tính toán, lợi lộc cho cá nhân; coi nhân viên dưới quyền như một thứ thuộc hạ, gia nhân. **Có những người coi đơn vị như một gia đình, đồng đội như anh em, đồng chí hướng, coi quyền lợi của đơn vị trọng hơn quyền lợi riêng tư, xương máu của đồng đội cũng quý như sinh mạng của chính mình. Ông thuộc mẫu người thứ hai.**

Tướng Thanh xuất thân Khóa 4 Đà Lạt. Trong cuộc đời quân ngũ, ông kinh qua nhiều vai trò chỉ huy khác nhau. Ông trưởng thành trong binh nghiệp theo thứ tự từng nấc thang từ chỉ huy cấp trung đội, đến tiểu đoàn, trung đoàn, và sau đó là cấp sư đoàn, rồi quân đoàn. Cũng có một thời gian ngắn ông giữ chức vụ quản trị hành chánh; ông cũng

từng làm tỉnh trưởng tỉnh Long An, quê của ông.

Ngày 2 tháng năm 1970, trong cuộc hành quân phối hợp quy mô cấp quân đoàn. Quân đoàn 4 do ông chỉ huy, huy động lực lượng cơ hữu của hai sư đoàn 18 và 21 để càn quét VC tại mật khu Mỏ Vẹt. Chiếc phi cơ chỉ huy của ông bị tai nạn do một chiếc phi cơ võ trang khác, sau khi trút hỏa lực vào địch, bay ngược trở lên đụng trúng. Cả hai chiếc phi cơ đều nổ tung. Tất cả mọi người trên hai chiếc máy bay đều tử nạn. Ngày hôm ấy tôi đang chỉ huy Tiểu Đoàn 2/44, phối hợp hành quân cùng một đơn vị Không Kỳ của Hoa Kỳ tại vùng Thiện Giáo, Phan thiết. Thực sự tôi chỉ được biết tin Tướng Thanh tử nạn, hai ngày sau khi cuộc hành quân tảo thanh chấm dứt và đơn vị tôi trở về Phan Thiết nghỉ dưỡng quân.

Cái chết của ông có lẽ là tín hiệu rõ nhất cho kết quả cuối cùng không mấy tốt đẹp của cuộc chiến tranh. Đất nước điêu linh, cuộc chiến đấu đang trong giai đoạn cam go kịch liệt. Ông là một trong những vị tướng tài ba, đức độ của quân đội đã ra đi trong lúc cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn định đoạt cuối cùng.

Tài ba trong chỉ huy, tận tụy trong công việc, thanh liêm đạo đức trong cuộc sống, ông là tấm gương sáng của một tướng lãnh để tôi hãnh diện vì từng được phục vụ dưới quyền. Tôi luôn tin rằng lịch sử Việt Nam sẽ ghi tên ông.

Chín

Giữa năm 1967, tôi bàn giao lại Đại Đội TS cho người bạn Nghệ Hữu Cung, cùng khóa. Tôi Về trình diện BCH/ TRĐ để về làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2/11. Niên Trưởng Nguyễn Văn Tạo, Khóa 16 cũng mới từ Trung Đoàn 12 chuyển sang nắm tiểu đoàn này trước tôi hai tuần. Cho tới cuối năm, tiểu đoàn trở thành một trong 2 tiểu đoàn chủ lực lưu động ứng chiến của SĐ đồn trú tại căn cứ Đồng Tâm, Mỹ Tho. Ở đây, tôi lại có dịp gặp gỡ các đồng môn của mình. Trong 4 đại đội

có tới 3 đại đội trưởng là dân Võ Bị thuộc từ các khóa 19, 20, và 21. Chúng tôi chia ngọt sẻ bùi và coi nhau thân thiết như anh em. Trận đánh tại Hòa Đồng, Gò Công và trận đánh trong dịp tết Mậu Thân đã mang lại uy tín cho tiểu đoàn. Tiểu Đoàn Chim Ưng Cổ Nâu (vì chiếc khăn quàng cổ màu nâu) từng làm cho các đơn vị CS nể mặt.

Tháng 5 1968, tôi được SĐ cho đi học lớp Chỉ Huy Tham Mưu tại Đà Lạt. Còn chưa đầy một tuần khóa học bế giảng, một buổi sáng đi ra một sạp báo gần trường, tôi đọc được tin dữ. BCH Tiểu Đoàn 2/11 bị đám cán binh CS, trà trộn theo số tân binh mới được bổ sung về tiểu đoàn, nội ứng đánh đặc công ngay trong giờ giải lao buổi tối lúc đang ngồi xem TV tại căn cứ Đồng Tâm. Tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó kiêm đại đội trưởng chỉ huy, sĩ quan hành quân, sĩ quan quân báo tiểu đoàn, sĩ quan tiếp liệu... đều tử thương vì lựu đạn của địch!

Tôi bàng hoàng không tin vào đôi mắt mình. Chiến tranh đã cướp đi bao nhiêu huynh đệ của tôi. Tôi nhớ tới Niên Trưởng Tạo, các niên đệ 19, 20, 21 đã ra đi trong làn nội tuyến ấy. Tôi thực tâm muốn được trở về lại đơn vị cũ và bức điện của trung tá Trần Tiến Khang trung đoàn trưởng càng làm tôi nôn nóng hơn. Ông viết vắn tắt.

- “Hãy về bàn giao gấp tiểu đoàn sau khi mãn khóa học. Nghi phép tính sau!”

Cùng lúc, Chuẩn Tướng Trương Quang Ân cũng được Bộ TTM chấp thuận bổ sung 4 sĩ quan vừa tốt nghiệp trong khóa học Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp về thay thế một số tiểu đoàn trưởng của Trung Đoàn 44. Tôi lại lọt vào trong danh sách này!

Mãn khóa, tôi về lại Sài Gòn và xuống thẳng Mỹ Tho xin vào gặp TMT/SĐ - Đại Tá Ngô Lê Tuệ-- vốn dĩ cũng là trung đoàn trưởng cũ của Trung Đoàn 11 trước đây của tôi khi tôi còn là đại đội trưởng. Lúc này, Tướng Thanh đã về Vùng IV đảm nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn IV vào cuối tháng

6 và SĐ được bàn giao lại cho Chuẩn Tướng Nguyễn Thanh Hoàng. Đại Tá Tuệ tiếp tôi trong văn phòng làm việc của ông và cho biết ông cũng đã nhận được phiếu trình xin giữ lại của Trung Đoàn 11, đề nghị SĐ can thiệp với TTM. Sư đoàn đã gửi công điện xin lưu giữ nhưng không được TTM chấp thuận. Lời cuối trước khi chia tay với tôi, ông bảo:

- Nếu còn Tướng Thanh, chắc ông có thể can thiệp được. Tướng Hoàng mới về chưa biết “toa” là ai nên cũng khó. Thôi, cứ thuận theo lệnh mà đi. Biết đâu lại là cái may không chừng.

Đại tá Tuệ là người có nét mặt như lúc nào cũng mỉm cười. Chiếc răng khểnh của ông luôn làm cho người đối diện vui theo lời nói của ông. Ông, xuất thân Khóa 5 Võ Bị, là một trong những sĩ quan đàn anh tôi mến phục.



Tôi ra trình diện BTL/SĐ23 của Tướng Trương Quang Ân, Thủ Khoa Khóa 7 Võ Bị, vào cuối tháng 8/1968. Từ đó cuộc đời binh nghiệp của tôi cuốn hút vào những trận đánh mới ác liệt ngày càng tăng. Tôi từ một Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/44, rồi trung đoàn phó, trưởng phòng hành quân SĐ, rồi trung đoàn trưởng. Thêm một lần bị thương vào tháng 8/1972 tại Kontum, cộng với hai lần khác vào các năm 64 và 67 ở Thạnh Phú, Kiến Hòa và Đồng tháp là ba lần. Những vinh nhục, khó khăn, gian nan cực khổ của đời binh nghiệp luôn được bù trừ bằng tình đồng đội của các chiến hữu, các bạn đồng môn, đồng khóa trong các đơn vị tôi từng phục vụ.

Tôi đã trưởng thành trong binh nghiệp và hiểu biết nhiều hơn qua những gian nan thử thách của cuộc sống. Nhiều đêm trong vắng lặng, tịch mịch đơn độc, tôi tự đặt cho mình câu hỏi: **Nếu được tái sinh, tôi có còn chọn lại con đường đã đi qua hay không?** Câu trả lời đa phần vẫn là **sẽ chọn con**

đường gian nan nhưng hào hùng và thấm đẫm tình chiến hữu này.

Cuộc đời con người ngắn ngủi quá. Thoắt cái mà cũng đã bước vào tuổi “cổ lai hy”. Chúng ta không ai chọn được cha mẹ mình, dân tộc mình. Đất nước có thể bỏ lại, sự nghiệp của cải danh tiếng có thể buông tay. **Nhưng cái tình, cái truyền thống rất khó bút ra khỏi tâm khảm mỗi con người. Võ Bị đối với tôi là một tình cảm thiêng liêng gắn chặt không rời. Trong vinh quang, tôi cộng chung chia sẻ cùng các niên trưởng, niên đệ của mình. Trong tù đầy, hành hạ tôi được các niên trưởng, niên đệ cứu mang, an ủi vỗ về. Quân đội là ngôi nhà lớn, trong khi Võ Bị nằm chung trong khuôn viên căn phòng gia đình nhỏ bé của tôi.**

Mười

Sư Đoàn 7 là đơn vị đầu tiên tôi thực sự áp dụng những điều mình được học từ quân trường vào thực tế. Nói một cách ví von, giống như một cô gái rời nhà cha mẹ qua nhà chồng. Những ngỡ ngàng bỡ ngỡ phút ban đầu khi thực sự có quyền chỉ huy một trung đội lính dưới tay. Từ đó mỗi quyết định ban ra, mỗi phản ứng sai lạc có thể lấy đi mạng người khác, hay của chính mình. Tôi thực sự trở thành một con ốc nhỏ trong guồng máy chiến tranh khổng lồ. Có lẽ vì điều đó cho nên tới bây giờ mỗi lần hồi tưởng, Sư Đoàn 7 vẫn là đơn vị mang nhiều kỷ niệm khó quên trong tôi. Đơn vị sau đó là Sư Đoàn 23 cho tôi không biết bao nhiêu kinh nghiệm khác trong các trận mạc gay cân khốc liệt hơn nhiều lần. Chắc vì tôi đã trưởng thành hơn, dày dặn hơn nên những cảm xúc cho dù có mới mẻ cũng đã khó tạo nên trong tôi những kỷ niệm sâu sắc, không thể nào quên như đã từng có trong đơn vị cũ.

Bây giờ là tháng 6. Ngày Quân Lực năm nay tiếp theo sau ngày Father Day. Một đội quân từng chiến đấu hào hùng đương đầu với CS xâm lăng giờ đây đã không còn. Nhưng truyền thống và sự nhục vinh của nó vẫn còn đọng lại trong đầu những người lính trẻ ngày nào. Kể chiến bại

luôn là kẻ cô đơn. Tôi luôn cố gắng giữ gìn sự cô đơn đó trong thành tín rằng mình đã chọn và đi đúng con đường đáng chọn khi quốc gia lâm nguy. Giờ đây, hồi tưởng lại những kỷ niệm xưa cũ, tôi vẫn thấy tự hào về con đường mình đã chọn, về ngôi trường Mẹ mà tôi đã được xuất thân. Tôi vẫn thấy sự ấm áp trong mỗi lần gặp gỡ những đồng môn, đồng khóa của mình.

Trên chiến trường, tiếng xung hô “niên trưởng” của một đàn em tốt nghiệp sau mình gọi lên biết bao nhiêu tình đồng đội, tương tự như khi bản thân gặp một đàn anh, khóa trước. Cấp bậc, chức vụ có thể mất vì sự lầm lẫn trên chiến trường hoặc trong cung cách cư xử; nhưng anh em thì còn mãi vì nó được gắn với nhau bằng cái tình, về một ràng buộc vô hình có tên là Truyền Thống Võ Bị. Khi sợi dây đó đứt, tình sẽ nhạt phai và chấm dứt. Chàng sĩ quan Võ Bị sẽ không còn gì để tự hào với chính bản thân và cho con cháu mình nữa. Đó là lý do tại sao trong ngày Quân Lực năm nay, tôi thấy buồn hơn bao giờ khi đọc được những bài viết nhằm lăng mạ cá nhân giữa những đồng môn của tôi tràn đầy trên nhiều diễn đàn, qua các email của khóa forward lại.

Tôi thực sự không đoán biết được sự kiện phân hóa này sẽ dẫn tới đâu, nhưng tôi biết chắc, từ nay, sau lần giông bão này chúng ta sẽ chẳng còn gì ngoài sự bẽ bàng, chán nản khi gặp nhau. Thua một trận chiến là một thất bại, nhưng tự mình triệt tiêu tinh thần chiến đấu của mình là một thảm bại. Những người thất bại có thể đứng lên tìm lại chiến thắng từ nơi mình ngã xuống, nhưng những người thảm bại thì không bao giờ, bởi vì họ đã chết thực sự rồi.

Rất mong là chúng ta sẽ mau sớm hiểu ra ý nghĩa thực sự của câu phương châm trên huy hiệu chúng ta đã mang trong suốt thời SVSQ: **Tự thắng để chỉ huy.**

Ngày Quân Lực 19 tháng 6 2017



Hồi ký

Sài Gòn, 30 Tháng Tư

Trần Văn Hiến, VHV

Hiệp định Paris được chính thức ký kết vào ngày 27/1/73 gồm nhiều điều khoản bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Chính phủ Nixon biết vậy, nhưng không có cách nào khác.

Khi Tổng Thống Nixon ra tranh cử vào năm 1969, ông hứa hẹn giải quyết chiến tranh VN và mang quân đội Hoa Kỳ về; nhưng khi đắc cử, ông xem chiến tranh VN là chuyện nhỏ chưa cần giải quyết gấp mà mục tiêu chủ yếu là thực hiện chủ thuyết cân bằng lực lượng thế giới thì mới giải quyết được chiến tranh.

Sau Đại Chiến Thứ Nhì, cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu. Ở Âu Châu, khối Nga Xô chiếm được một số các nước Đông Âu, trong khi ở Á Châu Trung Cộng đang bành trướng mạnh, hăm dọa nền an ninh và quyền lợi Hoa Kỳ ở Đông Nam Á. Vì thế, chính phủ Eisenhower đưa ra chủ thuyết Domino, hàm ý hễ một quốc gia Đông Nam Á lọt vào tay CS thì cả vùng sẽ sụp đổ theo. Chủ thuyết này được các chính phủ HK kế tiếp duy trì.

Tổng thống Nixon, sau khi thành công trong kế hoạch chia rẽ được Nga Xô và Trung Cộng và giành được ảnh hưởng của khối Á Rập ở Trung Đông, bắt đầu giải quyết chiến tranh VN. Là một người chống Cộng triệt để và binh vực cuộc tranh đấu của VNCH, nhưng trước sự đòi hỏi của dân chúng Hoa Kỳ, ông phải giải quyết hoà bình gấp. Trước áp lực của Quốc Hội, Hoa Kỳ buộc lòng phải ký kết Hiệp định Paris, với những điều khoản bất lợi cho VNCH.

Trong hội nghị hòa đàm Paris một số điều khoản được thông qua dễ dàng, trừ 2 điều quan trọng mà cả 2 phe bàn cãi đây đưa trong 4 năm, là:

1. Giải tán chính phủ Nguyễn văn Thiệu để thành lập chính phủ gồm 3 thành phần.

2. Quân đội Hoa Kỳ phải đơn phương rút lui.

Trong thời gian hòa đàm, Hoa Kỳ đã tổn thất thêm 25.000 quân. Cuối cùng 2 phe đi đến thỏa thuận:

1. Chính phủ Nguyễn văn Thiệu vẫn cầm quyền, và sẽ có một cuộc bầu cử gồm 3 phe tham dự.

2. Quân đội ngoại quốc rút ra khỏi miền Nam, hàm ý quân đội CS không phải là ngoại quốc vẫn được quyền ở trên lãnh thổ miền Nam.

Những điều khoản bất lợi này không được chính phủ VNCH chấp nhận. Chính phủ Nixon, ở vào cái thế không dừng được, phái ông Kissinger sang thuyết phục TT Thiệu. Ông Thiệu không chịu, đã quay lưng, khiến ông Kissinger về tay không. Ông đã thú nhận,

- “Trong cuộc đời chính trị hơn 15 năm, tôi chưa bao giờ gặp cảnh ngộ như vậy.”

(1) Sau đó tướng Alexander Haig, phụ tá Cố Vấn An Ninh Quốc Gia, được phái qua thuyết phục Tổng thống Thiệu. Ông Thiệu vẫn giữ lập trường không nhượng bộ và đã hỏi lại ông Haig,

- “Ông là tướng, tôi cũng là tướng, giả sử có cuộc xâm lăng của Nga Xô trên lãnh thổ Hoa Kỳ, và nếu có một cuộc ngưng chiến, ông có chấp nhận để quân đội Nga Xô ở lại trên đất Mỹ không?”

(2) Tổng thống Nixon hiểu rõ hoàn cảnh, nhưng không có cách nào khác trước áp lực của lưỡng viện Quốc Hội, nên lại phái ông Kissinger sang Sài Gòn lần thứ 2, với một lá thư cầm tay, cam kết chính phủ Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh nếu CS

vì phạm hòa ước. Do đó, cuối cùng chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đồng ý ký kết hiệp định Paris.

Tổng Thống Nixon được tái cử nhiệm kỳ 2, và Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Nhưng không may, những biến cố khác dồn dập xảy ra: Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự; tiếp theo tháng 6/73, không cho sử dụng không lực Hoa Kỳ ở VN, Lào, và Kampuchea; rồi tháng 7/73, với đạo luật War Power Act, không cho gửi quân đội Hoa Kỳ ra ngoại quốc; và cuối cùng sự từ chức của Tổng Thống Nixon vì vụ Watergate vào tháng 8/74. Từ đây, thì số phận miền Nam coi như không còn được ai lưu ý nữa. Trong khi đó, CS miền Bắc được khôi CS viện trợ hùng hậu đang chuẩn bị chiến tranh đánh chiếm miền Nam.

Sau trận mùa Hè Đỏ lửa 1972, lực lượng CS bị thiệt hại nặng nề và gặp khó khăn về tiếp liệu vì bị Hải Quân Hoa Kỳ gài mìn phong tỏa vịnh Bắc Việt và bị oanh tạc nặng. Nhưng sau Hiệp định Paris 73, Tướng Văn Tiến Dũng cũng cố lại tất cả các sư đoàn ở vùng giới tuyến. Vào đầu 74, Tướng CS Dũng trang bị lại tất cả sư đoàn với vũ khí tối tân, xây cất những đường sá mới, thiết lập những ống dẫn dầu để yểm trợ cho công việc tiếp vận vào miền Nam, thiết lập những trung tâm huấn luyện, dựng lên những trung tâm sửa chữa, dự trữ đồ tiếp liệu và thành lập những đơn vị cứu thương. Cho nên vào cuối 74, quân đội CS không còn sợ vấn đề tiếp liệu nữa.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thúc giục Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công miền Nam, nhưng Ủy Ban Quốc Phòng gồm Giáp và Dũng tỏ ra e dè. Trong buổi họp Bộ Chính Trị CS năm 74, Dũng tiên liệu phải mất nhiều năm để xâm chiếm miền Nam vì sự can thiệp của không lực Hoa Kỳ. Trước khi mở cuộc tổng tấn công miền Nam, Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long làm mục tiêu tấn công, cách Sài Gòn 40 dặm phía Đông Bắc, để đánh giá tình hình quân lực VNCH. Vào ngày 26/12/74, Dũng cho hỏa lực pháo kích.

Vào ngày 5/2/75, y tung 2 sư đoàn với thiết giáp và pháo binh yểm trợ tấn công thị xã. Máy bay B.52 không xuất hiện, còn không lực VNCH quá yếu nên đành rút bỏ khỏi tỉnh. Phước Long mất ngày 6/2/75 cho thấy Hoa Kỳ không can thiệp, nên VTD mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột. Chiến lược của Dũng là giương Đông kích Tây, nghĩa là khuấy rối chỗ này, rồi tập trung lực lượng đánh chỗ kia. Dũng cho một đơn vị khuấy rối Pleiku, trong khi tung 3 sư đoàn đánh Ban Mê Thuột.

Cuộc tấn công bắt đầu ngày 10/3/75 và BMT thất thủ ngày 11/3/75. Theo một số nhà quân sự ngoại quốc, tình hình chưa



Những người lính cuối cùng tại cầu Saigon vào ngày 30 tháng 4 năm 1975

đến nỗi bi quan, nhưng ông Thiệu có những quyết định vội vàng và hoảng sợ, bỏ Pleiku và Kontum để phản công tại Ban Mê Thuột; và bỏ Quảng Trị và Huế để cố thủ Đà Nẵng (3). Đà Nẵng rơi vào tay CS ngày 29/3. Như vậy CS đã chiếm trọn Vùng 1 Chiến thuật. Dũng tiếp tục xua quân chiếm vùng 2 Chiến Thuật. Từ đây, quân đội VNCH sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 25/3, Văn Tiến Dũng được lệnh chiếm Sài Gòn trước mùa mưa, vào giữa tháng 5. Dũng liên tung 16 sư đoàn bộ binh, hàng trăm chiến xa, đại bác và hỏa tiễn, súng phòng

không vào thành phố Sài Gòn.

Đầu tháng 4/75, lực lượng CS gồm 18 sư đoàn tiến về Sài Gòn theo 5 mũi dùi với mục đích đánh chiếm thành phố chớp nhoáng, để tránh cuộc ác chiến giành từng khu phố. Bất lực, ông Thiệu từ chức trao lại chính quyền cho cụ Trần Văn Hương và rời VN ngày 21/4, giữa lúc Xuân Lộc, cửa ngõ vào Sài Gòn, rơi vào tay CS.

Sài Gòn trong những ngày đầu tháng 4/75 bao trùm không khí chiến tranh. Thành phố và các vùng phụ cận đầy nghẽn dân chúng di tản từ cao nguyên và các tỉnh miền Trung về. Họ ngơ ngác như những kẻ mất hồn vì gia đình thất lạc, tài sản tiêu tan, hoàn cảnh thật đau thương. Có người lạc vợ hay mất chồng; có người bỏ mạng vì chen lấn, hay chết đói, chết khát trên những tàu cũ kỹ, thiếu an toàn, khi di tản từ Đà Nẵng vào Sài Gòn một cách liều lĩnh; có người rơi xuống biển, hay chết thê thảm, khi chiếc tàu kéo theo đứt dây trôi ra biển cả.

Giữa lúc đó, tin tức thất trận các nơi gởi về hàng ngày khiến dân chúng càng hoang mang; đồng thời có những tin đồn thất thiệt như chính phủ Hoa Kỳ đang điều đình ngưng chiến, hay phi cơ B.52 sẽ xuất hiện vào giờ cuối cùng, hay Trung Cộng đang làm áp lực ở biên giới Bắc Việt để CS rút quân. Trong khi đó, một số người tìm cách vào sân bay Tân Sơn Nhất để di tản ra ngoại quốc, với các kiều dân và nhân viên Hoa Kỳ.

Cụ Trần Văn Hương được mời ra lập chính phủ. Buổi lễ bàn giao được TV Sài Gòn trực tiếp truyền hình. Cụ trông già nua, mái tóc bạc phơ, giọng run run như khóc. Cụ thống thiết kêu gọi dân chúng siết chặt hàng ngũ sau lưng quân đội và nguyện hy sinh hơi thở cuối, cùng tâm thân già để phục vụ đất nước, nhưng chẳng mang lại được chút hy vọng cho mọi người.

Tình hình Sài Gòn càng nguy ngập hơn, các trục lộ nối liền với Tây Ninh, Vũng Tàu, và Cần Thơ đều bị cắt đứt.

Được non một tuần, cụ Trần Văn Hương nhường lại cho Tướng Dương Văn Minh vào ngày 28/4 để điều đình ngưng

bắn với CS. Trong khi đó, một phi đội phản lực CS gồm 5 chiếc A37 tịch thu được của Không Quân VNCH, dội bom xuống phi trường Tân Sơn Nhất, phá tan kế hoạch di tản nhân viên Hoa Kỳ bằng không vận. Siết chặt vòng vây Sài Gòn, sáng 29/4 CS bắt đầu pháo kích hỏa tiễn 120mm vào trung tâm thành phố. Tiếng đạn nổ rền trời. Một quả rơi xuống xóm Bùi Viện gây nên một đám cháy lớn, trong khi một quả rơi xuống sân chùa Chà cuối đường Lê thánh Tôn. Tiếng nổ nghe tan tành, cả khu phố rung rinh, may không gây thiệt hại gì cả. Một bà già thấy dấu vết quả đạn để lại trong sân chùa, nói với lòng thành kính,

- “Thật nhờ Đức Bà che chở!”

Sáng 30/4/75, Tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn lúc 10.15 trao chính quyền lại cho quân CS để tránh đổ máu.

Trường VBQGVN di tản từ Đà Lạt về đồn trú ở căn cứ Long Thành trên đường đi Vũng Tàu. Bộ chỉ huy hầu như tan rã. Như rắn mất đầu, chúng tôi không biết phải làm gì và ngồi chờ mệnh lệnh. Tôi về Sài Gòn thăm gia đình, và khi trở lại đơn vị thì trục lộ Sài Gòn -Vũng Tàu bị cắt đứt nên bị kẹt ở đây.

Đứng trên sân thượng ngôi nhà ở phố Nguyễn Phi gần chùa Chà, tôi nghe tiếng chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa Đại sứ Hoa Kỳ, ở Sài Gòn vào chiều ngày 29 tháng 4. Tôi đã bàng hoàng, sững sờ không ngờ Sài Gòn mất quá đột ngột và cảm thấy như kẻ bị bỏ rơi trên hoang đảo, vì từ đây bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Sáng hôm 30 tháng 4, khi nghe tiếng xe tăng của quân CS chạy vào thành phố, tôi run người lên. Trước viễn ảnh một cuộc tắm máu ở Sài Gòn như ở Phnom Penh, tôi lấy kéo cắt vụn tấm thẻ căn cước sĩ quan bọc nhựa và thủ tiêu những tấm hình mặc quân phục, với hy vọng ngậy ngô có thể tẩy xóa cuộc đời lính của mình. Suốt mấy ngày tôi không dám ra đường, lòng lo sợ như người mất hồn. Một người bạn làm

việc ở Bộ Giáo Dục ghé lại thăm nói,

- “Tôi đến rủ cậu đi phố chơi, có gì mà sợ, tôi vẫn đi làm việc bình thường và được lãnh lương tháng này,...”

Tôi nghĩ thầm, trong cuộc tử võ, các võ sĩ chọi nhau lỗ đầu chảy máu, nhưng khi vẫn cuộc họ ôm nhau trong tình huynh đệ; ngược lại trong cuộc chiến tranh giữa 2 nước, nhất là trong cuộc nội chiến VN, khi cuộc chiến tranh tàn không có nghĩa là huê cả làng, mà phe Quốc Gia bại trận phải chịu những sự trừng phạt và trả thù không lường được của phe CS. Tôi đang thất thom chờ đợi một hình phạt mà không biết xảy ra khi nào.

Một tháng sau, tôi cũng như tất cả các quân dân chính khác đi trình diện “học tập”. Tôi trình diện ở trường Gia Long. Nghe



Tại bến tàu Saigon, ngày 30 tháng 4 năm 1975.

đi “học tập”, vợ tôi tưởng như đi học chính trị nên vẫn đi thăm bà ngoại đau nặng ở Nha Trang. Tôi mang theo mùng mền, 2 bộ áo quần, bàn chải, kem đánh răng, chén đũa và tiền ăn tiêu trong 10 ngày, như được thông báo. Tôi bớt lo sợ vì thấy trước đó binh sĩ chỉ đi học 3 ngày tại phường, rồi được về nhà.

Tôi hôn 3 đứa con và nói,

- “Các con hãy ngoan ngoãn, ba sẽ về cuối tháng.”

Chiếc xe Lam đỏ xuống trước chùa Xá Lợi, trên đường Bà

Huyện Thanh Quan. Tôi xuống xe và bước trên lề đường đến trường Gia Long. Người trình diện đi tùm năm, tùm ba trông giống như thí sinh đi thi Tú Tài. Nhưng một điều không giống là thay vì cầm bút mực thì người nào người nấy đều cầm một cái xách tay, hay mang một cái sắc trên vai.

Thấy một cậu khoảng trên 20 tuổi, thấp và mập mang một cái ruột tượng quanh vai, tôi mới hỏi thân mật,

- "Bồ mang cái gì mà trông như lính thú ngày xưa vậy?"

- "Em xấu máu đói, nên sợ đói lắm. Me em may cái ruột tượng này chứa đầy gạo." Cậu vui vẻ trả lời.

Tôi nghĩ thầm đi học 10 ngày có chết gì đâu, có tiền mang theo muốn ăn gì không được. Hóa ra cậu này có lý, chắc cậu này đã có ai ở ngoài Bắc vào nói cho biết.

Tôi đứng nối hàng trước chiếc cửa hông trường Gia Long. Một tên bộ đội thân nhận giấy trình diện, hễ ai nộp giấy tức là cửa ngục khép lại. Ai dại đột đến hỏi, dù không phải là hạng đi học tập, là tự nộp mình một cách oan uổng. Có tiếng chào,

- "Thầy Chín! Thầy cũng trình diện ở trung tâm này?"

Tôi thấy mặt quen, nhưng không nhớ gặp ở đâu. Sau này ở cùng một tổ, tôi mới biết đó là anh Vũ Công Nghĩa, sinh viên VBQG, K23.

Mọi người ngồi xôm giữa sân thành hàng. Nhìn những tên bộ đội này, tôi nhớ lại 5 năm trước đây khi bị bắt dẫn vào rừng Liên Khương, Đà Lạt. Tôi đã thấy những khuôn mặt VC đội nón cối như thế. Nhờ tôi nhất định không ra đầu thú, nên thoát chết. Nay số phận trở trêu, miền Nam mất, hết đường chạy trốn nên tôi phải nộp mình.

Sân trường Gia Long đầy người, hễ cứ đủ 11 người, người ngồi đầu là tổ trưởng, và người cuối là hậu cần. Tôi tình cờ ngồi đầu toán nên tự nhiên làm tổ trưởng ngay từ phút đầu. Rồi một tên bộ đội khác dẫn vào trong một lớp học. Một chốc sau, loa loan báo hậu cần thu tiền mỗi người 10\$ để trả tiền

ăn 2 buổi trong ngày. Đến 11 giờ một chiếc xe van của nhà thầu mang thức ăn đến. Cơm nóng và 3 món ăn tươm tất ngon lành để mọi người ngồi ăn. Có người và ngậy thơ nói, “Chúng mình ở 10 ngày như vậy thì chẳng đến nỗi nào.” Tôi cũng nghĩ thăm trong bụng như vậy! Phòng chúng tôi ở tầng hai trường Gia Long. Khi ăn xong, ai nấy phải chạy xuống lầu để rửa chén đĩa. Một người bạn trẻ, tôi mới gặp lần đầu tiên, thấy tôi đi xuống lầu thì nói thân mật,

“Anh khỏi mất công đi xuống, đưa chén đĩa em rửa dùm.”

Ban đêm chúng tôi đâu bàn lại làm giường ngủ. Tôi đang loay hoay treo chiếc mùng ngăn cùn cốn mà bọn nhà thầu và quân nhu cầu kết ăn xén bớt thì một người bên cạnh nói,

“Chiếc mùng của tôi rộng, anh cùng ngủ với tôi, khỏi treo.”

Thì ra tình huynh đệ đùm bọc lẫn nhau.

Suốt 3 ngày, hết chờ ăn lại ngủ tôi chẳng thấy động tĩnh gì cả. Đến tối ngày thứ 3, tất cả được gọi ra sân tập hợp và được lừa lên những chiếc xe Zil đã đậu sẵn từ khi nào không hay trên đường Phan Thanh Giản, cứ mỗi xe khoảng 40 người. Chiếc Zil nhỏ hơn chiếc GMC, nên phải đứng chen nhau, hành lý phải bỏ xuống sàn và dẫm chân lên trên, rồi mui xe được buông xuống. Đoàn xe chạy theo đường Phan Thanh Giản, rồi biến mất trong đêm chẳng biết phương hướng nào.

Mặc dù xe đã chạy nhưng vì xe bít bùng chật chội, cũng như số người quá đông, khiến người thì kiễng chân, một tay níu trần xe; có người mỗi chân nằm liều trên đồng hành lý; có người buông mình mặc cho người khác xô đẩy. Không khí ngột ngạt, thỉnh thoảng có tiếng văng tục, “Đ.M. chật quá, chịu hết nổi.” “Đ.M. thằng nào đánh rắm thối quá.”... Xe chạy suốt đêm, mệt mỏi, và nóng nực khiến tôi chớp mắt khi nào không hay. Khi nghe tiếng ồn huyền não khiến tôi choàng tỉnh, thì xe đã đến nơi. Mui xe được vén lên, và mọi người nhảy xuống. Có người đi loạng choạng, có người tê chân ngồi một chốc mới đi được. Trời tối chẳng biết đây là chỗ nào? Có

người nói nhỏ,

- “Đây là căn cứ của Sư Đoàn 5 Trảng Lớn, Tây Ninh.”

Trảng Lớn! Đây là chặng đầu trong chuỗi đảo “học tập” (thực tế là đày ải, khổ sai).

Chú Thích:

1) Kissinger, Walter Isaacson, Simon & Schuster., New York, 1992.

(2) Ibid.

(3) Victory at Any Cost, Cecil B. Currey, Aurum Press Limited, 1997.



Chúc mừng các NT, cùng toàn thể đại gia đình VÕ BỊ một mùa GIÁNG SINH, một Năm Mới

BÌNH AN - THỊNH VƯỢNG - ĐOÀN KẾT.

*Tôi đã lưu giữ tấm thiệp này (được in từ Trường năm 1971), từ 46 năm qua.

*Trần Văn Hồ, Khóa 27
25 tháng 12 năm 2017*

Mùa Tạ Ơn

Tôi Xin Tạ Ơn Người



Trần Kim Băng E/20

Tháng Mười Một hằng năm là lúc để người Mỹ tổ chức Lễ Tạ Ơn -- tạ ơn Người, tạ ơn Trời, Đất -- một truyền thống lâu đời rất tốt đẹp của nước Mỹ về lòng biết ơn. Tháng Mười Một cũng là lúc để người Mỹ đoàn tụ với gia đình sau một năm làm việc vất vả. Nhân dịp này, vì là công dân của nước Mỹ, tôi cũng xin tạ ơn người Mỹ, tạ ơn nước Mỹ, và xin tạ ơn toàn thể quý niên trưởng, quý bạn. Xin kính chúc toàn thể quý niên trưởng, quý bạn và quý quyn một Mùa Tạ Ơn thật an bình.

Tháng Mười Một, tiết mùa Thu êm dịu, trong không khí an lành của Mùa Tạ Ơn trên đất Mỹ, tôi chạnh lòng nhớ về những mùa Thu Đà-Lạt, nói rõ hơn là ‘Mùa Thu Võ-Bị’. Mùa Thu Võ-Bị không chỉ là mùa thu ‘đoàn tụ’ như mùa Thu nước Mỹ, mà còn là mùa Thu ‘lên đường’, mùa Thu ‘chia tay’ của Võ Bị.

Trước 1975, năm nào cũng vậy, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã từng có cùng một lúc hai mùa Thu: *mùa Thu đoàn tụ* dành cho những người vừa mới bước vào đời binh nghiệp, và *mùa Thu chia tay* dành cho những người đã hoàn tất chương trình huấn luyện lên đường bảo vệ Tổ Quốc. Ngày chia tay, những tân sĩ quan vui mừng và lưu luyến tạm biệt đời 1515 ở Đà-Lạt, tạm biệt anh em và tạm biệt nhau để lên đường phục vụ đất nước, hẹn ngày tái ngộ, lòng trong niềm mơ ước một mai quê hương thanh bình.

Thế nhưng vì những lỗi lầm cực kỳ nghiêm trọng của thời cuộc trong một giai đoạn lịch sử bi thương, cho nên con ‘đại

hồng thủy' tháng Tư 1975 mới đổ ập vào quê hương, đã cắt đứt mọi niềm mơ ước. Và cho đến nay đã 42 năm, niềm mơ ước vẫn chỉ là một giấc mơ dài... chưa dứt. Hoặc cũng có thể nói, niềm mơ ước đã biến thành "Giấc Mơ Hồi Hương" không thể thực hiện, mà cách đây 63 năm nhạc sĩ Vũ Thành đã dùng để đặt tựa đề cho một sáng tác nổi tiếng của ông.

Trong "*Giấc Mơ Hồi Hương*", tác giả nhạc sĩ Vũ Thành cho biết là ông đã "*lìa xa thành đô yêu dấu một sớm khi heo may về*" và đã từng "*nghe ngào thương nhớ 'em'... Hanoi...*" trong suốt 20 năm định cư và hoạt động ở Saigon. Thế mà giấc mơ của ông vẫn không thể biến thành sự thực, mà ngược lại, giấc mơ cứ kéo dài thêm... và dài thêm mãi! Dĩ nhiên giấc mơ của ông vào năm 1954 cũng là giấc mơ của hàng triệu người đã cùng "*lìa xa thành đô yêu dấu*" như ông để đi tìm cuộc sống tốt đẹp ở miền Nam, thế nhưng họ đã im lặng vì không có khả năng như ông để nói lên tâm tình của mình. Và trong số hàng triệu người đó, rất nhiều người ngày nay đã trở thành 'người thiên cổ' như ông. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn rất nhiều người, trong đó có tôi vẫn còn đang ôm 'giấc mơ hồi hương' của ông... mà chẳng biết đến bao giờ thì giấc mơ ấy mới thực hiện được, nhưng họ vẫn cứ mơ, cứ chờ. Nếu còn hơi thở thì vẫn còn mơ và vẫn cứ chờ cho dù biết rằng mình đang mơ trong nỗi khắc khoải, mộng lung,... mơ hồ!

Một người đi sau nhạc sĩ Vũ Thành, tâm tình nặng trĩu và rất gần gũi với tâm tình của Vũ Thành là nhạc sĩ Anh Bằng cũng đã kể lại: "*Tôi xa Hà-nội năm lên 18 khi vừa biết yêu*", và ông cũng đã từng tâm sự với mọi người, mặc dù hôm nay, "*Sài-gòn bao nhiêu tà áo khoe màu phố vui*", thế mà riêng ông thì vẫn cứ mang nặng, "*tâm tư sầu lắng đi trong bụi ngùi*". Cho đến lúc gần đây, ở Nam California có lẽ ông đã chìm đắm trong nỗi khắc khoải, mộng lung, mơ hồ, để rồi cùng với Vũ Thành, ông đã ôm *giấc mơ hồi hương* sang bên kia thế giới.

Trong ngày Tạ Ôn hôm nay (23-11), rảnh rỗi, ngồi nghe, gặm nhấm lại một vài bản nhạc xa xưa, niềm cảm xúc tự nhiên

dâng trào, thúc đẩy tôi viết ra đây vài hàng thơ thiên, nhưng rất chân thành tạ ơn hai vị, tác giả của những dòng nhạc ân tình cổ điển, và xin cầu chúc hương linh **hai nhạc sĩ tài hoa đất Bắc, đã một thời khoác áo lính, sớm về an nghỉ nơi vùng trời miền viễn.**

Trên đây là hai vị nhạc sĩ miền Bắc đã di cư vào Nam năm 1954, cùng mơ ước có ngày trở lại nơi ‘chôn nhau cắt rốn’ của mình, mà không được toại nguyện. Nhưng cũng còn rất nhiều vị nhạc sĩ miền Bắc khác cũng di cư vào Nam cùng thời, đã cùng với các vị nhạc sĩ miền Trung và miền Nam rất tài hoa, cho ra đời những tác phẩm chứa nặng ân tình, với mạch sống quê hương, với lũy tre làng, với đồng ruộng, với đời lính, và với Chính Nghĩa miền Nam mà ngày hôm nay, bằng ý nghĩ tổng thể, tôi chỉ có thể viết ra đây lời tạ ơn chung **những bà Mẹ Việt Nam đã cho ra đời những người con rất đáng yêu (dù nam hay nữ, dù còn hay đã mất), rất tài hoa, đầy năng khiếu văn nghệ, giàu lòng hiếu thảo với đất nước.** Họ đã để lại cho đời những lời thơ mượt mà, những dòng nhạc bất hủ, mà ngay giữa lúc này tôi đang thưởng thức và viết những dòng chữ Tạ Ôn.

Tôi trộm nghĩ, mai kia một nọ, ngoài thế hệ của chúng tôi và một vài thế hệ đi sau nữa, có lẽ sẽ còn rất ít người biết thưởng thức những ngôn ngữ đầy chất thơ và mộng, với nhựa sống đong đầy, hòa lẫn vào nội tâm sâu thẳm tốt cùng của từng tác giả, chất chứa trong những tác phẩm ‘vang bóng một thời’ của họ. **Tôi xin cảm ơn toàn thể các nhạc sĩ của quê hương Việt Nam, đầy tài, đầy năng lực sáng tác.**

Nhớ lại ngày 20 tháng Bảy 1954 là ngày chia đôi đất nước, đến cuối tháng Mười năm ấy thì tôi theo gia đình di cư vào Nam. Ngày ấy tôi chưa đầy 12 tuổi, vẫn thường nghe các anh lớn nghêu ngao, “*Ai có về bên bến Sông Tương, nhớ người duyên dáng tôi thương...*” Cho đến bây giờ, vẫn chưa tìm hiểu Sông Tương nằm ở đâu, nhưng tôi vẫn nhớ âm hưởng đó phát ra từ miệng các anh tôi. Hôm nay, tôi đang nghe lại bản nhạc

này, nhớ đến tác giả của bài hát, nhạc sĩ Thông Đạt, người con xứ Huế và tôi xin cảm ơn ông.

Tương tự, vẫn chưa một lần quay về thăm mái trường xưa, trường Saint Thomas ở Khoái Đồng, Nam Định, mà nhiều kỷ niệm thời niên thiếu nơi quê ngoại của tôi còn sót lại ở nơi đây. Hôm mừng 3 tháng Chín vừa qua, ngày Khóa 20 chúng tôi họp mặt ở San Jose, anh Vũ Tuấn Việt (đại đội A) mỗi lần gặp tôi đều nhắc lại những địa danh đầy kỷ niệm này, nào là phố Máy Tơ, đường Paul Bert, nơi có vườn hoa Con Cóc, có chợ Rồng, có Nhà Thờ Lớn Nam Định, và trên một con đường (mà tôi quên tên) dẫn ra Bến Tàu có chợ Cửa Trường, v.v... Tôi xin cảm ơn **anh Vũ Tuấn Việt đã nhắc nhở và cùng mang một ký ức như tôi.**

Còn nhiều nữa: tôi vẫn chưa một lần quay về thăm bến đò Tân Đề, nơi mà tôi đã đôi lần qua sông bằng đò. Và nhất là tôi vẫn chưa một lần quay về nơi ‘chôn nhau cắt rốn’, làng Bồng Tiên, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, nơi có con đê vĩ đại ngăn nước sông Hồng Hà, tôi vẫn chưa tìm hiểu con đê đó có tự hồi nào, ai đắp nên nó? Làng tôi còn có Chùa Keo nổi tiếng rộng lớn, các cột kèo trong chùa không một dấu đinh và được trạm trổ rất tinh vi khéo léo, rất nổi tiếng, nằm dưới chân bờ đê.

Và còn rất nhiều thứ khác nữa tôi vẫn nhớ như in và vẫn chưa một lần quay về thăm; nhưng tất cả vẫn nằm gọn trong ký ức rất mong manh mà tôi vẫn mong được nhìn thấy một lần trước khi nhắm mắt nhưng không phải trong hoàn cảnh hiện nay; như đã có lần tôi thưa với mẹ tôi, và hứa là sẽ về... trước khi tôi mạo hiểm vượt biên bằng ghe, hồi cuối năm 1986. Lời hứa với mẹ nay vẫn còn, nhưng mẹ tôi thì đã ra đi cách đây 17 năm. Tôi không thực hiện được ‘giấc mơ hồi hương’. Ngày mẹ mất, tôi đã thấp nhang cầu nguyện, xin lỗi mẹ, tôi đã không thể về để chịu tang, và cầu xin Chúa đem mẹ về với bố tôi, ngày tôi lên đường nhập ngũ ông chờ đợi tôi và đã ra đi đúng vào dịp tôi ra trường ngày chọn binh chủng, cuối

Thu năm 1965.

Tôi đã mừng tượng, có lẽ rồi đây, tôi cũng chẳng khác gì hai vị nhạc sĩ tiền bối, cũng sẽ ôm ‘*giấc mơ hồi hương*’ xuống ‘tuyên đài’! Thế là hết! Dù sao, ngay hôm nay, tôi vẫn cảm ơn **ông, bà, cha, mẹ và các bậc tiền nhân đã có công xây dựng nên vùng đất làng tôi**. Tôi không thể quay về trong hoàn cảnh hiện nay, nhưng thật sự đau lòng, nếu mai đây, chẳng may quê tôi bị đổi tên, đổi chủ, tương tự như một số đảo trong vùng Biển Đông mà lúc nào cũng làm nổi sóng lòng người dân Việt, thì thật bất hạnh! Tôi không dám nghĩ tiếp!

Sau 1954, quê hương thứ hai của tôi là Saigon, hay nói rộng ra là cả miền Nam tính từ sông Bến Hải đến mũi Cà Mau. Cả một vùng trời bao la, hiền hòa của miền Nam, nơi đã nuôi tôi lớn lên và làm việc giúp đời, với bao kỷ niệm, tôi nghĩ, có lẽ sau nhiều lần Lễ Tạ Ôn giống như hôm nay, vẫn không đủ thời giờ để cho tôi kể hết mọi chi tiết, mọi ân tình. Cho nên tiện đây, tôi chỉ xin viết đôi dòng để cảm ơn ***người miền Nam, đất miền Nam, và cảm ơn các vị lãnh đạo miền Nam đã cho tôi một thời đáng sống***. Thời đáng sống đã chấm dứt kể từ tháng Tư 1975, khi ‘con đại hồng thủy’ ập vào làm tan biến nhiều ước mơ, nhận chìm nhiều ân tình, làm tiêu tan nhiều nét văn hóa cổ truyền đáng yêu của dân tộc! Tôi thật sự luyến tiếc ‘ánh sáng miền Nam’.

Ngồi đây, hôm nay, tôi vô tình lang thang trên ‘net’, bất chợt đọc được vài câu thơ của Thanh Tâm Tuyền..., ông khóc ‘người em Budapest’ khi biến cố đau thương xảy ra trên đất nước Hungari năm 1956, được đài phát thanh VOA ghi lại:

*“Hãy cho tôi khóc bằng mắt em,
Những cuộc tình duyên Budapest.
Hãy cho tôi chết bằng da em,
Dây xích chiến xa tội nghiệp...”*

Tôi ngẫm nghĩ, nào có khác chi những ngày miền Nam lâm vào cảnh ‘biển dâu’, khóc cho anh, khóc cho em, khóc cho

bạn bè, khi xích sắt xe tăng Nga húc sập cửa dinh Độc Lập ở Saigon hồi tháng Tư 1975. Và cũng chẳng khác chi, khi xích sắt xe tăng Tàu đè bẹp hàng ngàn bạn trẻ ở Thiên An Môn năm 1989; ngày ấy tôi nghe Đặng Tiểu Bình tuyên bố, có thể mất hàng trăm ngàn người dân chứ không thể để mất quyền lãnh đạo của “đảng”. Tôi rung mình trước hành động của một lũ đồng hội đồng thuyền, tuy khác nòi giống nhưng giống nhau về cùng một tội ác (!).

Người miền Bắc đã chẳng lạ gì những lời thơ kích động: “*Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ. Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong...*” bằng những bàn tay của dân mình nhưng bằng bộ óc của giặc Tàu, ngay trên quê hương của mình vào những năm 1953, 1954, 1955 và sau đó. Đồng thời, trong cùng một bài viết do VOA ghi lại cảm nghĩ của nhà văn Thảo Trường (một nhân vật sinh trưởng ở Nam Định, và khá nổi tiếng ở Saigon trước 1975) so sánh:

Một bên: *‘Hãy cho tôi khóc bằng mắt em, Những cuộc tình duyên Budapest.*

Một đằng: *‘Hỡi ơi! Ông mắt có trời đất không, thương cha thương mẹ thương chồng, thương mình thương một, thương ông thương mười! Ông Sít-ta-lin ơi!’*

Một thằng bạn cùng ngồi ‘nhâm nhi, lai rai ba sợi’ và ‘tán gẫu’ bên bàn phím computer nhân ngày Tạ Ôn với tôi hôm nay, anh không phải là nhà văn, nhà thơ, mà chỉ là ‘nhà tán phét’ như tôi và cùng nghề ‘bóp cò’ như tôi, lảm bảm: “*Mẹ kiếp! Thằng khốn nạn! Đáng tửm thật!*” Tôi ngà ngà, lơ đãng hỏi anh: “*Mày chửi Stalin à?*”. Anh lớn tiếng hỏi lại: “*Mày thiếu thông minh, Stalin thì đã đành, nhưng thằng nào viết thơ nâng bi Sít-ta-lin đến độ tro trên? Tao chửi thằng đó.*” Tôi nhẹ nhàng đáp lời anh: “*Ai còn lạ gì nhà văn lớn của “đảng” là Tố Hữu, nhưng mày chửi hấn hơi trễ đấy!*”

Tôi xin cảm ơn tất cả những nhà văn Việt Nam, kể cả nhà văn Xuân Vũ, người đã tập kết ra Bắc năm 1954, rồi lại theo

chân bộ đội miền Bắc, vượt Trường Sơn vào Saigon để góp tiếng nói với dân miền Nam, đã một thời lên tiếng cho sự sống còn của dân tộc. Tôi xin được ghi nhận **những công lao và cảm ơn các vị nhà văn đã cho tôi một giấc mơ dài**. 20 năm tuy không hoàn toàn êm đẹp như thơ, nhưng đã trăm lần đẹp hơn hẳn cái thời gian sau đó, cho đến tận hôm nay..., cái ngày mà “*đảng*” vào miền Nam là tan nát cả! Và xin cảm ơn **người bạn ngồi bên cạnh tôi hôm nay, đã chia sẻ cảm xúc vui buồn và ‘chửi thề’ đúng lúc tuy không đúng thời**.

Quê hương thứ ba của tôi là nước Mỹ, hay nói chính xác là vùng ‘thung lũng hoa vàng’ San Jose. Tôi đến vùng đất này qua một chuyến bay nối liền từ phi trường Manila, Philippines với phi trường San Francisco, Hoa Kỳ, vào trưa ngày 28-4-1988. Ra khỏi cổng phi trường, nhìn ra ngoài, lúc ấy trời mưa bụi lất phất, tâm tư bâng khuâng nghĩ về quê nhà. Giữa lúc tôi đang ngơ ngác chẳng khác gì anh Hai Lúa mới từ quê lên tỉnh lần đầu, thì gặp lại các bạn cũ, mà ít nhất là từ ‘Tháng Tư Bê Đĩa’ cho đến nay mới gặp lại. Tôi xin cảm ơn **anh Nguyễn Thanh Đức (đại đội H) là người đã liên lạc với tôi ngay từ khi tôi đến Trại Tỵ Nạn Panatnikhom, Chonburi, Thái-Lan**. Cùng đi với anh Đức hôm nay ra phi trường đón Hai Lúa gồm có các anh Trần Quang Lưu (cùng đại đội E với tôi hồi còn là SVSQ), anh Đặng Hữu Hải (đại đội G) và anh Vũ Đình Lâm (khóa 23, em người bạn thân của tôi). Các bạn đã nhận được thông báo của Sở Di Trú Hoa-Kỳ về giờ đến của chuyến bay, nên đã xuất hiện đúng lúc. Thế mà hôm nay ngồi nghĩ lại, kỷ niệm ngày đầu đặt chân đến vùng đất mới, thấm thoát đã 29 năm. Nhanh thật!

Tôi xin cảm ơn **Sở Di Trú Hoa-Kỳ, xin cảm ơn tất cả các bạn, và xin cảm ơn Trời, Đất đã cho tôi 29 năm an toàn**, mặc dầu có đôi lần tôi đã hú hồn, hú vía, hốt hoảng bừng tỉnh trong giấc mơ, nhất là những đêm vừa mới đến San Jose, cứ tưởng mình vẫn còn đang bị nung nấu trong lò “cải tạo” của “đảng”! Thế mới biết sức ám ảnh của “trại cải tạo” ghê gớm

thật! Nhưng dù sao, hôm nay, nó cũng tạo cơ hội để tôi viết lời cảm ơn ‘**người bạn đời**’ đã **một thời vất vả, vừa nuôi con thơ, vừa thăm nuôi tôi.**

Thế rồi chẳng bao lâu sau đó, tôi đã nhanh chóng gia nhập vào cuộc sống Mỹ dưới sự hướng dẫn rất tận tình của ‘huấn luyện viên’ Nguyễn Phú Hữu (đại đội B). Anh Hữu đến San Jose trước tôi 3 năm, cũng là dân “ô đi ghe” như tôi (anh cũng vượt biên bằng ghe như tôi chứ không phải đi theo chương trình ODP) với khá nhiều kinh nghiệm trong 3 năm vừa qua, trên vùng đất mới. Hữu và tôi đã có khá nhiều kỷ niệm thật vui, thật khó quên và anh thừa sức làm ‘huấn luyện viên’ cho Hai Lúa, phải nói là rất xuất sắc. May quá! Hai Lúa chưa bao giờ bị ‘huấn luyện viên’ phạt một cú ‘nhảy xỏm’ hay ‘hít đất’ nào cả. Xin thành thật cảm ơn **huấn luyện viên Nguyễn Phú Hữu.**

Cũng phải nói thật lòng, tôi đến nước Mỹ không phải vì “giấc mơ Mỹ” như nhiều người thường mơ, mà giống như phần đông những người khoác áo lính trước kia, thì bây giờ khoác áo Tỵ Nạn Cộng Sản. ‘Tỵ Nạn Cộng Sản’ đúng nghĩa. Nhớ lại ngày chiếc ghe vượt biên của tôi bị chết máy sau 2 ngày ‘lướt sóng’ rồi khựng lại, không thể sửa chữa được, lênh đênh giữa biển khơi. Lúc ấy chỉ còn biết trông chờ vào mưa và gió, và may quá, gió đẩy ghe vào bờ biển Pattani, miền đất cực Nam của Thailand, gần ranh giới với Malaysia. Tôi nghĩ, thật bất hạnh nếu gió đẩy ghe ngược về quê tôi, hoặc Campuchia, thì bây giờ chẳng biết đã ra sao! Lúc ấy là vào đầu tháng Một năm 1987.

Sau 10 ngày đêm để mặc cho ‘số phận’ định đoạt, chiếc ghe đứng tại chỗ, tự do trôi tròng, lác lác theo ngọn sóng, vì con người lúc ấy bất lực, chỉ biết nhìn bầu trời xanh và mặt nước biển cũng xanh, không nhìn thấy bờ, bến. Tiết trời ban ngày thì thật nóng, nhìn nước biển trong xanh, khát nước mà không thể giải khát, ban đêm thì thật lạnh, lại còn phải chịu đựng và chứng kiến nhiều lần nghịch cảnh vô cùng đau thương xảy ra

trước mắt mà trước đó tôi không thể tưởng tượng được về tệ nạn hải tặc hoành hành theo thú tính riêng của họ.

Tôi xin vắn tắt: 3 lần bọn hải tặc họp nhau lại thành từng nhóm, mỗi nhóm từ 7 đến 10 chiếc ghe đánh cá, mỗi ghe có từ 2 đến 3 tên đánh cá chuyên nghiệp, tên nào cũng lực lưỡng đeo dao găm bên hông, chỉ mặc có một cái khố và cời trần, sẵn sàng tấn công chúng tôi. Mỗi lần chúng đến vây quanh chiếc ghe mong manh của chúng tôi đang dập dềnh giữa biển, là mỗi lần chúng như con thú dữ đang đói gặp mồi. Chúng nhảy sang ghe chúng tôi để hãm hiếp phụ nữ, lục lọi rất kỹ mọi khe, mọi góc, mọi người để tìm vàng và đô-la. Thời gian để chúng hành động, mỗi lần như thế, là từ 3 đến 4 tiếng đồng hồ. Chúng đuổi mọi người trên boong xuống, kéo hầu hết các phụ nữ lên, từng người một, và mỗi lần thỏa mãn xong thú tính thì chúng liền đá họ xuống khoang dưới, lỏa thể, bọn đàn ông chúng tôi phải tạm thời cời quần áo ngoài đưa cho họ mặc đỡ. Kết quả: 1 người đàn ông trong chúng tôi bị chúng đá văng xuống biển, bị sóng biển cuốn đi mất tích; 7 cô gái bị chúng bắt mang đi trên 7 chiếc ghe khác nhau, hai tháng sau thì 3 cô được chúng thả ra và được trở về trại tỵ nạn Panatnikhom; còn 4 cô kia thì vẫn biệt tăm.

Lần thứ 3 chúng đến ‘viếng’ ghe chúng tôi cũng là lần cuối, chúng tập trung những mũi ghe có bọc sắt của chúng lại rồi mở máy phóng tới, húc cho bể ghe chúng tôi để hy vọng phi tang tội ác trước khi bỏ đi. Nhưng may quá, chiếc ghe của chúng tôi chỉ bị húc văng phần đuôi, nơi dùng để nấu ăn và vệ sinh, còn những phần tiếp xúc với mặt nước biển thì vẫn còn nguyên; nhờ vậy mà ghe mới trôi dạt được đến bờ biển Pattani. Tôi chỉ là một ‘khách hàng’ của tổ chức trong chuyến vượt biên này, nên chẳng có quyền gì và cũng chẳng biết gì nhiều. Câu chuyện còn nhiều chi tiết tang thương, nhưng xin tạm ngưng ở đây, nếu có dịp thuận tiện tôi sẽ xin kể tiếp. Những ngày còn ở trại tỵ nạn, tôi cứ nghĩ chuyến vượt biên của mình là bất hạnh nhất, nhưng chưa! Chưa phải là bất hạnh nhất, còn nhiều

chuyến ghe bắt hạnh, tang thương hơn chuyến ghe của tôi rất nhiều! Bởi đâu mà dân tộc tôi lại phải chịu đựng nhiều nghịch cảnh tang thương đến thế!

“Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”, có gặp nghịch cảnh tang thương mới biết được lòng người, có ra khơi mới biết được số kiếp con người thật mong manh trước vũ trụ bao la. Tôi đã nghĩ đến việc định cư bên nước Úc, thế nhưng đến khi được đưa vào trại Tỵ Nạn Panatnikhom, ở Chonbury gần Bangkok, Thái-Lan tôi mới biết, muốn định cư ở nước Úc vào thời kỳ đó không phải là dễ. Nhưng thôi, hãy cứ cho là ‘số phận’, mà dù sao đi nữa thì tôi cũng đã định cư ở nơi này được 30 năm, một khoảng thời gian dài hơn thời gian tôi sống ở Saigon - chỉ 20 năm nếu tôi không kể thời gian “đăng” đến là tan nát cả. Từ lâu rồi, tôi đã là công dân Mỹ, rất nhiều sắc dân khác nhau trên thế giới cũng đã là công dân Mỹ, họ chung sống hài hòa với nhau dưới sự tôn trọng tuyệt đối Hiến pháp và Luật pháp Hoa Kỳ, đó là sức mạnh tuyệt vời của nước Mỹ. Đã từ lâu tôi biết, hãy luôn an phận với những gì mình đang có.

Và một lần nữa, nhân Mùa Tạ Ơn, tôi xin tạ ơn **Người**.

Ngày 23-11-2017



Lễ Tạ Ơn Hạnh Phúc!

Nhớ Người Đi



*Nguyễn Cát Minh Nguyệt,
hiền thê cố SVSQ Nguyễn Đình Thế, K10*

Anh đi mùa hoa nắng,
Phượng tím màu khăn tang.
Em về đời hoang vắng,
Đếm bước buồn miên man.

*Bên ly cà phê đắng,
Nhấp giọt sầu lên men.
Em mơ về quá khứ,
Vòng tay ôm ngõ ngàng.*

Tháng ngày dài hiu quạnh,
Quanh năm tựa mùa Đông.
Mưa rơi mờ hư ảnh,
Vọng tiếng chiều Thu không.

*Hôm nay trời trong sáng,
Đường xưa ngập nắng vàng.
Đôi Hồng ru anh ngủ,
Quên bóng đời trần gian.*

Nghĩa trang vắng lạnh nắng chiều phai,
Sương khói mênh mông mối cảm hoài.
Bia mộ người đi không trở lại!
Cảnh hồng trong gió đợi chờ ai?

Anaheim CA 2005



Lời Cảm Ơn Muộn Màng

Christina Cao, 14/2

Tôi và ba mẹ có cơ hội gặp ông Sĩ Quan Thủy Quân Lục Chiến Steve Lowery lần đầu tiên tại tuần lễ “Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Tranh Việt Nam” tại Honolulu, Hawaii vào tháng 5, 2017 vừa qua. Ông là một cựu chiến binh Mỹ, đã từng tham chiến tại Việt Nam trong suốt 2 năm liền, từ Đà Nẵng, cho đến Phú Bài, Đông Hà, rồi Khe Sanh. Ông kể lại,

- “Khi tôi đặt chân đến Đà Nẵng, tôi thừa biết là CS Bắc Việt đã thất hứa, làm trái ngược lại Hiệp Định Geneve đã được ký vào ngày 20 tháng 7, năm 1954. CS Bắc Việt đã ngang nhiên không tôn trọng những quyết định và cam kết đã được nêu ra, cho nên ước nguyện duy nhất của tôi là tự mình lái xe chạy dọc theo quốc lộ 1, ra tới Ba Đình, Hà Nội rồi cắm lá cờ VNCH xuống!”

Cũng vì ước nguyện đó mà ông phải xin ở lại thêm 6 tháng, rồi 6 tháng nữa... để rồi kéo dài cho đến 2 năm, trong khi ông có thể hoàn thành nhiệm vụ của ông trong vòng 6 tháng. Càng

về sau, ông hiểu được đây là một việc không thể thực hiện, cấp trên không cho ông làm việc này. Do đó, ông đã thất vọng quyết định không kéo dài thêm thời gian ở lại Việt Nam nữa! Trước khi ông về lại Mỹ, ông đã tuyên bố với cấp trên:

- “Tôi luôn mong rằng tôi sẽ thực hiện được ước nguyện của mình, cho dù tôi phải chết để thực hiện được chuyện này! Tôi luôn sẵn sàng trở lại Việt Nam khi các ông chấp nhận!” Ánh mắt ông thoáng lên một nỗi buồn man mác. “Tôi đã chờ đợi ngày đó cả mấy chục năm nay!”

Trước khi cuộc diễn hành bắt đầu, chúng tôi có dịp chứng kiến được một buổi lễ tri ân thật trang nghiêm và xúc động. Ba tôi, cựu Trung Tá Cao Xuân Lê, đã đại diện cho quân dân cán chính VNCH phát biểu cảm tưởng của ông và bày tỏ lòng tri ân của ông, cũng như của tất cả công dân miền Nam Việt Nam, đối với những cựu chiến binh Mỹ; vì họ đã sát cánh bên ông và đồng đội của ông trong công cuộc đấu tranh gìn giữ miền Nam VN tránh khỏi bị rơi vào tay CS Bắc Việt.

“Kính thưa quý vị trưởng thượng,

Kính thưa quý vị quan khách,

Kính thưa Ban Tổ Chức 50 Năm Chiến Tranh VN,

Kính thưa các bạn cựu chiến binh Đồng Minh và Hoa Kỳ,

Trước tiên, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Tổ Chức đã cho tôi, một người Linh Già VNCH, hiện diện trước mặt mọi người hôm nay để trình bày một vài cảm nghĩ của mình nhân ngày trọng đại này! Xin kính gửi lời chào chân thành của chúng tôi và lòng biết ơn sâu xa nhất đến các bạn và gia đình, vì tất cả đã có một thời sát cánh bên nhau trên chiến tuyến bảo vệ tự do, trong suốt chiều dài của cuộc chiến VN.

Xin quý vị cùng chúng tôi dành một phút để tưởng niệm các đồng đội của chúng ta đã hy sinh trên chiến trường VN. Thưa quý vị, lịch sử đã sang trang, nhưng âm vang của cuộc chiến vẫn còn; hôm nay công đạo ngày càng sáng tỏ, 58,000 quân nhân Hoa Kỳ trên bức tường đen lịch sử tại Thủ Đô Hoa

Thịnh Đồn đã được phục hồi danh dự, tinh thần chiến đấu anh dũng của các đơn vị bạn đồng minh đã được ca ngợi, được vinh danh cùng các bạn VN. Tất cả đã hoàn thành xuất sắc tinh thần vì Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm, vì danh dự của một quân nhân hào hùng. Ngày nay họ đã già nhưng họ không bao giờ chết như lời của Thống Tướng Douglas Mac Arthur: “Old Soldier never dies”.

Khi người lính đã già, hình ảnh của họ chỉ mờ đi chứ không bao giờ chết.

Ngày nay, các cựu chiến binh Mỹ chiến đấu tại VN đã được công nhận qua dự luật S 305 của hai Thượng Nghị sĩ Donnelly và Tomey. Tổng Thống Trump đã ký dự luật trên thành luật, có hiệu lực từ đêm 28/3. Hằng năm, ngày 29/3 sẽ là ngày tôn vinh các cựu chiến binh Hoa Kỳ từng chiến đấu tại VN, mà hơn 58,000 người đã hy sinh các trên 300,000



Ông Steve Lowery tại Quảng Trị, vào mùa Thu 1968.

người bị thương. Sự hy sinh cao cả này, những cống hiến to lớn này đã cho chúng ta thấy được thế nào là lòng yêu nước và phụng sự tổ quốc của họ! Họ xứng đáng được tôn vinh.

Kính thưa quý vị,

Sau 30 tháng tư năm 1975, tiếng súng đã ngưng bắn, đời sống của toàn thể Quân Dân Cán chính VNCH đã bị thay đổi, từ dân chủ tự do qua độc tài cộng sản. Hàng hàng lớp lớp quân cán chính chúng tôi bị lừa vào các trại tập trung, được gọi là “cải tạo”, từ Nam ra Bắc; ra đi không có ngày về, bao nhiêu người đã vùi thây nơi rừng thiêng nước độc, chết vì thiếu ăn, ốm đau không thuốc men chữa trị. Cá nhân tôi may

mẫn còn được sống đến hôm nay sau 10 năm lao tù.

Nói đến đây, chúng tôi không bao giờ quên được ân tình của những người vợ của chúng tôi, đã làm thân cò lặn lội ven sông để nuôi chồng trong những hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã đau thương nhất, những người vợ quân nhân VNCH suốt đời hy sinh cho chồng con, làm tròn thiên chức của người mẹ VN. Chúng tôi vô cùng biết ơn đất nước và nhân dân Hoa Kỳ đã cứu mang, tận tình giúp đỡ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Con cháu chúng tôi đã, đang và sẽ cố gắng hội nhập vào dòng sinh hoạt chính của đất nước này để đóng góp phần nhỏ bé của mình cho xã hội Hoa Kỳ. Người lính già chúng tôi rồi cũng sẽ mờ nhạt theo thời gian. Ôn nước chưa đáp đền, nợ dân tộc chưa trả hết, mong rằng con cháu chúng tôi sẽ cố gắng tiếp bước chúng tôi hoàn thành trách nhiệm.

Chúng tôi hy vọng trong một tương lai gần, Việt Nam sẽ được hùng mạnh, độc lập tự do và nhân quyền cho mọi người dân Việt. Họ xứng đáng được hưởng một nền tự do dân chủ như mọi công dân Hoa Kỳ đang có. Xin chân thành cảm ơn quý vị, cảm ơn Ban Tổ Chức và kính xin chúc tất cả vạn sự an lành may mắn.

Trân trọng!”

Phản dịch sang Anh Ngữ cho bài phát biểu của ba tôi:

Ladies and Gentlemen,
Organizing Committee,
Fellow Veterans of the United States Armed Forces,

First of all, I would like to thank the organizers for giving me, this old ARVN soldier, the opportunity to stand here in front of everyone today to present some of my feelings on this great day!

On behalf of the Army of the Republic of Vietnam Armed Forces whom I have the honor of representing today, we would like to send our sincere greetings and deepest gratitude to you and your families. All of them had stood side by side

and arm in arms together on the battlefields in defense of and protection of our country throughout the length of the Vietnam War.

Please join us for a minute to commemorate our comrades who sacrificed in Vietnam.

Ladies and gentlemen,

History has been debated and written in books and movies, but the echoes of the war are still, and still today that the sacrifices are clear, 58,000 American soldiers on the historic black wall at Washington Capitals have been placed and their honor restored.

The heroes of all allied units have been praised for honors.

All have accomplished excellently for in the name of Fatherland-Honor-Responsibility. As for these aging warriors, they are old, but they never die, as Colonel Douglas MacArthur's famously once said: "Old Soldier never dies, they just fade away."

United States veterans fighting in Vietnam have been recognized through the recent Senate Bill 305 by Senators Donnelly and Tomey. President Trump has signed the law into effect effective from night 28/3 and starting from March 29 will be the day of honoring US veterans who fought in Vietnam, to remember the more than 58,000 soldiers who have been killed and over 300,000 wounded. This Act have shown us their meaning of patriotism, what it is what it means to serve their country! They deserve to be honored indeed.

In the aftermath of April 30, 1975, after gunfire has ceased, after the entire South Vietnamese Army dissolved and after hundreds of thousands of compatriots experienced a complete upending of their lives, democracy ultimately was loss and gave way to the tyranny of communist dictatorship.

The best of our fellow freedom warriors of were sent to

languish in the concentration camps up and down the country from North to South taking away their happy and productive days. Not to mention the countless poor souls that have been buried somewhere the forbidden forests in trying to escape. Most dying from poisoned streams and starvation, and sick without proper Medication.

I was fortunate to be alive today after 10 years in these prisons.

But I could not forget to mention the love of wife, I never forget the long trek she made down the river to feed her husband. The story of many women placed in these circumstances was tragic and no doubt these grievances goes unanswered. The brace spouse of the ARVN wife who has fulfilled her obligation to her husband and as well as that's of Vietnamese mother is the picture of honor.

Finally, we are grateful to the country and people of the United States who have helped us. Our children will try to integrate into the mainstream of this country to contribute anyway the US society as payment for the debt that we owe to our Friends and Ally the United States of America.

We hope one day Vietnam will be stronger, independent, and free. We hope that human rights and happiness will come for all Vietnamese people. They deserve the same democratic freedom that every American enjoy too.

Again I sincerely thank you and have a wonderful event.

Mọi người đều đứng lên vỗ tay sau khi ba tôi chấm dứt bài phát biểu! Có lẽ ai cũng có cùng cảm xúc khi nghĩ đến sự hy sinh và mất mát từ quân đội Mỹ và VNCH.

Chúng tôi có dịp gặp lại ông Steve Lowery tại buổi lễ Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong tại Nghĩa Trang Quân Đội Thái Bình Dương vào ngày sau đó. Vẫn trong bộ quân phục Thủy Quân Lục Chiến chỉnh tề và bảnh bao, ông bày tỏ sự ngạc nhiên và cảm động khi ông được thấy lại hình ảnh của

những người lính VNCH trong bộ quân phục của họ! Khi phái đoàn VNCH được giới thiệu, mọi người trong nhóm của chúng tôi đứng lên; trong giây phút thiêng liêng liêng đó, bài Quốc Ca Việt Nam, do ban nhạc Mỹ hợp tấu, vang lên thật là hùng hồn! Một rừng cờ vàng 3 sọc đỏ được chúng tôi vẫy lên liên tục, những giọt nước mắt cảm động nhoè nhoét trên những khuôn mặt của



từng người Việt Nam có mặt hôm đó!

Trước khi ra về, chúng tôi đã không quên tặng cho ông một cái lá cờ VNCH. Ánh mắt ông sáng lên và ông nâng niu cái lá cờ như là một báu vật!

Cô Christina và ông Steve Lowery tại buổi lễ Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong tại Nghĩa Trang Quân Đội Thái Bình Dương, 2017

- “Tôi đã không được cầm

cái lá cờ này hơn 42 năm rồi! Tôi không ngờ có được nó vào cái dịp lễ đầy ý nghĩa này, tôi sẽ trân quý nó! Cảm ơn ông bà và cô Christina rất nhiều!”

Sau chuyến đi đầy ý nghĩa đó, tôi lại vui đầu vào công việc và gia đình! Tôi có gửi email hỏi thăm ông một lần nhưng không được hồi âm, trong lòng luôn thầm cầu xin ơn trên cho ông được sức khỏe tốt! Bỗng một hôm, sau hơn 3 tháng, tôi nhận được email của ông! Ông nói ông không bao giờ quên chúng tôi, tuy ông đã nghỉ hưu nhưng ông luôn bận rộn. Ông hứa là khi nào có dịp bay về 29 Palms -nơi căn cứ quân đội của Thủy Quân Lục Chiến tại Nam CA- ông nhất định sẽ ghé thăm chúng tôi!

Cách đây 2 tuần, đó là dịp đầu tháng 11, 2017, ông gọi điện thoại cho tôi và tỏ ý muốn gặp tôi! Ông nói ông có chuyện rất quan trọng để bàn với tôi, nhưng không thể nói trên điện thoại được! Tôi nghĩ hoài mà không thể đoán ra chuyện gì! Giọng của ông rất nghiêm trang cho nên tôi biết đó là chuyện quan trọng! Tôi đưa cho ông địa chỉ một nhà hàng gần nơi tôi làm việc và cũng có ý định mời ông dùng một bữa ăn tối. Ông nói ông có buổi họp tại 29 Palms và ông sẽ đi gặp tôi vào khoảng 5 giờ chiều.

5 giờ, rồi 6, rồi 7... cái điện thoại của tôi vẫn im hơi lặng tiếng! Tôi có chút thất vọng ra về. Thế nhưng, lúc 9:30 tối, điện thoại vang lên giữa khi tôi đang ru con gái út ngủ nên không nghe điện thoại được! Đến khi nghe tin nhắn mới biết ông đã tới điểm hẹn trễ sau đó. Ông cho biết ông sẽ đợi tôi nhưng vì đã khá muộn tôi không thể nào đi gặp ông được, tôi thật là áy náy vô cùng. Tôi gọi lại cho ông biết hoàn cảnh không cho phép tôi đến gặp ông... Thế là ông đành phải báo cho tôi biết về một sự kiện rất là quan trọng mà ông đã chuẩn bị cả mấy tháng nay! Ông nói,

- *“Tôi thật sự rất cảm động khi thấy ba mẹ của cô và những gia đình Quân Dân Cán Chính VNCH đã bỏ công sức, tiền bạc và bay về Honolulu vào tháng 5 vừa rồi để bày tỏ lòng cảm ơn của mình đối với những cựu chiến binh Mỹ, như chúng tôi! Tôi không thể nào quên những lời chia sẻ của ba cô! Sau nhiều tháng chuẩn bị, tôi muốn thật sự được gặp ba mẹ của cô và cô để mời đi dự Buổi Tiệc Sinh Nhật lần thứ 242 của Thủy Quân Lục Chiến, vào ngày 10 tháng 11 tại Las Vegas! Năm nay tôi là “Guest of Honor” (Khách mời Danh Dự) của chương trình. Đây là một buổi tiệc truyền thống được tổ chức hàng năm. Đối với những người lính Thủy Quân Lục Chiến, buổi tiệc này còn lớn hơn lễ Tạ Ôn hay lễ Giáng Sinh! Vì hoàn cảnh không cho phép để tôi được gặp tận mặt để mời, cho nên tôi xin phép được mời qua điện thoại, sau đó tôi sẽ gửi thiệp mời qua email.”*

Tôi nghe ông trình bày mà tôi không khỏi xúc động! Nếu tính theo tuổi tác, chắc chắn ông cũng đã trên 70 tuổi, vậy mà ông thật là sáng suốt và chuẩn bị từng chi tiết!

Trưa thứ sáu, chúng tôi lên đường đi Las Vegas để kịp giờ để dự buổi tiệc! Ba tôi trong bộ đồ quân phục của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam; tôi và mẹ tôi chọn mặc áo dài cho trang trọng! (Đó cũng là yêu cầu của ông Lowery!) Chúng tôi tới khách sạn Paris vừa kịp giờ. Trên đường từ bãi đậu xe để vô lấy phòng, chúng tôi thấp thoáng thấy vài anh chàng Thủy Quân Lục Chiến thật là oai phong trong bộ đồ quân phục của họ. Bên cạnh họ là những người vợ, người bạn gái trong những chiếc áo đầm đẹp đẽ nhất! Ai cũng đẹp và hớn hờ. Hai bên hành lang của đại sảnh tràn đầy những nụ cười rạng rỡ. Nhìn vào danh sách, chúng tôi mới biết mình là những vị khách đặc biệt!

Khi cánh cửa của “ballroom” (sảnh đường) được mở ra thì tôi được nhìn thấy căn phòng được trang trí thật là đẹp mắt! Từng bàn, những lá cờ Mỹ và cờ của Thủy Quân Lục Chiến được trưng bày khắp bàn. Thật là trang nghiêm và đầy tự hào! Ông Lowery vừa gặp chúng tôi, mắt ông sáng lên và ông đến bắt tay ba tôi, trên tay ông cầm lá cờ VNCH mà tôi đã tặng cho ông tại Honolulu! Ông đưa cho tôi lá cờ mà muốn tôi cầm ngay chính giữa cái bàn mà chúng tôi đang ngồi! Ông thật là tử tế!

Đây là lần đầu tiên tôi được đi tham dự một buổi tiệc trang nghiêm và đầy ý nghĩa như vậy! Những bộ quân phục của Thủy Quân Lục Chiến qua từng giai đoạn của lịch sử được giới thiệu, rồi chiếc bánh sinh nhật được đem ra; sau đó, người lính già nhất được mời miếng bánh đầu tiên, và rồi là người lính trẻ nhất! Một truyền thống thật là đáng quý!

Phản phát biểu của ông Steve Lowery đem đến cho chúng tôi một sự bất ngờ không kém! Ông nhắc đến cuộc đời binh nghiệp của ông, thời gian ông ở Việt Nam, giới thiệu về lá Cờ

Vàng Ba Sọc Đỏ trước hơn 700 quan khách! Ông nhắc đến ba tôi, thời gian 10 năm ba tôi bị tù tội, sau đó ông nhắc đến tuần lễ Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Tranh Việt Nam tại Honolulu. Đoạn phim về cuộc diễu hành có phái đoàn của VNCH trên con đường Kalakaua dọc theo bãi biển Waikiki được chiếu lên, lá Đại Kỳ VNCH đã được tung bay một cách ngạo nghễ! Hai bên đường, mọi người reo hò và đầu đó vang lên tiếng “cảm ơn”. Ông chia sẻ,

- “Chúng ta cần phải cảm ơn ông Trung Tá Cao Xuân Lê và đồng đội của ông đã sát cánh bên Đồng Minh (Mỹ) để đứng lên bảo vệ chân lý, giành lấy quyền tự do, dân chủ cho quê hương Việt Nam của họ!”

Chúng tôi rời Las Vegas mà không tài nào quên được một chuyến đi đầy ý nghĩa như vậy! Trên đường lái xe về, tuy rất mệt nhưng trong lòng thật vui vì ba tôi có cơ hội gặp lại người bạn đã một thời cùng chiến đấu với mình! Không biết khi nào chúng tôi mới có cơ hội để gặp lại người lính Thủy Quân Lục Chiến già này...

Tôi chợt mỉm cười khi nghĩ rằng sau buổi tiệc này, chắc chắn sẽ có rất nhiều anh chàng lính trẻ biết về lá cờ VNCH thân yêu của chúng tôi!



Phúc Mừng Năm Mới!

SƯ ĐOÀN 3 BỘ BINH

Đặng Đình Liêu, K19

Mỗi năm, Phòng 3 Bộ TTM phải thiết lập một Bản Kế Hoạch Quân Số (Force Structure List), trong đó có đầy đủ các đơn vị thuộc Hải, Lục, Không Quân, ND, TQLC, BĐQ, Bộ Binh, Pháo Binh, Thiết Giáp, CSQG, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, NDTV,... với đầy đủ Bảng Cấp Số. Tổng số là 1,1 triệu người...



Bản dự thảo sẽ trình lên Đại Tướng BTTM/ QL/ VNCH và Bộ Quốc Phòng. Sau đó sẽ chuyển qua BTL/ MACV. Nếu được chuẩn thuận thì Bản Cấp Số này sẽ được chuyển về Ngũ Giác Đài, nơi đây sẽ ban hành ngân khoản viện trợ cho 1,1 triệu quân nêu trên.

Trước năm 1971, BTTM/ QL/ VNCH có đề nghị Mỹ cung cấp máy bay F4 cho KQ/ QL/ VNCH, nhưng phía Mỹ chỉ cung cấp máy bay F5E, có tính nghênh cản Không Quân địch; mà không cho KQ/ VNCH có khả năng tác chiến xa. Hậu quả là trong trận hải chiến Hoàng Sa năm 1974, HQ của QL/ VNCH không được KQ yểm trợ hỏa lực, nên không thể kháng cự Hải Quân Trung Cộng.

BTTM/ QL/ VNCH tiếp tục đề nghị thành lập một sư đoàn BĐQ, nhưng BTL/ MAVC từ chối. Tiếp theo đó, phía Mỹ đề nghị BTTM/ QL/ VNCH “đình động” một số đơn vị thuộc KQ

và HQ (đỉnh động có nghĩa là máy bay hay tàu chiến sẽ đưa vào cất trong kho và bảo trì kỹ lưỡng).

I- NGUYỄN NHÂN THÀNH LẬP SD3 BB:

Tình hình Quân Đoàn I sôi động. Đầu tiên, địch quân điều động 2 SD 304, 308 với Pháo Binh và Thiết Giáp tràn qua vùng phi quân sự. Mặc dù đã có 2 SD 1 và 2 BB, cộng thêm 2 SD tổng trừ bị ND và TQLC, nhưng vẫn còn ít hơn nếu so với địch quân vì chúng đưa nhiều đơn vị cấp SD cộng thêm PB, TG, các trung đoàn biệt lập để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào năm 1972 mà chúng ta thường gọi là “Mùa Hè Đỏ Lửa”.

Trở lại Trận Mậu Thân năm 1968, sau đợt tổng công kích lần thứ 2 vào tháng 5 năm 1968, chỉ trừ Thành Phố Huế bị địch chiếm giữ gần một tháng; còn tại các thành phố hoặc vùng bị địch chiếm đóng các lực lượng chiến đấu của QLVNCH đã đánh đuổi địch hoặc xóa sổ chúng. Vì đa số du kích VC đã bị tiêu diệt nên một thời gian sau 1968, VC không còn có thể quấy rối mạnh mẽ như trước.

Trên thực tế chúng ta đã chiến thắng, nhưng chiến thắng đó đã bị truyền thông phản chiến Mỹ phớt lờ và gây khó khăn thêm cho chính sách của Mỹ trong chiến tranh VN.

Sau trận Mậu Thân địch quân lo rèn cán, chỉnh quân để chuẩn bị cho cuộc chiến sắp tới. Trong khi đó, các đảng phái ở miền Nam bận rộn trong các cuộc tranh cử...

Giới quan sát ngạc nhiên là sau trận Mậu Thân số thanh niên tình nguyện nhập ngũ rất đông. Để có thể xử dụng khối nhân số này, BTTM/ QLVNCH đề nghị thành lập tiểu đoàn BB thứ tư cho mỗi trung đoàn thuộc 10 SD BB sẵn có. Phía Mỹ cũng đã chấp thuận yểm trợ quân trang, quân dụng cho các tiểu đoàn tân lập nêu trên.

Vì nhu cầu khẩn thiết của Vùng 1 Chiến Thuật, BTTM/ QLVNCH đã quyết định, dùng quân số cũng như trang thiết bị của tiểu đoàn bộ binh thứ tư, thành lập thêm 1 SDBB tăng cường vùng giới tuyến.

II- CƠ CẤU TỔ CHỨC SĐ3BB:

SĐ3BB được thành lập tại căn cứ Ái tử Quảng Trị do:

- Nghị định số 2334-QP/TCTT/NĐ ngày 31/10/1971.

- SVVT số 4511/TTM/P3/2/K.

SĐ3BB gồm các trung đoàn:

- Trung Đoàn 2BB chuyển từ SĐ1 BB qua.

- Trung Đoàn 56 và 57 tân lập (chuyển một số tiểu đoàn từ SĐ2 BB qua, cộng thêm một số quân nhân thuộc Quân Đoàn I).

Số quân nhân này được trích ra từ các đơn vị ĐPQ, NQ, NDTV, có cả lao công đào binh (đã được tha bổng để đầu quân chuộc tội).

Vì là đơn vị sinh sau đẻ muộn nên đã được các đơn vị đàn anh nhường lại cho 1 số vũ khí đạn dược. Thí dụ như SĐ1 BB đã cho Thiết Đoàn 11, một đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong cuộc HQ Lam Sơn 719. Xét về cơ cấu tổ chức, SĐ3 BB là đơn vị tân lập chỉ có Trung Đoàn 2 BB đưa từ SĐ1 BB qua là có khả năng chiến đấu ngay. Hai trung đoàn còn lại hoàn toàn tân lập. Mặc dầu có 1 số tiểu đoàn BB thuộc SĐ1 BB đưa qua làm khung, nhưng khả năng tác chiến của 2 Trung Đoàn 56 và 57 rất giới hạn.

Giới quan sát ngạc nhiên tại sao một sư đoàn tân lập như vậy lại đưa ra trấn giữ vùng giới tuyến. Phía Mỹ tỏ ra lạnh nhạt và đưa rất ít cố vấn tới SĐ3BB nếu so sánh với các SĐ khác.

Vị Tư Lệnh đầu tiên là Chuẩn Tướng Vũ văn Giai, từ 01/11/71 đến 03/05/72. Đại Tá Phạm văn Chung TLP/SĐ được cử làm Xử Lý Thường Vụ Tư Lệnh kế, từ 03/05/72 đến 09/06/72. Vị thứ hai là Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Hình, từ 09/06/72 đến 04/75.

III- RÈN LUYỆN TRONG CHIẾN ĐẤU:

Trọng tâm bài viết này là sự thành lập SĐ3 BB, tác giả sẽ cố gắng tóm lược các trận đụng độ giữa SĐ3 BB và địch quân.

Phối trí lực lượng của SĐ3 BB và các đơn vị bạn như sau:

- Tr/Đ57 đóng tại các căn cứ A1, A2, A3, A4 nằm gần khu phi quân sự và phía Bắc sông Cam Lộ. BCH/TR/Đ57 đóng tại căn cứ C1 có thêm nhiệm vụ bảo vệ quận Gio Linh. Tr/Đ 57 rải quân giữ các căn cứ A4 và Fuller.

- Tr/Đ 56 đóng tại căn cứ Carroll, nằm phía dưới sông Cam Lộ.

- LĐ147 TQLC đóng tại căn cứ Sarge và Núi Bà Hồ.

- LĐ258TQLC đóng phía Nam Quảng Trị tại căn cứ hỏa lực Nancy.

1- Thử lửa đầu tiên là sự hoán chuyển vị trí giữa Trung Đoàn 2 tại căn cứ hỏa lực Carroll về căn cứ hỏa lực Charlie 2 của Trung Đoàn 56 và ngược lại, nhưng vì thiếu phương tiện vận chuyển, liên lạc truyền tin yếu kém nên gây ra xáo trộn hàng ngũ. Sau cùng việc hoán chuyển cũng hoàn tất nhưng khuyết điểm này địch quân đã biết.

Ngày 31/03/72, địch pháo kích vào BTL/SĐ3 BB đặt tại các cứ Ái Tử bằng đại bác 130 ly với tốc độ bắn nhanh và tầm xa gần 27 km. Song song với đợt pháo kích, các đơn vị của CSBV bao gồm: SĐ 304 và 308, 2 trung đoàn Thiết Giáp gồm T54 và PT76, 5 trung đoàn Pháo Bình, 3 trung Đoàn BB tràn qua khu phi quân sự uy hiếp quận Gio Linh.

Các SĐ 325, 320B được chuyển xuống vùng phi quân sự, chưa kể SĐ 312 BV nằm sát ngay biên giới Lào. Như vậy địch đã huy động tới 7 SĐ vào vùng Quảng Trị.

Quận Gio Linh bị thất thủ. Các căn cứ hỏa lực A1, A2, A3 lần lượt bị tràn ngập. Tr/Đ 57 và Tr/Đ 2 rút về Cam Lộ và Đông Hà.

Trung tá Gerald Turley là cố vấn cao cấp nhất đặt cạnh SĐ3 BB đã liên lạc được với Không Quân cũng như Hải Quân của

Mỹ đề xin không hải yểm chặn bước tiến quân của địch.

2- Địch quân pháo kích dồn dập vào căn cứ Carroll làm cho đại bác 175 ly ở đây không thể yểm trợ hữu hiệu cho



***Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai đang đón tiếp
Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, 1972***

Tr/Đ57 đóng tại Khe Gió và Lữ Đoàn 147 TQLC đóng tại núi Bà Hồ và Sarge. Hai đơn vị nêu trên cầm cự tới phút cuối cùng nhưng cũng đành phải rút.

Lữ Đoàn 258/ TQLC tại căn cứ Nancy phía Nam Quảng Trị, dưới quyền chỉ huy

của Đại tá Ngô văn Định, đã kịp thời gửi một Tr/Đ/ TQLC và Thiết Đoàn 20 Chiến Xa (chiến xa M48) thiết lập phòng tuyến Cam Lộ, Cửa Việt giúp SĐ3 BB tái tổ chức.

3- Ngày 02/04/1972, địch quân đổi hướng tấn công về phía cầu Cam Lộ, tạo áp lực nặng nề lên Tr/Đ 56 đang trấn đóng tại căn cứ hỏa lực Carroll phía Nam cầu. Tr/Đ 56 bị thất thủ, chỉ có 33 binh sĩ chạy thoát về.

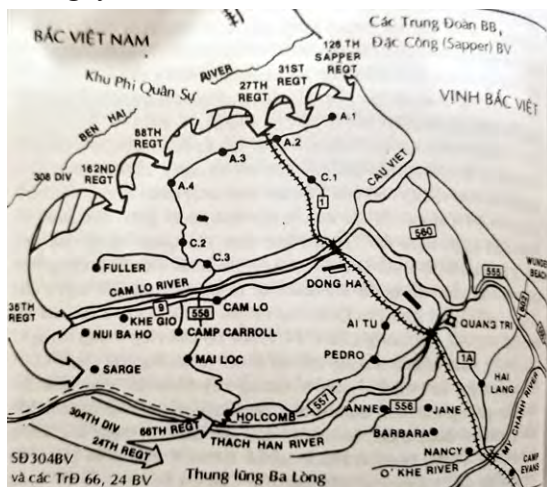
4- Căn cứ Carroll thất thủ khiến địch quân tăng áp lực lên căn cứ hỏa lực Mai Lộc của Lữ Đoàn 147/ TQLC. Chuẩn tướng Giai đã chấp thuận cho Lữ đoàn 147/ TQLC rút về Quảng Trị. Sau đó Lữ Đoàn về Huế để bổ sung quân số, tái trang bị vũ khí. Lữ đoàn 369/ TQLC lập phòng tuyến mới từ căn cứ hỏa lực Nancy phía Đông Nam Quảng Trị.

Trong thời gian này các LĐ1/ BĐQ của Quân khu I, LĐ3/ BĐQ của QK III, và LĐ4/ BĐQ của QK IV, cùng với Lữ Đoàn

1 KB phản công tái chiếm những vùng đất bị địch chiếm, nhưng kế hoạch này không thành công. Chuẩn Tướng Giai bây giờ chỉ còn hai Tr/Đ 2 và Tr/Đ 57.

Cố vấn trưởng nhận thấy tình hình bất lợi cho Tr/Đ 57 tại chiến tuyến Đông Hà nên xin Đại Tá Ngô Văn Định gửi TĐ3/ TQLC lên tiếp viện cho Tr/Đ 57 tại Đông Hà. Việc này đã giúp SĐ 3 giữ vững chiến tuyến Đông Hà, suốt tháng 4/ 1972 để chờ quân tiếp viện.

Ngày 23/04/72, LĐ 147/ TQLC được điều động từ Huế ra



thay thế cho LĐ 258/TQLC rút về bổ xung quân số và vũ khí đạn được.

5- BTL/QĐI & QK1 ra lệnh cho Thiết Đoàn 20 KB mở hành quân xuôi về hướng Nam để khai thông tuyến tiếp tế cho các

đơn vị. Tr/Đ 57 thấy vậy tướng Thiết Đoàn 20 KB rút lui nên đã rút theo. Chuẩn Tướng Giai đã tập hợp những binh sĩ SĐ3 còn lại thiết lập tuyến phòng thủ phía Bắc sông Thạch Hãn, nhưng sau đó phải di chuyển qua phía Nam sông Thạch Hãn.

Tại căn cứ Ái Tử chỉ còn một ít quân thuộc Tr/Đ 57 và LĐ 147/ TQLC.

6- Ngày 30/04 /72, 15 ngàn dân bỏ chạy về hướng Nam, cùng với binh sĩ, quân xa rút chạy dọc theo Quốc Lộ 1 về hướng Nam khiến đường bị tắc nghẽn gần 10 km, gần cầu Đập Đá, mà sau này gọi là “Đại Lộ Kinh Hoàng”.

LĐ 147/ TQLC rút trong vòng trật tự về khu Cổ thành chờ

lệnh chiến đấu. Khu Cỗ thành trước là BCH/ TK Quảng Trị. Sau đó, Tướng Giai, đặt BTL/ SĐ3 BB tại đây, phối hợp với các đơn vị bạn lập tuyến phòng thủ phía Nam sông Mỹ Chánh cách Cỗ thành 13 km về hướng Nam. Tướng Giai sẽ cùng triệt thoái với LĐ 147/ TQLC.



Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 BB, 1972-1975

Địch pháo kích dữ dội lên khu vực Cỗ thành làm gián đoạn liên lạc giữa SĐ3 với các đơn vị bạn.

KQ Mỹ đã gửi một đoàn trực thăng CH53 di tản được BTM/ SĐ3 và 132 binh sĩ Việt-Mỹ còn kẹt lại trong Cỗ Thành.

Ngày đầu tháng 5 /1972, TQLC và Thiết Giáp tự tìm cách vượt 13km đường về tuyến Mỹ Chánh. Vì phía Tây bị hở nên họ rút về phía biển sau đó xuôi về Mỹ Chánh. Địch quân đã biết nên chúng pháo kích và tấn công dữ dội, trong khi các đơn vị bạn đã quá mệt mỏi. Thiếu tá Huff của TQLC đã gọi Không Quân và Hải Quân Mỹ yểm trợ. Trong cảnh hỗn loạn đó, một số người Mỹ đã bị kẹt lại trên một ngọn đồi thấp.

Thiếu tướng Thomas Bowman, Cố vấn QK 1, nghe tiếng kêu cứu của Thiếu tá Huff, đã ra lệnh cho chiếc trực thăng UH1 mà ông đang sử dụng đi quan sát tình hình đổi hướng để cứu Thiếu tá Huff cùng 1 số quân nhân khác.

Ngày 02/05/72, trong lúc các đơn vị tham chiến đang lo triệt thoái khắp vùng phía Bắc Mỹ Chánh, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã triệu hồi Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh QĐI/ QK1, về Sài Gòn làm Tổng Thanh Tra Quân Lực. Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đang là Tư Lệnh Vùng 4 được chỉ định thay thế Tướng Hoàng Xuân Lãm.

BTTM/ QL/ VNCH quyết định duy trì SĐ3 và ra lệnh

cho Tướng Trưởng lập lại SĐ, ngày 09/06/72. Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Hình đã được Tướng Trưởng bổ nhiệm làm Tư Lệnh SĐ3 BB. TR/Đ 2 và TR/Đ 56 đã hồi phục được khả năng tác chiến.

Ngày 16/06/72, SĐ3 được di chuyển về Quảng Nam giữ an ninh vòng đai cho Đà Nẵng thay thế cho Lữ Đoàn 196 Hoa Kỳ rút về nước. Bản doanh của SĐ3 BB đặt tại căn cứ Freedom Hill trước là bản doanh của SĐ1 TQLC/ HK. Sau đó SĐ3 cũng tái lập được Tr/Đ 57 và trách nhiệm hành quân tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Đà Nẵng.

Tác giả xin chấm dứt bài viết về SĐ3BB ở đây. Rất mong đón nhận ý kiến đóng góp của quý vị về bài viết này.

Tài liệu tham khảo:

- Lược sử QLVNCH của các tác giả Trần Ngọc Thống - Hồ Đắc Huân - Lê Đình Thụy
- Chiến sử QLVNCH của Phạm Phong Dinh.





70 Năm Thành Lập TVBQGVN*

1. Lịch sử tóm lược:

Thành lập tại Huế năm 1948, với danh xưng **Trường Sĩ Quan Việt Nam**, nhiệm vụ đào tạo các sĩ quan trung đội trưởng.

Năm 1950, trường di chuyển về Đà Lạt và đổi thành **Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt**.

Nghị định 317/QP/TT ngày 29/7/1959 của Bộ Quốc Phòng cải tổ thành trường **Võ Bị Quốc Gia Việt Nam**, với quy chế của một trường Đại Học bậc Cao Đẳng chuyên nghiệp. Nhiệm vụ đào tạo và cung cấp cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa các sĩ quan có căn bản quân sự vững chắc, với trình độ văn hóa bậc đại học. Thời gian thụ huấn kéo dài 4 năm.

Tuy nhiên, thời gian học của các khóa thay đổi theo nhu cầu của chiến trường. Đến năm 1966, thời gian học của các khóa mới chính thức trở lại chương trình 4 năm.

Năm 1975 trường di chuyển về Long Thành, Biên Hòa.

Sắc lệnh 221/DQT/HC ngày 8/2/1953 và Sắc lệnh 2018/QP/ND tuyên dương công trạng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trước Quân đội và ân thưởng Anh Dũng Bội Tinh với

ngành dương liễu.

Nghị định 71/QP/CA ngày 21/11/1963 cho Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được mang giây biểu chương màu Anh Dũng Bội Tinh.

2. Vài hình ảnh tiêu biểu (đã sưu tập được):



*Khóa 3 Trần Hưng
Đạo, 1951
(Lễ mãn khóa)*

Khóa 8 trong ngày mãn khóa, 1953





*Toán Quân Quốc Kỳ
của Khóa 4 SVSQ,
1951*

*Hai SVSQ khóa 7
(Nguyễn Văn Sửu và ..)*



Khóa 10 SVSQ, 1954





Khóa 15 Lê Lợi, 1961 (Quang cảnh ngày mãn khóa)



Khóa 16 SVSQ (SVSQ Hồ Khắc Đàm đứng thứ 2 từ phải).

* Trích từ website của Khóa 3 Trần Hưng Đạo và Khóa 10 Trần Bình Trọng tại:

<http://http://tvbqgvn.org/>

Mục Tổng Hội



Cựu Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN (1964-1965)

Tiểu Sử

CỐ THIẾU TƯỚNG NGUYỄN VĂN KIỂM (1924-2017)*

- Sinh tháng 9/1924 tại Sa Đéc.

- 1946: Tốt nghiệp Khóa 1 Nguyễn Văn Thịnh thuộc Trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông, Đà Lạt (tiền thân Trường Sĩ Quan Hiện Dịch Huế, sau đổi là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam). Cấp bậc thiếu úy.

- 1956: Tư Lệnh Phó Đệ Tứ Quân Khu tại Ban Mê Thuột (tiền thân Quân Đoàn II).

- 1958: Chỉ Huy Trưởng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ.

- 12/1962: Thăng cấp bậc đại tá.

- 12/1962- 1964: Chỉ Huy Trưởng Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, Nha Trang, thay thế Đại Tá Đỗ Cao Trí.



- 8/1964: Thăng cấp bậc chuẩn tướng.

- 1964-1965: Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, Đà Lạt, thay thế Đại Tá Trần Văn Trung. (Trong

thời gian thụ huấn của các khoá 19, 20, và 21 SVSQ.)

- 1965-1967: Tham Mưu Trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Phủ Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. (Thời gian Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.)

- 6/1968: Thăng cấp thiếu tướng.

- 1968-1970: Tham Mưu Trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Tổng Thống Phủ, kiêm Chánh Võ Phòng Phủ Tổng Thống.

- 1970-1974: Chánh Võ Phòng Phủ Tổng Thống.

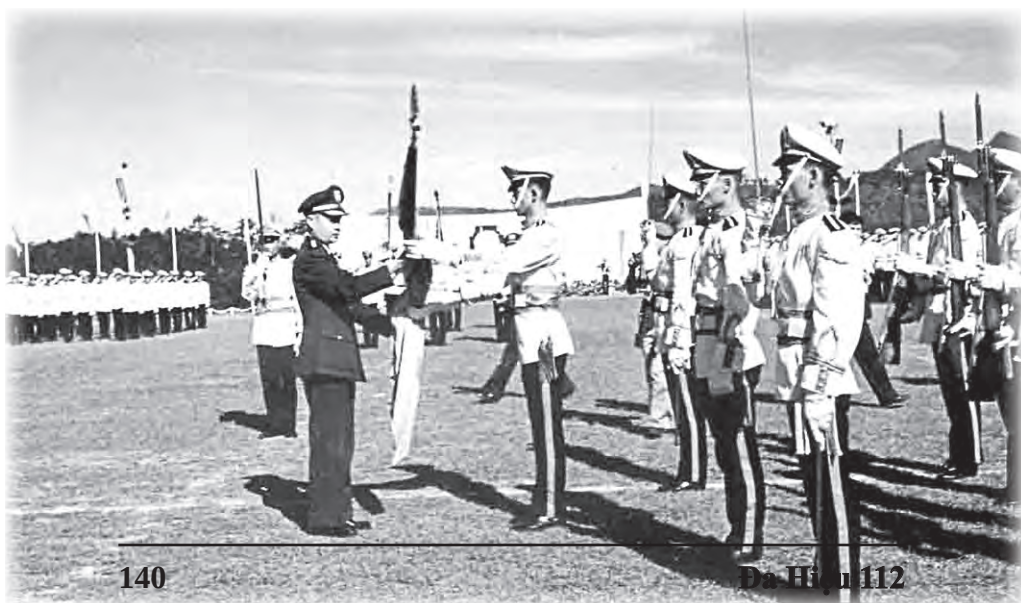
- 1974: Giải ngũ.

- 30/9/2017: Từ trần tại Texas, Hoa Kỳ. Hưởng thọ 93 tuổi.

**Tài liệu do gia đình Th/T Kiểm cung cấp.*

***Lễ bàn giao Quân Kỳ TVBQGVN từ khoá 19 cho Khoá 20 SVSQ
trong buổi Lễ Mãn Khoá 19, 1964.***

***(Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiểm, Chỉ Huy Trưởng, đang trao
Quân Kỳ TVBQGVN cho Khoá 20 SVSQ.)***





XUÂN SANG

Hữu Hiền, K18

Trong vườn mai nở đón Xuân sang
Chậu cúc dăm ba, lốm đốm vàng
Mỗi độ Xuân về, lòng hớn hờ
Hàng năm Tết đến, dạ hân hoan

*Con gà trống gáy xua năm cũ
Khi đột leo cây chạy có hàng
Đua nở muôn hoa, cờ rợp lồi
Nhà nhà hạnh phúc, đón xuân sang*

CHÚC XUÂN

Tết đến khai Xuân chúc bạn hiền
Mỗi người mỗi vẻ đẹp như tiên
Bách niên giai lão, hoa niên mộng
Phước thọ an khang vẹn chữ điền (viên)

*Con cháu quây quần chung hưởng Tết
Ông Bà sum họp đón Tân Niên
Ngoàn kia tiếng pháo tung bừng nổ
Cùng đón Xuân sang chúc bạn hiền*

Mậu Thân Hưu Chiến...

(Vương Mộng Long-K20)

Đứng trên đỉnh Ngô-Son, tôi xoay người một vòng ba trăm sáu mươi độ, nhìn bao quát vùng đồi núi dưới chân mình. Dưới kia chỉ là rừng xanh chập chùng.

Ông Lạc, thường vụ đại đội, vừa loay hoay, tay cời bếp lửa, vừa ngoác miệng, nghe ngao câu sấm lưu truyền từ đời tám kiếp nào đó: “Thân, Dậu niên lai...kiến thái bình...”

Tôi chợt nhớ ra, chỉ còn hai ngày nữa là bước sang năm Thân, nếu đúng như sấm truyền thì, năm mới Mậu Thân (1968) có lẽ quê hương tôi sẽ thấy thái bình?

Đêm Hai Mươi Chín tháng Chạp, ngồi buồn, tôi mở cái máy PRC 10 rà những tần số lạ. Tay tôi ngừng xoay cái núm chỉnh tần số, khi nghe trong ống liên hợp có tiếng ai đó đang réo hụt hơi:

“Hồng-Lĩnh có nghe không? Đây Sa-Thầy gọi!”



Trung Úy Vương Mộng Long, tại Pleiku. 1968.

“Hồng-Lĩnh có nghe không? Đây là một đầu năm đuôi!”

“Báo cho Hồng-Lĩnh biết ‘xê’ đi đầu của tôi lạc đường rồi! Tôi không biết nó đang ở đâu! Bây giờ tôi phải làm sao đây!?”

Tôi ngẫm nghĩ, “Một (1) đầu, năm (5) đuôi là 15! Chắc Sa-Thầy là danh hiệu truyền tin của đơn vị mang số 15 nào đó!”

Tôi nghe tiếng Sa-Thầy rất rõ; chắc nó cũng ở gần đâu đây thôi! Còn Hồng-Lĩnh thì không nghe được. Trong máy chỉ có tiếng “xọc! xọc!” Hình như cái đài Hồng-Lĩnh này ở xa lắm, nên máy của tôi không bắt được sóng của nó?

Thuở ấy tôi chưa có ý niệm gì về tình báo chiến trường, chẳng biết các đài vô tuyến đang gọi nhau kia là của địch hay của ta.

“Thôi! Thầy kệ họ!” Tôi gác máy, không thèm nghe tiếp nữa.

Mai là Ba Mươi Tết rồi! Ăn Tết trong rừng thì buồn, nhưng cũng may là năm nay có ba ngày hưu chiến, cũng đỡ lo! Chúng tôi nhận được lệnh, sẽ không bắn chúng nó! Việt-Cộng cũng thế, họ sẽ không bắn chúng tôi! Tôi chắc mẩm trong lòng, chắc ăn như bắp là, sẽ không có chiến tranh dịp Tết này. Có Ủy Hội Quốc Tế đứng ra bảo đảm mà! Mậu Thân sẽ là Tết hòa bình trên toàn lãnh thổ của đất nước ta!

Hôm qua, trong lúc di chuyển đổi vùng, một con hoẵng (con mễn) đã chạy đâm sầm vào đoàn quân của tôi. Vài anh lính nhào vào ôm con hoẵng tính đề nó xuống, bắt sống nó để làm thịt, nhưng không xong, con hoẵng nhảy tung tung rồi luôn lách trốn mất.

Cứ như tin dị đoan thì, đi rừng mà gặp con hoẵng, không bắt được nó, không giết được nó, không ăn thịt được nó, thì sẽ gặp điều không may. Nhưng tôi nghĩ chỉ còn hai ngày nữa là hết năm; năm mới sẽ thái bình; chắc cái vụ bị con hoẵng đâm vào cũng không đến nỗi nào!

Sáng sớm tinh mơ Ba Mươi tháng Chạp ông tiểu đoàn trưởng cho tôi một tin mừng:

“Sẽ có đơn vị khác tới nhận vùng trách nhiệm của cậu. Nhớ bàn giao cẩn thận! Đại đội của cậu được về giữ hậu cứ ba ngày Tết!”

Tôi thăm nhủ,

“Cứ tưởng phải đón Xuân trong rừng! Nào ngờ! Đúng là mừng hết lớn luôn!”

Một đại đội của Tiểu Đoàn 22 Biệt Động Quân tới. Công việc bàn giao suôn sẻ.

Đại đội tôi về tới hậu cứ Biển Hồ vào lúc đồng hồ tay chỉ đúng mười giờ. Bộ chỉ huy tiểu đoàn và ba đại đội kia đi đâu tôi không được thông báo.

Anh tổng thư văn của tiểu đoàn chuyển cho tôi một công điện trao tay xác nhận, trong thời gian này Đại Đội 1/11 đặt dưới quyền điều động trực tiếp của liên đoàn trưởng, giữ nhiệm vụ phòng thủ doanh trại Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân và là thành phần trừ bị sau cùng của liên đoàn.

Lau súng ống xong xuôi thì có khẩu lệnh của trung tá liên đoàn trưởng cho các đơn vị trực thuộc:

”Cắm nỏ súng trong thời hạn ba ngày Mừng Một, Mừng Hai và Mừng Ba Tết. Nếu vi phạm, đơn vị trưởng sẽ bị phạt nặng!”

Vừa cơm trưa xong, lại thêm lệnh mới:

“Tất cả súng ống vào kho! Ai nỏ súng trong ba ngày Tết sẽ bị nghiêm trị!”

Tôi thắc mắc:

“Vậy chứ canh gác bằng gì? Chẳng lẽ gác bằng gậy, hay gác tay không?”

Lệnh bèn đổi lại:

“Chỉ có một khẩu súng tại vọng gác.”

Vậy là tôi cấp cho bốn vọng gác bốn khẩu súng.

Đại đội tôi chỉ có hai sĩ quan, mà ông đại đội phó lại bận đi phép đặc biệt thăm vợ đẻ dưới Cần Thơ. Nghe hậu cứ nói có ông chuẩn úy mới ra trường vừa về bổ sung, tôi mừng quá.

Xế trưa, ông chuẩn úy trình diện, tôi hỏi:

- Anh có thân nhân, bà con gì ở Pleiku?
- Thừa không!
- Vậy thì ở lại trong đồn, ăn Tết với anh em.

Tôi tập hợp đại đội, ưu tiên cho những quân nhân có gia đình được miễn canh gác; số còn lại bốc thăm: nửa ở nhà, nửa đi chơi tới trưa Mừng Hai phải về.

Tối chiều tôi gọi ông chuẩn úy vào phòng,

- Có đi phố không? Muốn đi thì lấy xe tôi mà đi, tôi ở nhà coi đồn cho!

- Dạ không! Trung úy có đi thì đi! Tôi muốn ở nhà ngủ cho khỏe.

Chắc hẳn có người thay mình giữ đồn rồi, tôi liền leo lên xe, đồng ra Pleiku.

Xe đi ngang Đồi Đức Mẹ thì bị chặn lại. Một ông đại úy có vấn bị nổ lốp xe giữa đường, xin quá giang. Ông cho tôi biết tên ông ta là Donald Allen Evans. Ông ta mới về đảo nhậm liên đoàn. Sẵn đang rảnh rang, tôi rủ ông bạn Mỹ ghé nhà vài người quen, mời ông ăn bánh chưng, bánh tét, thịt đông, củ kiệu, dưa hành, cho biết người dân Việt mừng Xuân như thế nào. Chúng tôi dạo qua nhà thờ nghe các cô con chiên của Chúa hát thánh ca, rồi tấp vào chùa Pleiku xem Phật Tử xin xăm, xỏ quẻ.

Mới gặp nhau đó mà tôi và ông Donald đã thấy thân mến nhau. Nhìn thân hình ục ịch, ánh mắt thật thà, ông Donald có vẻ hơi quê mùa một chút, nhưng ông đúng là mẫu người hiền lành ra mặt. Mặt ông đầy đặn và miệng ông thì lúc nào cũng như sẵn một nụ cười. Ông đi lính đã lâu, và lớn hơn tôi gần chục tuổi. Chúng tôi kết thành đôi bạn vong niên.

Ông Donald hứa rằng, kỳ hành quân sắp tới, ông sẽ đi theo đại đội tôi.

Đường phố lên đèn, tôi quẹo lên dốc Holloway. Tối hội

quán của trại, tôi ngừng xe. Ông Donald kéo tay tôi xuống tản bộ, rồi nhờ một anh lính Mỹ lái chiếc Jeep của tôi ra bãi chứa nhiên liệu, bơm một bình xăng đầy.

Camp Holloway nằm trên cao độ hơn bảy trăm năm mươi mét, nên từ đây tôi có thể nhìn thấy một vùng rộng lớn xung quanh.

Ngay dưới chân đồi Holloway, gần hơn cả, là Khu Dưỡng Quân Trà-Bá 2, suốt ngày đêm, nhạc nổ “Sập! Sinh!..”

Từ hơn năm nay, Tướng Vĩnh Lộc đã ra nghiêm lệnh cấm các quán bar hoạt động trong khu cư dân trong thành phố. Quán bar và nhà chứa gái làng chơi phục vụ quân đội Đồng Minh đã bị di dời ra Trà Bá 2, tập trung thành một khu giải trí. Cũng từ đó mà những chuyện lính tráng say sưa, phá phách, đánh lộn đánh lạo đã không còn xảy ra trong phố Pleiku nữa.

Bên trái, đằng xa là phi trường Cù-Hanh lấp lánh ánh đèn. Xa về Nam là một khu hào quang rực rỡ, bao quanh chân núi Hàm Rồng, nơi đặt bản doanh của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 4 Hoa-Kỳ. Tít mù hướng Tây Bắc là Đồi Đức Mẹ. Đồi này nằm trên Ngã Tư Quốc Lộ 14 và Xa Lộ Vĩnh-Lộc, trên đỉnh đồi có tượng Đức Mẹ màu trắng. Sở dĩ tôi có thể nhận biết ngọn đồi này dễ dàng, vì cứ cách năm, mười phút, giàn đèn pha chống pháo kích lại quét một vòng bán kính bảy cây số quanh chân núi. Ánh đèn chói lóa, làm hoa mắt người nhìn. Trên đồi có mười sáu khẩu 105 ly của Mỹ, lúc nào cũng đặt trong tình trạng sẵn sàng. Cách Đồi Đức Mẹ một bàn tay xoe về bên phải là doanh trại của đơn vị tôi, Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, cạnh đó là khu doanh trại của Trung Tâm Huấn Luyện Trường Sơn.

Đêm Trừ Tịch, bầu trời cao nguyên một màu tím sẫm, đầy sao. Trong tiếng gió rì rào, tôi nghe Donald khe khẽ hát:

“Twinkle, twinkle little star. How wonder I know what you are!”

(Lấp lánh, lập lờ vì sao nhỏ bé. Thật là diệu kỳ, ta biết mi

là ai!)

Có lẽ ông Donald đang nhớ nhà? Tiếng hát của ông ấy nghe buồn lạ!

Ông mời tôi một điếu Pall Mall, rồi dơ tay chỉ cho tôi một ngôi sao đang lấp lánh trên vòm trời đen ngòm hướng Bắc.

- Kia là ngôi sao của tôi! Mỗi khi nhớ nhà, tôi thường ra ngoài trời đứng nhìn vì sao đó hằng giờ, tự hát “The Star” cho mình nghe, để mong vơi đi nỗi nhớ!

Tôi thắc mắc,

- Sao ông lại lựa vì sao này làm ngôi sao của riêng mình?

- Vì nó là ngôi sao sáng nhứt trên vòm trời Bắc Bán Cầu. Ngôi sao đó là nước Mỹ, nơi tôi sinh ra và lớn lên. Nhìn thấy ngôi sao này, tôi cảm như đang nhìn thấy quê hương, thấy người thân.

Nghe Donald giải thích, tôi gật gù cảm thông.

Với người dân Âu Mỹ thì bài thơ “The Star” đã trở thành khúc hát dân gian hàng trăm năm nay rồi. Nhưng khi hát nó lên, mỗi người lại mang một tâm trạng khác nhau.

Cái bệnh nhớ nhà, quả là một bệnh dễ lây. Nghe ông Donald than thở nhớ quê, lòng tôi bỗng thấy nhớ mẹ. Mẹ tôi ở ngoài Hội-An. Tôi biết, thế nào sau khi cúng Giao Thừa xong, mẹ tôi cũng mở radio chờ nghe bài “Xuân này con không về” và chắc chắn mẹ tôi sẽ khóc.

Chiếc Jeep quay trở lại với bình xăng đầy. Ông Donald vào quầy rượu, ký tên mua một chai Johny Walker. Ông gói nó lại cẩn thận, rồi trao nó cho tôi, cùng với câu chúc Tết bằng tiếng Việt trọ trẹ:

“Chúc mừng năm mới! Chúc trung úy một năm mới an khang thịnh vượng!”

Tôi cười, đưa tay nhận món quà,

- Cám ơn đại úy nhiều lắm. Tôi cũng chúc đại úy một năm

mới bình an.

Sau khi từ già ông Donald, tôi tàng tàng xuống phố, tản bộ một hồi, rồi chui vào nhà Trung Sĩ Sứ, ăn Tết ké với Ban Quân Xa Liên Đoàn.

Giao Thừa chưa tới, tôi đã say mềm, lăn quay ra chiếu ngủ như chết.

Nửa đêm anh Sứ dựng tôi dậy,

- Trung úy ơi! Dậy đi! Súng nổ như bắp rang! Hình như có đánh nhau trong phố, hướng dinh Tướng Vĩnh Lộc? Chắc có đảo chánh!

Tôi nghe rõ có tiếng “Cắc! Cắc!... Bùm! Bùm!...” ròn rã, lúc gần, lúc xa, nhưng cứ đoán mò:

“Có khi là pháo Tết!”

Lúc lâu sau, một tràng AK “Toác! Toác! Toác!” từ đâu đó bắn sang hướng xóm nhà tôi đang ở. Tôi vội bật dậy mặc áo quần, mang giày vớ. Khoác lên vai cái dây nịt có khẩu Colt 45, tôi nói với Trung Sĩ Sứ và hai anh lính:

“Các anh hé cửa sổ canh gác, thấy gì báo cho tôi. Mình chỉ có một khẩu súng Colt này thôi. Tôi sẽ giữ súng và di động bảo vệ hai cái cửa.”

Sau đó chúng tôi ngồi chờ trời sáng. Sứ mở máy đầu thanh. Đài Phát Thanh Sài-Gòn và Đài Quân-Đội chỉ có nhạc quân hành. Mãi sau mới nghe được tin Sài-Gòn đang loạn, Việt-Cộng xâm nhập thủ đô và đang đánh phá lung tung!

Mở sáng, tôi bước ra sân. Bên kia sân là nhà Đại Ủy Vòng Lập Dzếnh, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. Ông đại úy cũng đang quần áo súng ống dềnh dàng, thập thò trước ngõ.

- Á! Cái ông Long cũng ở đây há? Đánh nhau lung tung trong phố, mình biết làm sao mà vào đồn bây giờ?

Ông Dzếnh là người Nùng, nói tiếng Việt không lưu loát

lắm. Gọi tôi, thay vì “Long ơi! Long à!” ông ta cứ “Cái ông Long!”

Xe của tôi và xe của ông Dzénh đều đậu trên đường Phan Đình Phùng. Mặt lộ cao hơn xóm nhà bốn năm mét. Xe vào xóm không được, phải đậu trên lề đường. Tự bao giờ, bốn bánh chiếc xe của tôi đã bị bắn bể, xẹp lép! Xe của ông Dzénh cũng cùng chung số phận!

Tôi và ông Dzénh đành men theo bờ đường đi về hướng Trường Nữ Trung Học Pleime.

Tới Ngã Ba thì một chiếc Jeep Willy trờ tới, anh tài xế ngừng xe, một ông Mỹ nhảy xuống dang tay chờ,

- Hey! Long! What are you doing here? (Ê! Long! Anh đang làm gì ở đây vậy?)

Tôi nhào tới, ông ta ôm tôi vào lòng, ông ta là Đại Úy Donald A. Evans.

Donald nắm hai tay tôi, lắc lắc vài cái,

- Đánh nhau khắp chốn! Đại đội của anh đâu? Sao anh lại ở đây?

- Đại đội còn ở trong đồn. Tôi ngủ ngoài phố. Xe tôi bị bắn hư.

Ông Donald và Đại Úy Dzénh chỉ bắt tay chào nhau, chứ hai người không hề nói chuyện qua lại.

- Thôi! Lên xe đi! Chúng ta về đồn! Hôm qua anh cho tôi quá giang, hôm nay tôi cho anh quá giang.

Ông cố vắn đưa tay ra dấu cho chúng tôi lên ghế sau. Ghế sau có cái túi quân trang của Donald và chiếc áo Field Jacket của ông.

Tôi ngồi một bên, ông Dzénh một bên, cái túi quân trang “ngồi” ở giữa.

Chúng tôi tới Biển Hồ, quang cảnh vắng lặng. Từ Chợ Chôm Hôm tới khu gia binh, nhà nhà cửa đóng kín mít.

Tối sân tiểu đoàn tôi nhảy phóc xuống đất để quan sát tình hình.

Văn phòng đại đội tôi (1/11) bị bộc phá của Đặc-Công Việt-Cộng đánh lủng một miếng vách, bàn ghế gãy nằm ngổn ngang, giấy tờ bay lung tung. Căn buồng sát vách văn phòng là nơi tôi để cái giường bố dùng ngủ qua đêm mỗi khi không xuất trại cũng lãnh nhiều trái bộc phá, chiếc giường vải rách tả tơi, đầy máu me. Ông chuẩn úy mới ra trường và Binh Nhút Phạm Công Cường ngủ trong phòng này đêm Ba Mươi Tết. Không biết hai vị này chết sống ra sao?

Văn phòng của bộ chỉ huy tiểu đoàn cũng bị bộc phá đánh sập, sổ sách, giấy tờ tung toé khắp chốn. Trên mặt đất, bên phải cửa chính của văn phòng tiểu đoàn, nơi đặt cái giá gỗ treo cái keng sắt có một vũng máu lớn đầy ruồi nhặng. Như vậy là đã có ai đó mới bị giết ở đây đêm qua, thi thể đã được mang đi.

Một đoàn người trang bị súng ống, nón sắt, giày đạn đầy đủ, do ông thượng sĩ trưởng trại gia binh dẫn đầu, mới từ khu gia binh theo cổng sau vào sân tiểu đoàn. Gặp tôi, ông thượng sĩ nói,

- Nửa đêm Đặc-Công đã vào đồn. Thấy đồn bỏ trống nên chúng nó ném bộc phá lung tung. Ông Thượng Sĩ Du, Thường Vụ Tiểu Đoàn ngủ trong văn phòng, nghe tiếng nổ, bèn chạy ra đánh keng báo động. Không ngờ chạm mặt một tên Đặc-Công và ông đã bị thằng Đặc-Công đâm chết.

Hạ Sĩ Truyền, tài xế xe Dodge của đại đội tôi thì kể rằng,

- Hôm qua, sau khi trung úy lái xe đi, ông chuẩn úy cũng cho tất cả anh em còn lại ra khu gia binh chơi, vọng gác Đông và vọng gác Tây bỏ trống, chỉ để lại một người gác cổng sau, cổng trước đã có ông Hạ Sĩ Nghét tình nguyện trực suốt ba ngày, không cần người thay. Nửa đêm, nghe tiếng nổ, anh em vào tới nơi thì Đặc-Công đã rút. Ông chuẩn úy cận thị bị thương nặng, máu me cùng mình, Binh Nhút Phạm Công Cường vỡ đầu, Thượng Sĩ Du bị đâm chết. Bác sĩ của liên

đoàn đã cho xe cứu thương đi tản người chết và bị thương về Quân Y Viện Pleiku.

Sau này tôi cũng nghe ông Hạ Sĩ Nghét kể lại rằng, ông ở đây một mình, vợ con ông ở ngoài Huế, mỗi năm ông đi phép về thăm nhà một lần thôi, vì thế ông tình nguyện trực pháo đài cổng chính suốt ba ngày Tết. Giờ Giao Thừa, lúc Việt-Cộng chui rào vào đánh bộc phá thì ông đang ngồi cầu nguyện, ông theo đạo Chúa. Sợ Việt-Cộng xông vào tấn công nên ông leo lên nóc lô cốt, thủ khẩu đại liên ba mươi. Cho đỡ sợ, ông cứ bóp cò súng liên tục, bắn loạn xạ lên trời. Ông bắn gần hết mười thùng đạn mới ngừng tay, nghe ngóng. Lúc ấy Đặc-Công đã rút đi hết!

Chờ tình hình thật yên, ông Nghét mới xách khẩu Carbin M1 chạy vào văn phòng tìm ông chuẩn úy. Thấy văn phòng tan hoang, ông hạ sĩ hoảng hồn, mở cổng chính, chạy thực mạng ra khu gia binh tìm Thượng Sĩ Em. Ông Em là chỉ huy hậu cứ của đại đội.

Thượng Sĩ Em tập hợp anh em rồi kéo nhau vào đồn. Ông Em gọi điện thoại cho liên đoàn báo cáo tình hình. Nghe xong, ông liên đoàn trưởng nổi cơn thịnh nộ, dọa sẽ đưa Trung Úy Vương Mộng Long ra tòa án quân sự lột lon, vì bỏ đồn đi chơi, để địch tấn công. Rồi ông ra lệnh cho Trung Úy Lưu Danh Rạng phải lập tức trở về hậu cứ Tiểu Đoàn 11 để chỉ huy Đại Đội 1/11. Lúc đó tất cả quân nhân các cấp của đại đội đã tề tựu trong sân để chờ hạ sĩ quan tiếp liệu mở kho cho anh em nhận lại súng đạn.

Anh Rạng nguyên là đại đội trưởng Đại Đội 4/11. Anh ta đang thụ huấn khóa Chiến Tranh Chính Trị ở Đà-Lạt sau khi bàn giao đại đội cho một sĩ quan khác tạm thời chỉ huy. Nhân dịp nghỉ Tết, Rạng “dù” về Pleiku chơi, vì ở Đà-Lạt không quen, buồn quá! Tối Ba Mươi Tết Rạng ngủ trong nhà người tài xế của Đại Đội 4/11, trong khu gia binh. Giao Thừa, súng nổ, anh theo chân một nhóm quân nhân hậu cứ của Tiểu Đoàn

23 chạy vào bộ chỉ huy liên đoàn lánh nạn.

Hai giờ sáng, Trung Úy Rạng được lệnh đem Đại Đội 1/11 đi tảo thanh địch trong phố Pleiku. Đại Đội 1/11 đi rồi thì đồn bị bỏ trống vì không có ai canh gác.

Tôi ra lệnh cho ông trưởng trại gia binh thu gom tất cả quân nhân còn lại ở hậu cứ vào canh gác và quét dọn những chỗ bị hư hại.

Bước vào văn phòng tiểu đoàn, tôi quay điện thoại gọi phòng trực của liên đoàn. Vừa nghe tôi xưng danh, bên kia đầu máy đã có tiếng giọng Bắc Kỳ nạt nộ:

“Trung úy Long đấy hả? Trung úy đi đâu suốt đêm qua? Trung úy có nhiệm vụ giữ đồn mà để cho Việt-Cộng nó vào, nó đánh phá tan hoang nhà cửa, giết chết cả thường vụ tiểu đoàn mà trung úy không hay. Kỳ này nếu trung úy có bị lộ lon thì cũng đừng kêu oan đấy nhé!”

Tôi vội hỏi,

- Xin lỗi! Ai đầu giây? Có phải Thiếu Tá Thi Liên Đoàn Phó đó không?

- Không! Tôi là Tính, hạ sĩ quan an ninh đây!

Thì ra, người vừa quát tháo ra oai với tôi không phải Thiếu Tá Đoàn Thi, Liên Đoàn Phó, mà là anh Hạ Sĩ Nhứt Tính, phụ tá hạ sĩ quan an ninh liên đoàn! Anh Tính này trước đây là xạ thủ SKZ 57 ly của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. Anh ta mới được biệt phái về Ban An Ninh của liên đoàn cách nay vài tháng.

Nghe biết người đầu giây bên kia là ai, tôi giận quá, quát lên,

- Vậy thì anh cầm cái mồm lại ngay! Anh đừng có hỗn hào! Nếu tôi có lỗi thì cấp trên tôi sẽ khiển phạt tôi. Còn anh chỉ là một hạ sĩ nhứt mà dám ăn nói như vậy với tôi thì liệu hồn! Tôi muốn gặp trung tá liên đoàn trưởng hoặc thiếu tá liên đoàn phó ngay bây giờ! Nghe rõ chưa!

Giọng của người đầu giây bên kia có vẻ hơi run,

- Dạ! Trình trung úy! Em chỉ lặp lại lời trung tá liên đoàn trưởng thôi! Chứ em đâu dám hỗn với trung úy.

- Câm đi! Tôi ra lệnh cho anh đi tìm Trung Tá Đồng hay Thiếu Tá Thi cho tôi nói chuyện gấp! Rõ chưa?

- Trình trung úy! Ông trưởng và ông phó đều ra Pleiku rồi. Giờ này chỉ còn ông chuẩn úy sĩ quan trực. Trung úy nói chuyện với ông ấy có được không ạ?

Ông chuẩn úy sĩ quan trực cho tôi hay hai ông trưởng và phó đang ở chỗ Ban Kiểm Soát Biệt Động Quân trên đường Hoàng Diệu Pleiku. Giao tranh đang diễn ra trong khu vực gần đó.

Tôi về văn phòng đại đội, mở tần số liên đoàn để nói chuyện với Trung Tá Đồng. Nghe tiếng tôi, Trung Tá Đồng hét lên,

- Đ! M! Mi còn sống đó hả? Ra đây mau! Cả ông Donald và ông Dzénh cũng ra đây luôn! Nghe rõ chưa!

Tôi bước ra sân tìm ông Donald và ông Dzénh; hai vị còn đang đi vòng vòng quanh doanh trại để quan sát sự thiệt hại do cú đánh phá vừa qua của Đặc- Công.

Tôi chuyển lệnh của liên đoàn trưởng cho hai ông, rồi nhờ Thượng Sĩ Em nhảy lên xe một thùng lựu đạn khói màu, một thùng M 26 và một thùng MK 3, đánh nhau trong đường phố thì rất cần những thứ này.

Trước khi rời máy, ông Donald vác cái túi quân trang và cái Field Jacket của ông ta vào văn phòng đại đội tôi, giao cho Thượng Sĩ Em cất giữ dùm.

Chúng tôi chạy tới dinh Tướng Vĩnh Lộc thì đường bị giây kẽm gai rào kín, phải quẹo trái sang phía nhà thờ, rồi vòng sang Hoàng Diệu.

Trước Trại Biệt Cảnh có nhiều người đứng lố nhố. Thiếu Tá Đoàn Thi đang điện đàm với một cánh quân nào đó, còn

Trung Tá Đồng thì ngồi trên bậc cửa của Trại Biệt Cảnh, miệng phì phà một điếu xì gà. Tôi chưa kịp đứng nghiêm chào kính thì ông Đồng đã oang oang,

- Ông nội đi đâu suốt đêm qua vậy ông nội? Canh gác gì mà để Đặc-Công vào phá nát hậu cứ, giết chết lính của mình mà không biết gì thì tôi cũng phục ông luôn!

Tôi nghiêm giọng trả lời,

- Tôi nhận lỗi đã vắng mặt đêm qua. Nhưng nếu tôi ở nhà, và ra lệnh cấm trại tất cả anh em của đại đội trong khi súng ống bị nhốt trong kho, chắc tôi cùng nhiều người nữa đã không toàn mạng. Và chắc gì giờ này tôi còn được nhìn thấy trung tá?

Nghe tôi nói vậy, Trung Tá Đồng như chợt nhớ ra, chính ông đã ra lệnh cho tôi cất súng vào kho. Nếu như đêm qua cả trăm người lính bị cầm chân trong trại, tay không tác sát, chắc chắc số người chết bởi Đặc-Công Việt-Cộng sẽ không lường được là bao nhiêu.

Ông cười làm lạnh,

- Thì ta cũng la ó cho có lệ vậy thôi, chứ ai không biết rằng lệnh cấm nổ súng là do quân đoàn ban ra! Chỉ tại thằng Việt-Cộng vi phạm chứ chú mi đâu có lỗi gì?

Sau đó Trung Tá Đồng ra lệnh cho Trung Úy Rạng trao lại quyền chỉ huy Đại Đội 1/11 cho tôi. Tôi được anh Rạng trả lại quyền chỉ huy đại đội vào lúc mặt trời lên cao cỡ nửa con sào. Anh em trong đơn vị thấy tôi trở về bình an đều mừng vui ra mặt.

Lúc này Đại Đội 1/11 đang bố quân dọc hai bên đường Hoàng Diệu trước Khách Sạn Bồng-Lai. Trung Tá Đồng tới tận hàng hiên của Quán Kim-Liên ra lệnh cho tôi phải cấp tốc chuyển quân tái chiếm Lao Xá Pleiku và đặt một nút chặn tại đó. Vì con dốc từ Lao Xá Pleiku và khu Cây Đa Xà nơi chân Dốc Lò Heo chính là điểm xuất phát các mũi tiến công của Việt-Cộng.

Tôi gọi ba ông trung đội trưởng vào mái hiên Kim-Liên để phân chia nhiệm vụ. Vì Trung Sĩ Nhứt Ngọ, Trung Đội Trưởng Trung Đội 1, nằm bên kia đường nên không nghe rõ lệnh triệu tập của tôi, nên Hạ Sĩ Dương Lô hiệu thính viên đại đội phải chạy sang thông báo miệng cho ông Ngọ.

Bỗng đâu! “Xoẹt! Oành!” Từ trên trời, một trái rocket phóng xuống cắm ngay giữa phố.

Trái rocket chỉ điểm cắm giữa lòng đường, toé lửa, khói trắng tuôn cuộn cuộn. Bụi bay mù mịt, cát đá rào rào đập vào tường, vào cửa nhà hai bên đường. Sức ép do trái rocket vừa nổ đã đánh văng toàn thân hình, kèm với ba lô, súng đạn, cùng chiếc PRC 10 của Hạ Sĩ Dương Lô từ giữa đường bay vào sạp báo của tiệm Phở Kim-Phượng.

Trái khói nổ chỉ cách bộ chỉ huy liên đoàn và toàn ban cố vấn Mỹ chưa đầy một trăm mét!

Tôi không cần khiêu nại, hay báo cáo, cố vấn liên đoàn cũng đã thấy tận mắt cảnh tượng quái đản vừa xảy ra. Chỉ cần nhích một chút xíu nữa thì ban cố vấn Mỹ cũng “đi doong!” Loa khuếch đại của máy truyền tin trên xe cố vấn đồng loạt rộ lên om xòm những tiếng chửi thề: “F! You! F! You! Check air! Check air! F! You!...”

Chắc đã nhận biết dưới chân mình là quân bạn, nhưng chiếc L.19 vẫn còn đảo thêm một vòng tròn trên đầu tôi, rồi mới lừng lững bay đi.

Tôi tiến tới bên ông Lô thì thấy cả người ông hạ sĩ bị nám đen. Ông nằm ngoẹo đầu trên nền đất. Hai mắt ông mở trừng trừng: Phi cơ Đồng Minh của tôi vừa giết oan một đồng ngũ của tôi!

Tôi vuốt mắt cho người quá cố, nhưng hai mi mắt ông không chịu khép lại!

Thấy thế, tôi bèn xoa hai bàn tay vào nhau cho ấm lên, rồi xòe rộng bàn tay phải, phủ mặt cho người chiến binh già.

Miệng tôi lẩm nhẩm: “Cầu xin Đức Chúa Trời cứu rồi!”

Phút sau tôi rút tay ra. Đôi mi mắt người lính già đã khép lại! Da mặt ông như vừa sáng lên, rạng rỡ, hết nhăn nheo.

Có thể là, hơi ấm từ lòng bàn tay tôi đã kích thích dịch thủy trong mắt ông tiết ra khiến da mi mắt ông mềm đi, dẫn nở, nên mắt ông nhắm lại được. Cũng có thể giờ phút đó Chúa Cứu Thế trên đường vân du, đã nghe lời nguyện của tôi, nên dừng chân ghé ngang, vớt linh hồn người lính già ngoan đạo Dương Lô về quê hương La Vang?

Tôi cho một trung đội thận trọng men theo đường rãnh thoát nước tiến xuống cổng Lao Xá.

Đầu cầu lập xong, cả đại đội ào xuống núp quanh nhà dân. Tới lúc này tôi mới nhìn ra, ông Donald và cả Trung Úy Rạng cũng có mặt trong đoàn quân của tôi.

Tôi nắm vai ông Donald,

- Ông đi theo tôi làm gì? Ông có nhiệm vụ gì ở đây mà theo tôi?

- Thì tôi đã hứa với với anh rằng, kỳ hành quân này tôi sẽ đi theo anh. Anh không nhớ sao?

Thường thì một toán cổ vấn phải gồm hai hoặc ba người. Giờ này ông Donald đơn độc đi theo tôi, không có máy truyền tin, không người hộ vệ. Trong lúc gấp gáp, tôi cũng không có thì giờ để hỏi rằng, ông làm chuyện này là tự nguyện hay đã có sự đồng ý của cổ vấn trưởng.

Quay qua Trung Úy Rạng, tôi hỏi,

- Toa đi theo moa làm gì?

-Sĩ quan đại đội chỉ có mình cậu, mình theo cậu để có gì cần, mình giúp cậu một tay. Có hai thằng đại đội trưởng, chết đứa này còn đứa kia, đơn vị không sợ mồ côi!

Trước lòng tốt của hai người bạn, một Việt, một Đồng Minh, tôi cảm động không nói nên lời. Tôi nắm tay các bạn

tôi, bóp một cái thật chặt, để thay lời cảm ơn.

Trong cái thung lũng nhỏ, nhà dân toàn là loại lợp lá, vách phen. Không có gì dùng để che đạn, nên chúng tôi áp dụng chiến thuật tác chiến di động. Từng tốp ba người, súng chĩa ba hướng khác nhau, tiến chiếm từng căn nhà.

Bỗng từ dưới dốc, một người cầm gậy, đầu gậy treo một cái áo mayor trắng, vừa chạy lên dốc, vừa phát cờ. Một thanh niên hồn hên,

- Các anh lính Cộng- Hòa ơi! Các anh lính Cộng-Hòa ơi!



Đại Úy Donald A. Evans, cố vấn của TĐ11 BĐQ, 1968.

Trung Sĩ Có dơ tay chặn anh ta lại,

- Có gì đó!

- Việt-Cộng! Việt-Cộng nhiều lắm! Chúng nó chiếm nhà em! Nhà em nằm dưới chân dốc!

Theo hướng tay anh thanh niên chỉ, tôi thấy, ngay dưới dốc là một căn nhà tranh, xung quanh có vườn cây um tùm.

- Trong nhà còn ai không?

- Dạ không. Ba má em và mấy đứa em về Qui Nhơn ăn Tết nên chỉ có mình em giữ nhà thôi. Nửa đêm Hai Mươi Chín Tết mấy ông Giải-Phóng gõ cửa, ào vào, nhốt em trong buồng, cấm ló mặt ra. Sáng nay em nghe các anh lính Cộng-Hòa la hét trên dốc Bưu Điện, em bèn rút phen vách ra thành một lỗ hổng to rồi chờ đợi. Đến khi các anh xuống tới nơi, em vội chạy lên báo cho các anh hay.

Chắc chắn trong căn nhà dưới kia không còn người dân nào, tôi quyết định diệt gọn số Việt-Cộng đang trú ẩn trong đó, không cho tên nào chạy thoát.

Tôi ra dấu cho người thanh niên lui về phía sau, rồi ra lệnh,

- Hai khẩu trung liên BAR của ông Ngọ và ông Khôi bắn xéo cánh sẻ sát hai đầu hồi căn nhà. Khẩu đại liên 30 quét ngay giữa nhà. Nhớ là phải quét sát đất! Tất cả súng tay còn lại đều nhắm vào căn nhà bắn thả giàn!

Chưa tới ba mươi giây sau,

“Đùng! Đùng! Đùng! Cành! Cành! Cành! Đoàn! Đoàn! Đoàn! Ừm! Ừm! Ừm!...” Gần năm mươi khẩu súng đủ loại, đua nhau nhả đạn nhắm vào cái nhà tranh dưới dốc. Vách phen toác ra từng mảnh, bay như bướm bướm. Mái tranh tung ra từng mảng, bay như bướm bướm. Thoáng chốc căn nhà đã tả tơi, biến dạng, có lẽ những cây cột chính đã bị bắn gãy, nên nó ngã nghiêng, chao qua, chao lại, như muốn đổ sập. Không có ai từ trong nhà chạy ra. Không nghe một tiếng súng đáp trả!

Chờ năm, bảy phút sau, không thấy gì lạ, tôi ra lệnh ngừng bắn, rồi cho Trung Đội 2 tràn qua mục tiêu, bố trí dọc con suối để giữ an ninh, còn Trung Đội 1 thì lục soát mục tiêu.

Sau khi chiếm giữ căn nhà tranh và khu vườn dưới dốc, Trung Sĩ Nhứt Ngọ báo cáo,

- Trong nhà có khoảng hai mươi cán binh Cộng-Sản. Tất cả đã chết hết! Ta tịch thu được 22 khẩu AK47!

Tôi rút quân lên bố trí quanh Cây Đa Xà. Trung Đội 1 dùng giầy dù cột vào chân những tử thi địch, rồi kéo chúng về tập trung trên một bãi đất trống bên cổng chính của Lao Xá Pleiku. Xe của Quân Vận sẽ đem xác chúng đi chôn. Trong khi chuyển tải các tử thi, anh em phát giác ra một cán binh còn sống! Anh ta nằm giả chết! Trên lưng anh ta có khẩu K54! Anh ta là cấp chỉ huy!

Hai Biệt Động Quân áp tải tên Việt-Cộng tới trước mặt tôi. Anh ta là người Miền Bắc, anh ta cũng cỡ tuổi tôi, hăm nhăm, hăm sáu là cùng. Tôi chỉ chỗ cho anh ta ngồi, rồi mời cho anh ta một miếng thuốc lá Lucky không đầu lọc. Tôi không ra lệnh

tróit tay, bịt mắt anh ta, vì tôi nghĩ, chút nữa đây, chắc chắn sẽ có những phóng viên ngoại quốc tìm tới lấy tin vùng giao tranh, và họ sẽ chứng kiến cách đối xử với tù binh của Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

“Anh tên là gì? Quê quán ở đâu? Bao nhiêu tuổi? Cấp bậc gì? Chức vụ gì? Đơn vị nào?” Tôi từ tốn hỏi.

Tôi vừa dứt lời, anh cán binh Việt-Cộng đã vội vàng nhanh miệng, lễ phép trả lời:

- Thừa thủ trưởng, em là người Hà Nam Ninh, em tên Lê Hữu Phòng, hăm nhăm, hàm thiếu úy, thủ trưởng xê một, hát mười lăm.

Không ngờ anh chàng này lại có vẻ liên thoảng và bạo dạn quá, tôi thắc mắc,

- Vậy chứ “xê” là gì? “Hát” là gì?

- Dạ xê (C) là đại đội, hát (H) là tiểu đoàn đấy ạ!

Chợt nhớ ra mẫu điện đàm nghe được đêm Hai Mươi Chín Tết, tôi vội hỏi,

- Có phải Sa-Thầy là H 15 không? Còn Hồng-Lĩnh là ai vậy?

- Dạ Sa-Thầy là phiên hiệu của Tiểu Đoàn H 15, còn Hồng Lĩnh là phiên hiệu của Tỉnh Đội Gia-Lai.

- H 15 có đại đội đi đầu bị lạc. Có phải C 1 bị lạc từ đêm Hai Mươi Chín Tết không?

Tên cán binh trở mặt:

- Thì ra thủ trưởng cũng biết chuyện đơn vị của em bị đi lạc ư?

Tôi gật gù,

- Biết chứ! Bây giờ anh phải khai cho rõ, C1 ở đây từ lúc nào? Thành phần còn lại của H 15 hiện nay ở đâu?

Nghe tôi hỏi, tên Việt-Cộng chợt ngẩn người ra có vẻ suy

nghe, bắn khoản. Một phút sau, y chậm rãi kể, với bộ điệu rất thành thực,

- Đêm Hăm Chín tụi em đi đầu theo anh giao liên dẫn đường. Vừa vượt qua xa lộ Vĩnh Lộc thì có một đoàn xe Mỹ chạy tới, đoàn quân bị cắt ngang, đại đội em đã vào tới Chợ Mới, nhưng toàn bộ đại đơn vị còn bị kẹt trong ruộng khoai mì và đồng cỏ tranh. Chúng em bị mất liên lạc với tiểu đoàn từ đó. Anh giao liên dẫn tụi em tới điểm tập kết nơi lòng một con suối, rồi giao tụi em cho một cán bộ nằm vùng. Ông này dẫn tụi em vào căn nhà dưới dốc để ém quân chờ, căn dặn tụi em không được tự ý nổ súng, không được đi đâu, nếu ông ta chưa quay lại đón. Tụi em cứ chờ mãi cho tới sáng nay thì bị tập kích. Quân Cộng-Hòa bắn rất quá, không chừa một tấc đất nào. Tụi em không chống đỡ kịp. Tất cả quân số của C 1 là hai mươi ba người, chết hết, còn lại mình em thôi! Em nhờ có cái cối xay bằng đá che chở mà sống sót. Đến lúc quân Cộng-Hòa vào lục soát, em chỉ còn cách giả chết để chờ cơ hội thoát thân. Không dè bị buộc chân kéo lê trên gạch đá, đau quá em đành phải ngồi dậy tự thú!

Nghe xong lời khai của tên tù binh, tôi mới thấy mình quả là quá ơ hờ với cái vụ tìm hiểu trận liệt, biên chế của địch. Đầu ngờ, mẩu điện đàm ngắn ngủi mà tôi tình cờ nghe được lại là cuộc đàm thoại của đơn vị chủ công địch nhắm vào thành phố Pleiku nhân dịp ngưng bắn đầu năm. Chắc không ai biết chuyện chuyển quân này của Việt-Cộng đâu! Mà dù có biết cũng chẳng ai thèm để ý đề phòng! Vì ai cũng tin Tết này sẽ hưu chiến, Tết này sẽ hòa bình. Ta không bắn địch, địch cũng không bắn ta. Có Ủy Hội Quốc Tế đứng ra bảo đảm, khỏi lo lắng gì.

Rồi tôi lại nghĩ, nếu tình báo của ta không quá ơ hờ, thượng cấp không quá ngây thơ tin tưởng vào những lời hứa cuội của kẻ thù, thì tôi đã không nhận được lệnh phải tập trung vũ khí của đại đội, bỏ vào kho, khóa cứng lại!

Khẩu đội cối 60 ly của Trung Sĩ Tánh vừa tới, còn đang loay hoay kiểm vị trí đặt súng. Binh Nhút Ngẫu, xạ thủ cối, hai tay ôm cái bàn tiếp hậu trước ngực chờ lệnh. Binh Nhì Nguyễn Sang chậm chạp dang hai chân lấy thế, rồi từ từ hạ cái đòn gánh tám quả đạn 60 ly xuống trước mặt tôi.

Ngay lúc ấy tôi chợt thấy ánh mắt người tù binh như rực sáng. Rồi nhanh như cắt, anh ta bật người dậy, chồm lên, lao vào giựt khẩu Garant M1 trên vai Binh Nhì Sang!

Tôi sững người, vài giây sau mới kịp rút khẩu Colt ra khỏi vỏ. Thật là khó can thiệp khi hai người này cứ liên tục di động! Tên Việt-Cộng và Binh Nhì Sang ra sức giằng co, giằng giựt khẩu súng. Giờ này thằng Việt-Cộng đã trở nên vô cùng hung hãn, nó nhe răng cắn lia lịa vào tay Sang, khiến anh này la lên “Oai oái!”

Bất ngờ, một tiếng “Rốp!” vang lên, cuộc vật lộn chấm dứt!

Sẵn trên tay cái bàn tiếp hậu, Binh Nhút Ngẫu, đã nhanh trí, thẳng cánh nện một phát ngay đỉnh đầu tên cán binh, cứu nguy cho Binh Nhì Sang! Thuở đó cối 60 chưa có bàn tiếp hậu bằng nhôm. Bàn tiếp hậu cối 60 được đúc bằng sắt rỗng nên rất nặng, mặt sau thì lồi lõm. Vì vậy, chỉ với một cú đập, tên Việt-Cộng đã vỡ óc, lia đời.

Sự việc diễn biến nhanh tới mức không thể tưởng tượng được! Tôi bị bất ngờ đã đành, ông Donald còn sững người hơn tôi. Ông ta cứ đứng ngó ra như vừa sức tỉnh một cơn mê lạ lùng.

Binh Nhút Trần Ty đưa cái ống liên hợp cho tôi. Có lệnh của ông liên đoàn trưởng:

“Rút quân gấp! Coi chừng bị đánh chặn ở cổng trại Địa Phương Quân!”

Tôi lấy làm ngạc nhiên vì, rõ ràng tôi vừa xuất phát từ căn nhà sập, ở ngay trước cổng cái trại Địa Phương Quân ấy để tràn xuống dưới này, nay lại nói trong doanh trại đó có địch?

Chẳng lẽ cái Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận ấy đã bị Việt-Cộng chiếm rồi?

Thế là chúng tôi lại men theo đường cống thoát nước trở lại khu nhà sập trên Ngã Tư Bưu Điện.

Đại Úy Dzênh đang lấp ló sau một gốc cây, thấy tôi ông bèn ra dấu,

- Coi chừng! Trong đồn Bảo An có Việt-Cộng. Chúng nó vừa bắn ra làm hai anh Thiết Giáp bị thương. Trung tá liên đoàn trưởng đang chờ ông bên hàng hiên đằng kia!

Trung Tá Đồng và nhóm cố vấn Hoa-Kỳ đang đứng lố nhố sau mấy chiếc M113 đậu dọc lề đường Hoàng Diệu, trước rạp hát. Trong lúc tôi nói chuyện với Trung Tá Đồng thì Đại Úy Donald cũng trao đổi đôi điều gì đó với nhóm cố vấn Mỹ.

Trung Tá Đồng cho tôi biết, Tiểu Khu Pleiku vừa xác nhận rằng, doanh trại của Trung Tâm Yểm Trợ đã bị Việt-Cộng chiếm giữ từ Giao Thừa. Từ đây, chúng đã bắn B 40 ra đoạn đường Hoàng Diệu trước mặt Tòa Hòa Giải, làm cháy hai chiếc M 113 của ta. Ông ra lệnh cho tôi phải tái chiếm doanh trại Địa Phương Quân càng nhanh càng tốt.

Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận Tiểu Khu rất rộng, nó được bao quanh bằng hai lớp rào và một hệ thống công sự phòng thủ kiên cố. Phần đối diện với Ty Bưu Điện là văn phòng, cơ xưởng, kho tàng. Phần đối diện với Tòa Án Hòa Giải là cư xá sĩ quan và hội quán. Tôi đã có dịp ăn, nghỉ ít lâu ở nhà một người quen trong cư xá này nên rất thông thuộc đường đi nước bước trong khu doanh trại này.

Chỉ có một con đường duy nhất để tiến vào doanh trại là cổng chính. Hai bên cổng chính là hai pháo đài, hiện đang bỏ trống.

Tiểu đội của Trung Sĩ Nguyễn Hữu Có vừa ào vào làm chủ cái lô cốt bên phải thì tiểu đội của Trung Sĩ Đoàn Văn Lựa cũng chiếm xong vọng gác bên trái, vọng gác này có một khẩu

đại liên 30.

Tôi chỉ nhảy vài bước là đã tới cái ụ súng đại liên.

Thường ngày thì khẩu súng cộng đồng này hướng ra Ngã Tư Bưu Điện trên đường Hoàng Diệu. Giờ này tôi cho nòng súng quay ngược vào sân cò. Ông Đại Úy Donald theo sát bên tôi. Ông đang lên cò khẩu AK 47. Lúc còn ở dưới dốc Lò Heo, tôi và ông Donald lựa cho mình mỗi người một khẩu AK chiến lợi phẩm, vì chúng tôi chỉ có súng ngắn. Tấn công mục tiêu mà có súng liên thanh thì vững tâm hơn nhiều. Lúc này thì sau lưng ông Donald có một hiệu thính viên Mỹ đi theo. Anh lính Mỹ trẻ này được trang bị một máy PRC 25 và một khẩu AR 15. Đi trận mà bộ dạng chàng ta lại rất thông dong, thanh thoi như đang đi dạo phố.

Hiện thời tôi không biết địch nằm chỗ nào, cứ đi lớ ngớ trong sân, có khi chết oan. Tôi cho trung đội súng nặng và hai chiếc máy truyền tin nằm lại cổng chính vì sợ rằng kéo nhau “bầu đoàn thê tử”, cần câu, ăng ten, đèn dăng thì chỉ tổ làm mồi cho B40! Vả lại, đánh nhau trong khu nhà cửa, doanh trại, cứ dùng thủ lệnh, khẩu lệnh, vừa nhanh lại vừa tiện. Thấy tôi làm thế, ông Donald cũng ra dấu cho anh hiệu thính viên Mỹ ôm cái máy PRC 25 ngồi lại trong vọng gác bên cổng chính.

Tôi phân nhiệm vụ cho Trung Đội 3 vừa là thành phần trừ bị, vừa trấn giữ con đường xuống dốc Lao Xá Pleiku. Trung Đội 1 và 2 sẽ là lực lượng chủ công.

Đất được chia cho hai cánh quân, theo trục tiến Bắc Nam, lấy trụ cò làm ranh. Trung Úy Rạng đi cùng Trung Sĩ Nhứt Khôi của Trung Đội 2, chỉ huy cánh bên phải chiếm các văn phòng, hội trường và những lô cốt sát rào bên Hoàng Diệu. Tôi và ông Donald đi theo cánh bên trái của Trung Sĩ Nhứt Ngọ tiến chiếm khu kho chứa hàng, và khu cơ xưởng bảo trì quân xa.

Mặt trời đã lên cao, nhưng toàn cảnh của Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận như còn chìm trong một giấc ngủ sâu. Im lặng tới lạnh gáy, rợn người.

Sau mỗi ô cửa, sau mỗi lỗ châu mai có thể là một họng RPD hay AK47 sẵn sàng nhả đạn. Chúng tôi nhường mắt, đóng tai, thận trọng từng bước, đi tìm Thần Chết.

Bất ngờ, “Oạch!” Binh Nhì Ngô Sanh vì cứ phải liên tục ngông cổ canh chừng những ô cửa, những lỗ châu mai, đã vô tình đập nhầm một cục đá nên ngã bổ nhào về phía trước, chúi đầu vào bức vách tôn gây nên một tiếng “Ầm!”

Sanh không mang nón sắt, mà đội nón đi rừng, nên cú té đập đầu đã làm anh ta đau ngất ngur!

Trung Sĩ Nhứt Ngọ vừa đưa tay đỡ Ngô Sanh, vừa cảm râm,

“Tổ cha mày! Cái thằng ăn hại!”

Ngô Sanh vừa xuýt xoa “Á! Á! Đau!” vừa lồm cồm đứng lên, dơ tay phủi bụi dính áo quần. Rồi lơ quớ làm sao, ngón tay của chàng ta lại móc ngay vào cò khẩu Thompson đang đeo trước ngực!

Thế là “Pằng! Pằng! Pằng!...” đạn nổ liên thanh! Thompson là thứ súng nhảy cò nhút, nhiều khi chỉ cần nện mạnh báng súng trên nền đất là cơ bắm đã thụt xuống, đạn tuôn ra cả tràng. Cũng may, mười mấy viên Thompson của Ngô Sanh đã bay hết vào tường mà không trúng ai!

Ông Ngọ chưa kịp la hét, đá dít anh lính bất cẩn thì bất thành linh, súng đạn nổ ran tứ phía!

“Bùm! Bùm! Đùng! Đùng! Oành! Oành! Chiu! Chiu!...”

Đủ mọi thứ tiếng nổ! Đại liên, trung liên, AK, thủ pháo, chớp nhóa, chói lòa, bụi khói khét lẹt, chỗ nào cũng có địch!

Đâu ngờ tràng đạn cướp cò của Binh Nhì Ngô Sanh đã vô tình trở thành hiệu lệnh cho địch khai hỏa!

May mắn là chúng tôi mới xuất phát, chưa lún sâu trong vùng địch kiểm soát nên thiệt hại chưa có gì đáng kể.

Vì địch đã lộ diện, nên tôi quyết định cho quân mình khoan

vùng, tiến chiếm từng phần của mục tiêu, thay vì ào lên một lượt. Hai cánh quân của ông Ngọ và ông Khôi giữ hàng ngang, rồi thận trọng tiến chiếm từng nhà, từng ụ súng.

Hướng Đông với nhiều lô cốt có mái che nên việc tiến quân rất vất vả và nguy hiểm. Vừa chiếm xong cái lô cốt đầu tiên, Trung Đội 1 đã bị chặn lại bởi một khẩu thượng liên đặt trên vọng gác Tây Nam của doanh trại; ít nhứt cũng năm, sáu Biệt Động Quân đã bị cây súng liên thanh này đốn ngã.

Tôi nghĩ rằng cái chòi gác này rất cao, người ngoài đường cũng trông thấy, nên chạy ra cổng chính nhờ chiếc M113 có khẩu 106 ly giúp một tay.

Quả đúng như tôi dự trù, người nào đứng tại Ngã Tư Bưu Điện đều có thể nhìn rõ mồn một những tia lửa phát ra từ khẩu RPD trên vọng gác kia. Chỉ cần hai quả 106 ly là cái chòi gác biến mất.

Muốn tiến chiếm các lô cốt và khu cơ xưởng, chúng tôi phải di động liên tục. Vào tới đây rồi thì ai cũng phải đánh nhau, bất kể là quan hay lính. Tôi, ông Donald và Trung Sĩ Có hợp thành một tổ ba người. Ông Donald giữ nhiệm vụ ghim khẩu AK 47 bảo vệ cho tôi và Có luân phiên đánh lựu đạn.

Thanh toán xong cái lô cốt giữa sân cò, cả đại đội hò reo xung phong lên khu cơ xưởng sửa chữa quân xa và hội quán.

“Ừm! Ừm!...Oành! Oành!...” Lựu đạn của ta, thủ pháo của địch đua nhau ném qua, ném lại; trung liên, tiểu liên thì nổ đùng đùng không dứt! Hai lỗ tai tôi lùng bùng như sắp điếc đặc tới nơi!

Tới đầu dãy nhà chứa xe, trong đám bụi khói mù mịt, thay vì chạy theo tôi về bên trái, thì ông Donald lại chạy theo Trung Úy Rạng rẽ sang bên phải, nơi đây có cái cổng sắt dẫn sang cư xá sĩ quan.

Bất ngờ, tôi thấy lửa toé lên từ lỗ châu mai của một lô cốt nơi đầu nhà chứa vật liệu xây dựng. Đây là một ổ đại

liên 30! Khi tai tôi nghe được tiếng nổ thì mắt tôi đã thấy Trung Úy Rạng và ông Donald loạng choạng, chúi người vào nhau, gục trên nền đất. Phải nhảy hai bước dài, tôi mới tới sát cái lỗ châu mai có họng súng đang nhả đạn liên thanh. Một quả MK3, tiếp theo là một quả M26 được ném vào pháo đài. Không cần kiểm soát lại kết quả của hai trái lựu đạn, tôi phóng tới bên ông Donald và Trung Úy Rạng. Ông Donald nằm gục mặt trên sân, cái nón sắt bị bắn toác nửa phần sau gáy, mặt ông



Tên của cố Đại Úy Donald A. Evans được khắc sâu trên bức tường đá đen cùng các chiến hữu của ông, tại Washington, DC

đầy máu, ngực ông đầy máu, vai ông đầy máu, người ông chỗ nào cũng có máu!

Tôi lắc lắc vai ông,

“Donald!
Donald! Donald!”

Bạn tôi không nghe được tiếng tôi gọi! Bạn tôi nằm bất động!

Bạn tôi đã chết rồi!

Tôi cố gắng lật mặt ông, nhìn ông lần cuối. Mặt ông nhắm nghiền, miệng ông mím chặt, chiếc nón sắt nghiêng một bên, máu trong nón sắt trào ra lênh láng.

Bên cạnh Đại Úy Donald Allen Evans, Trung Úy Lưu Danh Rạng nằm co quắp như một con tôm. Nửa mặt anh cùng với cái nón đi rừng đã bị bắn bay đi đâu mất, ngực anh máu còn phun phì phì! Anh Rạng và ông Donald, mỗi người ít ra cũng lãnh trên mười viên đạn trên người!

Tôi đau buồn từ từ đứng dậy, dơ tay ra dấu gọi Trung Sĩ Có, tính chuyện cho người đỡ xác ông Donald và xác anh Rạng ra ngoài. Đâu ngờ, “Toác! Toác! Toác!...” tai tôi vừa nghe tiếng

nổ thì bên sườn phải của tôi đã bị vật gì đó xuyên vào! Viên đạn AK 47 không trúng cái báng súng mà tôi đeo bên hông, viên đạn không chạm chiếc áo giáp mà tôi đang mặc, viên đạn chui vào ngay cái khe nằm giữa hai mảnh giáp hộ thân!

Người tôi bỗng nhẹ tênh! Không thể giữ nổi thăng bằng trên đôi chân, tôi đành gục xuống! Trung Sĩ Có nhảy tới đỡ tôi. Rồi Có cũng ôm ngực, gục xuống theo tôi!

Một toán người ào tới. Có tiếng Trung Sĩ Nhứt Nguyễn Nhon, Trung Đội Phó Trung Đội 1,

- Trung úy bị thương rồi! Thăng Có cũng bị thương rồi! Tụi bay vác trung úy và thăng Có ra ngoài đường mau lên! Mau lên!

Súng tiếp tục nổ ran cùng tiếng la “Xung phong! Xung phong! Biệt Động Sát! Biệt Động Sát!...” vang vang, ồn ào, hỗn loạn...

Một người lính vừa dìu tôi vừa chạy, gần tới cổng thì quy xuống; anh ta bị trúng đạn vào lưng!

“Long! Long! Don’t worry! Don’t worry! I’ll help you!” (Long! Long! Đừng lo lắng! Đừng lo lắng! Tôi sẽ giúp anh!)

Người mới la lên là Trung Úy Bailey, Cố Vấn của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. (Tôi không nhớ First Name của Trung Úy Bailey.)

Bailey đã có mặt kịp thời, anh dang hai tay đỡ tôi dậy, rồi phóng thật nhanh ra đường. Sau lưng anh, đạn đại liên của địch “Chú! Chú! Chú!...” đuổi theo!

Ra tới chỗ an toàn, Bailey đặt tôi xuống vệ đường. Tôi thấy ngực mình nặng vô cùng, không thể thở. Bailey cởi cái áo giáp của tôi ra, vứt bên vệ đường, rồi xé luôn cái áo hoa tôi đang mặc để tìm vị trí viên đạn đã chui vào. Anh quỳ bên tôi, hai bàn tay xoè rộng. Anh để hai tay trên ngực tôi, rồi nhún xuống, nhả ra, làm hô hấp nhân tạo, giúp tôi thở dễ hơn. Mỗi khi tay Bailey đè xuống, máu tôi lại phun ra, khi Bailey nhả tay ra,

máu lại chạy ngược vào lồng ngực!

Lúc sau tôi đã thở dễ dàng trở lại. Bailey trao tôi cho Ban Quân Y của liên đoàn. Y tá không dám bịt miệng vết thương lại, vì sợ máu ú trong lồng ngực. Tôi nằm nghiêng bên phải, máu tiếp tục tuôn ra, máu tràn xuống mặt đường.

Nghe tin tôi bị thương, Trung Tá Đồng vội chạy tới. Ông quỳ xuống bên tôi, cầm tay tôi, ông dịu dàng,

- Long ơi! Long ơi! Em không sao chứ?

Trung Tá Hồ Hữu Đồng xưa nay thường nói năng cộc lốc, không văn hoa, không tình cảm. Vậy mà hôm nay, lần đầu thuộc cấp nghe ông gọi một sĩ quan dưới quyền bằng đại danh từ “Em”, thiết tha như thể là ông ta đang gọi đứa em ruột thịt của mình.

Sau khi mời cho tôi một chiếc xì gà, Trung Tá Đồng gọi Thiếu Tá Thi tới và ra lệnh,

- Thăng Long mà vào không được thì không ai vào nổi đâu! Ông bảo “già” Dzênh rút toàn bộ Đại Đội 1 ra chốt mấy cái pháo đài ngoài cổng, rồi kêu “cha” Tánh đốt cái trại Bảo An này cho tôi.

Lúc Đại Úy Tánh (Thiết Giáp) bắt đầu công tác phun lửa đốt doanh trại của Trung Tâm Yêm Trợ Tiếp Vận Tiểu Khu thì tôi được xe cứu thương đưa về Quân Y Viện Pleiku.

Người ta đưa thẳng tôi vào Phòng Chụp X Quang mà chẳng qua thủ tục nhập viện nào cả. Sau đó tôi được chuyển về Ngoại Thương 2.

Người chỉ huy Ngoại Thương 2 là Trung Úy Y Sĩ Lê Văn Thới. Ông xem xét tám hình chụp viên đạn rồi gật gù,

- Không mổ được! Viên đạn nằm sát trái tim. Mổ lảng quáng chạm phải trái tim thì phiền! Cứ để viên đạn nằm đó, ít lâu sau mỡ sẽ bọc quanh nó như cái kén của con tằm. Thế là yên!

Phòng sĩ quan có bốn cái giường. Tôi nằm ở giường số 3.

Giường số 4 còn để trống. Có hai ông Thiết Giáp nằm sẵn trong phòng này trước khi tôi nhập viện, đó là Trung Úy Triết Chi Đoàn Trưởng 1/3 Chiến Xa và Thiếu Úy Tài Chi Đoàn Trưởng 2/3 Thiết Vận Xa. Đêm qua hai ông Thiết Giáp này đều bị Việt-Cộng bắn cháy xe, một ông gãy tay, một ông phỏng nặng. Đại đội trưởng Biệt Động Quân và chỉ đoàn trưởng Thiết Giáp cùng trực thuộc lực lượng trừ bị của Vùng 2 thì chẳng lạ gì nhau, nên ba chúng tôi gặp nhau mà chẳng cần phải tự giới thiệu dài giòng.

Nằm trong phòng dành cho sĩ quan được một ngày, tôi thấy ngột ngột khó thở quá, nên xin Bác Sĩ Thới cho tôi ra phòng ngoài.

Sáng Mừng Hai tôi nhờ hai y tá chuyển chiếc giường bệnh của tôi qua khu dành cho hạ sĩ quan và binh sĩ. Phòng này tuy ồn ào, lộn xộn, nhưng rộng rãi, thoáng đãng và vui vẻ hơn.

Binh Nhứt Phạm Công Cường nằm trong Ngoại Thương 3 đã nghe tin tôi bị thương nên tìm tới thăm. Cường cho tôi hay số người bị thương nhập Quân Y Viện Pleiku đã quá mức chứa, do đó phải chia sẻ bớt cho Quân Y Viện Qui Nhơn, và Chinook Mỹ đã đem ông chuẩn úy đi từ chiều Mừng Một Tết rồi.

Ngày đó, tôi chỉ tiếp xúc với ông chuẩn úy Khóa 25 Thủ Đức này có vài phút, tên tuổi của ông ấy tôi quên mất rồi! Tới nay, tôi chỉ còn nhớ rằng ông ta bị cận thị nặng, cặp kính trắng hơi dày. Ông ấy có phong thái của một nhà mô phạm hơn là một ông Biệt Động Quân. Tôi hi vọng rằng, bài viết này sẽ tới tay ông; hi vọng hiện nay ông còn sống, và còn nhớ tới cái đơn vị Biệt Động Quân mà ông đã phục vụ trong thời gian vừa đúng một ngày.

Tết Mậu Thân có ba ngày hưu chiến, vậy mà tính từ Giao Thừa cho tới trưa Mừng Một, thời gian chưa qua một ngày, mà đơn vị tôi đã có gần hai chục người vừa chết, vừa bị thương, cả Trung Úy Rạng và tôi đều bị loại ra ngoài vòng chiến, chỉ

còn ông Thượng Sĩ Nguyễn Em là người mang cấp bậc cao nhất; đại đội tôi thực sự đã thành một đơn vị “mồ côi”.

Thăm thoát đã nửa thế kỷ trôi qua, mộ bia của anh Rạng không biết có còn không? Vì sau ngày Ba Mươi tháng Tư năm 1975 nghĩa trang của những người thua trận đã trở thành hoang phế.

Còn ông Donald, sau lần hát “The Star” cho tôi nghe trên đồi Holloway, đã không còn hằng đêm ngắm về một vì sao, nhớ quê. Ông đã yên giấc nghìn thu trên đất nước của ông rồi.

Đêm đêm, trong khu Vietnam Veterans Memorial ngay giữa lòng thủ đô Washington D.C của Hoa-Kỳ, bức tường đá đen nhìn giống như một khung trời sâu thẳm thẳm, trên đó những cái tên sơn màu trắng, cũng lấp lờ, lấp lánh như những vì sao trên trời. Tên ông đã được khắc sâu trong lòng đá. Với người dân Hoa-Kỳ thì cái tên Donald Allen Evans đã thành bất tử!

Và riêng tôi, mỗi năm vào dịp Xuân về, tôi đều nhớ tới người bạn vong niên của mình, nhớ câu chúc Tết trọ trẹ, lơ lớ bằng tiếng Việt:

“Chúc mừng năm mới!...”

Tiếp đó là hình ảnh ông nằm sõng xoài trên nền đất, máu đỏ đầy mình, lặng thinh không trả lời tôi réo gọi bên tai, “Donald! Donald! Donald!”

Có những chuyện xảy ra trong đời, vì quá bi thương, nên người ta muốn quên đi, nhưng không làm sao quên được! Có những điều, người ta muốn kể lại, nhưng vừa mở miệng, đã nghẹn lời!

Mãi năm mươi năm sau ngày ấy, tôi mới viết lại chuyện này được trọn vẹn, vì trước đây, mỗi lần bắt đầu câu chuyện, tôi lại thấy mắt mình cay cay, không biết làm cách nào để có thể ngăn đôi giòng lệ tuôn rơi, nên đành gác bút.

(Seattle một ngày đầu Xuân 2018)



Sau Chuyến Du Lịch Đông Âu 2017

Cảm Nghĩ Về Một Lần Tiếp Đón

Đặng Bích Phương K25/2

Kính thưa các Bác, các Cô Chú

Chúng con xin cảm ơn về những lời khích lệ và khen ngợi của các bác và các cô chú qua email, bài viết, và nói chuyện trực tiếp khi còn ở bên Châu Âu với chúng con. Thật ra thì chúng con chỉ góp một phần nhỏ nhỏ trong chuyến đi du hành này thôi. Bố con mới là người bỏ nhiều công sức và thời gian trong kế hoạch đi du ngoạn này, vì bố con đã thức suốt đêm làm việc trước computer để sắp xếp và chuẩn bị cho chuyến du hành, không kể cho Đại Hội.



Năm nay, con rất vui khi được gặp lại những khuôn mặt quen thuộc như bác Đình Tiến Đạo -K24, chú Nguyễn Văn Ngọc - K26, hai bác Đỗ Văn Hạnh & Thu Nga - K18, hai Bác Lại Đình Đán & Kim Lai - K18, và nhiều,

Cô Bích Phương tại Buda Castle, Budapest, Hongrie (Hungary) trong chuyến Du Lịch Đông Âu, hậu ĐHV B/ AC 2017)

nhiều bác nữa đến từ Mỹ mà con đã gặp hai năm trước, khi con ra phi trường CDG đón các bác đi dự Đại Hội Kỳ 12, bên Pháp. Con đã dẫn các bác và các cô, chú đi tùm lum trong phi trường để tìm đón xe đồ đi về trại nơi tổ chức Đại Hội. Hai bác Điều - K21 và hai bác Trần Văn Tiến - K22, ở Na Uy, là những người chót đến Paris vào chiều tối. Lúc đó thì cái xe đồ chót đã rời phi trường rồi cho nên thằng em của con phải lấy xe chạy từ trại đến đón các bác ở CDG. Con không quên hai cô chú Nhon - K26, đến từ Úc Châu mà con có gặp hai năm trước. Con rất vui được gặp lại các bác và các cô chú khác, nhưng con không có đủ thời gian để viết hết tên của tất cả mọi người trong bài này.

Mấy bác và mấy cô chú đã không ngại đường xa đến tham dự Đại Hội Âu Châu hồi hai năm trước. Năm nay mấy bác và mấy cô chú lại trở lại nữa, điều đó làm con cảm động vô cùng.

Năm nay con có cơ hội trò chuyện với các bác và các cô chú nhiều hơn. vì con có trách nhiệm hướng dẫn một xe bus, đó là xe Bus số 3. Quảng đường xa đi bằng xe Bus đã làm cho con và các bác, các cô chú gần gũi nhau hơn, vì mình đã hát và trò chuyện chung với nhau. Con không ngờ bác Đình Tiến Đạo rất đam mê văn nghệ, vì bác lên máy vi âm nhiều nhất trong suốt đoạn đường, đề nghị cùng hát chung những bài nhạc đấu tranh. Chú Nguyễn Thanh Sang - K28 là người kể chuyện cười nhiều nhất, chuyện tiểu lâm, những chuyện hời còn là sinh viên trên Trường Võ Bị Đà Lạt. Chú Sang cũng là người đứng đầu khuyến khích, lôi cuốn mọi người tiếp tục thay nhau lên máy vi âm.

Thỉnh thoảng, qua các xe bus khác như xe số 1 hoặc số 2, con công nhận là các bác và các cô chú trên xe số 1 có tâm hồn văn nghệ nhiều hơn hết, vì mọi người hát không hề mệt nghỉ cả.

Năm nay con cũng rất vui khi được biết những khuôn mặt mới, như: cô chú Trần Tuấn Ngọc - K28 đến từ Úc Châu, lúc

nào cũng tươi cười. Chú kể chuyện về đời sống của hai cô chú ở bên Úc như thế nào, và còn quảng cáo cái tô phở Kanguru nữa. Con không thích ăn phở nhưng nếu con đi Úc thì con cũng sẽ cố gắng tìm ăn một tô cho biết. Cô chú Giỏi - K26 đến từ Mỹ. Chú thì lúc nào cũng sẵn sàng cầm lá cờ vàng đi khắp các nẻo đường bên Đông Âu; còn cô thì hay đến trò chuyện với con. Bác Nguyễn Văn Dục - K17 đọc những bài thơ tiếng Pháp, mà bác đã học từ mấy chục năm trước và đến bây giờ vẫn còn nhớ. Bác hay hơn con nhiều vì con chẳng còn nhớ bài thơ nào mà con đã học hồi còn nhỏ hết. Con cũng rất vui khi được gặp cô chú Tsu A Cầu vì con đã từng nghe Bố Mẹ nói về hai cô chú. Từ giờ trở đi, mỗi khi đi ngang qua tiệm LV con sẽ nhớ đến cô chú hoài vì ở Vienna bên Áo, cô chú đã không có đủ thời giờ để lựa chọn cái bóp, nhưng sau cùng cũng mua được một cái ở tiệm LV bên Munchen, Đức Quốc.



Gia đình của CSVSQ Đặng Văn Khanh, K25, tham dự biểu tình tại Parvis des Droits de l'homme - Trocadéro, Paris

Bích cũng không quên các anh chị TTNDH đã cùng gia đình đi du ngoạn kỳ này: Michelle Hằng - K28/2, chị Diễm Anh - K17/2, Anh Tiến Dũng - K17/2 và Alex - K26/2. Bích cũng sẽ nhớ hoài những lời nhắn nhủ của các anh chị. Hằng hay nói “Be Happy”, hoặc anh Tiến Dũng có nói,

- “Em nhớ lúc nào cũng phải làm cho Ba Mẹ mình vui nha.”

Dạ, Bích sẽ cố gắng áp dụng những lời nhắn nhủ của các anh chị. Bích cũng xin cảm ơn Hằng và các anh chị đã giúp đỡ Bích thu tiền, đếm tiền trên xe Bus; cũng như sắp xếp cho các bác, các cô chú thăm viếng lâu đài Schonbrunn ở bên Áo.

Con rất hân hạnh được cùng các bác, các cô chú mang cờ vàng ba sọc đỏ đi khắp 5 quốc gia Đông Âu. Đối với con, kỷ niệm quý báu nhất là đêm văn nghệ ở bên Warsaw, Ba Lan. Chúng ta đã đem ngọn gió đấu tranh đến ngay tận nhà hàng của người VN “Xã Hội Chủ Nghĩa”, qua những bài nhạc đấu tranh của người VN Quốc Gia. Hơn nữa, những nhạc sĩ đoàn cho chúng ta hát lại chính là những người VN XHCN. Đó là điều chưa bao giờ xảy ra. Con cũng muốn thưa với các bác và các cô chú là con và thằng em của con, lần đầu tiên trong đời mình, đã hát trực tiếp trên sân khấu, trước mặt hàng trăm người. Con lựa bài hát “Đường về Quê Hương”, vì khi đi dạy tiếng Việt Nam cho các trẻ em thì con có dạy bài này cho một em bé độ 7 tuổi. Bài hát này rất ý nghĩa và dễ hiểu đối với con.

Con xin thành thật cảm ơn các bác, các cô chú và các anh chị đã tham dự Đại Hội và chuyến đi du hành qua 5 nước Đông Âu. Đó là một khách lễ lớn cho Bố con để tổ chức những chuyến du ngoạn khác, trong hai năm nữa. Con hy vọng rằng các bác và các cô chú sẽ luôn luôn khỏe mạnh để chúng ta còn lại gặp nhau ở Âu Châu, Mỹ Châu, hoặc Úc Châu. Con cũng hy vọng rằng chúng ta sẽ còn có cơ hội để đem cờ vàng ba sọc đỏ đi khắp nơi trên địa cầu.





Chim Trời Bạt Gió

Vĩ Vân.

Tôi đi lang thang một mình trên con đường vắng nằm dưới chân núi Big Bear để ngắm phong cảnh tuyệt vời của trời đất sau mùa Xuân. Tuyết bắt đầu tan tạo thành nước đem sinh lực cho cỏ cây hoa lá để đón chào cuộc sống mới. Nhìn những cánh hoa đào cuối mùa rụng rơi từng đợt bay tán mát khắp vùng trời thơ mộng tôi chợt nghe một chút gì băng khuâng, xao xuyến trong lòng. Ôi! Những cánh hoa đào hồng thắm nằm trên nền tuyết trắng bỗng gợi lại trong tôi hình ảnh một loài hoa, cũng thắm hồng rực rỡ trôi bập bênh trên dòng sông quê, dòng sông của ngày nào trong ký ức, một loài hoa kỷ niệm của anh và tôi: hoa ô môi. Những ai từng ở miền Tây chắc cũng biết đến hoa này, một loài hoa dân dã nhưng màu sắc đậm đà, làm say đắm lòng người.

Thuở ấu thơ, tôi đang sống êm đềm trong vòng tay yêu thương của cha mẹ, bỗng đâu giông bão ập đến với gia đình vì cha tôi tử nạn giao thông trong một chuyến đi xa. Ở lứa tuổi mới ngoài 30, mẹ tôi đã thành góa phụ. Qua thời gian tang chế cho chồng, vì cuộc sống của hai mẹ con nên mẹ đã gửi tôi cho ông bà nội ở Long Xuyên để theo bạn bè đi buôn bán xa.

Năm đó tôi vừa 14 tuổi, tuổi ô mai hồn nhiên; nhưng với tôi ngập tràn nước mắt vì nhớ cha, vắng mẹ. Ông bà nội rất yêu chiều tôi. Ngoài các cô, chú có gia đình đã ở riêng còn chú Thành và cô út Thoại Hương vẫn ở chung nhà với ông bà. Chú Thành là lính và làm việc tại tỉnh nhà, cô út lớn hơn tôi 4 tuổi. Vào năm tôi 17 tuổi, chú Thành dẫn về nhà một người bạn cũ lúc còn học Tiểu Học tên Lê Trung Kiên. Kiên rời Long

Xuyên theo gia đình lên Saigon sinh sống lâu năm và bây giờ đổi về làm tại đây. Anh là một trung úy trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Bạn cũ thân thiết gặp lại nhau nên anh Kiên thường đến nhà nội tôi chơi và thỉnh thoảng ở lại dùng cơm với gia đình, vì ông bà tôi coi anh như người nhà vậy.

Trung Kiên là một thanh niên điềm đạm, chừng chạc, đôi mắt thật hiền lành, tánh tình hòa nhã, không đẹp trai lắm nhưng có khí khái và dáng dấp của một nam nhân. Tuy sống ở đất Sài Gòn hoa lệ lâu ngày, nhưng anh mang tâm hồn và sở thích của chàng trai miền Tây. Quê ngoại anh ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Long Xuyên, mà anh thường nhắc đến với niềm mến thương lưu luyến. Kiên thường đi lại thăm viếng và tặng quà cho ông bà nội, cô út, và tôi. Nhiều lần anh dẫn cô út và tôi đi xem phim, đi ăn phở, đi ăn kem... Anh quan tâm, chăm sóc tôi nhiều hơn cô út. Và những cái nhìn trìu mến của anh đã làm cho tôi vô cùng cảm động, tôi được an ủi rất nhiều trong những ngày buồn, những đêm mưa nhớ mẹ. Hai món quà anh đã tặng, tôi rất quý trọng và luôn giữ mãi bên mình là cây viết máy hiệu Pilot và cái kẹp tóc bằng đồi mồi.

Có một lần Kiên đưa tôi và cô út Hương về thăm quê ngoại của anh, một chuyến đi đầy thú vị mà tôi nhớ đến suốt đời. Quê ngoại anh có nhiều cây trái và nhiều loại hoa thật đẹp mà tôi không nhớ tên hết. Tôi đã bàng hoàng trong giây phút đầu tiên khi nhìn thấy dọc hai bờ sông những cây ô môi hoa nở đầy cành rợp bóng, cánh hoa rụng trôi bập bềnh cả một khúc sông dài. Vì cây lớn, có nhiều nhánh nên hoa dày đặc trên cành, màu hồng tươi thắm, rực rỡ như hoa đào Nhật Bản. Chiều hôm đó, ba đưa tôi ra bờ sông nhìn hoa rụng theo những cơn gió nhẹ thổi qua, hoa trải đầy trên mặt nước như một giải lụa hồng giăng ngang sông. Không gian yên tĩnh, trầm mặc, trên cao mây bàng bạc cả khung trời. Chúng tôi đang say mê với phong cảnh miền quê êm ả bỗng từ bên kia sông một giọng ca ngọt ngào trầm ấm vang lên bài vọng cổ của một thanh niên. Tôi nghe rõ từng câu, từng lời vì khoảng cách hai bờ không

xa lắm:

“... Gió Đông ơi hôn tôi đã thấm lạnh sao gió Đông còn thổi làm chi cho hoa ô môi rũ cánh rụng rơi... bời.

Người cũ giờ đây đã vắng dạng lâu rồi. Mười năm rồi còn chi nữa em ơi, mình xa nhau mỗi đứa một phương buồn...”

Tự nhiên da tay tôi nổi lên gai ốc khi nghe những câu hát đó. Anh Kiên không dần được nên lên tiếng:

- Anh hát hay quá, anh bạn ơi!

Bên kia tiếng hát ngưng bật. Một thanh niên xuất hiện nhìn sang hơi bẽn lèn khi biết có người nghe trộm mình hát:

- Ô! Các anh chị ở đó mà tôi không biết.

Kiên cười nói lớn:

- Anh hát tiếp đi, giọng anh nghe “mùi” quá.

Anh chàng kia lắc đầu lia lịa:

- Dạ thôi.

Nói xong anh biến mất sau lùm cây rậm rạp. Tôi chợt nghe lòng lâng lâng xúc động. Tôi nhận ra được sự rung cảm chân thành của anh ta trong từng lời hát dù anh không phải là tác giả bài ca. Phần lớn người dân thành phố ít có thiện cảm với những bài vọng cổ của dân miền Tây, họ cho rằng bài ca vọng cổ là quê mùa, thiếu kiến thức, thiếu trình độ văn hóa, và chỉ có những người dân ở nông thôn chất phác, ít học ưa thích mà thôi. Thật ra những câu vọng cổ đã được ăn sâu trong tiềm thức người dân miền Tây từ những ngày đầu mở mắt chào đời qua câu hát ru con của mẹ.,Đó là biến thể của những câu vọng cổ, câu hò, điệu Lý, điệu nam Ai... Những câu ca ấy rất bình dị nhưng phóng khoáng, nhiệt tình; dân dã nhưng da diết, trữ tình và đậm đà tình quê, tình nước.

Khi ba đưa chúng tôi bàn luận về việc này, anh Kiên cũng đồng quan điểm với tôi. Tôi thích người dân quê chân chất thật thà và cả những món ăn lạ. Ngày hôm đó, chúng tôi được

ăn món gỏi gà trộn với thân cây chuối non thái mỏng và canh chua cá nấu với những trái bần chua. Bà ngoại anh Kiên ân cần, quan tâm đến chúng tôi thật nhiều như cháu ruột. Trước khi chúng tôi trở về nhà anh Kiên hỏi tôi:

- Hà Như thích hoa ô môi lắm phải không? Để anh bẻ một nhánh cho em đem về nhé?

- Thôi đi anh. Hoa chỉ đẹp khi ở trên cành khoe màu rực rỡ, bẻ về rồi hoa sẽ tàn và không còn đẹp nữa đâu.

Mặc dù tôi nói thế nhưng anh vẫn lén bẻ một cành và khi về đến nhà anh đưa cho tôi:

- Thấy em có vẻ mê hoa này quá nên anh bẻ tặng em nè.

- Em đã nói anh đừng bẻ nó, sao anh...

- Sao... sao cái gì. Giờ anh đã bẻ rồi thì em giữ đi, coi như vật kỷ niệm của anh vậy.

Thế là tôi đành cất giữ cành hoa ô môi đó và ép từng cánh vào những trang sách để mỗi đêm khi mở sách học là tôi được ngắm chúng và nhớ đến anh.

Ngày tháng dần trôi, Kiên và tôi càng gần gũi thân thiết hơn. Mỗi khi có dịp Kiên đến trường đón tôi sau giờ tan học. Từ trường Thoại Ngọc Hầu về nhà tôi phải đi ngang qua cầu Hoàng Diệu. Kiên thích ngắm những tà áo trắng bay bay trên cầu trong chiều lộng gió. Đôi khi hai chúng tôi đứng lại trên cầu thật lâu nhìn dòng nước lững lờ chảy xuôi mang theo nhiều cụm hoa lục bình tím tím. Tôi sung sướng, hạnh phúc thật nhiều với những lần đưa đón của Kiên và cô bé 18 tuổi đã ôm ấp hình bóng chàng trai phong sương trong quả tim non nớt từ đó. Tôi nghĩ Kiên cũng yêu tôi nhưng anh chưa chịu nói lời nào vì sợ tôi bẽ bề học hành. Chắc anh chờ tôi lớn thêm chút nữa mới tỏ thật lòng mình. Kiên đàn rất giỏi, ca hay nên mỗi khi đến nhà tôi chơi anh lấy cây đàn guitar của chú Thành ngồi đàn và hát. Anh thường hát đi hát lại một bài thật buồn:

“Qua một lần yêu đương trắc trở, ta chợt biết rằng đường

vào tình yêu lắm đam mê lắm nỗi nhọc nhằn...

*Ta yêu người bằng con tim tha thiết... yêu lạc nẻo rồi, lời tình đầu môi đã cho ta héo mòn tuổi đời. Đôi môi nào tìm nhau đêm tóc rối, lạnh bờ môi người đi khuất nẻo chân trời... ”**

Giọng anh trầm âm nghe ray rứt như tiếng nước nở của một con tim lạc loài, bơ vơ khi người tình rời xa. Tôi hỏi Kiên:

- Sao anh hát bài ca nghe buồn não nuột vậy? Anh bị tình phụ rồi phải không?

Kiên cười:

- Anh thấy bản nhạc hay, chứa chan tình cảm, ray rứt, xúc cảm nên thích hát thôi. Không phải tâm sự của anh đâu.

Ước gì anh cũng có người yêu.

Vừa nói Kiên vừa nhìn tôi dịu dàng tha thiết khiến lòng tôi xuyên xao rung động. Tôi nghĩ anh đang ngầm nói về tôi nên cúi đầu nói nhỏ:

- Rồi anh sẽ có mà.

Kiên thở dài, nắm lấy tay tôi và nói:

- Tuổi của em đẹp và trắng trong như trang giấy học trò, Như ạ!

Tôi hân hoan vui vẻ nhìn đời bằng một màu hồng tươi sáng và chìm đắm trong giấc mơ tuyệt diệu của mình.

Những lúc gần đây tôi thấy cô Hương rất tươi và đẹp hẳn ra. Chắc cô có chuyện vui, nhưng tánh cô kín đáo, ít chịu tâm sự cùng ai nên tôi không dám hỏi. Rồi một ngày kia khi tôi từ trường về được biết một tin như sét đánh ngang tai: Kiên ngỏ lời muốn cưới cô út Thoại Hương. Ông bà nội tôi đã đồng ý và định tháng sau sẽ cho họ đính hôn. Trời đất như quay cuồng sụp đổ, như hồng thủy đang nổi lên bốn phía quanh tôi. Tôi tan nát, gục ngã trước sự thật phũ phàng đáng cay, đau đớn.

Thì ra anh chỉ xem tôi là cô em gái nhỏ cần được nuông chiều. Tại tôi tự mình ôm ảo mộng mà thôi. Tôi chưa bao giờ



nghe anh nói gì về việc này, tôi cũng không thấy anh tỏ vẻ quan tâm, sẵn đón cô út nhiều. Sau ngày ra trường Trung Học, cô út không học tiếp mà lại xin làm việc ở Tòa Hành Chánh tỉnh nhà để được gần gũi ông bà nội. Cô bé 18 tuổi không đủ sức để chịu đựng một trận cuồng phong tàn khốc nên tôi đã ngã bệnh nằm liệt trên giường không dậy nổi. Mọi người không ai biết được bệnh của tôi ngay cả bác sĩ. Giữa giờ phút tuyệt vọng đó, mẹ tôi xuất hiện. Bà đã kịp thời cứu vớt đứa con đau khổ ra khỏi cơn mê. Không ai tinh ý bằng người đàn bà, không ai hiểu con bằng mẹ. Mẹ đã ôm tôi vào lòng với nỗi xót xa thương cảm, bà nói:

- Mẹ biết con không có bệnh, chỉ vì con quá đau khổ mà thôi. Con đang có điều gì tuyệt vọng, phải không? Con đang thất tình một người nào đó, phải không? Con nên nói thật cho mẹ nghe, biết đâu mẹ sẽ giúp được cho con.

Biết không thể giấu mẹ và tôi cũng đang cần sự giúp đỡ tinh thần của mẹ, nên tôi khóc với mẹ:

- Đúng như vậy mẹ ơi! Con đã yêu anh Trung Kiên từ lâu và qua những gì anh ấy đối với con, con nghĩ anh cũng yêu con nhưng không ngờ... Bây giờ con phải làm sao, hờ mẹ? Con không đủ can đảm nhìn đám cưới của anh ấy và cô út đầu mẹ ơi!

Mẹ tôi lắc đầu ứa lệ, bà vuốt tóc tôi thở dài:

- Cũng tại mẹ vì lo kiếm tiền mà không gần gũi, dạy dỗ con để ngày nay con phải khổ. Sao con lãng mạn và khờ quá vậy? Mới 18 tuổi đầu, đáng lẽ con phải dồn hết tâm trí vào việc học chứ! Con à, bây giờ mẹ đã kiếm được khá nhiều tiền, mẹ vừa mua một căn nhà ở Tân Định gần nhà dì con. Mẹ định chờ con xong Trung Học đem con về ở chung với mẹ. Mẹ con mình sống bên nhau vì mẹ không còn đi xa nữa. Mẹ sẽ kiếm một chỗ buôn bán ở chợ Tân Định để lo cho con. Cố gắng lên, đừng buồn nữa nghe con.

Tôi ôm mẹ khóc nức nở:

- Không được mẹ ơi! Mẹ đem con theo mẹ ngay bây giờ đi, con không muốn ở lại đây thêm giây phút nào nữa.

- Nhưng... còn việc học của con? Con bỏ dở nửa chừng sao?

- Mặc kệ, trễ một năm không sao, dù ở lại con cũng không học vô đầu.

Mẹ thở dài:

- Thôi được rồi, mẹ chiều ý con. Mẹ sẽ nói cho ông nội biết việc này.

Mẹ vỗ nhẹ vào đầu tôi rồi bước ra ngoài. Khi cửa phòng vừa mở cả hai mẹ con tôi giật mình vì Kiên đang đứng sừng sững ngay cửa. Mẹ tôi có vẻ bức bối hỏi Kiên:

- Cậu đứng đây từ khi nào? Cậu đã nghe tất cả lời mẹ con tôi nói với nhau rồi phải không?

Kiên khẽ gật đầu. Mẹ tôi bảo:

- Cậu vào nói với nó vài câu đi. Đây là lần cuối.

Nói xong mẹ bỏ đi. Kiên bước tới nắm vai tôi nói, như hét:

- Sao em không nói gì với anh cả vậy? Sao em mãi im lặng để ngày nay phải đau khổ như vậy?

Tôi đẩy mạnh Kiên:

- Em làm sao nói với anh được chứ? Em phải nói những gì? Đáng lý ra anh phải ngầm hiểu tình cảm em dành cho anh. Nhưng thôi, mọi việc đã muộn màng rồi, chúng ta không còn đường lựa chọn. Ngày mai em theo mẹ em về Saigon. Mong anh được hạnh phúc.

Kiên buông vai tôi ra, ngẩn ngơ như từ một tinh cầu xa lạ nào vừa chợt đến, đôi mắt đỏ ngầu. Anh vỗ trán, ngược mặt nhìn lên trần nhà kêu lên hai tiếng, “trời ơi” rồi lao đảo bước ra khỏi phòng.

* * *

Tôi về sống với mẹ và được gần các anh chị con của dì tôi. Dì có tới 10 người con, phần lớn đã trưởng thành. Các anh chị đều yêu thương và chăm sóc tôi như em ruột trong nhà.

Tôi đã dần quen, dần hòa hợp với cuộc sống mới. Chuyện qua rồi tôi cố chôn sâu vào quên lãng. Một hôm trong bữa cơm mẹ tôi nhìn tôi có chút do dự rồi nói:

- Thấy con vui vẻ chắc đã quên chuyện cũ rồi, mẹ muốn nói cho con biết là... cậu Kiên không hề đính hôn với cô út con. Sau ngày con rời Long Xuyên, cậu ấy đến xin lỗi ông nội con và từ chối việc xin cưới cô Hương, rồi đi biệt dạng không trở lại lần nào. Bây giờ cô Hương đã có nơi khác và sắp làm đám cưới nên mẹ mới cho con biết.

Tôi bàng hoàng, ngỡ ngàng trước tin tức đó. Tôi không biết đây là tin vui hay tin buồn? Lẽ nào anh từ chối cô út là vì tôi? Ngày đó tôi đã bỏ ra đi và cắt đứt liên lạc với anh, anh cũng không biết được địa chỉ của tôi ở Sài Gòn. Nhưng thôi, dù sao tất cả là dĩ vãng, tôi phải cố quên lãng.

Trong số các con của dì tôi có anh Dũng là người thương và hiểu tôi nhiều nhất. Ngày trước anh học ở Chung Viện Don Bosco và định sẽ đi tu nhưng vì say mê tiếng gọi sông hồ nên anh đã thành lính Hải Quân. Anh đi tàu biển thỉnh thoảng mới được về nhà.

Lần này anh về hơi lâu một chút, hình như tàu anh phải tu sửa gì đó. Anh biết tôi không được vui vẻ như những người con gái khác nên thường dẫn tôi đi xem phim, đi phòng trà nghe nhạc. Một đêm kia khi hai anh em tôi đến phòng trà Mỹ Phụng, tôi bỗng nhìn thấy Kiên đang ngồi với một người con gái rất đẹp. Tưởng lòng mình đã bình thản, đã bôi xóa được bóng hình xưa nào ngờ tim tôi chợt đau như ai xé, ngực tôi như nghẹt thở, tay run lên và lạnh giá. Anh Dũng nhìn tôi hốt hoảng:

- Em làm sao vậy, Như? Em bệnh à? Anh đưa em về nhé!

- Không phải đâu anh. Em gặp lại “người đó” nên không

kèm được xúc động.

- Đâu, đưa nào đâu? Chỉ mặt nó cho anh coi.

Tôi đưa tay chỉ về hướng đó. Anh Dũng tròn mắt kêu lên:

- Ồ! Thằng Kiên mà.

- Anh biết ảnh sao?

- Ừ, nó là bạn của anh. Em có làm không? Anh biết nó nhiều lắm, nó không xấu đâu.

Tôi cười nhạt:

- Anh đã xác nhận ảnh tên Kiên rồi còn nói em nhìn lầm sao?

Không dẫn được sự nóng nảy, anh Dũng chạy sang nắm tay Kiên nói lớn mặc cho cô bạn gái anh ta ngơ ngác:

- Kiên, mấy qua đây tao hỏi chuyện một chút coi.

Rồi anh lôi Kiên đến chỉ vào tôi và hỏi:

- Mày nhìn xem có quen cô này không?

Kiên nhìn tôi lắc đầu:

- Tao không quen. Ai vậy, bạn mày à?

Lúc này tôi quá tức giận không dẫn được nên lên tiếng:

- Anh thật sự chưa từng quen tôi sao anh Kiên?

- Tôi... chưa từng quen cô.

- Anh không nhớ gì về những kỷ niệm ngày nào ở Long Xuyên sao?

- Lúc bấy giờ Kiên reo lên:

- A! Tôi biết rồi. Cô đã quen với một người tên Trung Kiên, lính Bộ Binh từng ở Long Xuyên chứ gì? Trời ơi, một sự ngộ nhận.



Quay sang anh Dũng, Kiên nói:

- Dũng, cô này chắc chắn có quen với anh trai song sinh của tao rồi. Anh tên Lê Trung Kiên từng làm việc ở Long Xuyên, còn tao là Lê Hoàng Kiên. Tao đi chung tàu với mày bao lâu nay mày không hiểu tao sao, Dũng?

Lúc này cả tôi và anh Dũng đều giật mình. Tôi nói:

- Có chuyện như vậy sao? Tôi từng nghe anh Trung Kiên nói có một cậu em trai nhưng anh ấy không nói đến việc song sinh nên... tôi xin lỗi Hoàng Kiên. Ôi! Hai người giống nhau quá tôi không thể ngờ.

Anh Dũng cười xòa vỗ vai Hoàng Kiên:

- Thật là chuyện hi hữu, một sự hiểu lầm tai hại. Tao cũng biết mày là người tốt mà. Xin lỗi nghe bạn.

Hoàng Kiên chột nghiêm nét mặt nhìn tôi:

- Tôi có thể nói chuyện riêng với cô được không?

Tôi chưa kịp trả lời thì anh Dũng lên tiếng:

- Được rồi, cứ tự nhiên đi. Để tao qua nói chuyện với cô bạn của mày.

Khi anh Dũng đi rồi, Hoàng Kiên ngồi xuống bên tôi và hỏi:

- Cô có phải là Hà Như không?

- Sao anh biết tên tôi?

- Anh tôi vẫn thường liên lạc với tôi qua thư từ. Vì câu chuyện ngày xưa anh ấy nghĩ là có lỗi với cô nên anh đã phải trả một giá rất đắt: đó là sự cô đơn của anh gần hai năm nay. Anh tôi tâm sự với tôi rằng khi cô bỏ đi, anh ấy mới nhận ra người anh ấy yêu là Hà Như chứ không phải là Thoại Hương. Sau khi từ chối Thoại Hương, anh ấy như cánh chim cô đơn phiêu bạt qua khắp vùng trời giông bão, tự hành hạ mình để tìm quên lãng. Anh cứ bay, bay mãi theo cơn gió lốc của chiến chinh từ chiến trường này sang trận địa khác, chưa biết đến

bao giờ mới dừng lại. Không biết cô Hà Như có thể tha thứ cho anh ấy không? Nếu cô không còn trách hờn anh nữa thì tôi cho cô địa chỉ để cô liên lạc với anh ấy. Vì thương anh, tôi mong cô bỏ qua phiền giận mà làm bạn lại với anh ấy cho cánh chim kia có chỗ quay về, có chỗ dừng chân sau những ngày phiêu bạt. Hiện nay anh ấy đang hành quân quanh vùng biên giới Miên-Việt.

Hoàng Kiên viết cho tôi địa chỉ của Trung Kiên, trước khi rời đi anh ta nói:

- Mong cô suy nghĩ lại và có một quyết định chính chắn vì quyết định đó liên quan đến hai cuộc đời.

Khi anh Dũng và tôi ra về, anh kè tai tôi nói nhỏ:

- Em đừng viết thư cho người ta trước nghe. Anh cho Kiên địa chỉ của em rồi, nó sẽ cho anh của nó biết. Nếu người đó vẫn còn nghĩ đến em thì anh ta sẽ viết thư, hoặc tìm em thôi. Mọi chuyện cứ xuôi theo tự nhiên đi em. Nếu hai người có duyên phận sẽ có dịp gặp lại.

Tôi nhìn anh cảm động:

- Dạ, em nghe lời anh, nhưng nếu em và Kiên gặp lại nhau thì em có lỗi với cô út không? Em thấy rất khó xử anh à!

Anh Dũng vỗ đầu tôi:

- Tội nghiệp em của anh. Kiên và cô út chưa từng hò hẹn, chưa cưới hỏi thì em không có tội lỗi gì đâu. Điều quan trọng là anh ta yêu ai thôi.

Lòng tôi vô cùng hoang mang, xao động vì không biết phải làm sao. Tôi đành im lặng và chờ đợi xem định mệnh sẽ đưa đẩy tôi như thế nào.

Hơn hai tháng trôi qua, trời sắp sửa vào Xuân rồi. Mỗi lần thấy những cặp tình nhân âu yếm bên nhau đi dạo phố lòng tôi chợt dâng lên nỗi cô đơn, nỗi nhớ nhưng về một cánh chim trời ngoài xa xôi vạn dặm. Khi nhìn những đóa hoa đào hồng thắm bày bán ở chợ hoa Tết, tôi chợt nhớ về những cánh hoa

ô môi ngày đó, những cánh hoa hồng thắm trôi bập bềnh đầy cả mặt sông ở quê ngoại anh. Những cánh hoa ô môi anh tặng đến giờ vẫn còn nằm im trong trang sách của tôi. Tôi giữ nó như giữ một kỷ niệm khó quên của ngày ấy. Không biết giờ này Kiên ở đâu? Còn nhớ gì về kỷ niệm xưa và cô em gái nhỏ?

Tôi đang buồn bã suy tư về anh thì có tiếng chuông reo. Tôi bước ra mở cổng, Kiên xuất hiện bất ngờ tươi cười rạng rỡ:

- Hà Như! Còn nhận ra anh không? Được gặp lại em anh mừng quá!

Tôi ngỡ ngàng, vui mừng suýt khóc:

- Ô! Anh Kiên. Em không dám nghĩ mình sẽ có ngày này, giống như trong chiêm bao đó anh.

Kiên chột năm tay tôi một cách tự nhiên:

- Đây là sự thật mà em.

Mẹ tôi bước ra nhìn thấy Kiên, bà bảo:

- Cậu Kiên mới về à? Lâu nay cậu đi đâu? Cậu vào nhà chơi đi, chiều nay ở lại ăn cơm với chúng tôi. Con gái tôi bây giờ đã trưởng thành rồi, không còn ngây ngô như ngày trước đâu nhé!

Nói xong mẹ bỏ đi vào trong, tôi không hiểu được ý của mẹ là sao?

Tuy tôi đã được nghe Hoàng Kiên kể chuyện của anh nhưng tôi muốn chính anh xác nhận lại nên sau những lời thăm hỏi thông thường tôi vào đề ngay:

- Anh hãy giải thích cho em biết tại sao ngày đó anh có ý định cưới cô Hương, rồi lại từ chối và trốn tránh cô ấy?

Kiên lắc đầu tỏ vẻ khó xử và thấp giọng:

- Anh xin lỗi Hà Như thật nhiều về việc này. Ngày đó vì chú em Hoàng Kiên dẫn về nhà một cô bạn gái nên ba mẹ anh nghĩ rằng chú ấy muốn cưới vợ. Nếu người anh chưa lập gia đình thì em trai làm sao dám đi trước? Do đó ba mẹ cứ viết thư hỏi

thúc anh phải cưới vợ. Thật tình anh không có người yêu nào cả, chỉ quen em và cô Hương thôi. Anh đâu biết cô bé như em đã yêu anh. Anh nghĩ Hương cũng hiền lành dễ thương, thôi thì cưới đi cho xong bổn phận với cha mẹ nên đã ngỏ lời với Hương chuyện đó. Chính anh cũng không ngờ anh đã yêu em. Khi em bỏ đi rồi anh thấy đau buồn và nhớ em vô cùng nên anh không thể nào cưới một người không có tình yêu. Anh cũng không dám tìm em vì mặc cảm tội lỗi với cả hai người: Hương và em. Bây giờ nghe tin Hương sắp lấy chồng và được biết em vẫn còn nghĩ đến anh nên anh mới dám về gặp em. Xin em hãy quên tất cả chuyện cũ và tha lỗi cho anh, được không em?

Kiên nói miên man không dứt, tôi chỉ ngồi im lặng lắng nghe. Ôi chuyện đời sao giống như trong tiểu thuyết, tôi chưa biết trả lời sao với anh dù trong thâm tâm tôi vẫn còn yêu anh tha thiết như ngày nào.

Kiên nhìn tôi với vẻ dè dặt:

- Em nghĩ sao mà lặng yên thế? Em hãy xét kỹ lòng mình rồi trả lời anh. Hãy để con tim em quyết định, đừng để bất cứ người nào hay điều gì chi phối sự quyết định của em. Em muốn thế nào anh cũng chiều em vì anh luôn tôn trọng em.

Tôi còn nghĩ ngợi điều gì nữa khi tôi đã không thể xóa hình bóng anh trong tim, và màu hoa ô môi vẫn chập chờn theo tôi trong từng giấc ngủ? Anh đã trở về và dang rộng vòng tay đón tôi thì tôi làm sao quay mặt? Nước mắt tôi từ đâu bỗng ràn rụa, tôi ngược nhìn anh nghẹn ngào:

- Anh có dám hứa là từ nay không làm em đau khổ nữa không?

Kiên đưa tay lau nước mắt tôi, mỉm cười:

- Không những hứa mà anh còn thề nữa. Anh xin thề là: sẽ không bao giờ phụ bạc em.



Rồi Kiên đưa tay kéo tôi vào lòng hôn nhẹ lên tóc tôi, vỗ nhẹ trên lưng tôi như vỗ về cô bé ngày nào. Hồn tôi chợt như bay bổng lên cao và tim reo vui vì đã tìm lại được hình bóng của Lê Trung Kiên trong kỷ niệm. Tôi nói với Kiên:

- Anh à, khi nào có dịp anh đưa em về thăm quê ngoại anh vào mùa hoa ô môi nở nhé!

- Ủ! Nếu có dịp anh sẽ đưa em đi. Anh cũng nhớ ngoại lắm và nhớ cả rừng ô môi rực rỡ một màu hồng.

Chiều hôm ấy, Kiên xin phép mẹ đưa tôi đi xuống chợ Saigon. Chúng tôi không phải muốn đi dạo phố mà chỉ vì muốn được gần nhau để tâm tình. Chúng tôi lang thang qua nhiều khu phố, cả hai vui vẻ, sung sướng tay trong tay cứ đi, đi mãi. Khi cảm thấy đôi chân đau buốt tôi và Kiên ghé vào quán kem Lan Phương. Nét mặt Kiên vẫn trầm mặc, ưu tư như ngày nào nhưng tâm tình anh đã có điều thay đổi qua ánh mắt lộ vẻ hân hoan, dịu dàng khi nhìn tôi. Biết bao nhiêu điều tôi muốn nói với anh nhưng sao không nói thành lời chỉ biết nhìn anh tha thiết. Kiên nắm chặt tay tôi như sợ sẽ mất tôi lần nữa. Giọng ca của Thanh Thúy buồn buồn, huyền hoặc, dạt dào tình cảm vang lên từ máy hát của quán kem:

“...Mấy năm cách biệt chỉ vui đêm nay, chưa vui tâm tình của hai chúng mình. Một lần trong đời anh nói yêu tôi, tiếng ngọt trên đầu môi.

*Người bạn đêm nay hồi, nếu mai đi rồi nhớ mang theo nụ cười. Còn tôi đêm mơ còn tôi đợi chờ thì dù xa xôi tôi vẫn là của người...”***

Những lời của bài hát sao giống như những gì tôi nghĩ trong lòng. Tôi quay nhìn Kiên:

- Lời của bản nhạc này cũng là những điều em muốn nói với anh đó. Cô Thanh Thúy này đã thay em nói hết nỗi lòng của em với anh rồi, đúng nhất là câu, “...dù xa xôi tôi vẫn là của người”.

Kiên mở to mắt nhìn tôi:

- Có sự trùng hợp kỳ diệu vậy sao em?

- Bây giờ em không cần nói gì anh cũng hiểu được lòng em, phải không?

Kiên xiết chặt tay tôi:

- Em không cần nói gì đâu, anh hiểu và rất cảm tạ em. Cảm ơn em đã đem đến cho anh sự bình yên và ấm áp trong hồn. Tuy vậy, Như ơi, dù trân trọng tình em, dù anh rất yêu em nhưng anh vẫn còn là một cánh chim đang phiêu bạt ngoài phương trời xa xôi không biết đến bao giờ mới được dừng chân bên em vĩnh viễn!

- Em hiểu điều đó anh ạ! Cuộc chiến này chưa chấm dứt thì những chim trời chưa được bay về chốn cũ.

Tôi đứng lên:

- Thôi mình ra ngoài đi anh.

Hai đứa tôi rời quán nước khi màn đêm vừa buông xuống, thành phố đã lên đèn. Sài Gòn vẫn rực rỡ, lộng lẫy kiêu sa và vô tư không màng đến ai đang gian khổ, hiểm nguy ngoài địa đầu giới tuyến.

Chúng tôi đi chậm về hướng bờ sông Saigon, dòng người trên đường thật đông đảo, tấp nập. Khi đi ngang qua nhà hàng Majestic có một bà ngoại quốc xin chụp hình hai chúng tôi vì bà thấy tà áo dài của tôi đi bên màu áo lính phong sương của Kiên rất dễ thương, rất đặc sắc. Chúng tôi đồng ý và cũng thấy vui vui.

Kiên chợt trầm giọng có vẻ nuối tiếc:

- Anh không ở lại lâu được, ngày mai anh phải đi rồi. Đáng lý không ai được đi phép lúc này nhưng xếp của anh thương tình nên anh chỉ đi có 3 ngày thôi. Em đừng buồn, anh sẽ cố gắng về với em nếu có dịp. Anh là lính thì sự ra đi hay ở lại không thể tự mình quyết định được em biết không?

Một Thời Để Nhớ

Lê Kim Nga, K 27/1

Bao năm rồi người ơi còn có nhớ?
Chuyện tình yêu Alfa đỏ một thời
Tháng năm dài cũ mới có đầy vơi
Thái Phiên cồng một trời yêu chất ngất

*Đường vòng Lâm Viên ôm chân Đồi Bắc
Nắng vàng rơi màu sắc tựa vàng thơ
Tóc em bay trong làn gió hương mơ
Trao nỗi nhớ ngàn giờ người nơi ấy*

Cổng Nam Quan rộn ràng chiều thứ Bảy
Môi thâm thì xiết lấy những bàn tay
Tình trong như đã, ai người có hay
Hỏi tình đến ai chờ ai ngóng đợi

*Anh có nhớ những chiều em không tới
Mắt anh buồn vơi vơi nhớ mộng lung
Tiếc vì sao không trải hết nỗi lòng
Giờ ngơ ngẩn xa tâm tay chơi vơi!*



15/9/17



Bình An và Mạnh Khỏe!



TIỂU ĐOÀN 5 ND TẠI TRI BƯU MÙA HÈ ĐỎ LỬA

Tổ Quân, K16

(tiếp theo)

DIỄN TIẾN:

Ngày 5/7/1972: TĐ5 ND di chuyển lên La Vang Tả (343-496). Sau khi B52 thả bom xuống khu vực dọc hai bên sông Thạch Hãn, TĐ từ La Vang Tả hành quân lục soát về hướng Tây tới sát khe Như Lệ. Địch có lẽ từ Ai Tử pháo sang nhưng không gây nhiều thương vong. Trên trục tiến quân ta thấy nhiều xác Cộng quân và trong khu vực này. TĐ5 lấy được 2 khẩu 37mm phòng không. TĐ đóng quân đêm tại khu vực này.

Từ ngày 6/7/1972 tới ngày 8/7/1972:

TĐ5 tiếp tục lục soát vùng trách nhiệm được giao. Chỉ chạm địch lẻ tẻ, song cũng có một số quân nhân bị thương vì bị pháo

kích. Trong đêm đặc công mò về quấy phá song chúng đều bị các toán tiền đồn tiêu diệt. Đêm 8/7/1972, TĐ nhận lệnh đánh chiếm thôn Như Lệ (311- 480). TĐ đóng quân ở khu nghĩa địa (335- 485) và chuẩn bị tiến chiếm mục tiêu được giao ngày hôm sau.

Ngày 9/7/1972: TĐ5 nhận lệnh bàn giao khu vực trách nhiệm cho TĐ11 ND và nhận mục tiêu mới là Cổ Thành Quảng Trị.

Lệnh Hành quân nhấn mạnh TĐ5 ND tiến chiếm mục tiêu Điểm là Cổ Thành. Trong khi 2 mục tiêu Diện là khu vực thôn Thạch Hãn, và khu Compound Mỹ dành cho TĐ7 ND. Nhà ga Quảng Trị và khu vực còn lại của phía Nam thị xã dành cho TĐ11 ND.

Sau khi đưa cho tôi (Tổ Quyên) đọc lệnh hành quân, Tr.Tá TĐT Nguyễn Chí Hiếu bàn với tôi về kế hoạch điều quân. Ông nói:

- “Ta cần di chuyển sao cho địch không phát giác được để ít bị tổn thất do pháo địch, rồi bất ngờ tiến gần mục tiêu.”

Tôi nói với ông là địch đang chú trọng đến TĐ7 ND đang đánh mặt chỉ khu Mai Lĩnh và thôn Thạch Hãn cũng như đang theo dõi sát nút các ĐĐ của TĐ11 ND đang tấn công lên khu vực bệnh viện Quảng Trị và khu nhà Ga. Vậy tốt nhất là mình sẽ bọc lên khu Quy Thiện để tấn công Cổ Thành bằng ngã Trĩ Bửu. Hơn thế nữa lúc này phía TQLC có TĐ8/ TQLC đã chiếm được khu vực phía Bắc Quy Thiện và đang nằm ở bờ Nam sông Vĩnh Định, ngang với thôn Tả Hữu ở bên kia sông nên ta không sợ bị địch bọc hông hay cắn đuôi.

Tr.Tá Hiếu có vẽ bằng lòng kế hoạch này và sau đó tại góc sân nhà thờ La Vang ông ban lệnh hành quân cho các ĐĐT.

Sau khi phổ biến tình hình địch và bạn cùng nhiệm vụ của đơn vị ông tóm lược ý định hành quân là:

- “TĐ5 sẽ tiến quân đi theo các xóm dân để tránh bị địch từ các cao điểm đặt trên các dãy núi phía Tây QL1 và trên Cổ

Thành quan sát thấy. TĐ sẽ theo ngả thôn La Vang Thượng rồi từ đây qua thôn An Thái. Kế đó tiến quân đến khu vực sông Nhung, vượt sông và qua chiếm thôn Trầm Lý. Tiếp theo là vào Quy Thiện rồi tiến chiếm Trí Bửu. Tại đây sẽ là đầu cầu để tấn công Cổ Thành. Trên hướng tiến, ta tránh sử dụng pháo binh dọn mục tiêu như trong các cuộc hành quân trước đây trừ khi ta chạm địch. Nói tóm lại là âm thầm tiến quân và sử dụng hỏa lực cơ hữu để diệt gọn và không để chạy thoát các toán du kích còn rải rác trên hướng tiến quân.

Khoảng 1100g, TĐ5 di chuyển theo 2 cánh. Tổ Quyên, TĐP đi với ĐĐ53 và 54, còn TĐT, Minh Hiếu, đi với cánh kia. Qua La Vang Thượng (345- 497) rồi băng qua QL1 để vào thôn An Thái (363- 512). Các thôn xóm vừa đi qua đều không có một bóng người. Kinh nghiệm đau thương hồi Tết Mậu Thân khi VC chiếm đóng Huế đã khiến người dân miền Trung bỏ chạy khi VC tới chiếm đóng một vùng nào.

Xế chiều, TĐ đóng quân tại An Thái. Tại đây dựa trên không ảnh, Đ.Ủy Lê Hữu Chí, ban 3TĐ, lập một sa bàn và trình bày căn cứ khu vực làng Trí Bửu và khu vực phía Đông Bắc Cổ Thành cho các ĐĐT nghe. Tr.Tá Hiếu hỏi Đ.Ủy Trương Đăng Sỹ, ĐĐT/ĐĐ51 và Tr.Ủy Hồ Tường, ĐĐT/ĐĐ52 là 2 đơn vị trưởng của 2 ĐĐ xung kích của TĐ, xem họ còn cần hỏi gì thêm không, rồi ông nói:

- “ND giao cho TĐ5 vinh dự chiếm Cổ Thành. Bây giờ tôi trao vinh dự này cho hai anh. Hai ĐĐ của các anh ráng hoàn thành nhiệm vụ này.”

Ngày 10/7/1972 : Từ An Thái, TĐ5 bắt đầu men theo các xóm nhà tiến tới bờ sông Nhung. Bên kia sông là thôn Trầm Lý (366- 531). Vượt qua một khúc nước cạn ngang bụng của sông này, TĐ tiến vào Trầm Lý không một tiếng súng. TĐT “Minh Hiếu” cho lệnh tôi dẫn 2 ĐĐ51 và 52 tiến về phía Bắc chiếm khu đầu thôn, (kế cận khu mỏ mả ở phía Tây Bắc trông thẳng sang làng Quy Thiện) và chuẩn bị lộ trình địch khó quan sát

nhất để vào làng Quy Thiện. Tại Quy Thiện, 1 ĐĐ của TĐ8/TQLC hiện đang nằm tại đây chờ để bàn giao khu vực hành quân này cho TĐ5.

Khoảng 1500g, đơn vị tiên tiêu tới đầu thôn, tôi cho 2 ĐĐ bố trí tại đây và cùng 2 ĐĐT “Sỹ Biên” và Hồ Tường quan sát thật kỹ khu vực làng Quy Thiện.

Làng Quy Thiện nằm ở hướng Tây. Ở giữa 2 thôn Trầm Lý và Quy Thiện là một khoảng đồng trống rộng chừng gần 1km. Nhánh Bắc của con sông Nhung ở sát phía Tây thôn chạy lên hướng Bắc rồi vòng sang Đông Bắc, gần như ngăn đôi cánh đồng trống. Làng Quy Thiện trải dài theo hướng Đông Bắc-Tây Nam. Dọc theo rìa làng là con đường đất chạy từ sông Vĩnh Định về làng Trí Bửu.

Quan sát kỹ các rặng cây ở bìa làng, tôi thấy hoàn toàn vắng ngắt, không một bóng người. Có lẽ đơn vị TQLC bạn đã nguy trang khá kỹ để tránh địch dòm ngó pháo kích.

Rời mắt khỏi làng Quy Thiện, tôi xoay ống nhòm quan sát các khu vực lân cận. Xa xa về hướng Tây khoảng 2km là tòa Cỏ Thành, mục tiêu chính yếu của ĐĐ. Bàn đạp để vào tòa thành cỏ là khu làng đạo Trí Bửu, một khu xóm dài cỡ 1km từ giữa tòa thành cỏ chạy xiên về hướng Đông Bắc. Qua ống nhòm chỉ thấy mấy lũy tre và đây đó có khói bốc lên mà có lẽ vì quá xa, tôi không thấy bóng người di chuyển.

Giữa Quy Thiện và Trí Bửu là một khoảng đồng trống dài độ 500m và có một con lộ nhỏ từ phía Nam sát làng Trí Bửu chạy ngang khúc cuối sông Nhung và cặp dọc phía Đông Nam làng Quy Thiện. Từ chỗ tôi đứng quan sát tới làng Quy Thiện cũng là một cánh đồng trống trải rất dễ bị địch nhìn thấy lúc băng qua ban ngày.

Tôi báo cáo những điều vừa quan sát được cho “Minh Hiếu” và đề nghị hoặc qua Quy Thiện lúc ban đêm hoặc nếu qua ban ngày thì có thể theo hai ngã:

- Một là từng toán nhỏ băng qua khu nghĩa địa ở phía Tây Bắc

Trầm Lý, rồi men theo nhánh Bắc sông Nhung mà vào góc Đông Bắc của Quy Thiện.

- Hai là theo chòm nhà ở phía Tây khu xóm (361- 535), rồi cũng men theo nhánh Nam của sông Nhung để vào góc Tây Nam Quy Thiện.

Ông Hiếu không biết nghĩ gì song tôi nhận được lệnh cho 2 ĐĐ nằm tại chỗ và đợi lệnh. Ông còn nói: “Để cho TĐ nghỉ đêm nay, dưỡng sức cho khỏe, rồi mai sẽ vào Quy Thiện”. Đêm đó Trương Đăng Sỹ luôn báo cho tôi biết là thấy ánh lửa trong làng Trí Bửu, còn phía Quy Thiện thì không thấy gì.

Ngày 11/7/1972: Khoảng 0700g “Minh Hiếu” gọi tôi về BCH/TĐ họp gấp. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ không biết ông quyết định ra sao về đề nghị của tôi đêm hôm qua.

Đến BCH/TĐ vào gặp “Minh Hiếu”, tôi thấy ông cười và mời tôi ngồi rồi nói:

- “Minh trưa nay sẽ vào Quy Thiện.”

Tôi ngạc nhiên vì sao lại đến trưa mới xuất phát và chợt một ý nghĩ nảy ra trong đầu nên tôi vội hỏi:

- “Bộ mình có B52 dọn bãi sao, tôi sợ hơi gần 2 thẳng 51 và 52.”

Ông Hiếu cười và nói:

- “Chẳng có B52 nào cho mình đâu. Tổng Tông (Tonton, ý nói Tổng Thống Thiệu) đâu có cho phép, ông ấy muốn tòa Cổ Thành nguyên vẹn, vì là một di tích lịch sử.”

Thấy tôi tròn mắt nhìn, ông Hiếu nói nhỏ:

- “Tôi mới được Long Phụng (biệt danh trên máy truyền tin của Đ.Tá Trần Quốc Lịch, LĐT/LĐ2 ND) cho biết trưa nay thẳng 1/ TQLC sẽ nhảy xuống khu vực gần Chợ Sãi (337-551) phía Bắc Cổ Thành. Mình đợi lúc TQLC nó đổ quân, tụi VC dồn mọi chú tâm vào nó không để ý tới hướng mình di chuyển thì mình sẽ đột lẹ sang. Toa (Toi= Anh, tiếng Pháp,

thân mật để gọi ngôi hai) về cho con cái chuẩn bị đi, Khoảng 12:00g là bên này kéo sang.”

Khoảng 10:00g, những tràng tiếng nổ vang dội từ hướng thị xã Đông Hà, và rồi cứ khoảng 10 phút lại vang lên những loạt nổ như vậy, hình như mỗi lúc mỗi gần lại.

Đến 12:00g, tại hướng Tây Bắc, cách vị trí tôi đứng khoảng 2km, tiếng bom B52 rít trong không khí, rồi khói bụi bốc lên cao trong những loạt tiếng nổ rền vang.

Khoảng 12:30g, một hợp đoàn trực thăng CH53 và CH46, có lẽ của Hoa Kỳ từ hướng Đông Nam bay ngang đầu và đáp xuống khu vực phía Bắc thị xã Quảng Trị, cách thị xã cũng khoảng hơn 2km. Những cụm khói đen tròn nở như hoa trên bầu trời hướng đó. Tôi thầm nghĩ phòng không của địch nhiều quá, chắc sẽ chạm nặng. Súng các loại nổ vang rền từ phía bãi đổ quân.

Qua hệ thống liên lạc vô tuyến của Lữ Đoàn, TĐ5 được biết TĐ1/ TQLC vừa được đổ xuống thôn An Tiêm (342-549), mục đích để ngăn chặn địch từ khu vực Cửa Việt theo hương lộ 560 qua cầu chợ Sãi để tăng viện và tiếp tế cho Cổ Thành.

“Minh Hiếu” sau khi liên lạc với TĐ8/ TQLC, cho lệnh tiên quân sang khu vực Đông Bắc Quy Thiện thật nhanh. ĐĐ51 nhanh chóng tiến quân băng ngang khu nghĩa địa rồi cặp theo nhánh con sông Nhung và nhanh chóng vượt ngang con lộ đất đắp vào Quy Thiện bắt tay đơn vị TQLC.

Đ.Úy Sỹ cho biết đã gặp vị ĐĐT của TĐ8/ TQLC tại đây. Sỹ cũng cho biết, vị ĐĐT này muốn cho một trung đội theo ĐĐ51 tiến về khu vực Tây Nam khu làng để bàn giao chi tiết hơn trên địa thế. Khoảng 14:00g, toàn bộ TĐ đã kiểm soát xong Quy Thiện.

Điểm đặc biệt là địch vẫn chưa phát giác được TĐ5 ND đã ở cách chúng chưa tới 600m. Từ Quy Thiện đã có thể thấy rõ làng Tri Bửu nằm ngay góc đông bắc Cổ Thành.

“Minh Hiếu” cho nghiêm lệnh cấm TĐ5 sử dụng lửa để nấu ăn. Trong khi tôi cùng anh Hiếu bàn bạc kế hoạch đánh Trí Bửu, anh cũng cho biết tình hình các đơn vị bạn từ ngày 10/7/72: TĐ6 ND của Tr.Tá Ng. Văn Đĩnh đã thay thế TĐ7 ND và cũng đang chạm mạnh với một lực lượng có lẽ của Trung Đoàn 88/SĐ308. Trong khi đó TĐ11 ND, sau khi đẩy lui được ĐĐ5/TĐ2 thuộc Trung Đoàn 48/SĐ320 trấn giữ ngã ba Long Hưng (345- 517) trên QL1, đã bắt đầu khựng lại tại khu vực nhà Ga khi chạm lực lượng của Trung Đoàn 88/SĐ308.

Khi tôi hỏi về tình hình bên phía TQLC thì anh Hiếu cho biết:

- LĐ147/ TQLC đã hoàn tất được nhiệm vụ giao phó ngoại trừ TĐ1/TQLC đã bị thiệt hại nặng sáng nay, vì TĐ này trực thăng vận xuống đúng ổ vận động phục kích của Trung Đoàn 165/SĐ312, nhưng sau cùng cũng giữ được một số vị trí trong mục tiêu và nhất là bám được bờ Bắc và bờ Tây sông Vĩnh Định để làm chỗ dựa.

- TĐ2/ TQLC theo hương lộ 555 đã qua được Ngõ Xá Tây (383- 547) và dự trù TĐ2 sẽ chiếm được khu vực cầu Ba Bền (355- 548) đêm nay.

- Trong khi đó TĐ6/ TQLC tiến song song với TĐ2/TQLC cũng đã thanh toán được các chốt địch ở khu vực thôn An Trứ (374- 560) và sẽ cố gắng bám được bờ Đông sông Vĩnh Định để yểm trợ cho TĐ1/TQLC ở bên kia sông.

TĐT Nguyễn Chí Hiếu, từ sau một bụi tre rậm ven làng Quy Thiện đang quan sát mục tiêu Trí Bửu, đã nói với tôi là phải xin pháo binh tác xạ thêm nhiều đạn khói chung với đạn mảnh trên mục tiêu. Lý do là để khi 2 ĐĐ xung kích của TĐ5 từ Quy Thiện, phải vượt qua 600m khoảng ruộng trồng trái, tấn công sang sẽ phần nào bớt tổn thất vì đạn thẳng của địch trong Trí Bửu bắn ra.

Tôi cũng chung ý nghĩ với vị TĐT song có nhắc Minh Hiếu là ta có thể lợi dụng đêm đầu tháng không trăng, và quá nửa đêm trời lại có nhiều sương mù, để đưa quân ém sẵn tại một

khu gò mả. Khu này chỉ nằm cách ven làng Trí Bưu khoảng hơn 100m. Từ đám gò mả trong khi PB tác xạ, đám quân ém ở đây sẽ nhanh chóng bám được ven làng và làm đầu cầu cho thành phần ở Quy Thiện sang, như thế tương đối ít thiệt hại hơn. Minh Hiếu hình như chợt nhận ra ý kiến đề nghị của tôi hữu lý nên sau đó đã họp với các ĐĐT ban lệnh tấn công theo kế hoạch này.

Ngày 12/7/1972: Khoảng 02:00g sáng, Tr.Úy Hồ Tường ĐĐT/ĐĐ52 điều động 1 trung đội lặn lẽ trong màn đêm tiến chiếm khu nghĩa địa (351-539) nằm ở hướng Đông Bắc ngay đầu làng Trí Bưu, gần tỉnh lộ 555 và cách làng Quy Thiện khoảng 200m.

Tại đây, sau khi quan sát khu đầu làng Trí Bưu cách đó khoảng hơn 100m, Tr.Úy Thạch Hón, Trung đội trưởng trung đội 2/52, cho biết thấy địch gác ở mấy chốt ven làng. Nói chung không rõ tình hình địch song theo TĐ ước tính thì để phòng thủ ngoại vi cho Cổ Thành, lực lượng địch ít nhất cũng từ cấp ĐĐ trở lên. Trung đội của ĐĐ52 được lệnh bố trí giữ khu vực bàn đạp đó và tiếp tục im lặng quan sát.

Tôi cho lệnh Hồ Tường đưa thêm 1 trung đội nữa sang khu nghĩa địa để khi có lệnh thì tiến chiếm ngay rìa làng.

Khoảng 05:00g trong khi màn sương còn trắng xóa che phủ ngôi làng thì khoảng 20 tràng hỏa tập T.O.T (Time on target) của TĐ1/PBND tác xạ lên khu vực Trí Bưu. Đợt đạn nổ vừa dứt thì TĐ1/PB ND tiếp tục dùng đạn khói bao phủ mục tiêu.

Trong làn sương mù mờ ảo của buổi ban mai chen lẫn với màn khói của pháo binh, 2 trung đội của ĐĐ52 dàn hàng ngang xung phong thẳng vào Trí Bưu và nhanh chóng làm chủ tình hình nơi này. Một phần vì hỏa lực quá dữ dội của pháo binh và một phần vì bị bất ngờ, địch chống cự lầy lệ và tháo chạy bỏ lại 6 xác chết tại rìa làng cùng 1 khẩu 12mm 8, 1 súng cối 82mm và một số B 40 và AK 47.

Tôi nhận lệnh Minh Hiếu dẫn ĐĐ51 tiến vào Trí Bưu để hỗ trợ

cho Hồ Tường. Tại đây ĐĐ51 và ĐĐ52 bung ra lục soát khu vực đầu làng. Từng loạt súng M16 vang lên xen kẽ với dăm ba loạt AK47 vang dội trên hướng tiến quân của 2 ĐĐ. Hạ sĩ Minh thuộc Ban 2 ĐĐ trong khi lục soát mấy xác VC tìm thấy một chứng minh thư trên một xác chết cho tôi biết người này thuộc TĐ8 Tinh Động Quảng Trị. Tôi nghĩ chắc anh ta là dân địa phương tăng phái cho toán VC trú đóng tại đây vì mấy xác kia tôi thấy đều mặc quần áo kaki Nam Định.

Nhìn trên bản đồ, làng Trí Bửu có hình dạng giống một con dao phay. Chuôi dao là phần đầu làng dài khoảng hơn 200m và rộng khoảng gần 200m. Phần sống dao là rìa làng nằm dọc sát theo hướng lộ 555 cho tới góc Đông Bắc Cổ Thành dài khoảng 900m. Phần mũi dao chạy dọc nửa khu tường thành dài độ 250m mà đầu nhọn nằm ngay tại cửa Tả. Phần lưỡi dao dài khoảng 700m. Đại khái làng có diện tích khoảng gần nửa cây số vuông. Trí Bửu là một làng Công giáo, một ngôi nhà thờ khá lớn nằm ở giữa làng. Vì làng được tổ chức như một ấp chiến đấu nên giữa các cụm khoảng 4 tới 5 nhà đều được phân cách bằng các hàng rào kẽm gai, vì thế các trung đội Nhảy Dù vừa phải yểm trợ lẫn nhau vừa phải tìm cách vượt qua các hàng rào này để tiêu diệt những toán VC chốt tại đây nên tiến rất chậm.

Vì tính cách phức tạp của khu vực và cây cối trong vườn của nhà dân khá rậm rạp, sợ bắn lẫn nhau nên Đ.Úy Trương Đăng Sỹ, ĐĐT/ĐĐ51 cho tôi biết anh và Hồ Tường sẽ tiến quân kiểu lối chân rết nghĩa là thay vì 2 ĐĐ tiến song song thì đại đội anh sẽ yểm trợ cho ĐĐ52 của Tr.U Hồ Tường tiến lên khoảng 20m rồi dừng lại. Kế đó Hồ Tường sẽ yểm trợ cho con cái anh tiến lên. Mặc dù VC trong Trí Bửu chống trả dữ dội và từ phía thôn Hạnh Hoa và xóm Bầu phía Bắc tỉnh lộ 555 địch cũng xối xả bắn sang cùng với đạn cối 82mm trong Cổ Thành bắn ra, song bằng phương thức nhảy từng bước theo lối chân vệt này hai ĐĐ cũng tiến lên được khoảng 100m. Sở dĩ tiến chậm là vì quân nhân ĐĐ51 và 52 chưa quen với địa thế và

thôn xóm quá phức tạp của xóm Đạo này.

Pháo 130mm của địch vẫn từ phía Ái Tử bắn sang song đạn rơi vào khu vực phía Nam làng Trí Bửu nên không gây thiệt hại gì cho 2 ĐĐ máy. Khoảng 08:00g, 1 phi tuần 2 chiếc A37 vào vùng và oanh kích khu vực con đường Duy Tân và khu vực làng Trí Bửu sát Cổ Thành. Địch tại đây bám từng nhà chống trả dữ dội. Ta và địch đánh giết từng ngôi nhà và nhiều căn nhà thay đổi chủ tới 3 lần. Phía trước đã có một số bị thương được y tá diu về phía sau.

Cho đến 14:00g, chúng tôi mới bò lên thêm được gần 60m. Đ.Úy Sỹ gọi máy cho biết địch đang cố thủ và hình như chúng được tăng cường từ trong Cổ thành ra và giữa các khu nhà có rào kẽm gai nên không tiến nhanh được. Tôi dặn Sỹ tiến tuy chậm nhưng bám đất cho chắc và sẽ lo xin pháo binh bắn sát khu cửa Tả Cổ thành để chặn đám Cộng quân tăng cường. Đến 18:00g, 2 ĐĐ chỉ nhích lên được 50m nữa.

Thấy trước mặt vắng hoe và bên phía trái tôi chỉ có mấy thương binh đang ngồi dựa gốc cây nhãn nhỏ, tôi hỏi binh nhất Hùng, một trong số 4 binh sĩ thuộc Ban 2 TĐ đi với tôi có nhìn thấy trung đội nào của ĐĐ51 hay 52 ở phía trước anh ta không thì anh ta cho biết khoảng 1 giờ trước đó còn thấy nhưng bây giờ chắc họ theo ĐĐ họ lên hết phía trước rồi.

Nghe tiếng M16 phía trước thì tôi chắc 2 ĐĐ chỉ cách tôi khoảng 100m, song vì vương nhà cửa và cây cối gây đồ ngổn ngang và trời cũng đã tối nên tôi không thấy họ. Sợ địch từ phía Hạnh Hoa thôn bọc sang thì chính tôi cũng kẹt nên tôi bố trí mấy thương binh và đám an ninh TĐ đi theo tôi thành một vòng cung.

Chừng 10 phút sau ngay phía phải và cách tôi khoảng 30m một loạt đạn M16 của mấy nhân viên an ninh nổ ròn rã và hàng loạt AK47 đáp lại. Phía trên “Sỹ Biên” cũng báo cho tôi biết là trên con đường phía phải của vị trí anh (Hương lộ 555), tụi VC đang tiến về phía sau tính bọc hậu anh. Tôi vội bảo Sỹ

quây tròn phòng thủ đồng thời tôi gọi Hồ Tường gửi ngay 1 trung đội về với tôi để giữ khu vực đầu cầu.

Trung Đội 3 của Hồ Tường về chỗ tôi vừa đứng lúc vì 10 phút sau thì VC từ phía lộ 555 tấn công sang. Tôi xin PB và ít phút sau thì một hỏa tập rớt xuống ngay hướng Tây Bắc của tôi ngay sát bên kia con đường. Nhờ PB và hỏa lực của trung đội 3/52 địch khựng lại và rút về phía bên kia đường rồi rút vào khu Hạnh Hoa thôn.

Tôi lập tức báo cho “Minh Hiếu” biết tình hình tại đây và xin thêm một trung đội sang giữ khu vực đầu cầu này để trả Trung Đội 3 lại cho Hồ Tường để anh dễ điều động. Anh Hiếu nói sẽ cho 1 đứ con của ĐĐ54 sang.

Khoảng 20:00g, Trung Đội 2/54 từ Quy Thiện theo khu gò mà tiến sang. Tôi giao nhiệm vụ phòng thủ khu vực cho trung đội trưởng và dặn anh ta bố trí trung đội về hướng lộ 555. Tr. đội 3/52 được gửi trả về tuyến trước và số thương binh được một tiểu đội của ĐĐ54 đưa dần trong đêm về BCH/TĐ tại Quy Thiện.

Đêm nay tôi nghĩ TĐ5 không ai ngủ nổi. Cánh quân bên này luôn sẵn sàng vì thời khắc này là lý tưởng để phản công. Bên phía TĐ (-) thì chuẩn bị để tiếp ứng đồng thời phải lo không hỏa yểm cho trận đánh ngày mai. Được cái đêm nay không có trăng và nhờ nhà cửa cây cối đổ ngổ ngang cùng những tấm tôn lợp nhà bị bom đạn hất rơi nằm la liệt trên mặt đất nên mọi di chuyển trong khu vực này đều gây nên những tiếng động nghe rất rõ. Vì thế đặc công VC rất khó hoạt động. Trong đêm pháo binh của cả ta và địch đều bắn cầm canh cho đơn vị mình.

Ngày 13/7/1972: Trời vừa rạng sáng tôi đã nghe tiếng lựu đạn M26 nổ cùng với hàng loạt M16 ở phía trước. Chưa kịp hỏi thì Đ.Úy Sỹ cho biết anh cho một tiểu đội đột kích và đã chiếm được ngôi nhà gạch trong đó có khoảng 10 tên địch cầm chân Trung Đội 1 của anh chiều hôm qua và ĐĐ anh đã

tiến lên thêm được khoảng 50m. Tôi vội hỏi anh dắt ngay ĐĐ Hồ Tường vọt lên. Anh Sĩ cho biết ĐĐ52 đã lên ngang anh và anh đang xin PB cho một hỏa tập ngay 200m phía trước rồi sẽ điều chỉnh ngắn dần lại. Sau khi PB làm việc anh sẽ cho ĐĐ lên thanh toán đám VC ở đây.

Trong ngày, không pháo yểm tiếp tục gia tăng cho cánh quân của tôi. Số thương binh ở phía trước vẫn được y tá TĐ lai rai đưa về sau, trong số này có Tr.Úy Nguyễn Tiến Việt của ĐĐ51. Ngày hôm nay đưa về 5 tử thương. Hai ĐĐ phía trước cũng nhích lên được gần 100m. Tr.U Winston Cover, cố vấn Mỹ, đi với tôi lâu lâu lại hỏi tình hình phía trước và hí hoáy ghi chép vào một quyển sổ tay bìa màu xanh lá cây rồi gọi máy liên lạc với Đại Úy Earl Isabell, viên cố vấn trưởng đi với TĐT. Đêm về 2 ĐĐ phía trước khoanh tròn bám đất và tiểu đội tải thương của TĐ đêm qua lại sang để đưa thương binh và khiêng Poncho (quân nhân tử thương) về.

Ngày 14/7/1972: Ngày hôm nay mức độ của pháo 130mm và cối 61mm cùng 82mm dày hơn song đa số ra ngoài rìa làng. Một số đạn cối rơi trong làng song nhờ các bức tường của những ngôi nhà không mái nên cũng không gây thương vong nặng. Một số anh em chỉ bị mảnh đạn làm bị thương nhẹ và họ nhất định ở lại với ĐĐ không chịu cho tản thương về TĐ. Hai ĐĐ đầu hôm nay có lẽ vì mất sức trong mấy ngày đầu nên chỉ lên được khoảng gần 70m.

Khi “Long Phụng” gọi tôi và khích tướng hỏi tôi sao “Rùa bò” thế thì tôi trả lời là tôi chỉ có 2 ĐĐ và với địch tình luôn được tăng cường và bổ sung cùng địa thế ở đây thì tiến lên được như thế là cố gắng lắm rồi. Nghe thế ông hỏi tôi tại sao không xin “Minh Hiếu” thêm một đũa con nữa thì tôi nói anh Hiếu hiện ở bên Quy Thiện và cũng cần 2 thằng 53 và 54 để lo bảo vệ BCH/TĐ và lo tản thương tiếp tế. Nghe tôi trả lời xong ông nói cứ gọi anh Hiếu mà xin thêm quân, còn ông sẽ gửi 1 chi đội thiết vận xa M113 vào tăng cường cho TĐ. Khoảng 20 phút sau tôi được “Minh Hiếu” báo cho biết là sẽ cho ĐĐ54

sang với tôi. Tôi chắc anh đã nhận lệnh của ĐT Lịch. Trong đêm, địch 3 lần tấn công vào vị trí của 2 ĐĐ song đều bị đẩy lui.

Ngày 15/ 7/1972: Khoảng 01:30g thì ĐĐ54 sang. Tr.Úy Ng. Vũ Dương vào gặp tôi để xin lệnh cho ngày 15/7/72. Tôi cho Dương biết ban ngày chỉ để một nửa tiểu đội bố trí kín đáo tại các mả xây bằng đá ong và có thành tại khu nghĩa địa ở rìa làng để tránh địch quan sát thấy và dặn anh em đề phòng địch bắn xẻ. Đêm tối mới đưa cả trung đội ra.

Từ 06:00g, TĐ1/PBND bắt đầu bắn nhiều tràng T.O.T về phía trước tuyến, lần này nghe có cả tiếng của đại bác 155mm. Bên kia sông Thạch Hãn địch cũng cầu 130mm sang, song cũng như mấy ngày trước đều rơi vào khu đồng trống giữa tôi và TĐ(-) ở phía sau. Có tiếng đại bác 175mm của ta phản pháo khiến 130mm của địch lại im ngay.

Sau màn hỏa tập, phía trước tuyến súng nổ vang rền và Sĩ Biên cho biết 2 ĐĐ đang tiến quân. Khoảng 10:00giờ, Sĩ cho biết phía trước đã lên được gần 50m nữa. Hồ Tường cho biết là hàng rào kẽm gai ở rìa làng gần anh lại chạy xa về phía trái và sau hàng rào này lại um tùm nhà cửa và cây cối. Trên bản đồ tôi thấy như vậy là 2 ĐĐ đã làm chủ được toàn bộ cái chuôi dao của khu vực Trí Bửu.

Tôi bảo Hồ Tường cẩn thận tối đa vì địch có thể còn tập trung ở khu vực bên phía ấy sẽ đánh tạt hông trái của anh và lệnh cho anh “nong” (mở rộng đội hình) quân sang thêm hướng trái. Tiếng AK47 và lựu đạn cùng tiếng M16, đại liên M60, và phóng lựu M79 vẫn đối đáp với nhau không dứt. Cối 61mm và 82mm của địch từ trong thành vẫn rót ra đều đặn để cố kìm đà tiến của chúng tôi. Hôm nay số thương vong đưa về nhiều hơn hôm trước và trong đó có một tiền sát viên PB của ĐĐ51.

Ngày 16/7/1972: Trong ngày, PB vẫn rót liên tục trước hướng tiến song vì mở rộng đội hình nên rất khó điều động (vì sợ bắn vào nhau) và do đó 2 ĐĐ tiến rất chậm. Tôi xin thêm phi cơ

oanh kích song được SQ Không Trợ tại LĐ cho biết vì trực tiến quân của tôi và khoảng cách đến mục tiêu không thuận lợi cho phi cơ đánh bom. Tôi biết điều này vì có học qua khóa Điều Không Tiên Tuyến tại Tân Sơn Nhất. Ở đây nếu đánh theo trục Đông Nam- Tây Bắc thì khi vào vùng sẽ là mồi ngon cho phòng không VC đặt tại vùng núi phía Tây Nam QL1 cũng như tại phía Tây sông Thạch Hãn nhưng lỡ trúng đạn thì phi công có thể nhảy dù ra và có nhiều cơ may rơi xuống khu vực quân bạn. Còn như đánh theo trục ngược lại thì khi vào



Một đơn vị Nhảy Dù tại Quảng Trị, 1972.

vùng bay trên vùng địch dễ bị trúng đạn và dù sẽ rơi vào vùng phía Tây hay Tây Bắc Cổ Thành dễ bị địch bắt. Nếu theo trục Đông – Tây thì phải lựa thời gian đánh sao cho lúc đó ánh mặt trời làm chói mắt mấy xạ thủ phòng không của địch ở bờ Tây Thạch Hãn, song trục này ít ai chọn vì nếu trúng đạn dù sẽ rơi vào vùng địch chiếm, còn theo trục Tây- Đông thì trước khi đánh phải bay trên vùng địch nên dễ ăn đạn của địch hơn đầu khi nhảy ra khỏi phi cơ, cánh dù nhiều phần rơi vào vùng có quân bạn,

Ngày hôm nay chỉ có ĐĐ51 bò lên được hơn 20m và số rách áo vì mảnh cối hơi nhiều. Trong số thương binh đưa về sau

thấy có 2 SQ, một của ĐĐ52 và một của ĐĐ51. Nhìn Th.Uy Vũ văn Hợi, một Tr. Đội Trưởng rất giỏi và rất lý của ĐĐ51 nằm trên brancard (cáng tải thương) nhăn nhó vì vết thương ở hai đùi tôi biết anh rất bức tức vì phải rời cuộc chơi quá sớm. Cả 2 ĐĐ của Sỹ và Hồ Tường đều đã có một số SQ Tr.ĐT bị thương và đã phải đưa các HSQ lên nắm Trung Đội.

Khoảng 1600g “Long Phụng” gọi tôi vào đầu máy và lại hỏi thúc. Tôi nêu khó khăn về địa thế khu vực và số thương vong của 2 ĐĐ ở đây chưa được bổ sung thì “Long Phụng” hỏi tôi nếu cần thêm “láng” (tiếng lóng của người chơi xì phé để chỉ số tiền bỏ thêm vào, ở đây là lực lượng tăng cường) thì ông sẽ thu xếp để cho. Tôi bèn xin thăng Trinh Sát 2 vì tôi nghĩ rằng với Tr.Úy Trương Văn Út (Út Bạch Lan) trước ở 81 Biệt Cách Dù thì địa thế này là nghề của chàng. Đ.T Lịch đồng ý ngay và cho biết ngày mai sẽ gửi TS2 vào. Khoảng 20:30g thì toán tải thương sang và dẫn theo một số quân nhân bị thương trong trận An Lộc đã hồi phục cùng một số tân binh ra tăng cường cho các ĐĐ ở đây.

Tôi báo cho 2 anh Sỹ và Tường đón nhận toán này do 1 toán của ĐĐ54 dắt lên. Tình hình trong đêm đó chỉ có pháo của địch rót lai rai trên vị trí đóng quân.

Ngày 17/7/1972: Hôm nay sau khi được bổ sung quân số 2 ĐĐ tấn công mạnh. Tiếng súng phía trước hầu như không lúc nào tắt tiếng. Đến chiều “Sỹ Biên” cho biết anh và Hồ Tường đã lên được 50m. Địch cố thủ giữ chốt mặc dù PB ta bắn rất nhiều song không hiệu sao chỉ vào khu vực sát phía chân thành.

Sau này tôi mới nghe pháo đội trưởng giải thích vì hỏa tập xin quá gần nên TĐT/PB khuyến nên trừ hao cho quân bạn an toàn.

Trong ngày 2, ĐĐ không nhích thêm được thước đất nào và rách áo kha khá. Khoảng 17:00g, tôi được TĐ cho biết TS2 đang ở BCH/TĐ và sẽ sang với tôi tối nay.

Khoảng 20:00g, tiểu đội tải thương sang và tôi thấy Út Bạch Lan vào trình diện tôi. Sau khi chào hỏi, tôi hỏi thêm tình hình phía TĐ6 và 11ND ngoài QL1 và tôi thấy ngoài ấy cũng không khá hơn gì trong này. Tôi cho TS2 trấn giữ khu gò mả và bia phía Bắc của làng Trí Bư ngay hướng Hạnh Hoa thôn, vừa đề bảo vệ trực tải thương vừa trấn giữ hướng tôi ngại nhất.

Tôi đưa ĐĐ54 lên nằm vừa làm thành phần trừ bị phía sau ĐĐ51 và 52 vừa giữ lộ trình tản thương và tiếp tế. Có lẽ Trời độ nên khoảng 2200g VC tung cỡ gần 2 ĐĐ tấn công thẳng vào vị trí tôi và khu gò mả. TS2 phản kích quyết liệt. PB được gọi và hỏa tập tiên liệu trước lại dồn dập rót lên đầu địch. Tôi vào tần số truyền tin của nội bộ TS2 để theo dõi trận đánh và nghe tiếng Út đang điều động các trung đội của anh.

Khoảng 40 phút sau tôi nghe trong máy có một tiếng nổ rất lớn và tiếng Út chửi thề. Tôi vội gọi trên hệ thống TĐ và hỏi Út xem chuyện gì vừa xảy ra thì binh sĩ mang máy truyền tin của Út trả lời là đích thân (đơn vị trưởng) hấn có lẽ Ngồi (bị thương) rồi. Vừa nghe xong thì tiếng Út Bạch Lan vang lên sang sảng:

- “Tổ Quyên đừng lo, nó thổi tôi một quả B40 song nhờ trúng vào thành mả và văng lại nên tôi chỉ hơi tức ngực thôi. Cũng may mà có áo giáp nên chỉ hơi hơi tức thôi. Đích thân xem tôi chơi tụi nó này.”

Ngay sau đó tôi nghe nhiều tiếng M72 và lựu đạn nổ cùng các loạt M16 và đại liên M60 tác xạ xối xả. Tiếng súng địch đáp lễ thưa dần rồi im hẳn. Tôi nghĩ chắc địch đã rút. Kết quả trận đánh do Út báo cáo là phía anh chỉ có 5 rách áo (bị thương nhẹ) và 3 ngồi, không có ai nằm (chết). Lát sau có tiếng Sỹ gọi Út và bảo “sang sông” (chuyển sang tần số khác bằng cách xoay núm hiệu chỉnh tần số ngược với vị trí đang dùng). Tôi biết là 2 anh chàng này vốn thân nhau nên muốn tâm sự riêng gì đây. Tuy không tò mò nhưng tự nhiên tôi cũng sang sông. Quả nhiên hai bên sau khi thăm hỏi nhau rồi Đ.Ủy Sỹ nói sẽ

xin tôi cho TS2 lên lo hộ hông phải cho Sỹ “húc” (tấn công mạnh) và kéo ĐĐ54 về giữ khu đầu cầu.

Thấy địch dùng chốt để cố thủ, tôi nghĩ cần phải dùng quả đấm mạnh và tôi đã có ý nghĩ đưa TS2 của Út lên tuyến trên nhất là chỗ chốt là nghề của Trinh Sát, song vì là lực lượng tăng phái nên tôi chưa muốn sử dụng ngay sợ mang tiếng.

Khoảng 23:30g, tôi cho Út và Sỹ biết, tôi sẽ đưa Út lên nằm phía tay mặt của Sỹ. Tr.Uy Dương dẫn ĐĐ lui về khu đầu cầu thay TS2. Từ phía trước “Sỹ Biên” đã cho 1 tiểu đội quay lui để dắt TS2 lên. Khoảng 03:00g, thì tuyến phía trước đã dàn quân xong. Từ đó đến rạng đông chỉ có pháo của 2 phía cầm canh như đêm trước.

Ngày 18/7/1972: Hôm nay ĐĐ51 đi giữa, ĐĐ52 cánh trái và TS2 cánh phải hàng ngang tiến song song cố gắng diệt từng vị trí chốt địch trên hướng tiến. Cánh quân của TS2 có vẻ tiến nhanh hơn 2 ĐĐ kia. Cho đến 16:00g, phía trước đã lên được 150m. Vì địch chống trả quyết liệt, ĐĐ51 và 52 thúc con cái tiến nhanh cho ngang với TS2 nên tổn thất hơi nhiều. Tôi gọi máy bảo Sỹ và Tường nên tiết kiệm nhân lực đừng vì sĩ diện mà hao quân quá đáng. Nên dưỡng quân vì đoạn đường còn dài.

Khoảng 1730g tôi cho lệnh 3 ĐĐ khoanh tròn.

Ngày 19/7/1972 : Vì thấy 3 ĐĐ phía trên đã lên khá cao tôi quyết định đưa BCH nhẹ lên sát trên để dễ nhận định thế trận nên khoảng 04:30g, tôi cho Sỹ biết 1 trung đội của ĐĐ54 sẽ hộ tống tôi và BCH nhẹ lên vị trí của ĐĐ anh vào lúc 05:00g và bảo anh dặn con cái tránh ngộ nhận.

Trong ánh trăng mờ nhạt lúc về sáng, tôi và Trung Đội 3/54 làm lùi đi và cố tránh bước lên những tấm tôn rải rác trên mặt đất. Khoảng 06:00g, thì đã vượt qua được gần 200m và đã gặp toán hậu tiêu của ĐĐ52. Tiến hơn 50m nữa tôi gặp tuyến của Trung Đội 4/52 và vào gặp Hồ Tường. Tôi cho Trung Đội 3/54 quay lui. Sau khi hỏi tình hình địch phía trước mặt của ĐĐ52,

tôi nhờ Tường cho người đưa tôi và BCH nhẹ sang khu vực ĐĐ51 cách đó khoảng hơn 100m. Gặp “Sỹ Biên” tôi cho biết ĐT Lịch hỏi thúc TĐ ghé lắm và nhờ Sỹ cho mời Út Bạch Lan sang họp. Sau khi phân tích thêm diễn biến của tình hình mặt trận phía TĐ6 và 11ND ở khu vực phía Nam Cổ Thành, tôi bàn kế hoạch tấn công trong ngày.

Tôi thấy về mặt mỗi trên mặt các ĐĐT và anh em binh sĩ nên tôi quyết định áp dụng xa luân chiến (thay phiên nhau đánh) chỉ sử dụng 2 ĐĐ búng chốt còn 1 ĐĐ trừ bị dưỡng quân. Tùy tình hình có thể đánh ban đêm còn ban ngày nghỉ. Cả 3 anh đều vui vẻ đồng ý ngay.

Sỹ và Út muốn để Hồ Tường nghỉ hôm nay mặc dầu Hồ Tường gân cổ lên cãi và không chịu. Thấy tinh thần 3 người như thế tôi rất vui vì theo kinh nghiệm cầm quân, yếu tố tinh thần là yếu tố then chốt nhất. Để Hồ Tường không buồn tôi giao Hồ Tường bung rộng sang lục soát sang phía Đông Nam cánh trái vì sáng nay tôi nhận thấy phía đó còn nhiều nhà cửa cây cối rậm rạp.

Ngày hôm đó tiến lên được gần 100m và qua những ngôi nhà bị đổ nát đã thấy thấp thoáng bờ trên của bức tường Cổ Thành. Hôm nay cũng có tổn thất song không nhiều. Khoảng 22:00g, ĐĐ51 và TS2 bắt đầu xuất phát tìm diệt những vị trí chốt quan sát thấy ban ngày. Tiếng lựu đạn và M16 cùng AK47 lại đối đáp nhau qua lại. Gần sáng Sỹ cho biết đã thấy rõ bức tường thành ngay trước mặt chỉ cách khoảng gần 100m song địch từ trên bờ thành bắn rất rát nên không tiến thêm lên được. Tôi bảo Bạch Lan và Sỹ cho lệnh con cái bám đất cho chặt chờ sáng hẳn rồi tính sau.

Ngày 20/7/1972: Khoảng 08:00g, sau khi pháo bằng cối 61mm vào vị trí của TS2, VC liền từ phía Hạnh Hoa Thôn đánh sang. Hỏa tập của PBNĐ liền tức khắc đập ngay trên phía Bắc con lộ 555. Sau hơn một giờ giao tranh địch rút về bên kia đường. Ta bị một số rách áo và ngồi. Địch để lại khoảng gần 10 xác

phía trước vị trí.

Sau khi tản thương về phía sau, tôi cho lệnh Hồ Tường đưa một phần con cái sang thay vị trí của ĐĐ51. Khoảng 13:00g, ĐĐ51 bắt đầu cho lực soát phía bên trái trực tiến quân. Khoảng 15:00g, thì 1 tiểu đội ngẫu nhiên thấy nhà thờ Trí Bửu. Số dân bị kẹt ở đây đang ẩn nấp dưới khu hầm của nhà thờ để tránh bom đạn nhìn thấy lính ND rất mừng. “Sỹ Biên” nghe trung đội trưởng báo về liền đưa thêm quân đến tăng cường để vừa bảo vệ dân vừa lực soát thêm.

Nghe báo tôi cho lệnh Tr.Úy Dương ĐĐT54 đi cùng 1 trung đội lên phụ với Sỹ để lo cho đám nạn dân này và lực soát thêm khu vực. Sỹ cho y tá ĐĐ sẵn sóc sau đó đi tản họ về sau để chiều tối ĐĐ54 lo đưa họ về BCH/TĐ. BCH/TĐ nhận được tin này đã báo lên LĐ và được LĐ ra lệnh chuyển họ ra vùng an toàn.

Tại BCH/TĐ đêm đó bác sĩ Ng. Hữu Tâm, Y sĩ Trưởng TĐ cùng Tr.Úy Hoàng Quát, SQ Ban 5, phối hợp trợ giúp đám hơn 100 người này gồm đủ nam nữ, già trẻ và mấy nữ tu. Họ cho SQ ban 2 biết cha Lê Hữu Huệ, cha sở của nhà thờ bị VC bắt mang đi không biết sống chết ra sao. Ngày hôm sau, mấy chiếc thiết vận xa M 113 lần lượt chở đám nạn dân này ra BCH/LĐ tại Hải Lăng rồi sau đó xe GMC chở họ về An Lỗ giao cho Ty Xã Hội Huế.

Ngày 21/7/1972: Khoảng 07:00g, Đ.Tá Lịch gọi tôi hỏi tình hình và cho biết nếu cần thêm “Láng” để dứt điểm thì ông gửi thêm vào. Quá mừng, tôi xin thêm. Ông Lịch hứa sẽ cho tôi thêm “Láng” song tôi chưa biết ông sẽ cho ai.

Khoảng 12:00g, thì toán tải thương của ĐĐ54 trong khi lên phía trước để nhận thương binh đưa về khu đầu cầu thì bị chốt địch ở giữa đường chặn đánh. Thì ra trong đêm địch đã sử dụng một toán đặc công cỡ hơn một tiểu đội xâm nhập và tổ chức chốt ngăn chặn con đường tải thương và tiếp tế giữa khu đầu cầu và tuyến phía trước.

Tôi ra lệnh TS2 cho một trung đội quay lui để thanh toán mấy chốt này song không kết quả vì chúng tổ chức vị trí rất kiên cố và hỏa lực yểm trợ giữa các chốt rất chặt chẽ. Tôi cho lệnh Sỹ tìm cách nhổ ngay không thì kẹt cứng. “Sỹ Biên” sau khi nháp 2 trung đội lên không được và lại thêm Ch.Úy Sanh, SQ Tr.ĐT cuối cùng của anh bị thương nên Sỹ đề nghị tôi cho phi cơ đánh bom Napalm (bom xăng đặc).

Thấy hữu lý vì địch ở ngay giữa và khoảng cách hai phía quân bạn quá gần để sử dụng PB tôi nghĩ ngay đến Tướng De Lattre khi xưa cũng đã dùng Napalm để phá cách đánh “Trộn trầu” hay “Cài răng lược” này của VC ở mặt trận Tam Đảo (Vĩnh Phúc Yên) nên tôi đồng ý ngay. Sau khi chiếc phi cơ quan sát L19 bắn trái khỏi và phía dưới, Sỹ điều chỉnh xong thì 2 phi tuần Skyraider nhào xuống và một biển lửa bùng lên bao trùm khu vực chốt địch và vài tên VC còn sống song quần áo trên người đang bốc cháy vùng chạy. TS2 liền nhào vào mục tiêu và diệt gọn toán này. Ngoài mấy tên bị hạ lúc đang chạy trốn, số còn lại thân xác cháy nám đen ngay tại hầm của chúng. Thế là đường tải thương giữa phía trước và khu đầu cầu thông thương.

Khoảng 23:00g, tôi nghe anh Hiếu gọi và cho tôi tần số của TĐ8/ TQLC và bảo tôi gọi nói chuyện với Th.Tá TĐT Ng. Văn Phán. Tôi suy nghĩ không biết có việc gì mà ông Thần Nhậu này lại muốn nói chuyện với tôi. Sang tần số này tôi gọi Phán. Đầu máy bên kia tiếng Phán vui vẻ hỏi thăm và báo cho tôi biết mấy đêm nay con cái anh từ bờ sông Vĩnh Định thấy VC từ bờ Tây sông Thạch Hãn vượt sông sang bên Cỏ Thành rất nhiều. Anh bảo tôi cẩn thận coi chừng bể gáo (đạn bắn vỡ sọ), hết về Huế nhậu rượu với anh.

Tôi nói:

- “Mày nhìn thấy thì sao không kêu PB bắn mà gọi tao làm gì?”

Phán cười:

- “Tao đã báo bên ND rồi vì khu đó không thuộc A.O (Area of Operation, khu vực hành quân) của tao.”

Tôi cảm ơn và hỏi thăm tình hình khu bên đó. Phán cho biết thăng TĐ2 và TĐ6 đã bắt tay được với thăng 1/TQLC rồi và thăng 1/TQLC đã bít được mặt chợ Sài không cho VC từ mạn Cửa Việt đổ xuống tăng viện cho Cổ Thành, tuy nhiên tổn thất khá nhiều. Phán bảo tôi dùng một máy riêng cho tần số này để anh ta sẽ báo những gì anh thấy khi VC điều động quân về hướng tôi. Chuyện vẫn một lúc rồi tắt máy.

Ngày 22/7/1972: Khoảng 02:00g, TS2 và ĐĐ52 lại tiếp tục màn dạn chiến. Đêm nay 2 ĐĐ diệt được thêm một số chốt và lên thêm được 50m. Út Bạch Lan cho biết đơn vị anh ngoài đạn địch bắn từ trước mặt còn bị cả hỏa lực của địch từ phía trên cao của tường thành bắn qua nóc nhà xuống và cho biết anh đã nhìn thấy vọng lâu nhô ra của tòa Cổ Thành. Toán địch chốt dưới đất phía trước chống trả rất dữ dội. Theo anh chắc là tụi chính qui vì trong số xác địch anh thấy có xác mặc quần áo kaki màu cứt ngựa và trên cổ áo có ngôi sao đỏ. Theo trận liệt tôi nghĩ là mình đang đụng 1 đơn vị của Tr. Đoàn 48/SĐ320B. Tôi báo tin này cho “Minh Hiếu”.

Khoảng 0700g, từ máy LĐ sau khi Đ.Tá Lịch dặn dò “Mê Linh”, danh hiệu truyền tin của Th.Tá Lê Văn Mễ, TĐT/TĐ11 ND, tôi nghe tiếng ông đang nói với Tr.Tá Nguyễn Văn Đĩnh, TĐT/TĐ6 ND:

- “Anh phải dọn nhà vào cái Compound cho tôi. Thăng Tô Quyên nó đang sắp rờ vào cái “Mâm” (Cổ Thành) rồi đấy”.

Tôi nghĩ “Long Phụng” lại khích tướng nữa vì Đĩnh là khóa đàn anh của tôi. Không nghe rõ anh Đĩnh trả lời.

Sáng nay tự nhiên chỉ còn pháo kích lai rai mà không thấy VC mò tới quấy phá kể cả bắn sê quân ta. Tôi nghĩ hay là qua 2 đêm bị ND dạn chiến nên chúng cũng dưỡng sức chờ đêm về đón khách sang chơi chẳng. Qua tần số “sang sông” của TS2 tôi thấy Út tâm sự với Sỹ là con cái anh hư hao quá. Nghe thế

tôi cũng bắt nhand và hi vọng anh không nghĩ rằng vì anh là con nuôi (đơn vị tăng phái) nên tôi sử dụng anh ở trên thay vì là ĐĐ54. Đêm nay đến phiên ĐĐ anh ra đường sức, tôi sẽ gặp anh để biết thực trạng đơn vị.

Khoảng 19:00g, Tr.Úy Dương ĐĐ54 báo cho tôi biết là ĐĐ111 của Tr.Úy Đinh Viết Trinh TĐ11ND vừa đến muốn lên gặp tôi. Tôi rất mừng vì có thêm 1 ĐĐ tăng cường. Tôi nhờ Dương cho người dẫn Tú Trinh lên chỗ tôi.

Khoảng 19:30g, thì Tú Trinh dẫn ĐĐ lên. Khi được tôi hỏi về tình hình đánh đấm ngoài ấy thì Tú Trinh cho tôi biết TĐ của anh đã chiếm được khu bệnh viện Quảng Trị và khu nhà Ga, còn TĐ6 ND cũng đã vào được thôn Thạch Hãn. Riêng TĐ9 ND anh không rõ lắm nhưng nghe nói cũng đã kiểm soát được khoảng gần 2km quanh phía Nam và phía Tây nhà thờ La Vang. Ngoài ra anh còn ngậm ngùi nói cho tôi biết là Tr.Úy Hoàng Ngọc Hùng, ĐĐT/ĐĐ 112, đã tử thương ngày 14/7/72 khi tiến đánh và chỉ còn cách Ga khoảng 300m. Tôi nghĩ tình hình phía tây QL1 như vậy là khả quan nên LĐ mới gửi 1 ĐĐ của TĐ11ND vào đây.

Nghe tin Tú Trinh vào, Sỹ xin tôi cho Tú Trinh lên với anh và cho TS2 về trừ bị vì quân số của Út cũng yếu quá rồi và trước kia Tú Trinh đã là Tr.ĐT của ĐĐ51 nên đã quen lối đánh của TĐ5ND.

Dù Sỹ không xin tôi cũng đã có ý định kiểm đơn vị thế chỗ đơn vị Út. Tôi bảo Tú Trinh vào trám vị trí của TS2 vì ĐĐ này qua gần một tuần lễ liên tục quần thảo với VC quân số của ĐĐ cũng khá hư hao.

Tôi báo cho anh Hiếu biết tôi sẽ để TS2 giữ khu đầu cầu và đưa ĐĐ54 lên để giữ đoạn đường tiếp tế và tải thương vì tuyến đầu cũng tiến khá xa khu đầu cầu và tôi không muốn địch lại chơi trò xâm nhập trộn trấu nữa. Anh Hiếu cho tôi toàn quyền và nói:

- “Tiểu Đoàn này tương lai gần là của Toa, Toa cứ việc điều

động”.

Sự việc này tôi đã biết khi tôi được bổ nhiệm về làm TĐP/TĐ5 khoảng gần cuối tháng 6, Đ.Tá Lưỡng, LĐT/LĐ1 ND, đã nói với tôi khi LĐ1 ND ở An Lộc về Sài Gòn rồi ra Huế. Ông bảo tôi chịu khó về làm phó cho anh Hiếu vì theo ông biết anh Hiếu sẽ rời ND để đi nắm 1 trung đoàn BB. Ông Lưỡng muốn tôi nắm TĐ5 ND vì TĐ này là TĐ cũ của ông ngay từ khi ông còn là Th.Úy mới ra trường cho tới khi ông rời TĐ này để đi làm TĐT/TĐ2 ND. Các ĐĐ liên hệ hoán đổi vị trí và về vị trí mới hoàn tất lúc 20:00g.

Ngày 23/7/1972: Vì tôi không muốn duy trì một giờ giấc nhất định khiến địch có thể lợi dụng thói quen của ta mà khiến ta bị tổn thất nhiều hơn nên đêm nay ĐĐ51 và 52 dạ chiến lúc 03:00g. Tiếng súng của địch lần này nhiều và khốc liệt hơn. Đến khoảng 05:00g, Đ.Úy Sỹ cho biết anh đã nhìn rõ chân tường ngay dưới vọng lâu nhô cao ở góc Đông Bắc của Cổ Thành. Tôi bảo anh bám vị trí cho chặt và tôi sẽ đưa Tú Trinh lên tăng cường vị trí cho anh đồng thời lo mang thương binh về. Tôi cũng bảo Hồ Tường chịu khó vừa giữ đất vừa lo cho hông trái của Sỹ.

Khoảng 0:600g, tôi cùng đám an ninh TĐ và mấy nhân viên truyền tin lên lòi tiền lên tuyến của ĐĐ51. Tr.Úy Cover mới từ TĐ sang thay viên cố vấn Mỹ cũ cũng hăm hở đi theo. Tôi luôn luôn nhắc Cover khom xuống cho bớt cao để tránh địch bắn sể mà còn về Hollywood đóng phim. Nghe tôi nói anh chỉ nhăn răng cười.

Sau khi gặp Sỹ, tôi men ra sau một vách tường của một căn nhà đã bị bom đạn thổi bay hết mái để quan sát. Qua khe tường, tôi nhìn thấy rõ góc tòa thành sừng sững trước mặt tôi khoảng hơn 60m. Từ trên vọng lâu có tiếng gọi nhau léo nhéo giọng Bắc. Bất thành linh một quả B40 xé gió bay qua đầu bức tường rồi va vào một tầng cây phía sau nổ ầm vang. Tr.Úy Cover vội chồm về phía trước và nằm sấp trên mặt đất

rồi nhìn sững tôi có vẻ ngạc nhiên vì tôi không lẫn xuống đất giống anh.

Tôi thầm nghĩ anh Mỹ này cũng phản ứng nhanh đấy song thiếu kinh nghiệm nên lấm hết quần áo. Nếu anh lẫn lóc trợn mặt lâu năm anh sẽ học được cách nghe tiếng đạn bay mà biết nó cao hay thấp, có phải địch ngắm anh hay nó bắn vu vơ, tiếng rít của đạn vòng cầu (các đạn súng cối các loại cũng như đạn pháo binh) khi sắp rơi mà biết nó sẽ rớt ngay trên đầu mình hay đâu đó gần mình. Tôi ra hiệu cho anh đi lom khom lại gần và bảo anh đừng sợ vì VC nó bắn cầu âu chứ không phải nó thấy anh hoặc tôi. Cover có vẻ tin những lời tôi nói.

Tại đây qua màn sương tôi vẫn nhận ra ngã ba con lộ ngay tại góc thành. Trên bản đồ rõ ràng là 3 con đường 555, Duy Tân và Lê văn Duyệt gặp nhau ở đây. Cố gắng dán mắt vào khe hở tôi cũng không thấy gì thêm. Thấy đứng mãi cũng không quan sát thêm được gì tôi lại len lỏi sau những bức tường đồ để quay về BCH nhẹ và báo cho anh Hiếu rõ kết quả trận dọ chiến lúc 03:00g sáng sớm hôm nay và hiện giờ ĐĐ51 đã nằm đối diện ngay góc Đông Bắc của tòa thành cổ và thấy rõ địch đây trên mặt bờ tường thành.

Tôi dự trù đêm nay sẽ cho ĐĐ111 thay Sỹ trấn giữ góc này để Sỹ và Hồ Tường dọn sạch phần còn lại của làng Trí Buri rồi mới tính chuyện tấn công mục tiêu chính là tòa Cổ Thành. Anh Hiếu cho biết sẽ dùng tối đa PB vào thành và khu Hạnh Hoa thôn trong ngày và đêm hôm nay để ngăn chặn địch đưa tăng viện từ trong thành ra.

Khoảng 06:20g, “Long Phụng” gọi và cho tôi biết đêm nay ông sẽ cho Tài Hồ Xám của LĐ81 Biệt Cách và 2 ĐĐ của anh vào tiếp sức với tôi.

Được tin này tôi rất mừng vì biết rõ khả năng của đơn vị này trong những màn xâm nhập hay đột kích đêm. Tôi thông báo kế hoạch đêm nay cho các ĐĐT và cố vấn Mỹ. Cả đêm không ngủ tôi cố tìm cách chợp mắt một vài giờ mà không được, con

mất cứ trơ ra. Trong ngày đủ loại pháo rót vào làng Trí Bửu song chỉ có đạn cối là lọt vào ít trái song tôi và Tr.Úy Cover cũng vững dạ vì đã chộp được mấy hầm chữ A của VC trong khu này để làm hầm cho bộ chỉ huy nhẹ.

Khoảng 21:00g, các ĐĐ đã bố trí xong và sẵn sàng cho trận đánh dọn sạch khu Trí Bửu, từ đây cho tới cửa Tả của Cỏ thành.

Khoảng 24:00g, Út Bạch Lan báo cho tôi biết Th.Tá Phạm Châu Tài, Chiến Đoàn Trưởng CĐ3/LĐ81BC, dẫn theo ĐĐ3 Xung Kích của Tr.Úy Dương Thường Ngô và ĐĐ 4 Xung Kích của Tr.Úy Lê Đức Lực đã vượt khúc sông Nhung ngăn cách làng Quy Thiện với cánh đồng phía Đông làng Trí Bửu để sang khu gò mả do TS2 trấn giữ. Tôi bảo Út Bạch Lan cho 1 toán TS2 dẫn Thiếu Tá Tài vào gặp tôi.

Ngày 24/7/1972: Khoảng 02:00g, trong khi PB bắn tới tấp vào trong thành và nhất là khu cửa Tả, 2 ĐĐ của Sỹ và Hồ Tường bắt đầu khai hỏa và lần lượt tiêu diệt các chốt rải rác từ hướng tiến quân cho tới góc làng Trí Bửu gần cửa Tả Cỏ thành. Địch từ trên mặt tường thành bắn đủ loại súng xuống 2 ĐĐ này. Khoảng 03:30g, Sỹ cho biết ĐĐ anh và ĐĐ Hồ Tường đã kiểm soát phần còn lại của làng. Một số địch rút chạy về hướng tòa thành cổ để lại khoảng hơn 30 xác tại chỗ cùng nhiều B40, 41 và AK47. Riêng Hồ Tường lấy được 1 khẩu K54 chắc của tên chỉ huy.

Khoảng 04:00g, Th.Tá Phạm Châu Tài vào BCH nhẹ gặp tôi. Tôi nói qua kế hoạch đêm nay cho Tài nghe và nhờ anh cho 81 Biệt Cách bố trí dọc con lộ 555 và tìm cách đưa Viễn Thám nghiên cứu góc Đông Bắc của tòa thành cổ cho tôi. Tôi gọi Sỹ cho người về dẫn Tài lên vị trí của anh ở đối diện góc Đông Bắc Cỏ Thành để Tài quan sát mục tiêu và đặt kế hoạch.

Nghe nói có thêm 81 BC tiếp sức Sỹ mừng lắm. ĐĐ4 Xung Kích của Tr.Úy Lực trách nhiệm khu vực sát hương lộ 555 phía Bắc khu gò mả của TS2ND. ĐĐ3 Xung Kích của Tr.Úy

Ngô trách nhiệm tuyến phía trái của ĐĐ4 Xung Kích.

Khoảng 05:30g, Th.Tá Tài báo cho tôi là ĐĐ4 của Tr.Úy Lực đã vào thôn Hạnh Hoa và đang lục soát khu vực.

Khoảng 06:00g, “Long Phụng” vào máy sau khi khen tôi mấy câu rồi nói:

- “Đêm nay anh làm sao ăn được một góc cái mâm cho tôi, cần gì cứ cho tôi biết. Bạch Long (Tư Lệnh ND) cũng hỏi tôi về anh kỹ lắm đấy. Ráng lên Tổ Quyên.”

Nghe mấy câu này tôi cũng vui và nghĩ có lẽ sau trận này mình sẽ khá hơn trong binh nghiệp.

Khoảng 06:30g, VC từ phía làng Cổ Thành tấn công dữ dội ĐĐ4BC. Nhờ các hỏa tập của TĐ1/PB ND vỗ liên tục theo yêu cầu của Tr.Úy Lực, địch đã rút chạy bỏ lại nhiều xác chết và vũ khí.

Đúng 07:00g, trong khi Tú Trinh và Hồ Tường cho ĐĐ bắn xối xả lên mấy ổ súng của địch trên bờ tường thành trong khi PB dùng đạn nổ và khói vỗ lên đầu địch thì Đ.Úy Sỹ dùng khẩu 57mm bắn vào tường thành chỗ góc Đông Bắc để hy vọng khu vực này bị sập để có cửa mà xung phong vào, song tường thành chỉ lõm vào chút ít và tường thành cứ trơ trơ như trâu gan mọi loại đạn. Tiếp tục như vậy cho đến mờ sáng mà phải chịu thua không thể nào trở cửa được. Suốt đêm hết “Minh Hiếu” lại “Long Phụng” gọi trên máy hỏi thúc mà tôi đành bó tay.

Khoảng 08:00g anh Hiếu bảo tôi là lệnh của Đ.Tá Lịch làm sao cho một toán “Quyết Tử” đột nhập vào góc thành rồi cắm cờ và bám chắc lấy đề sau đó các toán khác của ĐĐ51 rồi ĐĐ52 leo tường mà vào để chiếm cho được cái Vọng Lâu ở góc Đông Bắc ngôi thành cổ.

Tôi nghĩ chuyện này giống như đánh thành thời cổ còn dùng giáo mác cung tên, nhưng trong thời chiến tranh với súng đạn bây giờ thì khó mà thực hiện được. Song lệnh là lệnh. Tôi gọi

Sỹ và bảo anh tổ chức toán Quyết Tử để thi hành lệnh của LD. Sỹ vốn mưu mẹo và lý lợm song cũng nhìn tôi lắc đầu, tuy nhiên anh nói anh sẽ ráng làm.

Trong ngày, TĐ1/PBND của Th.Tá Bùi Đức Lạc dồn hết hỏa tập cho tôi vào trong thành và trên thôn Hạnh Hoa.



Trung Tá Bùi Quyền đang gắn huy chương cho binh sĩ có công trạng của Tiểu Đoàn 5 ND, vào tháng 3, 1975

Khoảng 14:00g, anh Sỹ cho tôi biết đã lựa được toán 8 người tình nguyện thi hành lệnh cấm cờ đêm nay.

Khoảng 22:00g, Hạ Sĩ Trần Tâm dẫn đầu và do Binh Nhất Hồ Khang dẫn đường, vì anh sinh ra và lớn lên tại đây nên rất rành đường lối ngõ ngách vào Cổ Thành.

PB vẫn bắn cầm canh để địch khó phát giác được những tiếng động do toán “quyết tử” có thể gây ra khi đột nhập thành.

Chính Hồ Khang nhận lá Quốc Kỳ do anh Hiếu cho người đưa sang lúc xẩm tối và cuộn lá cờ cho gọn và để trong áo phía trước ngực.

Khoảng gần 24:00g, anh Sỹ cho biết Binh Nhất Hậu, truyền tin của toán “quyết tử” gọi về báo cho biết là từng người trong toán đang lặng lẽ chui qua một ống cống thoát nước để vào

thành. Tôi cũng vào tận số nội bộ của Sỹ và cũng đang theo dõi toán này.

Tiếng Hậu thì thảo cho biết tuy nước ở hào sâu lắm nhưng trong công thì chỉ đến đầu gối. Sau đó là yên lặng.

Suốt thời gian sau chỉ còn nghe tiếng pháo binh của ta và địch cùng vài tràng súng trên mặt thành bắn xuống vị trí của ta ở gần khúc đường Duy Tân còn ngoài ra là tiếng côn trùng kêu.

Khoảng 23:00g, Tài cho biết toán Viễn Thám của anh bắt đầu rời tuyến. Để tránh bắn lầm vào nhau, toán Viễn Thám này đã được thông báo trong đêm nay có toán xâm nhập cấm cớ của ĐĐ51 hoạt động tại sát tường thành khu vực Đông Bắc Cổ Thành.

Đêm nay trăng mọc khoảng 1 giờ sáng.

Ngày 25/7/1972: Khoảng 01:00g, Th. Tá Tài từ một căn hầm chữ A gần tôi mò sang và cho biết toán Viễn Thám báo đã thám sát xong khu vực. Hào nước quanh thành sâu ngập quá đầu người và khoảng cách từ bờ nước vào chân tường thành ước lượng gần 20m. Sát chân tường thành thấy có hàng rào concertina. Còn phía xóm nằm dọc theo đường Lê Văn Duyệt (Cửa Hậu) địch bố trí khá dày rất khó xâm nhập vào.

Khoảng 04:00g, có tiếng hò hét trên bờ tường thành gần vọng lâu Đông Bắc Cổ Thành và liền sau đó là những tiếng lựu đạn nổ và tiếng AK cùng B40 và thương liên của địch vang dội trên góc này. Lẻ tẻ vài loạt M16 đáp lễ rồi là yên lặng.

Tiếng địch gọi nhau nghe lao xao trên vọng lâu.

Sỹ cho biết có mấy tên nhô ra nhòm xuống hào nước bên dưới chân thành và con cái anh đã quét mấy loạt M60 và phóng M79 lên khiến chúng tụt vội vào hầm trên đó rồi. Anh ngâm ngùi cho biết thêm có một lúc anh đã nhìn thấy lá Quốc Kỳ trên bờ thành, song sau đó không thấy nữa, chắc toán Quyết Tử anh gửi đi cũng tiêu (chết) hết rồi!

Nghe Sỹ nói thế tôi chỉ biết thở dài!

Chiến trận là như vậy, mấy ai dám đoán được ngày mai ai còn ai mất, nhất là ND thường “Đi đông mà Về ít”.

Khoảng 06:30g, “Long Phụng” cũng đã biết tin và hỏi tôi bây giờ tính sao.

Tôi trả lời đêm nay sẽ nhờ Tài Hồ Xám sử dụng mấy toán viên thám của anh xâm nhập nhiều ngả để cố gắng thử một lần nữa xem sao. Ông Lịch ngần ngừ rồi nói:

- “Ráng lên Tô Quyên, mần xong keo này cho nhanh rồi ra nghỉ.”

Khoảng 07:00g, tôi thông báo cho anh Tài biết ý định trên để anh lập kế hoạch xâm nhập chiếm đầu cầu cho TĐ5ND tấn công vào Cổ Thành.

Khoảng 14:00g, Anh Tài báo cho tôi biết là anh sẽ sử dụng 2 toán viên thám được tăng cường tìm chỗ xâm nhập mặt Bắc Cổ Thành, khu vực trông ra thôn Hạnh Hoa vì địch không nghĩ ta dám mò ra mặt ấy. Anh cho tôi biết khi bắt đầu xâm nhập anh sẽ báo cho tôi biết qua mật khẩu: “Trăng lên đỉnh núi”. Anh cũng xin tôi cho nhiều hỏa tập nổ chậm và nổ chụp trên cao trước lúc “Trăng lên đỉnh núi” để địch không tự do tuần tiễu trên mặt tường thành cho con cái anh dễ hành động.

Khoảng 08:00g, Tr.Úy Cover sau khi nói chuyện với cấp trên của anh, sang gặp tôi và hỏi có muốn dùng bom Tinh Khôn (Smart Bomb) không. Chưa từng nghe qua tên loại bom này nên tôi nhờ anh giải thích cho tôi hiểu công dụng của nó. Cover giảng cho tôi nghe đó là một loại hỏa tiễn có sức công phá rất lớn và được hướng dẫn đánh trúng mục tiêu cực kỳ chính xác bằng tia La- de (Laser). Tôi hỏi liệu nó có làm sập được bức tường thành trước mặt không thì anh ta cho biết nếu là tường gạch không có bê tông cốt sắt mà độ dày khoảng 5m thì có thể xập. Anh cũng cho biết là Mỹ đã dùng loại bom này để đánh gãy mấy cây cầu sắt tại miền Bắc. Thấy thế tôi rất mừng vì đã có loại vũ khí chọc thủng được bức tường quái ác luôn ám ảnh tôi kể cả trong lúc ngủ từ lúc đặt chân trên mảnh đất của

làng Trí Bửu này. Tôi đồng ý ngay và nói cho Cover biết là anh có thể xin cho phi cơ đánh sao cho bom đi từ hướng trong thành ra phía ngoài để cho gạch trên tường khi đổ ụp xuống lấp hộ tôi khoảng hào nước sát chân thành thì con cái của mấy ĐĐ mới xung phong chạy qua đó mà vào trong thành. Tr.Úy Cover chịu ngay và liên lạc với cấp trên của anh.

Khoảng 09:30g, thì Cover cho biết là đúng 08:00g sáng mai phi cơ Mỹ sẽ đục thành theo ý tôi. Sau đó anh giải thích thêm cho tôi hiểu phi cơ sẽ đánh bom như thế nào.

Anh nói sẽ có một phi cơ bay trên vùng ở một vị trí thật cao, phía bên trên Ái Tử, dội tia La-de vào góc Đông Bắc tường thành. Rồi một chiếc khác từ hướng Tây trên cao độ cũng rất cao bay tới và phóng bom. Bom sẽ theo tia La-de mà đập vào mục tiêu như có người cầm bom mà dí vào điểm muốn chạm nổ. Nghe hoang đường song đó là thật.

Khoảng 10:00g, cả anh Hiếu và Đ.Tá Lịch đều gọi tôi và cho biết là Mỹ sẽ dùng Smart Bomb phá Cổ Thành để cho tôi xả lán mà vào.

Khoảng 19:00g, anh Hiếu cho tôi biết sẽ gửi một toán 3 cố vấn Mỹ qua trong khi tôi đang họp với các ĐĐT 51, 52, và 111 cùng Th.Tá Tài. Sau khi bắt tay chào hỏi, 3 chuyên viên Mỹ này cùng Cover men theo mấy bức tường trong làng để lên ngắm ngĩa bức tường góc thành cổ trông xuống đường Duy Tân.

Tôi cho các ĐĐT biết kế hoạch ngày mai như sau:

- Hai ĐĐ51 và 52 là thành phần chủ lực. Sau khi bức tường sập ra ngoài và lấp hộ một khúc hào nước rồi thì Sỹ dẫn con cái xung phong ngay vào chiếm ngay đầu cầu cho Hồ Tường vào rồi chia nhau hai mặt bung rộng ra. Sỹ cắt cử 2 toán ngay khi vào thì leo ngay lên bờ thành và đánh dọc theo 2 phía trên tường thành để diệt các vị trí địch phòng thủ trên đó. Tú Trình cho ĐĐ bắn xối xả lên đám VC phòng thủ trên mặt tường thành khúc trông ra con đường Duy Tân. Rồi khi 1 trung đội

của 51 làm chủ được ở đây thì tung con cái vào trong thành qua lỗ bom đục.

- Th.Tá Tài trong giai đoạn đầu cho con cái bắn lên đám VC bố trí trên tường thành khúc trông ra đường Lê văn Duyệt (hướng Bắc của thành cổ) và trong giai đoạn hai sẽ tung cả 2 ĐĐ vào thành, ở đây đã có ĐĐ54 trấn rồi.

- Riêng tôi và BCH nhẹ sẽ vào thành cùng với Tú Trinh. Tr.Tá Hiếu và TĐ(-) sẽ sang đây khi tôi đã vào trong thành.

Th.Tá Tài liền hỏi tôi có muốn hủy bỏ lệnh xâm nhập của toán Viễn Thám đêm nay không. Tôi cho biết vẫn tiếp tục song nếu không vào được thì phải cho rút về lúc 04:30g sáng. Đêm nay toán chuyên viên Mỹ ngủ lại gần căn hầm của Tr.Úy Cover. Gần nửa đêm tôi được anh Tài cho biết toán Viễn Thám đã lên đường. Định vẫn pháo lai rai vào khu vực đóng quân song không gây thêm thiệt hại đáng kể.

Ngày 26/7/1972 : Nhìn đồng hồ thấy đã 3g sáng tôi sốt ruột gọi máy cho Tài và hỏi sao chưa thấy “Trăng lên đỉnh núi” thì Tài cho biết con cái báo về là sau vụ cấm cò đêm 25/7 VC canh gác và tuần tiễu trên mặt tường thành rất kỹ nên chưa làm gì được. Hơi thất vọng song tôi nghĩ có hột vố này thì đã có vố khác vào sáng mai mặc dù tôi vẫn bán tín bán nghi về hiệu quả của trái bom La-de.

Tôi bảo chú Binh Nhất Quảng pha cho tôi cà phê rồi ngồi lai rai uống đợi sáng. Đến 05:00g, thì Hồ Xám Tài cho biết đã gọi 8 toán gửi đi xâm nhập lúc tối qua về. Tôi cười và trêu Tài là đêm nay nhiều mây nên trăng mọc mà ta không thấy. Tài chỉ cười trừ đáp lại.

Đúng 07:30g, tôi cho lệnh toàn bộ chuẩn bị và cùng Cover và toán chuyên viên Mỹ lên khu quan sát gần góc thành cổ. Pháo binh bắt đầu T.O.T vào trong thành. Đại bác 130mm của VC cũng đang phản pháo. Hết nhìn đồng hồ đeo tay lại dãi cổ ngược mắt lên trời mà chẳng thấy bóng dáng hay nghe tiếng động cơ của chiếc máy bay nào, tôi nhìn Cover và chỉ vào

đồng hồ trên tay. Tôi hát đầu ra ý hỏi thì Cover cứ lơ đi và lắng nghe như đang theo dõi ai nói gì trong máy truyền tin của anh. Trong khi đó tôi thấy một chuyên viên Mỹ cũng đang dùng máy truyền tin của anh ta và nói gì đó trong máy. Tôi thấy có một cái hộp gì hơi lạ gắn trên máy truyền tin của anh ta mà hôm qua tôi không để ý thấy. Sau này khi hỏi, Cover cho biết đó là máy tự động mã hóa bạch văn (nói không dùng bản âm danh đàm thoại) sang âm danh đàm thoại. Tôi chưa thấy máy này được cấp TD và LD/VN dùng.

Khoảng ít phút thì đến 08:00g, tôi thấy Cover ngừng nghe máy và ra hiệu cho tôi nhìn về hướng Cổ Thành.

Đúng 08:00g, một tiếng nổ cực lớn và như có phép lạ một mảng tường ngay phía dưới Vọng lâu trước mặt tôi đổ sập ra ngoài, đất và gạch văng tung tóe, bụi bay mù trời. Một khoảng hào đã bị vùi lấp bằng gạch và đất của bức tường đổ. Một lỗ hồng tròn đường kính gần 2m đã hiện ra trước mắt tôi. DD của Sỹ lập tức nhào sang và chen nhau chui vào trong thành.

Tiếng M16, M79, và M60 nổ ròn rã như pháo Tết bên trong. Một toán binh sĩ đang vừa tiến vừa bắn ngay trên bờ thành cao trước mắt tôi. Qua máy truyền tin vào tần số nội bộ của DD51 tôi nghe rõ tiếng la hét ra lệnh của Sỹ.

DD của Hồ Tường cũng nhanh chóng bám theo DD51 và bây giờ 2 DD đang xông xáo trong thành. Tiếng thượng liên và AK trong thành cũng vang dội.

Trên vùng, 2 phi cơ A37 đang nhào xuống và dội ngay hai đợt bom. Qua máy không lực tôi thấy tiếng Sỹ xin đánh tiếp và yêu cầu nện bom ngay vào khu cột cờ BCH Tiểu khu, vì từ đây địch đặt cây thượng liên đang chặn đà tiến quân của DD51.

Tiếng viên SQ Điều Không Tiền Tuyến trên chiếc L19 bay trên cao ở phía Đông Cổ Thành đang hướng dẫn 2 phi tuần nhào xuống đánh vào trái khố chỉ điểm vừa phóng xuống. Bom giáng trúng ngay khu cột cờ. Từng cột khói bốc lên cao và trong máy TD tôi nghe Sỹ đang gọi Hồ Tường cho con cái

dàn hàng ngang xung phong lên phía bên phải sát cạnh ĐĐ anh.

Thở ra một hơi dài trong lòng thấy nhẹ nhõm, tôi móc tẩu thuốc pipe, nhồi thuốc rồi bật lửa hít một hơi dài thật khoan khoái và đang định cho Tú Trinh và Lực Điền của 81 BC vào theo thì Tr.Úy Cover cho biết là đang có 2 phản lực Mỹ trên vùng và hỏi tôi có muốn sử dụng không. Tôi đồng ý ngay vì càng được nhiều không trợ thì con cái càng đỡ đổ máu.

Cover hỏi muốn đánh đâu, thì qua liên lạc với Sỹ, anh xin cho đánh ngay đám khói ở chỗ cột cờ Tiểu khu vì VC hãy còn nhiều ở chỗ đó.

Tôi bảo Cover yêu cầu phản lực đánh ngay vào chỗ đám khói và ngay tức khắc 1 chiếc phản lực nhào xuống và bom nổ rền vang. Chợt tôi nghe tiếng Sỹ thất thanh trong máy Tiểu Đoàn:

- “Check fire ngay! Nó đánh vào con cái tôi rồi.”

Tôi vội hét bảo Cover cho ngưng ngay. Anh ta có vẻ không hiểu tại sao. Anh cho biết phi công phản lực cho biết thấy khói vàng từ chỗ vừa dội bom bốc lên. Tôi nói họ đã đánh lầm quân ta rồi. Thì ra gió từ phía sông Thạch Hãn thổi qua về phía chúng tôi đã khiến đám khói bay tạt ngay trên đầu đám quân đang xung phong về phía cột cờ và bom đã rơi ngay trên đội hình tiến quân của hai ĐĐ.

Qua máy tôi được Sỹ báo cho biết cả anh và Hồ Tường đều bị thương và hơn một nửa của 2 ĐĐ đều ăn bom và bây giờ 2 ĐĐ đều tê liệt rồi. Anh xin cho rút ra vì không thể đánh được nữa.

Tôi bảo trước mắt hãy lo yểm trợ cho con cái tải thương, Tú Trinh và Lực Điền sẽ lo bắn che để đám VC trên bờ tường thành không gây trở ngại cho anh và Hồ Tường. Tôi báo tình hình cho anh Hiếu và xin lệnh. Ít phút sau Đ.Tá Lịch trực tiếp cho lệnh tôi rút hết con cái ra khỏi thành. Tôi không thấy ông nặng lời gì cả, kể cũng hơi lạ!

Tôi yêu cầu PB bắn đạn khói vào khu vực giữa thành để làm

màn khói cho Sỹ và Hồ Tường rút con cái đồng thời tàn thương ra khỏi thành trong khi vũ đạn nổ vào sát các góc thành trừ khu vực 1/4 góc Đông Bắc thành cổ.

Đến gần trưa, 2 ĐĐ mới mang hết thương binh và các quân nhân tử thương ra khỏi thành. Sỹ và Hồ Tường cũng như thành phần rách áo không chịu rời đơn vị. Các thương binh và tử sĩ được y tá của 7 ĐĐ đang trấn đóng tại đây tạm thời săn sóc và khi màn đêm phủ xuống mới được chuyển về BCH/TĐ.

Lúc 21:00g, BCH/TĐ mang sang cho tôi 1 lệnh mang tay của “Minh Hiếu”, lệnh bàn giao khu vực cho TĐ3/TQLC trước 0600g ngày mai 27/7/1972.

Tôi thực sự không rõ nguyên nhân tại sao? Lòng buồn vì qua nửa tháng tại mảnh đất Tri Bưu này, tính ra tốn biết bao xương máu của anh em mà không làm nên cơm cháo gì, nhiệm vụ trên trao chưa hoàn thành mà giờ đây phải bỏ nửa chừng. Khúc xương này giờ đây lại trao cho bằng hữu bên TQLC nuốt. Tuy nhiên tâm trạng cũng hơi vui vì sắp được ra xa hơi ít ngày trước khi lại nhập trận tại vùng khác của Quảng Trị. Hi vọng là khu nào đó trong tương lai địa thế không quá phức tạp và kỳ cục như ở đây thì nuốt dễ hơn. Chắc chỉ có Trời mới biết! Các ĐĐT và Biệt Động Trưởng 81 BC sau đó được tôi thông báo lệnh bàn giao vị trí trước lúc mặt trời mọc

Ngày 27/7/1972: Khoảng 02:30g, tôi nhận được thông báo của Út Bạch Lan, ĐĐT/TS2 trấn giữ khu đầu cầu là có vị TĐT/ TQLC đang từ bên Quy Thiện sang chỗ anh và nhờ anh cho người dẫn vào gặp tôi.

Khoảng 15 phút sau, ông bạn cùng khóa, Th.Tá Nguyễn Văn Cảnh, đơn vị trưởng của TĐ3/ TQLC vào và đi thẳng đến căn hầm chữ A gặp tôi. Tôi nói cho Cảnh biết tình hình ở đây và dặn anh cho đội quân thay tuyến từng ĐĐ một và cần nhất là kín đáo và im lặng, nếu không sẽ bị tổn thất không đáng vì pháo địch. Tôi cho anh biết VC bố trí trên tường thành, còn tuyến của mấy ĐĐ ở phía trên nằm bám phía sau những bức

tường của những căn nhà đồ của làng Trí Bửu chỉ cách con đường Duy Tân non ba chục thước. Nhất cử nhất động lúc ban ngày là chúng ở trên cao thấy hết.

Các ĐĐ đã cho người của từng trung đội về tại BCH/TĐ nhẹ để chờ dặt đơn vị bạn lên. Tôi lệnh cho ĐĐ nào được thay quân xong là kéo về Quy Thiện nhận lệnh “Minh Hiếu”, tránh dồn quân ở đây mà ăn pháo địch.

Sau khi anh Cảnh gọi máy ra lệnh các ĐĐT của TĐ3/TQLC, anh ngồi chuyện gẫu với tôi, tôi mới có dịp hỏi anh tình hình bên TQLC. Cảnh cho biết TĐ nào cũng có tổn thất, nhưng TĐ1 của Th.Tá Ng. Đăng Hòa là bị nặng nhất.

Khoảng gần 5g sáng, TĐ3/ TQLC hoàn tất việc thay quân.

Tôi và BCH nhẹ cùng ĐĐ54 sang tới Quy Thiện khi màn sương vẫn còn phủ trên cánh đồng trống nằm giữa Tri Bửu và Quy Thiện. Giở giấc và cảnh vật giống hệt như mờ sáng ngày 12/7/1972 khi Tr.Ủy Hồ Tường dẫn 2 trung đội xung phong từ khu gò mả giữa đồng vào để mở màn cho trận đánh Tri Bửu của TĐ. Chỉ khác là một số người vĩnh viễn không còn dịp tham dự cùng TĐ trong những trận đánh sau.

Từ Quy Thiện TĐ5ND cùng các đơn vị tăng phái di chuyển bộ ra thẳng bờ Nam sông Vĩnh Định ngay phía Đông của thôn Tả Hữu (365- 549) rồi qua sông.

Tại đây một đoàn xe đã chờ sẵn để chở các đơn vị theo lộ 555 về thẳng bờ Nam sông Mỹ Chánh để nghỉ dưỡng quân và chờ lệnh vào vùng chiến địa mới./.



Những Con Tuấn Mã Võ Bị

Phạm văn Hòa, K18

Mùa bão tố đã qua, cư dân ở vùng Vịnh (tiếng chỉ vùng Vịnh Mexico) thở phào nhẹ nhõm. Mùa Thu bắt đầu. Tiết Thu mang hơi lành lạnh đủ để khoác chiếc áo len nằm sâu trong closet. Lá Thu lìa cành bay bay thật đẹp nhưng ta cứ liên tưởng đến tuổi đời oằn vai, và tự hỏi “Chùng nào mình cũng sẽ lìa cành, như chiếc lá Thu kia!” Mỗi ngày thức giấc được đón bình minh để rồi ngày qua ngày nhìn mặt trời đỏ ối phương Tây kèm theo tiếng thờ dài.

Con người tranh sống theo từng tiếng tích tắc quả lắc thời gian. Còn đi vững để dắt con cháu dạo chơi; còn thấy để chiêm ngưỡng nét đẹp thiên nhiên; còn nghe nhịp tim để biết mình sống; còn nói được điều mình muốn nói; còn nếm được vị ngon để phân biệt với vị đắng cuộc đời; còn biết cảm xúc khi cầm tay người bạn lâu ngày không gặp; và còn biết suy tư để lượng giá sự kiện quanh ta.

Đó là hạnh phúc của tuổi già!

Tôi an phận với những gì trời ban. Đôi lúc tin vào “hay không bằng hên”. Đang khi mưa gió bão bùng tôi mua vé cruise đi ngược đường bão Irma và Maria, vừa tàn phá vùng Grand Turk và Puerto Rico. Con cái, bè bạn cho tôi là khủng! Gần mười ngày lênh đênh trên biển ghé qua vài nơi vừa bị bão viếng. Đại dương bao giờ cũng vậy, sóng xô lao xao vô tư dưới ánh nắng như không có chuyện gì xảy ra; trong khi trên đất liền cây cối còn ngổn ngang, nhà cửa xiêu vẹo vì cơn bão hoành hành. Có những vết thương thật lâu mới lành, mà khi lành vết sẹo còn mãi in hằn trên da thịt mà mỗi lần nhìn, khúc phim quá khứ có dịp trôi dạt diễn lại vỡ tuồng đời có lớp có lang. Như vết sẹo trên đầu tôi là do mảnh xương bò đội ngược rơi vào đầu khi tôi dùng để ném trái me-keo bên đường. Gần bảy chục năm mà tôi vẫn nhớ!

Sự rạn nứt trong tập thể Võ Bị rồi cũng sẽ để lại vết sẹo hằn sâu vào tâm khảm của từng anh em, niên trưởng niên đệ, thầy trò; không thể nào quên được. Đây không phải là lúc trách cứ ai “point the finger blame the others” như các nhà chánh trị tìm cách chữa mũi dùi dư luận vào người khác. Hay vị nguyên thủ các cường quốc gây chiến tranh đáu đó trên thế giới để nhẹ bớt sức ép chính trị nơi quê nhà. Có khi nào các phe nhóm đã đi quá xa, mà sĩ diện không cho phép họ quay trở lại?! Hay họ là những con ngựa bị thúc dót kéo cỗ xe đi ngược chiều nhau.

Nay là lúc cần quay nhìn các bạn chúng ta còn hay mất quanh mình. Thiệt thòi và đau khổ là đa số thâm lắng, họ chính là sức mạnh là tiềm năng của tập thể. Thiệt thòi và hoang mang nhất là đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, hậu duệ của chúng ta, không biết theo ai bỏ ai. Đó là cái “HU” của gia đình mà cha mẹ không thuận thảo làm hại đến tiềm năng và niềm tin của con cái. Đây là lúc hãy ngưng phân tách sự kiện qua lăng kính có lợi cho phe nhóm. Vì chúng ta “đủ già” để biết sự đời hơn thiệt. Chiếm mặt nạ không đòi lột con người. **Hãy dừng tìm vòng tròn quá tròn, đường thẳng quá thẳng, mặt phẳng quá phẳng, bởi đòi hỏi sự tuyệt đối trong cuộc**

sống là điều ảo tưởng.

Chẳng có luật lệ nào ở xã hội Hoa Kỳ chặt chẽ bằng luật của sở thuế Liên Bang IRS để thu thuế; nhưng rồi, mỗi nhóm diễn giải một cách có lợi cho phe mình, nhờ vậy các luật sư chuyên về thuế vụ mới có đất dụng võ. Không có công ty sản xuất nào mang ra thị trường sản phẩm mà không thử nghiệm, kiểm phẩm, hay nói nôm na là “đồ dờm” thì làm sao tranh thương trên thương trường.

Cũng như trường Mẹ Võ Bị Đà Lạt là nơi đào luyện chúng ta thành những “Con Tuấn Mã” thiện chiến trong thời chiến và hữu sự trong thời bình. Chúng ta là **“sản phẩm đặc ý nhất” của chế độ Cộng Hòa chống chủ thuyết Cộng Sản**. Chúng ta đã là niềm tin, là ngưỡng mộ, là hy vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam. Dù xa quê hương, dù địa bàn hoạt động không còn, nhưng ý chí kiên trì này đã ăn sâu vào huyết quản của từng Cựu SVSQ. Mục tiêu chúng ta được minh định rõ ràng: **Chống Cộng Sản**, bởi đó là chế độ được tượng hình cụ thể trong một quốc gia. Đó là bước thứ ba trong “Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ”. Chúng ta chống chủ thuyết Cộng Sản tại Việt Nam với mục đích rõ ràng; như các cuộc hành quân, quân đội VNCH tiến chiếm mục tiêu vì đó là sản phẩm của chúng.

Chúng ta không buộc con cháu phải theo đường hướng mà chúng ta được huấn luyện, tôn thờ trước khi trở thành những Con-tuấn-Mã dấn thân hành hiệp; nhưng chúng ta cũng không thể tự mình thay đổi tôn chỉ để biện minh. Xin đừng quên “Hy, Nộ, Ái, Ố, Thiện, Ác,...” là trù tượng vô hình; sự xét đoán rất chủ quan. Tùy theo trình độ, thiên kiến, kinh nghiệm, quan điểm chánh trị, cùng một sự kiện mỗi người nhận xét một cách khác; không lẽ chúng ta cứ ngồi cãi vã xem ai đúng ai sai! Cũng như chúng ta đã **được đào luyện với phương châm “Tự Thắng Để Chỉ Huy”**, cho dù nay không còn chỉ huy ai, nhưng chúng ta hãy chỉ huy chính mình để tự chế; và đừng nên thay đổi phương châm trên thành “Tự Thắng Để

Phục Vụ” như đã từng nghe thật chướng và lạ tai.

Trong lịch sử Việt Nam, ngựa đã đóng vai trò quan trọng trong các cuộc chiến chống quân xâm lược phương Bắc. Trong cuộc chiến hiện đại, các sĩ quan xuất thân trường Võ Bị Đà Lạt đã đóng vai trò quan trọng trong QLVNCH chống CS phương Bắc. Trong chuyến đi Nam Cali, tôi được gặp những người bạn đồng môn Võ Bị, với tôi không có phe bên này hay phe bên kia, được nghe những lời tâm tình; tôi đoán chắc họ là những con người tốt, vẫn là những **con-tuấn-mã mà trường Mẹ hãnh diện đào tạo**. Nếu tôi có dịp gặp những anh em khác ở nơi khác, chắc chắn tôi cũng sẽ rất hãnh diện được là bạn của họ.

Những người trai Võ Bị luôn trọng danh dự và làm những điều họ cho là đúng; nhưng tiếc thay tại sao những cái đúng không hợp tác như những con-tuấn-mã cùng kéo cỗ xe gia tài của Mẹ Võ Bị đi cùng một hướng. Có tiếng chuông nhạc Giáng sinh trên TiVi, nhìn lên thấy sáu con ngựa thiết đẹp kéo chiếc toa chở bia Budweizer trong quảng cáo thương mại, thật bình yên. Ước gì các con-tuấn-mã Võ Bị cùng kéo wagon gia tài Mẹ Võ Bị thông dong như hình ảnh trên thì còn gì đẹp hơn!

Lễ Thanksgiving vừa qua, chúng ta Tạ Ôn nơi tạm dung trên bước đường tỵ nạn; mùa Giáng Sinh và NewYear (năm mới) đang phát động rầm rộ bằng mọi phương tiện truyền thông. Các gia đình trong khu gia cư quanh đây cũng giăng đèn kết hoa; các cao ốc được trang trí đủ màu sắc; đường sá được trang hoàng... từ cảnh vật đến con người mọi thứ đều khởi sắc để chia tay năm cũ, đón mừng năm mới. Ước gì gia đình Võ Bị trở lại sum họp như xưa, để hơi ấm được truyền từ bàn tay đến bàn tay, để những con-tuấn-mã Võ Bị cùng kéo gia tài Mẹ Võ Bị thông dong, để những nhịp chân gõ đều trên đường như những bước quân hành ngày xưa, hầu quên đi vết hằn trên da thịt trong những ngày tháng cuối đời.

Hôm nay, có cuộc họp các “anh em”, viết trong ngoặc kép, Võ Bị ở Houston tại nhà tôi để chuẩn bị cho việc bầu Hội Trưởng Võ Bị Houston sắp tới, vì cuộc bầu bán vừa qua không thành. Sự hiện diện của quý “anh em” khẳng định là Hội chúng ta phải tồn tại và sẽ là nơi Tình Tự Võ Bị được thăng hoa. Chúng tôi tin tưởng vào sự trường tồn và hợp nhất của tập thể. Hội và khóa là nền tảng cho tập thể Võ Bị, một khi đã củng cố thì không thể nào “keo rã hồ tan”. Thế cờ Dominoes không thể có chỗ đứng trong tập thể Võ Bị chúng ta. Sau cơn bão, căn nhà Võ Bị sẽ được củng cố kiên trì hơn để chống lại các cơn lốc tác hại sau này. Hội Võ Bị Houston rồi sẽ có vị Hội Trưởng lèo lái trong những năm tháng sắp tới. **Sự đoàn kết sẽ tạo thành sức mạnh vô song, và sẽ là thời nam châm để thu hút các lực đối kháng.**

Các Con-Tuần-Mã Võ Bị tuy già nhưng vẫn còn phong cách. Dù nay không còn bốn ba nơi chiến trường để đàn-anh diu dặt đàn-em trong bước đầu binh nghiệp; dù tuổi đời nặng oằn hai vai nhưng tình huynh đệ, nghĩa kim băng vẫn còn là chất xúc tác để những Con-Tuần-Mã kết thành đàn thông dong.

Có người sẽ cho là tại sao không bàn đến chuyện kinh bang tế thế, bình thiên hạ mà lại trở về mái nhà xưa, ời là xưa nói chuyện tình tự Võ Bị? Xin trả lời là những slogan dao to búa lớn đã được đề ra bao nhiêu lần, bao nhiêu năm mỗi lần có Đại Hội Võ Bị, vậy có phải đó là nguyên do của tình trạng tập thể chúng ta hiện nay hay không? Hãy nhìn lại bạn đồng hành ngày một ít, người mất vì ra đi vĩnh viễn, người còn thì xa ta, người gần thì nghi kỵ. Hãy tìm nguyên nhân phân hóa. Hãy “Tu Thân, trước khi Tề Gia, Trị quốc, Bình Thiên Hạ”. Và tự hỏi lòng: TẬP THỂ CHÚNG TA ĐANG Ở GIAI ĐOẠN NÀO trong hành trình hành hiệp! Diễn đàn Võ Bị là tiếng nói là nơi mọi người nhìn vào để nhận biết chúng ta là AI? Nhưng tiếc thay diễn đàn có “chón” gập ghềnh, khập khiễng từ “mấy thời” nay, như nước lớn nước ròng, khi hưu chiến, khi rộ lên

xé nhau từ mảnh áo để người xem lung. **Trong sinh hoạt tập thể, chúng ta phải tôn trọng kỷ luật và những “cuộc chơi giang hồ” không bao giờ nên có chỗ đứng.**

Hiện nay Tập thể chúng ta quá rời rạc. Các con tuấn mã Võ Bị đang kéo cỗ xe gia tài của Mẹ Võ Bị đi khác hướng; mà độ chùng của các sợi dây bị kéo ngày càng căng thẳng. Nếu chúng ta không muốn nhìn thấy tệ trạng phân hóa ngày càng tệ hại hơn, thì **NHÓM TUẤN MÃ THÂM LẠNG HÃY VÙNG LÊN “ENOUGH IS ENOUGH!” TẬP THỂ VÕ BỊ BẤT KHẢ PHÂN, KHÔNG CHẤP NHẬN SỰ PHÂN HÓA, BỞI VÌ ĐÃ GỌI LÀ TỔNG HỘI THÌ CHỈ CÓ “MỘT” KHÔNG THỂ CÓ “HAI”!** Trong tập thể chúng ta không thiếu những gương hy sinh, không thiếu tình tự anh em, trong thời chiến, cũng như trong thời bình, cũng như nơi xứ lạ quê người. Hay nói một cách khác, nếu chúng ta nghĩ hàn gắn sự rạn nứt lúc này chưa cần kíp, thì hãy nghĩ đến **NHỮNG ĐỒNG MÔN ĐÃ HY SINH, NHỮNG GÓA PHỤ SỐNG CUỘC ĐỜI GÓA BỤA, NHỮNG HẬU DUỆ VÕ BỊ CẦN GƯƠNG SÁNG CỦA LỚP CHA ÔNG.** Nếu chúng ta không làm được việc nhỏ này thì đừng nghĩ đến chuyện Kinh Bang Tế Thế. Nếu chúng ta không **Tự-Thắng-Tự-Giác** thì đừng mong ai làm cho chúng ta, và đừng đổ lỗi cho hội đoàn này, nhóm chính trị nọ là nguyên nhân chia rẽ.

* * *

Chiều xuống dần. Con mưa bắt đầu dịu hạt. Khí lạnh ập đến. Những chậu hoa ngoài vườn sau vàng lá, sẽ xác xơ suốt mùa Đông chờ Xuân sang. Biển chuyển trời đất không ngừng, vạn vật cúi đầu cam chịu. Diễn biến đến đi trong cuộc sống, mà chúng ta là nạn nhân, không lẽ ngậm tăm như sỏi đá. Được viết những suy tư trong đầu để giải tỏa uẩn khúc biết có mấy ai mạnh dạn làm. Tôi miên man nghĩ đến những trăn trở trong cuộc sống, trong tập thể tôi yêu và có giấc ngủ bình yên khi được viết những giòng chữ này.

*“Lắng nghe lòng mình trong đêm
khi ánh đèn phụt tắt
tôi thật sự trở về với tôi
một ngày đã qua rồi
tôi làm gì cho đời” (Sẽ Còn Lại Gì, PvH)*

Trong giấc mơ, tôi là con ngựa bị che mắt chỉ đủ thấy đường trước mặt, kéo cỗ xe chạy bon-bon trên đường còn ngáy ngủ. Tôi cảm thấy thanh thản vô cùng vì dù không thấy cảnh vật quanh mình, nhưng tiếng lóc-cóc vang vang cho tôi cảm thấy các Tuấn-Mã đồng hành cùng kéo hàng cho buổi chợ sớm. Ôi hình ảnh sao thanh bình! Tôi không mong gì hơn khi thức giấc để đón một ngày mới, đầu óc được nhẹ nhàng thanh thản!

Tiếng điện thoại reo. Bên kia đầu dây:

- NT khỏe không?

- Ủa sao chú kêu tôi sớm quá vậy, có chuyện gì đây?

- Sớm gì đâu! Chín giờ sáng Cali rồi mà.

Thì ra tôi thức muộn. Chú em tiếp:

- Gọi thăm NT, nghe bên đó mưa gió bão bùng.

- Qua rồi, bây giờ trời đang lạnh. Còn bên chú hình như bão gió, cháy rừng?

- Dạ! Em đánh mặc quần xà-lỏn đây! Trời dễ chịu khoảng hơn sáu mươi.

Võ Bị chúng tôi đó! Tình anh em được thể hiện qua chữ “Niên Trưởng” và “Chú” trong cú điện thoại thăm hỏi thời tiết vu vơ. Chúng tôi khác nhau 2 múi giờ, thời tiết nóng lạnh khác nhau, nhưng những Con-Tuấn-Mã Võ Bị không bao giờ quên nhau như anh em cùng Mẹ. Cú điện thoại cho tôi thêm năng lực, mặc thêm lớp áo len; ra ngoài dời mấy chậu kiểng vào garage để chờ Xuân sang... như tôi đang chờ mùa Xuân đến với gia đình Võ Bị Houston và tập thể Võ Bị toàn thế giới.

CẢM NGHĨ SAU CÙNG

Hy sinh là đức tính, không là độc quyền của một ai. Tình trạng Võ Bị đang cần người hy sinh. Sự phân hóa của tập thể Võ Bị chưa hề có, và không thể giải quyết nếu chỉ ra Thông-Cáo, Thư-Ngõ, Văn-Thư, Tuyên-Cáo... Tập thể Võ Bị đang đi vào vùng đất lún. Mỗi chúng ta sẽ hối tiếc nếu không nhận ra điều đó để tìm giải pháp thỏa đáng. Bởi **TẬP THỂ VÕ BỊ LÀ CHÚNG TA, PHẢI ĐƯỢC HỢP NHẤT TRONG TÌNH THẦN ĐOÀN KẾT TÌNH TỰ VÕ BỊ. NHỮNG CON TUẦN MÃ VÕ BỊ HẸY LÀ TẤM GƯƠNG SÁNG CHO ĐÀN CON HẬU DUỆ.**

Tôi được biết trong cách quản trị và điều hành, các xí nghiệp và các chuyên viên tư vấn tại Hoa Kỳ thường dùng phương pháp “Thinking outside the box” (*), hãy suy nghĩ một cách khác hơn thường lệ để giải quyết những khó khăn “hóc búa”! Biết đâu đây là phương cách mà quý vị có thẩm quyền, thành tâm muốn giải quyết vấn đề, nên nghĩ lại may ra giúp tập thể chúng ta sớm hàn gắn.

Thưa quý NT và các bạn,

Khi viết những cảm nghĩ của mình về hiện trạng của Tập thể Võ Bị, tôi cũng đang áp dụng phương cách “Thinking outside the box”, vì tôi đang làm một việc không theo quy ước, đi ngoài thẩm quyền của một CSVSQ thẩm lặng như đa số quý vị. Tuy nhiên vì sự sinh tồn của tập thể tôi yêu và vì môi trường sinh hoạt cho lớp hậu duệ Võ Bị, và vì thời gian đến kỳ Đại Hội ngày càng cận, nên tôi đành chấp nhận RISK hơn tôi có thể nhận khi khai sinh bài viết này. Tôi mong quý vị đừng dùng vi kính phân tách và nên đón nhận xây dựng như tôi có ý nghĩ trong đầu. Và, cuối cùng tôi chỉ mong một ngày nào đó được là con ngựa già bình yên như trong giấc mơ, thong dong bên đồi mờ sương ban mai... với đàn tuần mã Võ Bị được coi nhau như “anh em”. /.

(*) https://en.wikipedia.org/wiki/Thinking_outside_the_box



Thinking outside the box (còn gọi là **thinking out of the box** hay **thinking beyond the box** và, đặc biệt ở Úc gọi là **thinking outside the square**) có nghĩa là suy nghĩ khác hơn, không theo quy ước.

<http://www.planetofsucccess.com/blog/2010/how-to-think-outside-the-box/>

“Start thinking outside the box and find a solution for this problem.”

Tạm dịch: “Hãy suy nghĩ khác đi để tìm giải đáp cho trở ngại.”

“Suy Nghĩ bên ngoài hộp” có nghĩa là thoát ra khỏi môi trường chung quanh, ra khỏi nơi bị đóng khung, bỏ lại sau lưng kinh nghiệm, quan điểm và bắt đầu quan sát sự việc từ một góc độ hoàn toàn khác: bên ngoài hộp; không phe phái; không thiên vị. Lắng nghe những đề nghị và quan điểm của người khác, sẵn sàng tiếp nhận suy nghĩ mới lạ chưa ai nghĩ đến. Cũng đồng thời có nghĩa là để lại sau lưng tất cả những điều đã biết, đã học để tiếp nhận những quan điểm hoàn toàn khác biệt với quan điểm sẵn có để giải quyết trở ngại. /.

Hai Người Lính Nhảy Dù

(Cảm xúc theo “ Hai Người Lính Dù...” của tác giả Bùi Anh Trinh)

Nguyễn Minh Thanh, K22

Khoảng 8 giờ sáng ngày 1 - 5 - 1975
Tôi đi từ bên Bạch Đằng
lên bến Chương Dương
Sau lưng tôi là
đoàn quân CSVN
chĩa súng dọc hai bên đường
Họ với tôi đi cùng hướng
Gần tới bến Chương Dương
Tôi hoảng hồn
khi thấy hai anh lính Nhảy Dù
ngược chiều trên đường
Quân phục thẳng nếp:
một Trung Sĩ Nhút
một Hạ Sĩ

Có vài người đi trước và sau tôi la lên
báo động cho hai anh lính Nhảy Dù:
“- Tụi nó tới rồi đó... Tụi nó đang đi đằng sau kìa...!”
“- Việt Cộng ở đằng sau kìa...!”
Hai anh lính Nhảy Dù hơi ngẩng cao đầu một chút
rồi thản nhiên bước tới...
vội vẻ mặt như cười cười...
Tôi lạnh người...
khi chợt hiểu ra hai anh toan tính gì...
Nhiều người cũng chợt cùng ý nghĩ...

Một phụ nữ đi trước tôi níu tay anh lính:
“- Đừng!... Đừng làm vậy...!!”
Anh lính Nhảy Dù gỡ tay chị ra

rồi tiếp tục bước tới...
Chị khựng lại bật khóc:
“-Trời đất ơi!... Trời đất ơi!...”
Mất tôi mờ đi... và chạy vội về phía trước...
để khỏi nghe thấy những cái hải hùng...
Thế là,
Lính Nhảy Dù
Hai anh lính Nhảy Dù
Lầm liệt vào... thiên thu...

*Rồi,
Những năm dài... "cải tạo"
Hốc hác đối chao dao
Lao nhọc dưới đòn thù
Hình ảnh bi hùng trắng...
Hai anh lính Nhảy Dù
Chúng tôi cùng... lang thang...!!
Trải qua lăm trại tù...
Đêm mơ... chờ trời sáng...!!*

Sư Đoàn Nhảy Dù
Lính Nhảy Dù
Áo anh hoa màu máu
Chiến trường lên cơn bão
Nón sắt đội mưa pháo
Lính Nhảy Dù nhảy vào
Diệt thù... ngưng đạn đạo
Bến Hải... đến Cà Mau
Giữ an cho đồng bào
Em thơ vui đi học
Những cặp tình yêu nhau...

*Sư Đoàn Nhảy Dù
Lính Nhảy Dù
Thế cờ... vào cơn bĩ...
Nợ nước còn nặng mang
Hải hồ chưa thỏa chí
Lã chã... mưa... tan hàng...!!
Ngùi... già từ vũ khí
Trắng khuyết... sầu mang mang*

*Khói thuốc vờn... suy nghĩ
Chiến hữu... thời dọc ngang
Tây Nguyên chiều... chiến lũy
Sương trắng bay ngút ngàn...*

Sư Đoàn Nhảy Dù
Lính Nhảy Dù
Mất Nước
Mất Sư Đoàn Nhảy Dù
Trường Sơn nghiêng... địa chấn
Xót... Sư Đoàn Nhảy Dù...!!
Cửu Long cau mặt sóng
Khóc... tử sĩ Nhảy Dù...!!
Hỡi ôi...!!
Núi Sông hồi mạt vận
Chiến mã hoài... công phu
Bao năm trời... lặn đạn
Sông Núi chuối... mịt mù
Trắng mây về... vô tận...
Trường hận... ngùi... thiên thu...!!

***Những người lính
Dù vào giờ thứ 25,
tại Saigon.
Giờ này, họ ở đâu?***



“Vui Sau Cái Vui của Thiên Hạ.”

Captovan.

“Vui Sau Cái Vui Của Thiên Hạ.”

Câu nói này không biết của danh nhân nào, nhưng tôi hiểu lơ mơ rằng có những người lo làm tròn nhiệm vụ, đem niềm vui và hạnh phúc đến cho người mà không cần nghĩ đến bản thân mình, không cần ai biết, không cần ai nói lời cảm ơn, giúp thiên hạ vui là mình vui rồi. Việc làm của hai bạn Hồng-Đạm gần giống như vậy nên tôi mượn ý để đặt cho cái tựa cho bài viết này.



*SVSQ Hoàng Xuân Đạm,
1964*

Trong giờ nghỉ trưa, tôi ngồi khuất sau gốc cây ngoài hội trường, nơi tổ chức ĐHXX, tay cầm ổ bánh mì thì nghe hình như có ai lên tiếng than phiền:

- Đi dự đại hội mà quần áo không được chỉnh tề, ngồi lê lét...

Có tật giật mình, tôi vốn là tên “đàn ông trời bắt xấu”, nên ít khi dám mon men đến gần đám đông, biết thân biết phận đã ngồi sau gốc cây nhai ổ bánh mì mà còn bị la nên tôi hơi tủi thân, quay lại nhìn một vòng toan nói lời xin lỗi, nhưng đông quá, chả biết ai là người đã góp ý xây dựng như thế. Vừa lúc đó tôi trông thấy “Hồng Chúa Đảo*” và “Đạm Lay-Ao*” cũng đang ngồi lê lét thối kèn nên tôi không còn cô đơn mà

cảm thấy vui. Trông dáng ngồi và phong thái thư thả nhàn nhã, coi thiên hạ như “ne... pas” của Hồng-Đạm đẹp quá nên tôi vẫy tay chào và nhờ nhiếp ảnh gia Thiệu Võ chụp cho tấm hình, tấm hình được đặt cho cái tên đúng với đời thật: “Đôi Bạn”.

*Hồng Chúa Đảo thì sử xanh ghi danh anh rồi, ai cũng biết anh bị quân Trung Cộng bắt tại đảo Hoàng Sa, còn Đạm Lay-Ao là do anh có nghề làm đẹp cho sách báo.

Trong nhiệm kỳ của THT Võ Nhẫn, Đạm tình nguyện làm đẹp cho Đa Hiệu nên tôi đặt cho chàng cái tục danh “Đạm Lay-Ao”. Trong thời gian đó khi niên trưởng Trần Mộng Di yêu cầu Ban Biên Tập ĐH tiếp tay để soạn thảo cuốn sách viết về Trường Võ Bị do ông đề xướng thì Đạm vui vẻ nhận lời ngay: “lay-ao”

Lay-ao là một nghề chuyên môn rất tốn thời gian, tiền công không rẻ, nhưng Đạm không ngại mất thì giờ và tiền bạc, không ngại làm “không công”. Cái khó nhất, ngại nhất là Đạm phải vắn phải cười khi thi hành cái lệnh của người ngoài chuyên môn.

Đạm rất cẩn thận, trước khi layout, chàng in tài liệu ra giấy, đọc trên giấy từ một đến hai lần mới hy vọng thấy hết được các lỗi, các khuyết điểm hơn là đọc trên computer. Một hôm Đạm mang một chồng tài liệu đến nhờ tôi sửa dùm mấy cái dấu “hỏi ngã”. Đạm bản khoăn, đưa tôi xem trang giấy trình bày về các vị Chi Huy Trưởng và nói:

- Với cái nhìn chuyên môn, tôi thấy cách trình bày này không hợp lý. Khi layout ra trông xấu lắm, tôi có xin thỉnh ý cấp trên sửa lại nhưng không được chấp thuận!

Tôi xem trang giấy trình bày về các vị CHT Trường VB. Trang giấy chia làm 12 ô, mỗi ô là hình cỡ 4x6 của 11 vị Chi Huy Trưởng, dưới mỗi tấm hình chỉ ghi thời gian làm CHT, ô cuối cùng bên tay phải của trang giấy là huy hiệu của trường. Tôi hỏi lại Đạm:

- Ý bạn nên trình bày thế nào?

- Theo tôi thì mỗi vị CHT nên được trình một cách trình trọng nguyên hay 1/2 trang giấy với tấm hình to và đẹp, phải ghi tóm tắt phần tiểu sử của mỗi vị...

- Nói phải thì... ông trời cũng phải nghe, Đạm “nói phải” và phải nói đi nói lại.



“Đôi Bạn”.

CSVSQ Hoàng Xuân Đạm và Nguyễn Văn Hồng, K20 đang nghỉ ngơi trước cửa phòng họp ĐH XX, với nụ cười rạng rỡ (từ trái).

hơn, sạch sẽ hơn.

Đó là chuyện Đạm lay-ao, bây giờ tôi xin đi vào chuyện Đạm “vẽ-vác”: vẽ hình vác phong đi trang trí.

Tấm hình Đôi Bạn là “độc nhất vô nhị”. Đã “độc nhất”, rồi còn thêm “vô nhị” vào làm chi nữa cho thừa. Nhưng có thể mới nhận mạnh được rằng sẽ không có tấm hình thứ hai của hai chàng trong số hàng ngàn tấm hình đẹp của các tài tử, giai nhân nhân dịp Đại Hội XX. Chính hai chàng Hồng-Đạm cũng không có hình này. Tấm hình là cả một tác phẩm nghệ thuật về nội dung, ai muốn dùng thì cứ tự nhiên với điều kiện tối thiểu nên ghi chú tác giả là ai và tên hình là gì.

Cái gì hiếm thì quý, nhưng quý biết bao nếu chúng ta nhìn

Tôi không biết Đạm đã nói với ai, nói như thế nào nên sau này hình của 11 vị CHT không còn nằm chung 1 trang giấy nữa, mà hình to đẹp hơn, chi tiết hơn. Trong bóng tối Đạm đã làm trang giấy viết về “trường mẹ” sáng sủa

kỹ tám hình thì sẽ hiểu vì sao hai chàng cự SVSQ này đi dự đại hội mà lại “chân giầy, chân dép”. Chàng thì mũ đội đầu, chàng mũ lót lông ngồi trên chiếc “dolly”. Tôi hỏi:

- Đi dự đại hội mà các bạn mang theo dolly để làm gì vậy?

- Thừa... để kéo đồ... nặng.

Tôi nhớ ra rồi, hai chàng đi dự đại hội, nhưng không mang sâm-sô-nai đựng tài liệu thuyết trình, cũng chẳng có bóp-đầm, bóp-tây để chứa quý kim mà chỉ kè-kè bên mình cái dolly và túi giấy xi-măng chứa đinh, búa, kim, kéo. Tất cả các vật dụng này được dùng để trang trí, làm đẹp hội trường, sân khấu, những nơi nào có liên quan tới đại hội để làm “vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”, để có hình ảnh trang trọng và đẹp ngày ĐH.

Những năm trước đây mỗi khi hội VB Nam CA tổ chức tất niên hay hội hoặc khóa nào nhờ trang trí sân khấu thì hai chàng khiêng, vác, kéo, đẩy các tấm ván ép nặng nề. Tuy chưa già nhưng đã có vẻ bệnh hoạn, không hoạn thì cũng bệnh, yếu (sắc) nhiều rồi, không còn đủ sức để làm việc nặng ấy nữa nên phải sắm thêm cái dolly. Dolly không phải thuốc uống mà chỉ là dụng cụ mà dân lao động chân tay hay dùng để giúp tăng cường sức kéo-đẩy. Nghĩa cử móc tiền túi mua dolly làm việc chung này gọi là “góp công góp của” để làm việc chùa!

Nào “từng bước, từng bước thâm.” chúng ta theo hai chàng đến những nơi nào được yêu cầu làm đẹp cho người, nói cho rõ là trang trí kéo lại hiểu lầm.

Theo giới chức có thẩm quyền thì các VIP sẽ họp tiền ĐH vào lúc 2 giờ chiều. Vì thế, từ 11.30 sáng, giữa trưa Hè nắng gắt, vã mồ hôi, hai chàng đã vội vàng gánh trách nhiệm, vác đồ trang trí đến trước cho kịp trước khi các VIP (người rất quan trọng) đến. Sau khi mọi VIP vào phòng họp thì hai người anh em của chúng ta bắt đầu tháo gỡ để mau mau chạy về khu đài tưởng niệm Việt-Mỹ, Westminster City, nơi sẽ diễn ra đêm truy điệu.

Chiều Hè nắng gắt. Trong khi mọi người còn an giấc hay cười đùa cùng khách phương xa thì hai chàng cùng cô “Trúc” (truck) mang đồ nghề cùng vật dụng đến để dựng khán đài. Theo sự phân công của BTC thì phong cảnh phải hoàn tất thật sớm để các cựu SVSQ và phu nhân đến chụp hình trước giờ khai mạc.

Giữa khung cảnh “dập dìu tài tử giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nêm” mà hai chàng cùng cô Trúc già nua



Chị Thu Nga-K18/1 và cô Christina Cao-K14/2 (MC của phần văn nghệ) đang đứng trước “phông” cổng trường VB, được CSVSQ Đạm và Hồng rất công phu dựng lên.

mang theo kìm búa, đồ nghề trông như có vẻ đi hành nghề quá. Nhưng không sao, Đạm bảo:

- Đồng môn, đồng khóa cười vui với công trình của mình là vui rồi.

Tấm “phông” này gồm những tấm ván ép dính vào cột có đế xi-măng mới đứng vững trước gió. Cái khó để dựng tấm bảng này không phải là vẽ mà là khiêng vác, là lắp ráp, nếu không nhờ cô Trúc tiếp sức thì Chúa Đảo cũng phải chào thua. Nhờ có phông này mà người đẹp được đẹp thêm, nhờ có người đẹp làm phông đẹp thêm thì hai bên chủ khách đều vui vẻ cả

làng.

Đêm truy điệu đã xong, mọi người vui vẻ ra về vì tiệc tùng đang đợi ở một nơi nào đó. Hồng-Đạm là những người cuối cùng còn ở lại. Hai anh phải đợi khách ra về hết rồi mới mò mẫm tháo gỡ phong dưới ánh đuốc bập bùng, ánh đèn vàng yếu ớt. Khi xong việc thì áo T-Shirt của các anh đã ướt đầm mồ hôi. Nếu có ai hỏi thăm nói lời “chia mệt” với các anh thì chỉ được nghe câu trả lời nhẹ nhàng:

- Chuyện nhỏ mà, có đáng gì đâu.

Vâng, tuy đó là việc nhỏ nhưng nếu không có tấm lòng to thì khó thành công.

Xong đêm truy điệu rồi thì còn nơi tổ chức đại hội, nơi chào cờ trước giờ khai mạc. Nơi nào cũng cần trang trí với những khung vẽ hình ảnh Võ Bị làm tăng thêm nét trang trọng cho ngày hội lớn, tô thêm nét duyên dáng cho người đẹp và nét oai phong cho những người... hùng.

Ngày cuối cùng, lúc rộn rã tiếng cười trong đêm dạ tiệc cũng là thời gian các chàng trang trí một ngất ngư con tàu đi.

Chúng ta cùng quan sát những tấm phong trang trí trên sân khấu đêm tiệc xem gồm những gì, phải cần bao nhiêu thời gian, bao nhiêu nhân sự mới hoàn tất? Chắc chắn là vất vả lắm nhưng khi tôi hỏi thì các anh chỉ mỉm cười thay cho câu trả lời.

Nếu trên sân khấu với cổng Nam Quan mà thiếu bóng dáng SVSQ thì buồn tẻ, và ngược lại, những SVSQ xếp hàng ngang mà phía sau là “đồi núi” thì không biết được họ xuất thân từ đâu. Nhờ có cả hai nên chúng ta thấy một bức tranh đẹp, nghe được tiếng ca rộn ràng theo nhịp bước: “Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam...”

Nhưng phía sau tám hình các cựu SVSQ và cổng Nam Quan là cái gì?

Thưa cũng là một bức tranh đẹp: “Hai lão già Hồng-Đạm, quá tuổi cổ lai hy mà vẫn hì hục tay búa tay kim ngồi chờ tháo

cổng Nam Quan sau khi tiệc tàn...”

Nhưng nào phải chỉ trên sân khấu đâu, bên ngoài phòng tiệc, dọc theo hành lang, người người xếp hàng chờ chụp hình trước 3 tấm phong đẹp, những phong này được ghép nối với nhau thành một bức tranh “Võ Bị”. Chính nơi này, trước khi bước vào phòng tiệc thì giai nhân tài tử tay nắm tay, tay còn vòng eo ếch cùng cười duyên để chụp những tấm hình thật ưng ý làm kỷ niệm.

Công phu thật, nhưng ít ai biết từ đâu, do ai mà có những



Trước đài tưởng niệm Chiến Sĩ Việt-Mỹ, tháng 6-2016

khung cảnh này, nếu may mắn được ai khen thì câu trả lời của “họa sĩ” vẫn là nụ cười trên môi:

- Nhờ quý phu nhân mang hương sắc đến nên tranh mới đẹp thêm.

Nếu chỉ đứng chụp và nhìn mà không mó tay vào thì làm sao thông cảm được với người “vác phong”. Khi dạ tiệc vừa bắt đầu, vì chờ quá lâu nên tôi nhớ “người tình khói sương”, bèn đi ra ngoài làm một hơi thì trông thấy hai chàng tay kìm, tay búa tháo gỡ những tấm phong ngoài hành lang. Như vậy hai chàng chẳng quan tâm tới tiệc tùng mà chỉ lo dọn dẹp những việc đã bày ra cho xong nhiệm vụ.

Nhìn đồng “trợ huân cụ” ngổn ngang và hai chàng Hồng-Đạm loay hoay nên có vài bạn trẻ không quản ngại cà-vạt, vét-tông cũng xông vào tiếp sức khiêng vác dùm. Tình tự Võ Bị là đây, lầy nhanh sang người đang đứng khoanh tay hút thuốc, tôi cũng nhanh nhẩu đoảng nhào vô tiếp tay. Cầm cây cọc sắt có đế ciment, tường nhẹ, nào ngờ nặng quá sức, dễ chừng nặng 15-20 kgs, nghe đau-đau quanh thắt lưng nên tôi vội vàng hạ xuống, khễ lắc đầu, lấy tay đầm đầm sau lưng.

Hồi xưa nâng “bao gạo chỉ xanh” 50kgs sao ngon lành thế, bẻ như bẻ... em. Nay đồ chỉ nặng chưa tới $\frac{1}{2}$ mà đành thở dài: “Ta già rồi!” “Chí tuy còn mong... nhưng sức không kham nổi” nữa rồi. Tôi vội chữa thẹn bằng cách nhặt miếng ván ép vẽ huy hiệu nhẹ hều ra cái điều cùng chung trách nhiệm.

Kéo lê được miếng ván ép ra cửa, tường đến đó là giao cho cô Trúc, nhưng chẳng thấy Trúc đâu, mấy người bạn cứ lách thếch kéo lê đi tới, tôi lặng lẽ theo sau. Đi tới, tới nữa mà vẫn chẳng thấy Trúc đâu?

Lỡ ngời lưng cộp rồi nên tôi cứ lẻo đẻo theo sau mãi. Vòng vèo nhiều khúc quanh trong bóng tối mới tìm thấy cô Trúc đậu đợi ở phía sau Hotel, trên lưng cô đã chất đầy đồ. Như vậy là cô Trúc sẽ phải chạy về nhà trước để trút hết xiêm y, bỏ đồ xuống rồi quay lại kịp chở tất cả vật dụng trang trí sân khấu nữa chứ làm sao một chuyến mà hết được, nhiều khê thật chứ đâu phải chuyện đùa.

Tôi hỏi “Trúc”:

- Tại sao em núp ở đây làm hai anh Hồng-Đạm mệt?

- Trưa nay em mang đồ theo hai anh vào cửa trước, nhưng vì thấy đồ công kênh nhiều quá có vẻ mất an ninh nên tên secu-ti không cho vào mà bắt đi vòng ra cửa sau, phía nhà bếp, ở đó có nhiều an ninh kiểm soát xe chở hàng ra vào. Nhưng sau 8 giờ tối, vì vấn đề an ninh cửa sau đóng nên các anh phải đi vòng, đâu phải tại em làm các anh mệt.

Tôi quay trở lại dạ tiệc mà khô cả cổ họng, ù cả tai, chẳng để

ý Hồng-Đạm ngồi ở đâu, làm gì, đã ăn uống gì chưa? Không nghe ai gọi Đạm-Hồng lên sân khấu để bắt tay!

Thực ra thì hình như Ban Tổ Chức đã ngỡ ý muốn tặng hai chàng cái “lắc” để bù đắp công khó nhưng Đạm “Lay-Ao” thật thà bằng lời nói chân tình:

- Hình thức mà làm gì. Phần thưởng lớn nhất chúng tôi đã có rồi, đó là những nụ cười của quý chị cùng các cựu SVSQ khi đứng chụp hình bên những tấm phong mà chúng tôi mang đến trang trí. Xin cứ tưởng tượng thử xem nếu không có ai liếc, không có ai đứng chụp hình với “công trình” của chúng tôi thì buồn biết chừng nào! Nếu chuyện đó xảy ra thì dầu mấy “lắc” cũng có vui đâu bao giờ.

Nhưng có một điều chắc đinh đóng cột là hai chàng sẽ phải ngồi chờ cho đến khi tiệc tan. Dù không ai gọi, ai mời thì hai chàng cũng tự động lên sân khấu để tháo gỡ những vật dụng trang trí làm đẹp ngày “hội nhón”. Tiệc tàn thì đêm đã khuya, người bắt tay nhau chúc mừng và nói lời từ giả. Tiếng cười ròn rã khiến chả ai nghe được tiếng búa tháo đinh, khói thuốc, khói xe mịt mù. Mấy ai thấy vài SVSQ trên sân khấu, không phải để đọc diễn văn mà là để dọn dẹp...

- Hồng Chúa Đảo & Đạm Lay-Ao mệt bỏ hơi tai.

Đã khá lâu không gặp Đạm Lay-Ao. Rất mong sẽ có dịp gặp anh để chúng tôi lúc nào cũng thấy Anh cười.



Tình Mãi Không Quên!

Lê Văn Điền, K25

01- Tình đồng môn.

Đọc lại bài viết “*Tình Anh Em trong Võ Bị*” của NT Đặng Đình Liêu-K19 đăng trong Đa Hiệu 109 trang 20, tôi thêm vững tâm về giá trị của “Tình đồng môn”, mà hình như có khá nhiều những mẫu truyện của nhân loại, bằng bạc trong văn chương, đề cao một loại tình cảm của con người, và được gọi là: **Tình đồng môn**.

Trong những ngày tháng hoạn nạn, tù đầy, những người cùng xuất thân Võ Bị vẫn tin tưởng lẫn nhau hơn ai hết. NT Nam-K20, NT Quang-K20, NT Mùi-K22 và NT Liêu-K19, đã gắn bó, chia sẻ nhau mọi điều trong trại tù Cộng Sản tại Hoàng Liên Sơn. Tình cảm này không phải tự nhiên mà có. Đọc đến đoạn:

”Vào khoảng tháng 11/1976, Quang bị bệnh kiết lỵ. Mỗi ngày đi tới 40 lần, Quang đuối sức và tôi đã giúp giặt quần áo cho Quang.”

Hồi những ai, đã xuất thân TVBQGVN, có hãnh diện hay không? Chúng ta có những “Đàn Em” hiền hòa, lễ phép; chúng ta có những niên trưởng đáng kính, tận tụy như thế, đối xử nhau như ruột-thịt. Chỉ có: **một loại tình đồng môn chân thật, nhân bản, mới có thể thực hiện được như vậy**. Tôi kính chào NT Đặng Đình Liêu! Chưa đâu, còn nữa. Còn một tấm lòng vô cùng quý giá, khi tôi đọc đến dòng này:

“Sau khi Quang khỏi bệnh thì tôi phiên tôi bị sốt rét. Tôi có mang theo Fansidar trị bệnh rất tốt, nhưng vì không ăn uống được nên gầy tọt đi. Cùng trong đội của tôi có anh Nguyễn

Văn Mùi-K22. Vì quen với sông nước nên anh Mùi phụ trách việc đánh cá ở hồ Thác Bà. Một tối khi tôi đang ngủ trong mùng, thì có người lay chân. Anh Mùi đã dẫu và kín đáo cho tôi một chén nhỏ. Sức khỏe của tôi bình phục rất chậm.

Một hôm tôi thấy Mùi khai bệnh và leo lên khu để tư trang của tù như tìm kiếm cái gì. Đến tối, Mùi lại lay chân của tôi và để lại một lon thịt gà. Bây giờ tôi mới hiểu, Mùi nghỉ ở nhà để lén lút giúp đỡ tôi... Tôi xin mượn bài viết này, gởi đến Mùi lời tri ân sâu xa đã giúp tôi trong lúc rất khó khăn. Việc giúp đỡ của anh là một nghĩa cử vô cùng quý báu và thật quan trọng giúp tôi vượt qua những khó khăn tốt cùng trong thời gian lưu đầy. Mùi là người giúp tôi tìm ra một tình anh em thăm thiết trong hàng ngũ CSVSQ/TVBQGVN”.

Chưa hết đâu! Khi định cư tại Mỹ, NT Liêu-K19 cũng đã được NT Hiếu-K.16 nâng đỡ, hướng dẫn nghề nghiệp. NT Liêu đã kết thúc bài viết:

”Những chuyện trên là những chuyện vụn vặt trong đời mà tôi đã trải qua, nhưng nó đã chứng minh cho tôi thấy quả thật có tình anh em sâu đậm giữa các CSVSQ cùng tốt nghiệp từ TVBQGVN.”

Trích dẫn bài viết này, tôi nghiêng mình kính cảm quý NT Liêu-K19, NT Mùi-K22, NT Hiếu-K16. Chẳng lẽ tình đồng môn Võ Bị chỉ có thể bộc lộ trong hoàn cảnh hoạn nạn, nguy hiểm, khó khăn. Còn thời “thái bình “thì chúng ta lại có thể quay lưng, ngoảnh mặt???

02- Mai Về Đà Lạt!

Đây là đề tựa bài thơ “**Mai Về Đà Lạt**” của NT Nguyễn Đông Giang-K19, đăng trong Đa Hiệu 111, trang 189. Dĩ nhiên trong các số Đa Hiệu, có rất nhiều bài thơ hay; nhưng lần này, tôi xin được trang trải tâm tình của mình, khi “cảm ứng” với nhóm từ ngữ: Mai-Về-Đà-Lạt.

Rất hãnh diện khi tôi đã xuất TVBQGVN sau 4 năm thụ huấn, và cũng rất cảm ơn Đà Lạt đã tặng tôi 4 năm vàng son

trong thời trai trẻ. Đà Lạt mờ sương, se lạnh, đủ để NT Đông Giang có được lời thơ tuyệt:

*“Hòa Bình còn đó hờ em?
Xưa ta dạo phố... anh quên đường về
Bây giờ anh đã sơn khê
Xa bao sông biển, chưa về cố hương!”*

Những ai đã từng nện đế giày trên đường dốc Hòa Bình, đã từng uống cà phê Tùng, ăn phở Bằng... thì không khỏi chạnh lòng khi có ai nhắc về Đà Lạt.

Bao nhiêu năm qua, Đà Lạt đã không còn như thời Alfa đỏ. Đà Lạt đã giảm đi nét thanh lịch, thơ mộng của thành phố núi sương mù.

*“Anh đi Đà Lạt mù sương
Bao mùa gió chướng, vô thường thổi qua
Mai này, về lại quê nhà
Có nhìn ra được, quê Cha của mình?”*

Đà Lạt, với khu Hoà Bình, với hồ Xuân Hương, nhà Thủy Tạ..., đã một thời ghi dấu bước chân của những chàng trai Alfa Đỏ. Để rồi 40, 50 năm sau, có người đã vĩnh viễn ra đi dù chưa một lần trở lại Đà Lạt, có người chỉ còn có thể nhớ về nơi ấy như một hoài niệm của một chiến binh cuối đời.

03- Món quà cuối cùng của Mẹ

Đường Bartley nằm khiêm nhường ở một góc của vùng Cabramatta, Sydney, Australia, thế mà nơi ấy đã trở thành một hoài niệm sâu đậm trong tôi.

Hôm nay là ngày thứ sáu đầu tháng, ngày mà tôi được Mẹ nhắc đi nhắc lại nhiều lần, khi Mẹ còn sống.

- Con nhớ chở Mẹ đến họp mặt đầu tháng của Hội Cao Niên Cabramatta. Mẹ có hẹn với Dì Ba. Sau khi họp, Mẹ và Dì sẽ đi thăm Bác Sáu bị tai biến.

Vâng, đúng là hôm nay. Tôi đến nơi này với tâm trạng của người tìm lại... tìm lại một bảo vật đã không còn tồn tại. Mẹ

đã “mãn phần” cách đây vài năm.

Hình như Mẹ vẫn còn ngồi đầu đó vui cười với các Dì. Hình như Mẹ đang lắng nghe các Cô Chú hát hò trình diễn văn nghệ. Tôi đứng lặng rất lâu, để nhớ lại hình ảnh Mẹ đã từng hiện diện nơi đây. Và Mẹ đã hiện diện trong cuộc đời trôi nổi của tôi gần 60 năm. Nhớ Mẹ kể lại, khi tôi được sinh ra, là lúc Pháp trở lại Đông Dương lần thứ hai. Mẹ bế tôi chạy giặc. Trẻ sơ sinh, tôi khóc òa, người ta đòi bóp mũi tôi để bảo đảm an toàn cho những người lánh nạn. Mẹ khóc, tủi thân, bế tôi trở về xóm cũ bên quê Nội.

Chiến tranh đã biến tôi thành đứa bé mồ côi cha khi Mẹ hãy còn quá trẻ. Mẹ tất tả một đời vì con, tất cả cho con. **Món quà của Mẹ đầy theo thời gian, theo từng bước tôi đi, và lớn lên trong binh lửa.** Chiến tranh ngày một mãnh liệt. Mẹ thở dài âu lo. Và cuối cùng thì Miền Nam sụp đổ, tôi cũng như tất cả đồng đội đều bị tù đầy. Lần thăm nuôi đầu tiên, tôi đã mượn tạm bộ đồ tương đối còn thơm tất nhất của người bạn tù cùng trại, mặc cho Mẹ nhìn mà an tâm. Món quà thăm nuôi của Mẹ là đường tán đen, mắm ruốc, đậu xanh...



Mẹ tiêu tụy, bơ phờ nhưng cố cười vui. Tôi biết thế. Tôi biết Mẹ đã cực nhọc thế nào khi mọi người dân trong nước phải vô cùng khó khăn, năm 1977. Hết giờ thăm nuôi, Mẹ về. Trở vào trại với túi quà của Mẹ, tôi đã khóc mà không thể nào ngưng được. Nước mắt tôi cứ trào tuôn, trào tuôn, vì hổ thẹn cho bản thân mình chưa một ngày nuôi dưỡng Mẹ. Thế mà bây giờ, tôi lại còn làm khổ Mẹ.

Nếu thi sĩ Tô Thùy Yên trong ngày trở về ngậm ngùi: “*Cảm ơn hoa đã vì ta nở!*” thì tôi chỉ có nước mắt mừng rỡ của Mẹ, cảm ơn Mẹ đã vì tôi mà khóc, trong ngày tôi trở về từ trại tù “cải tạo”.

Và rồi tôi buộc lòng phải xa Mẹ, xa Việt Nam, tìm một quê hương thứ hai cho cuộc đời còn lại. Khi hay tin tôi đến được Bidong-Malaysia, Mẹ đã xuống tóc ăn chay một tháng để đáp ơn Trời Phật. Cảm ơn Mẹ với món quà Mẹ tặng, là mái tóc hai màu của Mẹ. Mãi đến hơn 10 năm sau, tôi mới bảo lãnh Mẹ đoàn tụ gia đình tại Úc. Ngày đón Mẹ tại phi trường, tôi một lần nữa đã khóc như một trẻ thơ. Mẹ tiều tụy quá. Mẹ già đi so với tuổi. Nhìn Mẹ đội chiếc nón lá mà thấy thương. Cuộc đời Mẹ quá nhiều khốn khổ. Mẹ chưa bao giờ đi máy bay, chưa bao giờ được ngồi phòng lạnh, chưa bao giờ được cầm nĩa, được ăn miếng thịt bò nướng thơm ngon. Có lẽ Mẹ rất sợ, không biết phải thắt dây an toàn ra sao, phải đi vào phòng vệ sinh thế nào. Thời gian hơn 8 giờ bay từ Việt Nam đến Úc, có lẽ là thời gian dài âu lo của Mẹ. Có lẽ Mẹ không ngủ, mà chỉ mong đợi từng giây để gặp lại thằng con trai yêu dấu của Mẹ.

Cuộc sống bận rộn trong năm tháng đầu của cuộc đời ty nạn, đã làm tôi “quên” để ý nhiều đến Mẹ. Mẹ cô đơn ngay trong gia đình, con cháu. Có lẽ Mẹ cần bạn bè tâm sự, cần một không gian rất ư là Việt Nam để hít thở, để thấy mình gần gũi quê hương. Cuối cùng thì Mẹ đã tìm được một chút niềm vui khi gia nhập vào Hội Cao Niên Việt Nam tại Cabramatta.

Mẹ khoe tôi về tấm ảnh đẹp của toàn thể hội viên. Mẹ khoe là đã đóng tiền tương tế để sau này, khi Mẹ mãn phần, tôi sẽ có một ít tiền trang trải chi phí hậu sự. Tôi bảo Mẹ khéo lo. Gia đình có thể chu toàn hậu sự cho Mẹ được mà. Mẹ cười và nói:

- *“Thì coi như Mẹ để dành vậy mà! Tiền trợ cấp Mẹ có xài gì đâu! Mai này tui con cũng đỡ lo phần nào!”*

Tôi chỉ im lặng vì tôi nghĩ Mẹ không cần phải làm vậy, nhưng để Mẹ vui, tôi không phản đối. Vả lại Mẹ có những buổi sinh hoạt tập thể như vậy cũng tốt cho Mẹ. Mẹ đến Hội để có bạn cùng tuổi tác, xem văn nghệ giải trí, di du ngoạn trong ngày. Mỗi thứ Sáu đầu tháng, tôi đều chở Mẹ đến Hội sinh hoạt. Ngày ấy, Mẹ ăn mặc tươm tất, mang đôi giày bó

chân để khỏi trọc mắt cá. Mẹ vui và cũng chính là niềm vui nhỏ nhoi của riêng tôi.

Thời gian trôi nhanh, trôi nhanh, Mẹ đã già hẳn đi. Chân đi không còn vững. Tôi có cảm giác sớm xa Mẹ rồi đây!

Mẹ nằm đó, im lặng trong chiếc quan tài gỗ tại nhà quan Trường An vào một ngày cuối Thu. Bạn bè Mẹ đến thấp nhang chào vĩnh biệt.

Khi viết lại những dòng chữ này, cảm giác vô cùng xúc động đã trở lại trong tôi, khi các bác đại diện của Ban Chấp Hành Hội Cao Niên đến chia buồn và trao tôi chi phiếu 4.500 đô la, tiền tương tế của Mẹ với thâm niên trên 5 năm. Cảm ơn các bác. Khi các bác ra về, tôi đã chạy vội đến vịn tay vào quan tài Mẹ mà nước mắt tuôn thành dòng với tiếng khóc, như trẻ thơ.

Điều làm tôi có trạng thái vừa đau khổ, vừa hạnh phúc đó là: “*Món quà cuối cùng của Mẹ*”. Lúc bấy giờ tôi mới thấm thía thêm tình mẫu tử, mới hiểu gương tiết kiệm, “tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn” của Mẹ. Thú thật, khi lo chi phí hậu sự cho Mẹ, tôi mới thấy đó là gánh nặng. Số tiền Mẹ để dành quả thật lớn lao, giúp tôi trang trải chi phí, vì tôi đã nghỉ việc, nhưng cần tiền lo cho con vào đại học... Mẹ ơi! Chỉ có sự hy sinh vô bờ bến của Mẹ mới dạy cho tôi giá trị đích thực của tình thương, không so đo tính toán. Và đây cũng là bài học cuối cùng Mẹ dạy.

Cuộc đời vẫn là một chuỗi những điều không thể nào ngờ được!!!

(*Australia, 12.2017*)



Mai Tôi Về

Nguyễn Đông Giang, K19

Mai tôi về quê hương nắng ấm
Câu hát đưa tình tròn giọng Quảng Nam
Đường làng vui giọng người xuôi ngược
Phân trâu bò ngai ngái hương lan

*Mai tôi về quê Cha đất Mẹ
Cầm phấn giảng bài cho lũ trẻ thơ
Ngày còn lại xin đi gánh đất
Đắp trăm đường vào giấc ngủ mơ*

Mai tôi về nơi tôi khôn lớn
Cho tôi nhìn bao nỗi thương yêu
Sáng tối trưa nghe tiếng gà cục tác
Đời bình yên trướng ấp nở nhiều

*Mai tôi về bờ tre ruộng lúa
Nhìn mặt trời lên, mặt trời lặn mỗi chiều
Mưa nắng mấy mùa đời tôi chẳng thiếu
Những tiếng cười chan chứa thương yêu*

Mai tôi về quê Cha đất Mẹ
Con chó, con mèo đủ giấc ngủ say
Đời quá vui rồi, tôi xin quên hết
Quên cả chính mình, còn mỗi một tay./.

Đà-Nẵng 1972

LỜI CHIA TAY MUỘN

Trần Châu Giang, K22

Vài năm trước ghé về CALI, ngồi ăn sáng cùng vài người bạn, KIỀU CÔNG CỤ nói với tôi,

- “Nếu mày có rảnh, ghé thăm thằng XUÂN, nó tội nghiệp lắm.”

Lần đó tôi lỗi hẹn. Vài tháng trước khi XUÂN mất, có dịp và nhờ sự giúp đỡ của CỤ, tôi đã ghé thăm XUÂN, không phải căn nhà mà tôi vẫn thường ghé thăm thừa trước. XUÂN nằm co quắt trên chiếc giường nhỏ, ngay cửa ra vào, trên lầu hai của một căn chung cư. Người con dâu mở cửa cho chúng tôi vào. XUÂN mở mắt nhìn chúng tôi, ánh mắt không vui, cũng không buồn, miệng mấp máy gì đó, không ai nghe rõ. Nhìn XUÂN gầy yếu, nét mặt ít thay đổi, đôi chân khẳng khiu hiện lên dưới lớp chăn mỏng. Gia đình người con trai, ở chung nhà để phụ giúp XUÂN những việc thiết yếu. Chúng tôi nói chuyện cùng người con trai để biết thêm tình trạng của XUÂN. Khi xong câu chuyện, tôi quay lại thì XUÂN đã nhắm mắt, và trôi vào tình trạng thức ngủ. Lúc ra về, CỤ nói với tôi,

- “Chân nó không còn duỗi ra được nữa.”

Trên đường trở về nơi tạm trú, tôi nghĩ về XUÂN.

TRẦN VĂN XUÂN và tôi, trong suốt hai năm ở quân trường, ở chung một đại đội. Ngay khi còn ở ngoài dân sự, XUÂN đã am hiểu và xử dụng thuần thục một số nhạc cụ cổ truyền. Trong đêm văn nghệ, sau khi gấn alpha, XUÂN đã xuất hiện với cây đàn cò trên sân khấu phạn xá. Từ đó, anh có biệt danh XUÂN ĐỜN CÒ.

Có lẽ cũng giống các khóa đàn anh, năm đầu trong quân trường, một con mắt phải dùng để chừng các niên trưởng, vì vậy các SVSQ ít bộc lộ những cá tính của mình. Nhưng khi thoát khỏi sự ràng buộc thì cá tính của mỗi người được thể hiện một cách rõ nét. Riêng với XUÂN, cây đòn cò đã không thể gỡ ra được, vì vậy ít người chú ý đến đặc điểm khác của XUÂN. Đó là, miệng của XUÂN lúc nào cũng có vẻ như cà rồn, nhưng vô hại, và khiến mọi việc trở nên bình thường. Chắc chắn một số người trong đại đội không thể không nhớ tới XUÂN, khi một vài lần học văn hoá. Gần tới giờ về, XUÂN băng quơ, “Sớm bữa, thầy ơi!” Dù thầy giáo có lúc bất ngờ, nhưng mọi căng thẳng bỗng chốc tiêu tan.

Đằng sau những bề ngoài ấy, XUÂN là con người khác. Trưởng thành từ trong nôi của một gia đình miền Bắc đầy lễ nghi và tập tục, và do am hiểu về nhạc cụ cổ truyền, XUÂN thường được mời tham dự vào các đám hiếu-hỷ, nơi mà nghi lễ được tuân theo một cách chặt chẽ. Điều này đã ảnh hưởng đến XUÂN. Tôi đã từng chứng kiến, vào một dịp Tết, mấy đứa hợp nhau đi chúc Tết, XUÂN đã thay mặt cả đám đứng ra trình trong chúc tết chủ nhà. Một lần về CALI tình cờ gặp XUÂN ở chợ ABC, bạn bè lâu ngày gặp nhau mừng rỡ, XUÂN bảo tôi,

- “Để tao kêu thêm mấy đứa nữa đến tao ăn cơm, vào trưa mai.”

Tôi nói,

- “Tao sẽ mua một cái gì đến. Mà muốn tao mua cái gì?”

XUÂN không do dự,

- “Cái gì cũng có rồi, nhưng tùy mày.”

Thường bạn bè lâu ngày gặp nhau, ăn uống nghi lễ chỉ là phụ, chính yếu là cùng nhau ôn lại kỷ niệm, và đùa vui. Khi chúng tôi đến nhà, bàn ghế được bày biện. Trước mỗi chỗ ngồi, bát đĩa, li chén được sắp xếp đầu ra đó. Ngay cả chiếc khăn ăn bằng giấy cũng gấp xếp cẩn thận. Đây chính là những gì rơi rớt lại từ những nghi lễ của một gia đình miền Bắc - bày

biện, sang cả.

Có lẽ, điều tôi thường nghĩ về XUÂN, là ở đám tang đưa người bạn cùng khóa NGUYỄN CHI MAI về nơi an nghỉ cuối cùng. **Đi giữa một SAIGON ngổn ngang những đổ vỡ và chia ly, XUÂN với cây đờn cò đã trình diễn bản VÕ BỊ HÀNH KHÚC. Với mỗi SVSQ, bản nhạc này là quen thuộc, nhưng trong mỗi hoàn cảnh bản nhạc mang ý nghĩa và tạo ra những sức sống khác nhau. Trong những năm tháng không còn thấy tương lai ấy, nó đã như một liều thuốc xoa dịu những vết thương, cổ vũ bạn bè. XUÂN không hề nói ra ý nghĩ của mình; nhưng từ hành động, ta có thể nhìn được bề sâu của một tâm lòng.**



SVSQ Trần Văn Xuân, 1966

Đôi chân khẳng khiu cơ bắp của XUÂN hằn lên dưới lớp chân mỏng ám ảnh tôi. Đôi chân ấy đã từng cùng với Tiểu Đoàn 38 rồi 30 Biệt Động Quân vào chiến khu D, về TÂY NINH, qua KREK. Đôi chân ấy đã đứng trên mặt trận Tây Nam ĐÔNG HÀ, và MỸ CHÁNH. Rồi cùng với nỗi bất hạnh chung, cũng đôi chân ấy, có lúc không dày dẻ phải leo đèo vượt suối, với tre nứa trĩu nặng trên lưng, trong rét mướt của núi rừng miền thượng du đất Bắc. Sao bây giờ, khi đã bớt được chút lo nghĩ đời thường, XUÂN lại phải nằm một chỗ. Cuộc sống có bất công lắm không?

Thời gian sau tôi nghe tin XUÂN mất. Một số bạn bè mừng cho XUÂN, đỡ phải chịu đựng những đau đớn do bệnh tật. Nhưng nghĩ lại một con người với 70 năm với biết bao buồn vui sướng khổ, sao nay chỉ còn lại một nắm tro trong chiếc bình nhỏ?

Mấy năm trước, tôi có tham dự một buổi lễ đưa tro cốt của một cụ bà, từng quen biết với gia đình ở CALI, ra biển. Buổi lễ do chùa BẢO QUANG tổ chức. Nhà chùa thuê một con tàu nhỏ, thiết trí bàn thờ. Phía trên cùng là hình ảnh tôn giáo, phía dưới đặt các hũ tro cốt của thân nhân những người tham dự. Các vị sư thay nhau tụng niệm, xuôi theo dòng sông hướng ra biển. Trên bờ là những căn nhà xinh đẹp của những người giàu có, những du thuyền to nhỏ san sát neo cột phía trước. Lòng chợt nghĩ, nếu trong đời sống này có một nơi gọi là thiên đường, thì chính là nơi đây. Con tàu này đang đi qua một thiên đường có thực để đưa những người quá cố tìm về một thiên đường trong mơ ước.

Khi con tàu đã ra đủ xa, là nghi lễ cuối cùng. Từng gia đình dùng một sợi giây mang từ nhà, nhẹ nhàng thả các bình đựng tro cốt xuống nước, nhìn những chiếc bình dập dình theo sóng nước trôi về phía sau con tàu, rồi từ từ chìm khuất trong biển cả mênh mông. Cả gia đình người bạn tôi từ lớn, tới bé nước mắt đầm đìa. Tro cốt của XUÂN rồi sẽ về đâu? Nhưng chắc chắn XUÂN đang chìm sâu vào vùng lãng quên của bè bạn.

Hồi tháng 9 vừa qua, tôi có xem đủ 10 tập trên đài PBS cuốn phim tài liệu VIETNAM WAR. Xem rồi, một nỗi buồn tràn ngập trong lòng. Càng đau xót hơn với những người đã từng đổ mồ hôi, và xương máu ngoài chiến trường khi nghe một một cựu binh MỸ trong phim nói họ chọn sai phía. Lòng tôi tự hỏi, nếu họ chọn phía BẮC để chiến đấu thì họ đến VIỆT NAM làm gì? Nhưng có lẽ ý chính là họ đã đánh giá tập thể chúng ta tầm thường.

Mùa Đông năm 1965, gần 300 người trai trẻ từ khắp miền đất nước, bước qua cổng NAM QUAN, giữa tiếng trống kèn với những khúc nhạc quân hành. Chưa tới 10 năm sau, một phần ba đã hy sinh trên khắp bốn vùng chiến thuật. Đã mất biết bao những con người ưu tú! Nay ĐẶNG VĂN LỢI nằm lại nơi đâu trong vùng A SHAU, A LƯỚI? NGUYỄN TRI NAM thân xác trôi dạt về đâu trong vùng ĐÀ NẴNG? Người

vợ trẻ của NAM, không con cái vẫn ở vậy, nay già yếu bệnh tật, thui thui một mình. Rồi sẽ tới phiên những người còn lại tuân tự theo con đường mà XUÂN mới đi qua!

Thế hệ chúng ta sống giữa một giai đoạn bi thương của lịch sử đất nước. Ký ức của mỗi người là một phần của lịch sử đang lạt phai theo với tuổi già. Chúng ta nghĩ gì, khi các thế hệ mai sau tìm hiểu về cha, ông của mình khi phải tham chiếu tài liệu như VIETNAM WAR? Có lẽ, những ngày tháng ấy rồi cũng như XUÂN, đã mang theo mình những ngày tháng từng ở AN LỘC, ĐÔNG HÀ...

Tôi có dịp đi qua vài nơi trên đất MỸ. Có những nghĩa trang được thiết trí dọc theo các sườn đồi, với thảm cỏ xanh mát mắt, đẹp như tranh. Nhưng tôi tin rằng mai này khi nằm xuống, bạn bè dù có ai may mắn được nằm ở những nơi như vậy, thì phần “hồn là tinh anh”, vẫn không thôi khắc khoải nhìn về quê nhà, nơi mà hầu như mọi nơi đều có chút ít máu xương đồng đội.

Vĩnh biệt TRẦN VĂN XUÂN, Trung Đội 13, Đại Đội E22.





Tùy

Ấu Tím, K26/1

Một lần khép nép – chào biệt mẹ cha – phận con là gái –
như hạt mưa sa

Một lần e lệ – bước lên xe hoa – khép trang nhật ký – thôi
giòng viễn mơ

Thôi chăn gối lẻ – gửi lại giường xưa – ủ giùm cho nhé –
hương đào ngây thơ

Thôi bàn học cũ – sách vở từng năm – nhớ người tóc xoã –
ôn bài dưới trăng

Gửi khu vườn nhỏ – ngày tháng nô đùa – chân chim khuyen
nhảy – dưới tàng lá thưa

Gửi khu vườn nhỏ – những dáng thường qua – dấu chân lưu
luyến – giòng mắt mong chờ

Gửi khu vườn nhỏ – những thoáng say mơ – của mùa e ấp
– sen ngó đào tơ

Long lanh ngấn lệ – điểm má xuân thì – hương trinh rờn
rợn – tà áo vu quy

Một lần khép nép – chào biệt mẹ cha – một lần e lệ – bước
lên xe hoa – là thôi là tắt – tiếng hát ngây thơ – từ lòng sen
ngó – từ nụ đào tơ

Gót hài hôn lễ – đưa bước xa nhà – theo câu phận gái – như
hạt mưa sa...

Bài Thơ Vu Quy của thi sĩ Tuệ Mai trong tập thơ **Bay Nghiêng Dòng Đời** được xuất bản năm 1971. Tập thơ này được các cô nữ sinh trong đó có tôi nâng niu truyền đọc, nắn nót chép xuống vở cho dù đã có bản in, đôi khi viết bằng bút chì đôi câu trên mặt bàn học trong những khi thầy giảng toán trên bảng. Trò mộng ngoài cửa lớp nghĩ đến ngày khép trang nhật ký. Cái thuở xa xưa ấy, “áo mặc không qua khỏi đầu” “cha mẹ

đặt đầu con ngồi đấy” nghĩ lại sao thấy “rờn rợn tà áo vu quy” thật. Nghe Julie Quang hát lại càng thêm sợ cho dù khi ấy thập niên 70 mình hát đàn líu lo, để bị bà nội mắng là “con gái hư”. Chỉ hát thế thôi đã là con gái hư. Lạ thật!

Hôm nay, nghĩ đến chuyện xưa, nhìn lại chuyện tuần vừa qua ngày thứ Bảy – 15 tháng 7 năm 2017, ngày cô Út vu quy lòng vẫn còn bồi hồi. Toàn bộ đám cưới của con chỉ có cái bảng “Vu Quy” và ba chiếc áo dài là còn chút quê nhà. Toàn lễ cưới đều theo ý của con, không còn việc đón nhà trai – bùng mâm quả vào trình gia tiên – lễ xuất giá, vân vân và vân vân nữa. Con rể cũng chiều ý mình tìm cho ra bảng “Vu Quy” rồi hỏi, “What does it mean?”

Giải thích cho con chữ đầu có nghĩa là “go” chữ sau có nghĩa là “to your house”. Anh chàng cười hỏi lại “Really!” Thật hay không thật chính mình cũng không rõ. Bây giờ, cụ Gu Gồ cho câu trả lời thế này: *Hai chữ “vu quy” có trong “Thi Kinh”*. Tìm cho ra “Thi Kinh” để đọc hẳn chính mình cũng không biết đọc mà chớ, vì toàn là chữ ngoằn ngoèo, giun răn. Chỉ biết là ngày xưa nhà nào có treo bảng là nhà đó gả con gái sang nhà người khác, sau đó trong xóm sẽ vắng một cô, hay là sau đó có thêm một anh chàng vào nhà đó ở. Thuở ấy, nhà không có treo bảng “Vu Quy” báo cho làng xóm biết con gái đi lấy chồng, mà sau đó cô nàng ẩm con về nhà mẹ là thế nào cũng bị dè bị bêu: “Con gái hư, không chồng có con!”

Khu vườn con muốn để tổ chức đám cưới đẹp quá. Hoa ơi là hoa, góc này hoa cúc góc kia hoa chi lạ chẳng biết tên mà kêu, hương thơm ngào ngạt. Ai cũng lang thang đi chụp hình sau buổi lễ đơn giản có sự chứng kiến của hai bên cha mẹ, họ hàng ruột thịt. Bạn bè cũng phải thật thân mới “được” dự. Cái bảng treo lên xong chụp vội cái hình, muốn tìm họ hàng để chụp chung một tấm cũng không được nên mình treo lên rồi mình lại leo lên tháo xuống. Nào áo đầm dài phủ gót, nào đôi guốc cao cao, đúng là “không bình thường.” Ngày xưa còn sợ bị chê là nhà có con gái hư, bây giờ có ai biết ai vào ai cơ chứ.

Mà con gái nó lớn hơn ba mươi tuổi, có sự nghiệp rồi muốn gì tự mua tự sắm. Đâu có như xưa, mới “tuổi trăng rằm” chưa xong trung học đã “bị” gả cho khuất mắt, để trong nhà như có hũ mắm không biết khi nào bị ung, bị nổ. Ôi! Làm thân con gái hương đào, ngây thơ có biết chi đâu đã vội thành thiếu phụ. Khô ghê chưa!

Các cô sống tại Mỹ, được sinh ra, hay được sang định cư cùng cha mẹ trong các chương trình HO, sau khi gia đình trải qua bao biến cố sinh từ sau năm 1975, cha đi tù mẹ vất vả long đong thân cò nuôi chồng nuôi con có người còn phải chăm sóc cha mẹ chồng. Làm sao các cô hiểu nổi nỗi lòng người phụ nữ thời ấy. Muốn có áo cưới, muốn có băng vu quy treo trước cửa nhà không dễ chút nào cả. Trên một đất nước bị chia cắt Nam Bắc, chiến tranh liên lỷ hết năm này sang năm khác, hiếm khi có thanh bình để nam nữ cùng hát khúc hoan ca. Thanh niên, tự nguyện hiến thân quên mình vì nước, để lại bao thiếu nữ đang ôm ấp giấc mộng Vu Quy, bỏ khu vườn nhỏ quăng đời thơ ngây! Lại thêm bão lầy phải lầy, bão bỏ phải bỏ. Nghe nhạc thời ấy đủ biết bao mối tình oan trái, “*Bao năm qua em trở thành thiếu phụ - ngồi ru con đang đưa vồng buồn*”. Khi gặp chàng trở về từ chiến trường, nét oai hùng thay cho khuôn mặt thư sinh thời đi học. Ngày xưa các cô “bị” lấy chồng khoảng tuổi trăng tròn 16. Thương sao quá là thương!

Đám cưới bây giờ các cô cậu cũng đã thay đổi hình thức. Họ đã trưởng thành, đã có sự nghiệp vững chắc, nên chuyện cha mẹ hai bên mời bạn bè của cha mẹ không còn thực hiện được nữa, nếu không có sự chấp thuận của con. Nghe ra có vẻ như gặp phường “nghịch tử”, nhưng nghĩ lại chúng nó làm đúng:

- “Ông a, đừng mắng con tội nghiệp. Ngày xưa xem phim Love Story, tôi ao ước đám cưới mình đơn giản như trong phim, chung quanh là bạn bè thân của mình, cô dâu chú rể nắm tay nhau, nhìn vào mắt nhau nói lời thề hứa, không bị thay quần áo xoành xoạch, không bị ông chụp hình kéo mình

bắt đứng bên này bảo đứng bên kia! Đấy ông xem, lần nào đi đám cưới mà mình không khổ vì xếp hàng rồng rắn chụp hình với cô dâu, chú rể trước khi vào nhà hàng kia chứ. Tiệc nhỏ hai trăm người, tính ít thôi 100 lần chụp hình. Dù là 1 phút thôi cũng là bao nhiêu giờ, chưa tính các bà điệu giống tôi phải tháo áo khoác, khoe áo dạ hội hở vai, v.v.!”

- “Bà nói nhức đầu quá. Bảo nó làm sao đó thì làm, tôi



Tác giả trong ngày tổ chức lễ “Vu Quy” cho cô con gái út.

không thềm dính vào!”

Thế là:

Cô Út nhà này tự vẽ thiệp cưới, tự cắm hoa, tự làm. Bao nhiêu việc lĩnh kinh cùng ba cô bạn gái thân từ thời tiểu học, hí hoáy đủ chuyện cho cái ngày tự cô nàng chấp nhận đi lấy chồng đúng nghĩa, “I do!” Dĩ nhiên cô cũng tự mình tìm ra người phối ngẫu, không có chuyện mẹ cha dính líu vào. Thú thật là cha mẹ cũng có vài lần ráng dính líu vào đời sống của con, bằng cách rủ rỉ rù rì:

“Anh... con của bác... bạn của ba mẹ, con đã chơi với anh từ bé, nhớ không? Hai bác yêu con như ba mẹ yêu con. Thế nào con cũng hạnh phúc, không sợ bị cảnh mẹ chồng con dâu...!”

Thế là bị cắt ngang ngay tích tắc:

- “We are close friend - I treat him like my cousin. What r u talking about, mum?”

Lúc nào cần diễn tả chính xác ý mình là cô Út phải dùng ngoại ngữ thế đấy, với đôi mắt mở to nhìn thẳng vào mắt người đối diện một cách tự tin. Người đối diện biết không nên lặp lại lần nữa, chỉ vô ích mà thôi.

Thế mẹ của cô dâu phải làm gì nhỉ? Bắt đầu cách đây đúng 15 năm là đám cưới của cô lớn, đầy đủ lễ nghi đám hỏi trước, đến rước dâu – xuất giá về nhà chồng, sau đó sang nhà thờ cử hành hôn lễ, chiều tối đến nhà hàng đãi đúng 12 món. Cô Út nói:

- “Đám cưới của con không làm như vậy, mệt quá lại không vui!”

Mẹ ừ ngay vì quả là quá mệt. Hai chị em không hẹn mà ngày cưới trùng nhau, chỉ khác là đám cưới khác hẳn, không có 12 món, không có mâm đồ heo quay, xôi gấc gà luộc, không có rót trà mời ông bà cha mẹ, chỉ có không gian chim hót, đàn hạc rải nhẹ nhàng. Trước đó vài ngày, mẹ của cô dâu nấu nướng liên tục vì họ hàng ruột thịt về dự đám cưới. Nhà đầy khách, vui oi là vui. Một ngày trước, nhà thơm mùi hoa mùi lá. Tối trước ngày cưới, hoa kết xong. Sau đó là phần của mẹ. Làm sao mang hết tất cả mọi thứ đến địa điểm, con đã chọn, mà không bị hư hỏng, nhất là cái bánh cưới trang trí bằng bơ trong ngày nóng như thiêu hơn 100 độ F.

Tạ ơn Chúa! Mọi việc hoàn tất trang trọng, thanh thoát tiếng đàn hạc nhẹ nhàng trong khu vườn đầy hoa lá, chim hót líu lo. Ngay lúc cô dâu bước ra, mấy chú quạ ghen tị ngoáp miệng kêu, to oi là to. Ở Việt Nam thế nào cũng có người giảng điềm lành dữ.

Điều đặc biệt là cô Út cảm ơn bằng tiếng Việt, bỏ công ba mẹ chở đi học tiếng Việt bao nhiêu năm. Chúa chúc phúc cho hai con, cho dù con gái bây giờ không

giống cô gái ngày xưa phải nức nở khóc xuất giá, không biết tương lai về đâu, phải lệ thuộc vào nhà chồng từ miếng ăn, cái mặc. Ngược lại, bây giờ các chú rể hay khóc khi nói lời thề hứa cùng cô dâu, chắc chắn vì quá mừng rỡ khi nắm chặt được tay nàng, không sợ nàng bay đi mất.

Ngày xưa tùy cha mẹ, có chồng tùy chồng, nay tùy con cho trọn đạo phụ nữ Việt Nam.

tháng 7 - 2017

Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

*Thân tặng Tammy Huỳnh Ngọc Thủy, Tổng Đoàn Trưởng
Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.*

Phạm Kim Khôi, K19

Thế hệ cha anh lý tưởng đầu
Hy sinh phục vụ đã từ lâu
Con em nối tiếp nuôi truyền thống
Võ Bị danh ngời sáng mãi sau

*Tuổi trẻ Việt Nam luôn sẵn sàng
Gặp khi hữu sự quyết tâm đem
Khả năng thiện chí ra tìm cách
Cứu trợ người lâm cảnh khó khăn*

Tuổi trẻ Việt Nam đầy nghĩa tình
Sống không chỉ biết sống cho mình
Hân hoan mở rộng lòng nhân ái
Thành tích ghi đều những bước nhanh

*Thế hệ hai niềm hãnh diện chung
Của cha anh Võ Bị xưa từng
Hy sinh phục vụ nay mừng thấy
Xứng đáng con em giữa cộng đồng*



Trận Bình Giã, 1964

Trần Ngọc Toàn, K16

Nhiều người cứ nghĩ trận Bình Giã là một trận đánh bình thường; nhưng thật sự, đây là một mặt trận do VC chủ xướng từ giữa tháng 12 năm 1964 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 1964, sau ngày Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị sát hại. Lúc bấy giờ, Trung Tướng Cao Văn Viên là Tư Lệnh Quân Đoàn III, trong khi Đại Tá Linh Quang Chiêu làm Đặc Khu Trưởng Đặc Khu Long Lẽ.

Dân chúng sống trong Ấp Chiến Lược Bình Giã là dân Thanh Hóa Nghệ Tĩnh, có tinh thần chống Cộng rất cao, di cư vào Nam năm 1954. Xứ đạo này được bố trí ở một vị trí chiến lược, chặn ngay con đường xâm nhập của VC chuyển hàng từ Bắc vào Nam. Từ trước đến nay, không có tên du kích VC nào dám héo lánh đến làng. Nhưng đối với đơn vị lớn của CS thì đây là mục tiêu cần loại bỏ. Do đó, năm 1960, VC đã thành lập Sư Đoàn 9, do Trần Đình Xu chỉ huy, với 3 Trung Đoàn Q760, 761, 762, khi chúng bắt đầu xâm nhập miền Nam. Lợi dụng tình hình chính trị bất ổn ở Sài Gòn, sau khi Tổng Thống Diệm bị đảo chánh, ngày 1-11-1963; VC đã dùng cả Trung đoàn Q760 chiếm trọn làng Bình Giã, vào trung tuần tháng 12 năm 1964.

Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến là đơn vị trừ bị cuối cùng của Quân Đoàn III, được trực thăng vận đổ vào mặt trận, từ Biên Hoà, phối hợp với 2 tiểu đoàn (-) Biệt Động Quân, để tái chiếm Bình Giã. Dù không có Pháo Binh nhưng nhờ trực thăng võ trang của Lục Quân Hoa Kỳ, từ Vũng Tàu bay lên yểm trợ, TĐ4 TQLC cùng với TĐ33 BĐQ, đã tái chiếm làng Bình Giã, đẩy lui và gây thiệt hại cho một Trung Đoàn Q760 của VC.

Đêm 30-12-1964, lực lượng VC lại tấn công làng Bình Giã, góc phía Đông Nam, nhưng cũng bị đẩy lui với tổn thất. Khi yểm trợ, một chiếc trực thăng Hoa Kỳ bị bắn rớt trong vườn cao su Quảng Giao, cách Bình Giã 3 km đường chim bay. Sáng ngày 31, TĐ4 TQLC được lệnh vào rừng cao su tìm lấy xác phi hành đoàn trực thăng Hoa Kỳ, gồm 2 sĩ quan và 2 hạ sĩ quan. Với tin tức do Cha Xứ Đạo cho biết có cả 2, 3 trung



***Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 4 TQLC một tuần trước khi lâm trận
Bình Giã, 1964.***

đoàn VC quanh vùng, Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Nguyễn Văn Nho từ chối không cho đơn vị dưới quyền vào mục tiêu, nếu không được Pháo Binh và Không Quân yểm trợ.

Lúc này, quanh Sài Gòn, sau vụ đảo chánh 1.11.63, mấy vị Tướng đã bỏ mặc chiến cuộc cho các sĩ quan dưới quyền, vốn chẳng biết gì chiến trận, điều quân khiển tướng. Cuối cùng , do áp lực từ Bộ Tổng Tham Mưu, TĐ4 TQLC phải hành quân vào khu vực tìm bốn tử thi Hoa Kỳ, dù không có Pháo Binh và Không Quân yểm trợ, ngoài trực thăng của Hoa Kỳ. Khi tìm thấy xác trực thăng và phi hành đoàn tử thương, Hoa Kỳ chỉ nhận bốn xác của mình và từ chối bốc 12 TQLC tử thương khi vào trận. Trong khi chờ đợi tải thương, VC điều động quân bao vây TĐ4 TQLC giữa rừng cao su Quảng Điền. (*Chi tiết*

xin xem Mặt trận Bình Giả của Trần Ngọc Toàn, đăng trong Đa Hiệu 110.)

Tôi bảo người lính mang máy truyền tin của đại đội cứ chạy về làng Bình Giả, vì tôi bị trúng 2 phát đạn vào chân phải. Sau đó, tôi đã bị một tên VC nổ súng bồi thêm để chắc chắn kết liễu được mạng sống của tôi. May mắn, tôi thoát chết khi đạn trượt qua sườn bên trái của tôi, chỉ làm cháy phỏng da. Dù bị thương nặng, tôi còn giữ được khẩu súng AR 15, mới được đưa qua thí nghiệm, khi TQLC còn dùng Garant, Carbine... Tôi nằm yên chờ trong đêm tối đến khi VC rút đi yên ổn.

Dưới ánh sáng lập lờ của trái sáng thả từ máy bay vào vùng, tôi lần mò trong rừng rậm, nhắm hướng làng Bình Giả bò tới. Tôi đã thử đứng lên nhưng không được do hai vết thương xuyên đùi bên phải. Suốt thời gian súng nổ trên đầu, tôi chưa thấy sợ hãi là gì. Đầu óc của tôi còn rất tỉnh táo, nhưng không hề thấy đau đớn vì quá bận tâm làm sao sống sót gặp quân bạn. Lúc quì gối bắn VC, khi chưa bị thương, tôi bị một phát đạn khoét qua bắp chân phải. Thấy có nước ẩm chảy xuống chân, tôi chỉ đưa tay sờ qua. Máu đỏ đã ướt bàn tay, nhưng tôi cũng mặc vì VC đang xung phong trước mắt.

Đến khi Đại Úy Peter Cook, sĩ quan TQLC Hoa Kỳ, từ Sư Đoàn 3 TQLC/ HK bên Okinawa qua quan sát mặt trận, bị đạn trúng đạn vào đùi, bò đến gần, tôi liền lấy miếng băng cá nhân xiết chặt vết thương cho ông ta. Lúc ấy, tôi là Trung úy Đại Đội Trưởng ĐĐ1 của TĐ4 TQLC, vừa lên 25 tuổi đời. Liền sau đó, tôi gọi người lính cận vệ, là Binh I Nguyễn Văn Hai, chỉ hướng và ra lệnh cậu này diu Đại Úy Cook về làng Bình Giả, theo đường rừng.

...

Trong đêm tối mù mịt giữa núi rừng, chỉ còn tiếng côn trùng kêu rả rích, tôi bò xuyên cây cỏ rậm rạp, về hướng làng Bình Giả, dưới ánh hỏa châu. Khẩu súng AR 15 đã được lên đạn và khóa an toàn. Nếu bị địch phát giác tôi phải hạ ít nhất một tên.

Độ một tiếng đồng hồ sau, tôi chợt gặp một đường mòn. Đã khá mệt nên tôi bò theo đường mòn một lúc, cho tới khi bắt gặp một gói cơm vắt trong bao vải. Tôi đoán là của bọn VC đánh rơi khi lên bao vây. Sức nhớ con đường mòn dẫn về phía Tây Nam, tôi vội rời khỏi con đường, băng rừng bò về phía làng Bình Giã, ở hướng Tây. Có lẽ khoảng nửa đêm, tới một con suối nhỏ nước cạn dưới chân đồi, tôi nằm lại ăn hết gói cơm vắt rồi cúi đầu uống nước suối. Sau đó tôi cởi áo, một tay nâng khẩu súng khỏi mặt nước, rồi dùng một chân và một tay bò xuyên qua con suối.

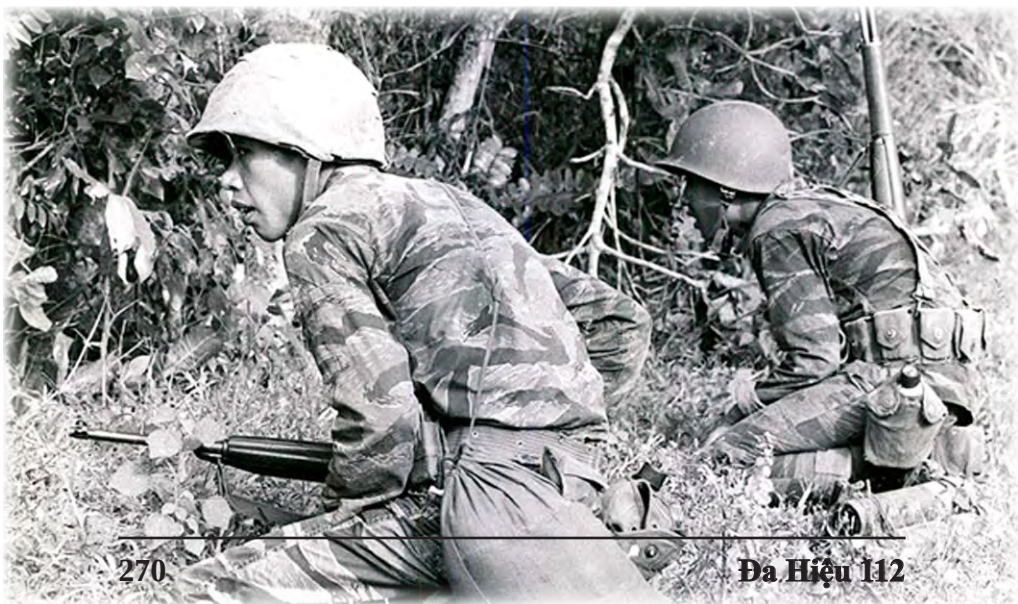
Tiếp tục bò lên ngọn đồi, một lúc tôi chợt nghe nhiều tiếng bánh xe bò lộc cộc, văng vẳng trong đêm tối, tôi bò sát gần đường có dấu xe bò, nằm lại nghe ngóng. Không bao lâu, một đoàn xe bò nối đuôi nhau, đi về hướng Tây Nam, với một số lính VC hộ tống. Dưới ánh sáng hỏa châu, tôi thấy trên xe chất đầy xác chết lên tận nóc thành. Có lẽ là bọn VC tử thương trong trận Bình Giã. Tôi đếm được 6 chiếc xe bò. Từ đó tôi nằm thiếp đi một lúc. Khi tỉnh giấc trời còn mờ sáng.



Thế là tôi tiếp tục bò về hướng Bình Giã. Ngoài bìa rừng là một bãi cỏ lau cao quá đầu người. Nhìn xa lên phía đồi cao tôi thấy hàng rào làng Bình Giã cuối tầm mắt. Trên không trung, chiếc máy bay quan sát L19 đang đảo qua, đảo lại. Quanh vùng nghe yên lặng. Chắc phe ta đã làm chủ tình hình. Tuy thế tôi vẫn thủ thế, bò từng khúc ngắn. Có khi mệt quá, tôi nằm gục xuống thiếp đi, nhưng luôn thủ chặt khẩu AR15 trong tay. Tôi không nghĩ nhớ đến ai ngoài người Mẹ yêu dấu của tôi đã qua đời khi tôi lên 9 tuổi. Tôi nhớ những người lính gan dạ và thiện chiến của tôi đã ngã gục ngày hôm trước. Họ đã từng sống chết bên tôi trong lửa đạn.

Cứ thế lại qua một đêm. Tôi không dám bò ra phía đường sợ VC còn ở lanh quanh. Dù không ăn uống thêm một ngày, với ba vết thương trên người, tôi vẫn vững chí hướng về Bình Giã. Nhất định tôi phải sống. Thời gian lặng lẽ trôi qua. Có sức bò đến gần cổng Đông làng Bình Giã rồi dừng lại, vì tôi không dám vào sát hơn sợ bị bắn do ngộ nhận. Sau đó quá nửa đêm tôi bò xuyên qua đường trải đá, lẩn vào khu vườn chuối, nằm nghỉ chờ đến sáng. Cuối cùng tôi gặp được quân bạn vào sáng ngày 3.1.1965. Tôi là người duy nhất sống sót vào ngày thứ ba sau trận đánh Bình Giã.

Đến nay đã hơn 52 năm trôi qua, tôi vẫn còn sống sót sau cuộc bể dâu, nước mất nhà tan, bị đọa đầy qua nhiều trại giam khổ sai CS. Tôi không chỉ viết lại cho con cháu mà cho cả các thế hệ Việt Nam sau này, muốn nhìn lại lịch sử để rút ra bài học cho chính mình. Tôi đã kể lại tất cả điều này, trong cuộc phỏng vấn với nhà nữ đạo diễn phim tài liệu Hoa Kỳ Lynn Norvick, trong tập phim The Vietnam war, trình chiếu trước công chúng vào trung tuần tháng 9 năm 2017, để vinh danh cuộc chiến đấu chống Cộng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.



Tôi và... Thông Dịch Viên

Hạ Bá Trung, K10

Dù là bậc đức hạnh, đạo mạo như Đức Khổng Phu Tử mà đọc cái tiêu đề dễ ghét của bài viết, chắc chắn cũng phải nhếch mép, mỉm cười than là, “Sao nhân tình thế thái dưới trần gian này ham cái “tôi” quá vậy!”



Nước Việt mình với bốn ngàn năm văn hiến, dưới ảnh hưởng của Phật Giáo, coi cái ngã là hư cấu, còn cái tôi là không có thực; dưới ảnh hưởng của Lão Giáo, mà người nghe chỉ nói đến tên mình thôi thì ta cứ lẳng lặng ra suối mà rửa tai cho sạch; còn dưới ảnh hưởng của Công Giáo, vị tha là đức tính hàng đầu của các con chiên của Chúa, lẽ nào còn nói đến cái tôi ư!

Vậy mà tiêu đề bài viết, “Tôi và... Thông Dịch Viên” thì “cái tôi” này, nếu không phải nổi danh như một vĩ nhân, thì ít nhất cũng là một lãnh tụ anh minh, kiệt xuất.

Xin thưa! Sở dĩ nói “cái tôi” ở đây là muốn nói đến Trường Sinh Ngữ Quân Đội (TSNQĐ). Cũng ở ngôi trường này, các thông dịch viên được đào tạo để trở thành các chuyên viên của một chuyên ngành mới mẻ của Quân Lực VNCH, rất cần thiết trong chiến trận chống Cộng Sản xâm lược, với sự góp mặt của quân đội Đồng Minh. Sự trở ngại ngôn ngữ là một đe dọa có thể giết lầm người dân vô tội ở vùng hành quân vì bọn quỷ đỏ CS cũng là người Việt và sống lẫn lộn như những người dân bình thường.

Trường Anh ngữ QĐ được thành lập vào cuối năm 1958 do Đại Úy Phạm Hữu Khoát làm chỉ huy trưởng đầu tiên. Sau này, trường có mở thêm lớp dạy tiếng Việt cho quân nhân Hoa Kỳ, vài lớp thổ ngữ của các dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên Trung Phần, nên mới đổi tên là TSNQĐ. Tuy nhiên, 98% chương trình là dạy Anh Ngữ.

Tiêu chuẩn được tuyển dụng của trường là các sĩ quan của Quân lực VNCH có văn bằng Proficiency in English của đại học Michigan, Hoa Kỳ; hay Proficiency in English của Đại học Cambridge, Anh Quốc; và các sĩ quan đã làm thông dịch viên cho các sĩ quan quân lực VNCH theo học lớp bộ binh căn bản ở Fort Benning, Hoa Kỳ. Vì mục đích của TSNQĐ là đào tạo các sĩ quan du học Hoa Kỳ có khả năng nghe và nói những câu thông dụng trong đời sống hàng ngày, nên bốn kỹ năng cần có cho việc học một ngôn ngữ là: kỹ năng nghe hiểu (listening comprehensive), kỹ năng nói (speaking ability), kỹ năng đọc hiểu (reading comprehensive), và kỹ năng viết (writing ability). Riêng kỹ năng viết chỉ cần thiết cho việc thi lấy bằng ở đại học.

Vì vậy, các văn bằng ở đại học Việt Nam không đáp ứng nhu cầu của trường là dạy nghe và nói tiếng Anh với accent (trọng âm) Mỹ và nói tiếng Anh theo intonation (ngữ điệu) Mỹ.

Người Anh nói tiếng Anh khác với người Mỹ nói tiếng Anh. Tuy nhiên, họ hiểu nhau dễ dàng. Cũng một câu nói ở Hà Nội nói tiếng Việt khác với người Nghệ Tĩnh nói. Họ có thể nghe hiểu nhau, nhưng có phần khó khăn. Bây giờ, khi một người Mỹ, học tiếng Việt với người Hà Nội, nói tiếng Việt với người Nghệ Tĩnh chắc chắn người này không thể hiểu được. Ngược lại cũng vậy.

Đó là tình trạng Anh Ngữ vào đầu năm 1960 tại Sài Gòn. Học viên Anh Ngữ không có cơ hội học hỏi, giao tiếp với người Mỹ chính gốc mà phải học qua các giáo sư người Việt,

hay giáo sư người Anh ở đại học. Đến khi giao tiếp với người Mỹ, chuyện họ không hiểu nhau là chuyện đương nhiên.

Đó cũng là lý do tại sao vào cuối năm 1965, ba anh em chúng tôi -Trung, Đức, và Tuyển- ở TSNQĐ giữa Sài Gòn hoa lệ, nhìn ánh đèn màu, nghe nhạc trầm bổng thì vì nhu cầu quân đội được chuyển ra vùng lửa đạn địa đầu giới tuyến Vùng 1 chiến thuật, đề *“đêm đêm nhìn hỏa châu rơi và nghe tiếng đạn nổ đâu đây vọng về thành phố.”* (1)

Tôi có bằng Proficiency in English nên được các khóa sinh sĩ quan ưa chuộng hơn, vì giảng dạy có bài bản hơn, có phương pháp sư phạm hơn.

Từ đầu thập niên 1960, kế hoạch gửi sĩ quan du học tại Mỹ càng ngày càng đông đảo. Ngoài số sĩ quan hiện hữu, Trường tuyển dụng các sinh viên vừa du học về, từ các nước Mỹ, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan có văn bản cử nhân, vào ban giáo sư của trường. Cũng vì các cô kiều nữ giáo sư này mà các sĩ quan giáo sư không khỏi sợng mặt. Vì thế, chúng tôi bèn rủ nhau đi lấy bài (cours) về học lại. Trung úy giáo sư chỉ là cậu Tú, trong khi các kiều nữ giáo sư là cô Cừ. Không được, nghe mất mặt bầu cua cá cộp.

Các giáo sư chỉ dạy 4 giờ một ngày, nên còn 3 tiếng còn lại ở trường không có việc làm chính thức nên thật thoải mái dùng thời gian này để dùi mài kinh sử. Vào cuối giờ học, Thiếu Tá Chi Huy Trường thường đảo qua phòng giáo sư xem có tên trung úy trẻ tuổi nào nhảy dù bát phở trước giờ tan sở không? Ông chỉ thấy chúng tôi người thì đọc sách, người thì ghi chép. Ông ta tỏ vẻ hài lòng vì tưởng là chúng tôi đang soạn bài giảng dạy cho ngày hôm sau.

Đêm đêm, tôi thường thức khuya để học. Có hôm, bà xã tôi một tay bế con nhỏ, một tay cầm tách cà phê nóng hổi ra, đặt trước mặt tôi, rồi đứng lặng lẽ nhìn tôi vừa nhâm nhi cà phê vừa học, rồi hỏi, “Thế hôm anh đi thi, anh có ôm con đi theo không?” Tiếp theo sau là chuỗi cười nhẹ trong trẻo vang lên

nghe như tiếng ngọc gieo trên đĩa. Bị chọc quê, tôi liền phản pháo, “Không, anh chỉ cùng đi với một mỹ nữ của trường Trung Học San Maria, ở Hà Nội mà thôi. Cho các thầy giám khảo chiêm ngưỡng, đứng tim, chết luôn.” Bà xã tôi khẽ hừ một tiếng, đá nhẹ vào chân tôi, rồi lặng lẽ ôm con quay về phòng ngủ. Đêm đó trăng thanh gió mát, lệnh cấm trại để tôi học thi được hủy bỏ...

Năm đó, thi sĩ Hà Huyền Chi, trung úy Nhảy Dù - Khóa 14 Võ Bị Đà Lạt, đang học ở lớp do tôi giảng dạy. Hai niên



Tác giả và Đại Tá Trần Quang Khôi, K6, ở Trường Đại Học Chi Huy và Tham Muu tại Leavenworth, Kansas, năm 1973 (từ trái).

trưởng, niên đệ cùng rủ nhau đi thi Tú Tài 2 (Tú Tài Toàn Phần, Ban Triết). Vào Kỳ Một (Première session), hai anh em rớt nghe cái bịch đau cả người. Tuy nhiên, vào Kỳ 2 (Deuxième session), cả hai anh em chúng tôi đều đậu nhờ tôi hăng hái hộ theo Hà Huyền Chi, ”Nhảy dù cố gắng”.

Từ đó nhóm chúng tôi cứ Première session đi thi ở Văn Khoa, Ban Anh Văn; Deuxième session đi thi ở Luật Khoa. Chúng tôi đậu được các chứng chỉ về cử nhân Anh Văn chẳng có gì khó khăn, nhưng ở Khoa Luật thì có người đậu, người rớt. Ngoài ra, cũng có người lọt vào danh sách sinh viên Cao

Học Luật (Master).

Sau này ra ngoài xã hội dân sự, nhóm TSNQĐ chúng tôi cũng có chút địa vị, như: Nguyễn Hải Bình, thứ trưởng kinh tế trong Chính Phủ Nguyễn Cao Kỳ; Vĩnh Ninh, đại sứ tại Anh Quốc, dưới thời Tổng Thống Thiệu; Nguyễn Cao Chính, giám đốc hãng xăng ESSO, tại Cần Thơ.

Còn tại ngũ tới năm 1975, Đại Tá Nguyễn Thọ Đan làm sĩ quan tùy viên cho đại tướng Westmoreland, Tư Lệnh MAC-V (Military Assistance Command - Vietnam), kiêm nhiệm Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh tham chiến ở Việt Nam chống CS xâm lược, gồm có 6 quốc gia: Hoa Kỳ, Đại Hàn, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Thái Lan, và Phi Luật Tân; Đại Tá Huỳnh Vĩnh Lại, chánh văn phòng của Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân lực VNCH; Trung Tá Nguyễn Văn Lạc, giáo sư dạy tiếng Việt ở đại học Hawaii, Hoa Kỳ. So với các bạn cùng lứa, “cái tôi” của tôi thất bại thê thảm quá!

Lớp tuổi trẻ, khoảng 18 đến 22 tuổi, gia nhập các lớp thông dịch viên đầu tiên là thành phần ưu tú, có học vấn. Đa số có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, nên họ tuân theo đời sống kỷ luật trong quân ngũ một cách nghiêm chỉnh, có một chút kiêu ngạo của ngựa non háu đá nên thích phiêu lưu mạo hiểm. Chịu ảnh hưởng sâu đậm các phim điện ảnh về chiến tranh, đám thanh niên này hăm hở đứng trong hàng ngũ của một quân đội danh tiếng nhất thế giới, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, cũng như vừa tìm môi trường để phát huy sở học Anh Ngữ.

Sau 4 tuần huấn luyện quân sự căn bản tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, đám thanh niên này được gửi tới TSNQĐ, qua chương trình học tập 4 tháng về thực hành Anh Ngữ. Mỗi chiều thứ Sáu hàng tuần, họ được tập hợp trong hội trường, để được nghe thuyết trình về các vấn đề liên quan tới “cách xử thế với quân đội bạn, cách gìn giữ an ninh bảo mật, cách khai thác lời khai của tù binh Việt Cộng...”

Trở lại năm 1960, dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa do Tổng

Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo, người dân miền Nam được sống trong thanh bình, hạnh phúc. Ở Sài Gòn, chỉ với đồng lương trung úy thôi, với sự chi tiêu dè sẻn của bà xã, tôi nuôi đủ bố mẹ, vợ con, và một người giúp việc trong nhà. Chỉ ở cấp bộ, nha sở trong chính phủ, hay đơn vị cao cấp trong quân đội mới có cổ vắn Mỹ. Thời đó, các cổ vắn này rất hòa nhã, dễ thân thiện; vì miền Nam, dưới thời Tổng Thống Diệm, là một nước có chủ quyền. Vị cổ vắn ở TSNQĐ, Tiến Sĩ A. J. Rutherford, là một trong số những người này.

Đó là thời gian TSNQĐ dùng bộ “English for Today” cho khóa học 4 tháng, 6 giờ một ngày. Sau nhiều khóa học theo bộ sách này, lúc kiểm soát kết quả cuối khóa thì thấy việc học tập không đáp ứng nhu cầu cho các sĩ quan du học. Tới khi Trường chuẩn bị tiếp nhận huấn luyện các khóa Thông Dịch Viên, Tiến Sĩ Rutherford mới quyết định soạn thảo một phương pháp giáo dục khác, đặt trọng tâm vào những câu nói thực dụng hàng ngày. Không như cuốn 1 của bộ “English for Today”, học cả tháng trời vẫn chỉ có mấy câu, “This is a table.” hay “That is a chair.” Toàn những ngữ vựng về học đường. Mỗi cuối tuần, Tiến Sĩ Rutherford thường mời mấy giáo sư chúng tôi góp ý kiến về cách giảng dạy đã được cải tiến. Cuối cùng chương trình huấn luyện mới được hoàn thành với các môn học rất hữu dụng, đáp ứng được nhu cầu trang bị cho các sĩ quan du học và thông dịch viên hai kỹ năng: nghe và nói. Sau này, qua nhiều năm giảng dạy Anh Ngữ, tôi thấy là, người Anh nói tiếng Anh khác với người Mỹ nói tiếng Anh vì người Mỹ nói tiếng Anh với accent (trọng âm) Mỹ và theo intonation (ngữ điệu) Mỹ.

Do đó, môn Phát Âm (Pronunciation) dạy về các trọng âm (accent) và môn Ngữ Điệu (Intonation) thì căn cứ vào chữ nhấn của câu (sentence) và âm nhấn của chữ (word) là hai môn học độc đáo của trường.(3)

Dưới đây là một câu chuyện mà người viết không bao giờ quên được.

Hôm đó, tôi đứng lớp dạy thông dịch viên cách phát âm. Bài học dạy về cách phát âm hai chữ “th” ở đầu từ ngữ, như: this, that... Muốn phát âm phụ âm này, ta phải thè đầu lưỡi ra giữa hai hàm răng, cắn chặt, rồi thụt lưỡi vào mới phát âm đúng được.

Sau một giờ thực tập, nghe chuông reo hết giờ, tôi mới vừa bước ra ngoài phòng học thì nghe một người vừa cười,



**Kiều Nữ Giáo Sư Mỹ Linh và
Cẩm Tú, phụ trách môn Phát Âm
(từ trái).**

vừa nói, “Oh my God! Học tiếng Anh tiếng U gì mà lưỡi cứ thụt ra thụt vào, còn một hơn tao hôn con bồ nhí nữa.” Cả lớp cười ầm lên như muốn sập nhà.

Tới khi tôi được bổ nhiệm làm phụ tá huấn luyện viên cho chỉ huy trưởng TSNQĐ, đặc trách các lớp Thông Dịch Viên, tôi mới thêm vào chương trình môn Thông Dịch cho đúng với ngành nghề.

Khóa sinh học giờ thông dịch đều rất hứng khởi vui nhộn vì coi như được xem kịch. Vào giờ thông dịch, giáo sư lãnh vai người Mỹ, một thông dịch viên, một học viên khác đóng vai người bản xứ như xã trưởng, hoặc tù binh VC. Giáo sư nói một câu tiếng Anh, thông dịch viên dịch ra tiếng Việt. Xã trưởng trả lời tiếng Việt, thông dịch viên dịch ra tiếng Anh. Khi thông dịch viên gặp chữ khó nghĩ chưa ra, miệng thường lắp bắp, mặt thần ra, đem lại các trận cười ầm ỹ cho các bạn cùng lớp.

Trở lại những năm 1969 và 1970, chiến trận ở Vùng 1 Chiến Thuật thường xảy ra ác liệt ở cấp sư đoàn. Tuy nhiên, với sự tiên liệu của vị Tư Lệnh Quân Đoàn, các trận đánh chỉ xảy ra

ở vùng biên giới, xa thành thị. Vì thế, công trạng của những người lính Cộng Hòa, bảo vệ được thành thị đông đảo dân cư, các kiến trúc cao cấp tiện nghi, cần phải được ghi nhận. Nhìn cảnh các thành phố đổ vỡ, dân chúng bồng bế chạy loạn ở các nước Hồi Giáo như Syria, Iraq, trên màn ảnh truyền hình, mới thấm thía được nỗi bất hạnh của người dân Hồi Giáo. Họ đã không có một quân đội anh hùng, như quân đội VNCH, dám hứng chịu tổn thất nặng nề để bảo vệ hạnh phúc cho người dân.

Những năm đó, thị xã Đà Nẵng ở Vùng 1 Chiến Thuật rất náo nhiệt vào những ngày nghỉ cuối tuần. Đường phố tràn đầy những người lính chiến. Quân ta cũng có, quân nước ngoài cũng có. Nếu ta thấy một đám dăm ba anh lính Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ (TQLC/ HK) cùng một người lính Á Đông, đầu đội nón sắt 2 lớp, bọc lưới nguy trang, quần áo 4 túi rộng thùng thình, mà trong túi người nào cũng có một cây thuốc Pall Mall, hoặc cái đồng hồ đeo tay hiệu Seiko của Nhật mới toanh còn trong hộp, chân đi giày “jungle boots” hai màu đen và cỏ úa, mặc áo giáp chống đạn, vai đeo súng M16, mặt mũi râu ria xồm xoàm, miệng phì phèo điếu thuốc lá, thì đó đúng là chân dung một thông dịch viên do TSNQĐ đào tạo.

Có một chút gì chua xót trong lòng! Tuy nhiên, tôi tự an ủi là, người xưa dạy rằng, “Nhập gia tùy tục. Đáo giang tùy khúc.” Chẳng lẽ cứ để con thuyền leo lên bờ cát mà đi ư?

Các cây thuốc lá, hay đồng hồ đeo tay sớm muộn gì cũng chạy ra chợ Cồn để mấy anh bạn Đồng Minh sáng đến các tiệm ăn địa phương để thưởng thức các món ăn bản xứ, trưa đến la cà các “snack bar” nhậu nhẹt, dưới ánh đèn mờ, nghe nhạc xập xình, uống bia ừng ực, nhả khói mịt mờ, và ngắm nhìn các cô tiếp viên xinh đẹp, để quên đi sự sống và cái chết ở chiến trường, chỉ cách nhau một sợi tóc mong manh.

Đi tìm một nụ cười..., kể lại chuyện ngày xưa.

Trên đường về trở lại Đà Nẵng từ Huế; xe Jeep của tôi, do

Trung Sĩ Nhất Hậu lái, vượt qua con đèo Hải Vân quanh co, mãi tới trưa mới qua chân đèo ở vùng Phước Tường. Anh Hậu dừng xe lại, nói, “Thiếu Tá cho tôi vào đồ xăng...” Tấm bảng trên cổng cho biết đó là hậu cứ của Pháo Binh TQLC/ HK. Thường những căn cứ lớn này có cây xăng riêng của đơn vị.

Trên kính phía trước xe Jeep của tôi có dán huy hiệu Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III Thủy Bộ/ TQLC/ HK (MAF- Marine Amphibious Forces), nên được quyền ra vào các căn cứ Mỹ và có thể đồ xăng bất cứ bồn xăng nào của quân đội Mỹ.

Trong khi anh Hậu đồ xăng, tôi lững thững đi vào phòng trực, yêu cầu cho tôi tới phòng rửa mặt, vì đường xa bụi bặm. Viên trung sĩ Mỹ trực lễ độ dẫn đường. Khi nhìn thấy bảng trên cửa phòng đề, “The Shower”, phía dưới là, “Phòng Mưa Rào”, tôi thầm nghĩ dịch gì mà lạ vậy. Ở chung quanh phi trường Đà Nẵng, cũng như vô số căn cứ tiếp vận của Mỹ, nơi nào cũng có nhân công người Việt. Do đó, mọi nơi đều có bảng chỉ dẫn tiếng Việt.

Rửa mặt xong, tôi yêu cầu viên trung sĩ trực dẫn tôi đi quanh doanh trại kiểm soát các bảng Việt Ngữ. Các bảng khác tương đối đúng nghĩa. Nhưng khi đến dãy nhà hai tầng, là phòng ngủ của binh sĩ TQLC/ HK, tôi thấy gian phòng đầu tiên treo bảng, “The Head” và dưới là, “Phòng Đầu Não”. Tôi không dẫn được sự bức bối trong lòng bèn nói với người trung sĩ trực cho tôi được gặp người thông dịch viên. Anh ta trả lời là hậu cứ của anh ta không có thông dịch viên, mà phải đến Bộ Tư Lệnh Đệ Nhất Không Đoàn/ Không Quân TQLC/HK, ở gần đó nhờ thông dịch dịch hộ. Tôi cũng có biết nhiều bạn bè Mỹ ở Không Đoàn này, vì Bộ Tư lệnh Quân Đoàn 3 MAF ủy quyền cho tôi ký các mẫu in (form) được đi máy bay quân sự Mỹ cho các sĩ quan Liên Lạc Đồng Minh, thông dịch viên, và cả gia đình của họ, mỗi khi đi phép hàng năm để họ trở về cho đúng ngày giờ ấn định.

Tới khi một trung sĩ đứng nghiêm chào, hô: “Trung Sĩ

Thông Dịch Viên Không A Sĩ trình diện Thiếu Tá.”

Tôi bật cười vì tôi quá biết anh Trung Sĩ người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn này. Chắc anh là con cháu 70 đời của Đức Không Phu Tử. Anh đã làm chúng tôi cười bể bụng trong những giờ thông dịch ở TSNQĐ.

Hôm đó, tôi cho tất cả các khóa thông dịch viên tập hợp ở hội trường. Tôi đã cho rút thăm lấy năm thông dịch viên trong hơn trong tổng số 100 người có mặt để xem người nào làm được thông dịch viên cho Tiến Sĩ Rutherford và tôi. Năm người thông dịch năm đề tài khác nhau, chừng 15 phút. Một trong 5 người được chọn là Không A Sĩ.

Đến lượt Không A Sĩ. Khi Tiến Sĩ Rutherford nói, “The hammock is really needed for an operation in the jungle.”

Anh Sĩ dịch, “Cái giường treo rất cần thiết cho cuộc hành quân ở trong rừng.” Cả hội trường cười ồ lên khoái chí. Tôi cũng phải ngoảnh mặt đi để che dấu nụ cười. Anh Sĩ mặt mày ngơ ngác vội đưa tay vào túi quần sau lưng lấy ra cuốn từ điển Oxford, loại bỏ túi; lật đến trang có chữ “hammock”, nhìn kỹ lại, rồi đưa quyển từ điển cho tôi, nói, “Thưa Đại Úy, tôi đâu có dịch sai.” Tôi, nhìn vào chữ “hammock” thấy giải nghĩa “hanging bed”, bèn trả lời, “Dịch không sai, nhưng chưa đúng tiếng Việt.”

Trở lại ngày kiểm tra các bảng Việt Ngữ ở hậu cứ Pháo Binh TQLC/HK ở Phước Tường. Ngay sau đó, tôi đã tìm ra được lời giải.

Té ra anh thông dịch viên người Hoa này, khi tám chỉ vận



*Trung Tá Hạ Bá Chung,
1974*

vòi nước chảy vào chậu, rồi mức nước bằng gáo để tắm, có bao giờ nhìn thấy cái vòi hoa sen trong buồng tắm của những người giàu có ở Sài Gòn đâu, mà hình dung ra được cái vòi hoa sen phun nước ra như mưa rào. (The shower).

Còn chữ “The Head”, dù anh ta có tìm 100 cuốn tự điển, cũng không tìm được chữ đúng nghĩa của nó, vì gian đầu của các phòng ngủ của binh sĩ TQLC/HK trong doanh trại của họ là phòng “Restroom”./.

Fremont, ngày 27-10-2017

Chú Thích:

(1) Xin đọc bài “Tướng Lãm và Tôi” đăng trong Tập San Đa Hiệu số 111.

(2) Ngoài xã hội dân sự, CSVSQ Hạ Bá Chung là cựu giáo sư Hội Việt-Mỹ, Giám Đốc Trường Anh Văn Tinh Hoa tại Đà Nẵng trước 1975.

(3) Tỉ như người Mỹ nói, “The man has gone to the cafeteria.” Ta chỉ nghe rõ 3 trọng âm man/mæn/, gone /gɒn/, và cafeteria /kæfi'tiəriə/. Từ ngữ /kæfi'tiəriə/, ta chỉ nghe rõ trọng âm /'ti/, đó là intonation.

Nói đơn giản, khi nói người Mỹ chỉ phát âm rõ những từ ngữ có nghĩa như “đàn ông” “đi”, “quán cà phê”. Còn những chữ vô nghĩa thì đọc lướt mà ta cho là họ nuốt chữ./.



ĐỒNG MÁU LẠC HỒNG

*Minh-Nguyệt K17/1
(Nam Sinh Tín)*

Hôm nay tôi dậy sớm, chuẩn bị đi họp cùng các anh em để phân công cho những buổi tổ chức sinh hoạt xã hội và đại hội sắp tới. Còn khoảng hai tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ hẹn nên như thường lệ, sau khi uống ly cà phê nóng buổi sáng, tôi đi ra vườn làm những động tác thể dục, giãn gân cốt. Bầu trời trong xanh với những làn mây trắng lơ lửng chứng tỏ hôm nay sẽ là một ngày rất đẹp. Nhìn những bông hoa đủ màu sắc nở rộ dưới nắng ấm ban mai, tôi cảm thấy thật sảng khoái với những làn gió thổi nhẹ phớt trên vai.

Vừa bước từ vườn vào nhà thì chợt nghe có tiếng chuông cửa reo, tôi đi ra ngoài xem có ai. Thì ra là người đưa thư. Ông ta mang một bưu kiện đến và yêu cầu tôi ký nhận. Địa chỉ của người gửi là của con tôi ở miền Đông tuyết lạnh. Tôi mang bưu kiện vào nhà và mở ra xem. Bên trong là bức tượng người lính Việt Nam Cộng Hòa đội nón sắt và cầm súng, cao khoảng 40 phân, và đúc bằng đồng rất tinh vi. Tôi đặt bức tượng lên bàn và thích thú ngồi ngắm một lúc. Sau đó tôi mở tấm thiệp chúc mừng nhân dịp Lễ Cha, và đọc lá thư gửi cho tôi.

Kính gửi Ba,

Nhân dịp Lễ Cha, con xin gửi quà và thiệp, kính chúc Ba luôn được an vui. Con cũng đính kèm một bài mà con đã viết, tuy sẽ khơi lại ký ức khó quên và quá khứ đau buồn của đời binh nghiệp mà Ba đã trải qua; nhưng con hy vọng rằng, sau khi đọc, Ba sẽ thấu hiểu được cảm nghĩ và tâm nguyện của con.

* * *

BA TÔI - NGƯỜI CHIẾN SĨ VNCH

Ba của tôi là một cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Tôi rất kính trọng ba tôi, người cha đã nuôi nấng, thương yêu, và dạy dỗ tôi nên người. Thuở tôi còn thơ ấu, BA thường bông bẽ tôi, cho tôi ăn và kể chuyện cho nghe, nhất là về cổ tích và lịch sử của quê hương tôi. Tôi rất gần gũi kẻ cận bên BA, vì thế tôi biết rõ về đời binh nghiệp mà BA đã trải qua.

Tôi còn nhớ hồi xưa, BA phục vụ trong một căn cứ của quân đội VNCH, ở ngay trong thành phố Saigon. Trước khi BA đi làm, tôi thường ở bên cạnh nhìn BA đứng ngắm trước gương soi. Tôi luôn thấy BA ăn mặc chỉnh tề trong bộ quân phục mà mẹ tôi đã ủi thật thẳng. Đôi giày lính boots đờ sô (botte de saut) lúc nào cũng được BA đánh bóng láng. Chỉ vốn vẹn có ba người trong gia đình tôi, BA thì đi làm, mẹ tôi ở nhà quán xuyến nội trợ và chăm sóc tôi, nên gia đình của tôi sống rất hạnh phúc.



Nhưng có một ngày, BA nhận được sự vụ lệnh đi hành quân. Trước khi đi, BA đã ôm ghì lấy tôi vào lòng thật lâu, rồi từ giã mẹ tôi để lên đường, mà không hẹn ngày về. Vì còn nhỏ nên tôi đã hỏi mẹ tôi rằng:

- BA đi hành quân là gì hả mẹ?
- BA đi chiến đấu để bảo vệ quê hương. Mẹ tôi đã trả lời.

Thời gian BA không ở nhà, mẹ tôi đã buồn và lo lắng; còn tôi vì nhớ BA nên đã khóc rất nhiều. Thấm thoát trong nhiều năm liên tiếp, BA cứ đi hành quân mấy tháng thì lại về nhà nghỉ vài ngày phép. Dạn dày vì sương gió khi đi theo đơn vị nay đây mai đó, da của BA đã sạm đen đi nhiều vì bị cháy nắng. Nhưng BA trông khoẻ khoắn và trở nên rắn chắc hơn xưa. Bộ quân phục của BA không còn thẳng nếp giống như hồi nào, mà rất nhăn nheo và bạc màu, trong khi đôi giày lính

bớt dở sô bị dính đầy bụi và bùn lầy. Mỗi lần được nghỉ phép về nhà, BA thường mang những cánh hoa rừng về tặng cho mẹ tôi. Mẹ tôi đã đem ép hết những bông hoa vào sách để làm kỷ niệm.

BA luôn có những mẫu chuyện ngoài chiến trường để kể lại cho cả nhà nghe, những lần xông pha ngoài tiền tuyến để chiếm được mục tiêu, với những nỗi lo sợ trước những nguy hiểm cận kề, hoặc những niềm đau buồn thương tiếc khi chứng kiến những mất mát của những người lính cùng đơn vị. Khi BA kể về những thành tích chiến thắng, đôi mắt của BA rực sáng lên như hoả châu, như đang hãnh diện hồi tưởng lại thời khắc hiên ngang và oai hùng cùng các bạn đồng đội vào sinh ra tử. Tôi thường trốn mắt chăm chú nghe BA kể lại mà lòng rất thán phục. Tôi lớn lên với tình thương yêu của BA dành cho tôi. BA luôn là một anh hùng và mãi mãi là một “thần tượng” trong lòng tôi.

Bỗng biến cố ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã xảy ra cho quê hương Việt Nam thân yêu. BA đã bị bắt và bị đưa đi tù ở mãi miền Bắc Việt. Tôi rất bất mãn và căm thù họ, những người mà mẹ tôi gọi là Cộng Sản. Một người lính suốt đời hy sinh cho tổ quốc và bảo vệ giang san như BA mà lại bị mang tội và bị giam giữ trong ngục tù như thế. BA đã bị đầy ải từ thể xác lẫn tinh thần, thân hình gầy còm ốm yếu. Khi không có BA ở bên cạnh, tôi đã mất mát rất nhiều, kể cả vấn đề học vấn của tôi cũng bị gián đoạn.

Mẹ tôi đã rất vất vả, một mình vừa phải nhọc nhằn kiếm kế sinh nhai để nuôi tôi, vừa phải băng rừng lội suối đi thăm nom BA ở một nơi rất xa xôi, khó khăn và hiểm trở. Bởi vậy, BA luôn cố gắng đè nén nỗi đau khổ để an ủi vỗ về mẹ tôi. BA đã phải trải qua 12 năm trong ngục tù, ròng rã mười hai cuốn lịch đầy nước mắt và oán hận. BA đã phải chịu đựng mọi đàn áp, đoạ đầy và khổ nhục. Nhiều người lính khác đã không kham nổi vì đuối sức và đã bỏ mình nơi trại giam. May mắn thay BA đã chịu đựng được. BA vẫn giữ vững niềm tin và tình

thần tự thắng, vì thế BA đã không bị khuất phục trước bạo tàn.

Ngày được thả tự do ra về, BA đã bị kiệt sức nên cần tĩnh dưỡng. Nhưng mẹ của tôi bỗng ngã bệnh nặng vì quá kham khổ, nên BA phải bắt đầu đi tìm việc làm. Khó khăn gầy dựng lại tất cả với hai bàn tay trắng, dù phải cực khổ đổ mồ hôi, BA cũng phải chấp nhận làm mọi công việc, những việc mà BA chưa hề làm bao giờ, mới kiếm được đủ ăn để sống qua ngày. Dần dần, đời sống của gia đình tôi cũng được tạm ổn. Tôi được tiếp tục đi học và sau đó xin được việc làm hầu giúp cho ba mẹ tôi nhẹ đi gánh nặng.

Thấm thoát thời gian trôi qua nhanh. Tôi đã trưởng thành và BA nay tuổi đã xế chiều và tóc đã bạc màu. Nhưng BA luôn giữ vững lập trường quốc gia và truyền đạt hết lý tưởng và kinh nghiệm cho tôi. BA luôn có nguyện vọng rằng các thế hệ trẻ sẽ tiếp tục phát huy con đường đấu tranh và nối vòng tay lớn. Tôi thấm nhuần lòng ghi nhớ những lời BA đã khuyên răn và dặn dò. Tôi cũng đã đọc và xem qua báo chí, truyền thanh và truyền hình, những tài liệu liên quan tới chiến tranh Việt Nam, trong đó có ghi chép những thành tích mà Việt Nam Cộng Hoà đã thực hiện được.

Tôi rất khâm phục, ngưỡng mộ, và ghi ơn tất cả các chiến sĩ VNCH đã từng hy sinh xương máu để bảo vệ cho quê hương. Là hậu duệ của VNCH, tôi không bao giờ chấp nhận CS. Là con cháu Dòng Máu Lạc Hồng, tôi sẵn sàng noi theo dũng khí của BA và tấm gương oanh liệt của các bậc tiền nhân và các anh hùng cứu quốc. Với tình hình hiện tại của đất nước, tôi nguyện dâng thân đấu tranh cho quê hương Việt Nam thoát khỏi ách độc tài CS, tranh đấu cho dân tộc Việt Nam sớm được dân chủ, tự do, no ấm, nhân quyền, và bác ái.

NOI GƯƠNG

*Con mang dòng máu oai hùng
của người lính chiến đã từng hiên ngang
suốt thời niên thiếu dọc ngang*

hy sinh bảo vệ giang san quê nhà

Con luôn hãnh diện về cha
một người lính đã xông pha sa trường
chiến đấu gìn giữ quê hương
phá làn súng đạn đuổi phùng giặc gian

*Biên cương cha đã tiến nhanh
xông pha cương quyết đuổi quân bạo tàn
hy sinh cực khổ gian nan
nêu gương hào khí cho đàn con thơ*

Cha nay tuy tóc bạc phơ
vẫn luôn khuyên bảo con nhớ nằm lòng
gắng công bảo vệ núi sông
sao cho xứng đáng con Dòng Lạc Long

*Mang danh Dòng Giống Tiên Rồng
con xin ghi khắc lời công sinh thành
nguyện lòng yêu nước thương dân
vì quê đất tổ xả thân không màng*

Theo cha con đã sẵn sàng
luôn mang dũng khí của chàng chiến binh
đấu tranh xây dựng thanh bình
quê hương no ấm dân tình yên vui

*Cha là gương sáng rạng ngời
soi đường dẫn lối con thời noi theo*

* * *

Đọc thư xong, tôi rất xúc động và nhìn không chớp mắt vào bức tượng người chiến sĩ VNCH. Không gian chung quanh như chìm lắng xuống. Tôi ngồi yên lặng một hồi, rồi bình tâm lại. Tôi rất mãn nguyện vì biết rằng con tôi đã chọn con đường đấu tranh mà tôi hằng kỳ vọng. Ngoài kia, những tia nắng ban mai xuyên qua khung cửa kính gần chỗ tôi ngồi, lấp lánh rọi sáng vào bức tượng người lính VNCH, một món quà mang nhiều ý nghĩa.

QUA LĂNG KÍNH ẤY

Nguyễn M., K25

Trước đây, Sài Gòn được ví như “hòn ngọc của Viễn Đông”, nhưng vào năm 1980 nó như một thành phố chết. Mọi sinh hoạt đều ngưng trệ, nhà nhà cửa đóng then cài. Từ một thủ đô với sinh hoạt tung bừng nhộn nhịp, đủ loại xe cộ chạy tấp nập; nay trên đường phố chỉ thấy toàn xe đạp và một ít xe gắn máy. Ban ngày hiếm thấy những cửa hàng, tiệm ăn, nhà sách, tiệm thuốc tây, tiệm may... mở cửa.

Đặc biệt trong một hai năm gần đây trên nhiều đường phố bỗng nổi lên như nấm những khu chợ trời. Người ta đem ra nơi đây bán đủ loại mặt hàng, từ vật dụng gia đình đến đồ điện máy. Vì cung nhiều hơn cầu nên giá bán rẻ mạt, đôi khi tưởng như là hàng đem cho. Nhiều gia đình quá túng thiếu, thấy trong nhà có gì có thể bán được là đem ra bán, để lo miếng ăn. Khi mà mọi sinh hoạt chỉ lo giải quyết cái bao tử thì mọi tiện nghi trở thành đồ xa xỉ.

Mặc dù ra khỏi trại tù “cải tạo” cũng gần cả năm nay, đã nhiều ngày tháng nó lê lét đó đây đi kiếm việc làm, nhưng chẳng có ai mướn, ai thuê. Cuộc sống đưa đẩy, nhờ người chị dẫn dắt buôn bán, nó có cái sạp nhỏ ở chợ trời trên đường Lê Công Kiều, Quận Nhất, được vài tháng qua. Nó thầm nghĩ mình có chỗ mua bán như vậy là may lắm rồi; trong khi bạn bè nó đa số không có công ăn việc làm, hoặc có người làm việc vất vả mà thu nhập chẳng là bao như đạp xích lô, bơm vá bánh xe ở lề đường...

Từ ngày ra buôn bán, nhờ có đồng ra đồng vô, sinh hoạt gia đình nó thoải mái hơn nhiều. Trước đây, mọi chi tiêu gia đình đều dựa vào đồng lương y tá ít ỏi của vợ nó, mỗi tháng khoảng

năm mươi lăm đồng nuôi ba miệng ăn: vợ chồng nó và đứa con chưa đầy một tuổi ẻo ọt vì thiếu dinh dưỡng.

Trưa nay chợ vắng người. Nó ngồi dựa lưng vào tường, định nhắm mắt nghỉ một chút, bất ngờ nghe có tiếng hỏi:

- Nị ơi, nị bán tranh bằng thảm, có mua thêm nữa để bán không?

Nó ngẩng đầu nhìn lên thấy một người phụ nữ tay dắt xe đạp đang đứng trước sạp của mình. Bà chỉ tay về phía tấm tranh treo trên bức vách sau lưng nó. Tấm tranh đó, mới mua mấy ngày trước, bằng thảm của..., thù hình hai con nai đứng bên bờ suối.

Nhìn y phục người phụ nữ và nghe giọng nói; nó đoán bà là người Hoa, ước chừng tuổi ngoài năm mươi. Nó nhanh nhẩu trả lời:

- Dạ mua chứ! Tranh đâu? Ché có mang theo không?
- Không, theo tôi về nhà bán cho.
- Nhà ché ở đường nào?
- Gần đây thôi, nị đi theo tôi.

Vừa dứt lời, bà leo lên xe đạp chậm rãi đi trước. Nó nhờ người bạn ở sạp kế bên trông chừng sạp mình rồi vội vàng lấy xe đạp chạy theo.

Giờ này đã quá trưa, trời oi bức nên đường phố vắng người; đó đây chỉ thấy toàn xe đạp, thỉnh thoảng mới có vài xe gắn máy. Thời buổi này ít người sử dụng xe gắn máy bởi vì xăng rất khan hiếm. Mỗi xe gắn máy một tháng chỉ được mua 4 lít xăng theo phiếu tiêu chuẩn, còn mua xăng chợ đen khó kiếm và giá mắc hơn nhiều.

Người phụ nữ chạy xe đến đường Cổng Quỳnh, qua khỏi nhà thương Từ Dũ rồi quẹo phải đến đường Hồng Thập Tự. Chạy thêm chừng hơn trăm mét nữa bà băng qua đường và dừng xe trước một nhà có cổng sắt quá cao khép kín, với bờ

tường dài, bên trên có đóng cọc sắt nhọn. Đứng bên ngoài, nó chỉ nhìn thấy mái ngói đỏ của căn nhà đồ sộ, ẩn hiện sau lùm lá của hàng bông giấy trên cao. Nó nghĩ, “Nhà này thuộc loại kín cổng cao tường; chủ nhân phải là người giàu có, sống khép kín, không muốn giao du nhiều người.”

Khi đứng gần người phụ nữ, nó thấy bà có vẻ người khác khổ, không chắc là chủ nhân căn nhà to lớn này. Nó gọi chuyện để tìm hiểu:

- Nhà của a ché to quá!

Người phụ nữ vừa thò tay vào bên trong cánh cửa sắt để mở cổng, vừa trả lời:

- Không phải, ngộ chỉ là người làm.

Rồi bà nói tiếp:

- Sáng nay, bà chủ biểu ngộ ra chợ trời kiểm xem có ai mua bán tranh giống như tranh ở nhà thì kêu về nhà để bán hai tấm.

Sau khi cẩn thận đóng lại hai cánh cửa sắt, bà dẫn nó đi vào bên trong. Căn nhà ngói đỏ nằm bên phải lối đi vào. Qua hết đường bên hông nhà là một sân rộng. Phần phía sau là một dãy nhà ngang cũng lợp ngói đỏ.

Bất ngờ có một bầy chó berger khoảng năm sáu con cột ở trước hiên dãy nhà sau thấy có người lạ chồm lên sủa inh ỏi. Nó nghĩ, “Ở thời buổi khó khăn gạo châu gạo quế, nhà nhà đều ăn cơm độn, Vậy mà nhà này lại có người giúp việc và nuôi cả đàn chó kia. Chắc chủ nhà phải là người giàu có lắm.”

Người phụ nữ bảo nó đứng đợi ở bậc thềm nhà trên để vào báo với bà chủ. Một lát sau, nó được mời vào phòng khách. Một người đàn bà tuổi ước chừng ngoài sáu mươi, bận bộ đồ lụa trắng ngồi trên chiếc ghế dài của bộ trường kỷ, vừa thấy nó bà hỏi ngay:

- Cậu muốn mua tranh bằng nhưng phải không? Đó, tôi có hai bức tranh treo trên tường đó, cậu lại xem kỹ đi, nhắm mua được không?

Nói xong, bà cúi xuống vuốt ve con mèo đang ôm, như không cần nghe nó trả lời; cử chỉ và lời nói có vẻ kiêu kỳ của người có địa vị bề thế.

Nghe giọng nói, nó đoán bà là người Việt chứ không phải người Hoa như mới đầu nó tưởng. Nó đi lại xem hai tấm tranh treo trên hai vách tường đối diện nhau. Một tấm thêu hình bốn con cọp nằm dưới gốc cây; tấm kia thêu hình voi mẹ và voi con đứng bên dòng suối. Cả hai tấm tranh đều được lồng kính có khung gỗ.

Từng bán qua loại tranh thảm này, nên nó biết giá cả có thể mua là bao nhiêu. Nó chưa trả lời vội mà tiếp tục quan sát đồ đạc bày biện trong phòng. Vốn có kinh nghiệm đi mua hàng, trước tiên nó tỏ ra không thiết tha lắm với món hàng chủ nhà muốn bán; kế đến xem trong nhà còn có những món gì khác có thể dò hỏi mua được, vì biết đâu không mua được món đồ này lại mua được món đồ khác. Đồ đạc trong phòng chẳng bày biện gì nhiều. Gần cửa ra vào là bộ trường kỷ xưa – nơi bà chủ ngồi. Sát vách tường có một tủ kính bằng gỗ quý, bên trong trưng toàn đồ cổ bằng sành sứ. Góc cuối phòng đặt cây đàn piano. Vách tường đối diện có hai cánh cửa to khép kín. Hai cánh cửa này thông qua phòng bên được chạm trổ những hoa văn rất đẹp. Quay lại chủ nhà, nó hỏi:

- Thưa... mỗi bức tranh bà muốn bán giá bao nhiêu?

- Thì cậu mua được bao nhiêu cứ nói đi!

Đã từng đi mua hàng, kinh nghiệm dạy nó không bao giờ nói giá mua trước; chờ người bán ra giá trước, tùy tình hình mà ứng phó. Nếu người bán nói giá hời cũng đừng biểu lộ vui mừng, mà phải kỳ kèo trả giá, tránh cho họ biết bán hớ sẽ đổi... Nếu người bán nói giá quá cao, phải kiên nhẫn giải thích, làm giảm giá trị món hàng mới có thể mua được. Nó tiếp tục đợi chủ nhà nói giá trước:

- Tranh của bà, bà muốn bán bao nhiêu cứ nói giá cho tôi biết.

- Thì cậu cũng thật tình nói hết giá mua đi, nghe được tôi bán cho.

Xem chừng chủ nhà cũng sắc sảo không vừa. Sau bao lần lời qua đáp lại không xuôi, thấy không thể cù cưa mãi, nó bèn đưa ra giá để thăm dò:

- Bà đã nói vậy, còn tôi thật tình muốn mua. Xin trả mua hết giá mỗi bức tranh tám chục đồng (thật ra nó có thể mua tới đa một trăm hai chục đồng).



Tòa Đô Chính Saigon, trước 1975

Vừa nghe tới đây, bất ngờ bà chủ đứng dậy, ném con mèo qua một bên, nhìn sòng sọc vào mặt nó, nói liền một hơi dài:

- Cậu nói gì? Cậu có biết giá trị loại tranh này không? Cậu trả tám chục đồng hả? Cậu thử trả một ngàn đồng, liệu tôi có bán không?

Bà còn nói nhiều nữa, nào là hỏi đó mua mỗi bức tranh hơn một cây vàng. Đó là loại tranh của nước nào, quý hiếm ra sao, v.v...

Nó cố ngồi yên lặng như lắng nghe bà nói. Trong thâm tâm nó cũng thông cảm phần nào nỗi niềm người bán. Ngày trước tấm tranh đó giá trị cả cây vàng, nhưng ngày nay nó trở thành

xa xỉ. Khi mà cần có miếng cơm cho no lòng, thực tế và cần thiết hơn bao giờ hết.

Nó chợt nhớ đến một bà đem lò nướng bánh sandwich ra chợ trời bán. Bà đòi tới giá một chỉ vàng!

Trời ơi, thời buổi này ai mua lò nướng đó để làm gì trong khi toàn ăn đòn bo bo với khoai sắn? Bà đi tới hết gian hàng này đến gian hàng khác chẳng có ai mua. Có một người muốn chọc chơi, trả mua tới giá năm chục đồng, bà cũng không bán. Sáng hôm sau, bà đem cái lò đến bán cho người ấy thì người này nói không muốn mua nữa. Bà ta thui thủi mang lò nướng trở về. Trả mà không mua gọi là “trả bỏ”, tiếng hay dùng của người bán ngoài chợ trời.

Trước người đàn bà kiêu kỳ này nó cũng muốn “trả bỏ” cho bót tức; cứ trả đại vài trăm đồng rồi ra về và sẽ không trở lại nữa là êm chuyện. Nhưng nó nghĩ chẳng lẽ tới đây rồi lại về không, không mua được món này, cứ dạm hỏi thêm, biết đâu lại mua được món khác. Nó ôn tồn nói:

- Thưa bà, thành thật cháu xin lỗi. Cháu cũng không biết được bức tranh này quý như vậy. Chắc cháu không mua mỗi. Mong bà thông cảm.

Nghe nó nói, nét mặt của bà chủ nhà có vẻ dịu đi. Bà ngồi lại xuống ghế, hơi thở vẫn còn nặng nhọc. Chờ một lát cho bầu không khí bớt căng thẳng, nó mới lên tiếng:

- Thưa bà, trước khi ra về, xin hỏi bà có gì khác bán không, biết đâu bà không bán được cái này sẽ bán được cái khác?

- Cậu nói sao? Bộ cậu nghĩ tôi hết tiền nên cần bán đồ lắm hả? Cậu là ông nào mà phách lối dữ vậy?

Nó giật mình, mới thấy mình thật là ngu! Đáng lẽ, nó phải nói, “biết đâu tôi không mua được món này sẽ mua được món khác.” có phải hay hơn không, sẽ không chạm tự ái bà ta.

Lấy thêm hơi, bà chủ nhà nói to như hét vào tái nó:

- À... mà tôi muốn bán đó! Tôi là con dâu của Chú Hoả đây.

Tôi muốn bán toà dinh thự ở số 97 đường Phó Đức Chính, gần chợ trời cậu bán đó. Liệu cậu có đủ sức mua nổi không?

Bà không nhìn nó mà nhìn khoảng không phía trước, như đang hướng về cõi xa xăm, thở hồn hển tỏ vẻ tức giận.

Thì ra bà là con dâu của Chú Hoả- người nổi tiếng giàu nhất ở miền Nam từ thời Đệ Nhất Cộng Hoà. Trước đây nó nghe nói sau năm 1975, nhiều dinh thự, nhà cửa của Chú Hoả bị CS tịch thu. Và nó cũng được nghe nói con cháu của Chú Hoả có mấy dãy nhà sát nhau ở đường Hồng Thập Tự, quận Nhất. Hôm nay tình cờ nó mới biết là nơi này.

Trước cử chỉ nóng giận của bà, nó chẳng những không có chút nào khó chịu mà tự nhiên lòng dâng lên niềm xúc động khó tả. Ai có ngờ đâu từ một đại gia đình bệ thế, tiền rừng bạc biển, mà nay phải đi bán từng món đồ nhỏ để có tiền độ thân! Rồi chạnh nghĩ đến hoàn cảnh vô cùng bi đát của gia đình mình hiện giờ... Bất giác, nước mắt nó như muốn ứa ra. Sau một hồi lâu yên lặng, dần cơn xúc động, nó mới ôn tồn nói:

- Thưa, bà hiểu lầm cháu rồi... cháu muốn nói bà thấy có cái gì thừa thãi, không cần dùng đến, bà bán cho cháu. Coi như giúp cháu có miếng cơm vạy mà. Bà nghĩ cao quá, tội nghiệp cho cháu.

- Ủ, cậu nói như vậy tôi còn nghe được, chứ đừng có bày đặt... Hơn nữa, trông cậu có vẻ hiền lành, hơi sức đâu giận cậu.

Từ cử chỉ và lời nói tỏ ra nóng giận tột cùng, bỗng nhiên bà dịu dàng trở lại, như quả bóng quá căng bất ngờ bị xì xẹp lép. Có lẽ bà cũng biết ở thời buổi ăn toàn bo bo, khoai lang, củ mì; khi mà hầu hết mọi người lâm vào hoàn cảnh túng thiếu, dễ thường có mấy ai chịu bỏ hơn một cây vàng để mua loại hàng xa xỉ như một tấm tranh. Những người giàu có như bà khó thích nghi trước sự biến động đột ngột của xã hội. Chắc trong thời gian qua bà phải chịu nhiều ức chế nên tính khí dễ thất thường.

Tự nhiên nó cảm thấy chán nản, không còn thiết tha mua hàng nữa. Nó định chào bà chủ nhà ra về thì bất ngờ bà cầm chân nó lại:

- Nay, tôi có bộ lư đồng ở bên phòng thờ. Cậu có mua không, tôi bán cho?

Nghe tới đó, nó đứng khựng lại, liền nghĩ biết đâu lại là loại lư đồng xưa? Nếu gặp may mua được loại lư đồng cổ mà người bán không biết giá trị là coi như nó “trúng mảnh một vốn bốn lời”.

Bà chủ hướng dẫn nó:

- Cậu đi đến cuối phòng này, đẩy hai cánh cửa lớn ra, cậu sẽ thấy bộ lư đồng trên bàn thờ ở phòng bên đó.

Thấy chủ nhà vẫn ngồi yên, không đi cùng nên nó chần chừ. Như hiểu, bà đánh tan sự e ngại của nó:

- Không sao đâu, cậu cứ tự nhiên vào xem một mình đi, lát nữa ra nói chuyện mua bán cũng được.

Nó đi đến cuối phòng, nơi có hai cánh cửa cao và to thông qua phòng bên. Hai cánh cửa làm bằng gỗ quý, được chạm trổ rất đẹp. Khó khăn lắm nó mới đẩy được hai cánh cửa nặng hé mở vừa đủ một người lách qua. Vào bên trong phòng nó phải đứng yên một lát để quen ánh sáng, vì phòng tối mờ mờ nhờ một ít ánh sáng xuyên qua hàng song gỗ cửa trên cao. Phòng âm u lạnh lẽo, thoang thoảng mùi ẩm mốc. Từ từ quen dần ánh sáng, nó nhìn thấy mọi vật rõ hơn. Màng nhện phủ giăng đầy đó đây. Đường như lâu lắm rồi chẳng có ai bén mảng vào đây.

Nó đảo mắt nhìn quanh. Ngoài cùng là một bàn gỗ màu đen dài khoảng ba mét, chắc dùng để chưng bày đồ cúng. Kế đến có một khoảng trống đường đi và ở trong cùng là bàn thờ. Bộ lư đồng đặt ngoài cùng trên bàn thờ, kế đến là những bài vị viết bằng chữ Hoa, và nhiều khung hình thờ người quá cố. Từ chỗ nó đứng tới bàn thờ cách khoảng bốn, năm mét mà sao thấy như sâu hun hút.

Nó lần mò đi vào trong, tới đứng gần bộ lư để quan sát cho rõ. Đó là bộ lư đồng loại số một, loại lư đồng to nhất. Đặc biệt cái lư được cẩn xà cừ rất đẹp. Đứng là bộ lư đồng loại đồ cổ.

Nó quơ tay phá màng nhện trên cây chân đèn, bất ngờ thấy trên đĩa chân đèn có một túi vải nhỏ đầu buộc túm lại. Nó cầm cái túi vải lên, sao thấy nặng quá! Nghi hoặc, nó liền tháo sợi dây buộc miệng túi và đồ vật bên trong xuống bàn thờ. Một mớ vật màu vàng lóng lánh từ trong túi tuôn ra.

Ó! Mắt nó hoa lên. Đó là vàng! Để xác định mình không nhìn lầm, nó cầm lên từng món, nhấc nhấc cái tay xem nặng nhẹ thế nào. Ba lá vàng hiệu Kim Thành có hình cái núi, một tấm lắc, một sợi dây chuyền có xỏ mặt cẩm thạch hình trái tim, một khâu buộc khoảng mười cái nhẫn. Tất cả đều là vàng thật! Tất cả ước chừng khoảng năm lạng vàng.

Nó khắp khởi mừng thầm, nghĩ đây là của trời cho, mình có lấy số vàng này chẳng ai hay biết. Chắc chắn là như vậy. Có người đã bỏ quên số vàng ở đây, căn phòng cho thấy lâu lắm không có ai vào, chứng tỏ họ đã quên. Chứ không có ai lại đi cất của khoi khoi ở ngoài như vậy.

Bỗng nhiên tim nó đập mạnh, cảm thấy vừa hồi hộp vừa lo lắng. Nó đứng thờ người trong giây lát với bao suy tính xoay trong đầu: “Mình sẽ lấy số vàng này và chuồn đi cho lẹ. Sau này họ có nhớ thì mọi chuyện cũng xong rồi. Hơn nữa đâu có chúng có gì. Ra khỏi nhà này mọi chuyện coi như xong.”

Còn nữa, một lát gặp bà chủ sẽ nói gì với bà đây để chứng tỏ nó là người đang hoang. Dễ thôi, nó sẽ hỏi bà chủ nhà bán bộ lư giá bao nhiêu, chỉ hỏi cho có lệ rồi nói mình không rành giá loại đồ cổ nên không biết mua. Bà ta nghe chắc sẽ vui lòng. Đó là cách rút lui êm thấm nhất. Cần phải bình tĩnh, thật bình tĩnh!

Kế hoạch rút lui nảy ra rất nhanh, như sắp xếp sẵn trong đầu: “Mình chỉ việc gom số vàng cho vào lại túi vải, rồi bỏ vào túi quần, bước ra ngoài thần nhiên. Việc làm này dễ dàng

quá, có gì phải lo.” Nó vội vàng cúi xuống nhặt từng món bỏ nhẹ vào túi vải, cố tránh gây tiếng động.

Số vàng khoảng năm cây này đối với nó là cả một gia tài. Nó sẽ bỏ ra bốn cây mua căn nhà một tầng lầu ở mặt tiền đường Nguyễn Cư Trinh, Quận Nhất. (Thời buổi này nhà bán rẻ như bèo, nhiều nhà lo bán thốc bán tháo để đi vượt biên.) Số vàng còn lại cho thêm vào vốn chuyện buôn bán. Nó khắp khởi mừng thầm, nhưng sao cảm thấy hồi hộp, lo lo. Rồi nó tự trấn an: “Chủ nhà này giàu có kéch xù- thuộc gia đình của Chú hoả mà- mất chừng này có nghĩa lý gì. Như con mèo rụng sợi lông, nhắm nhò gì.”



Nhìn hình ảnh này, người ta nghĩ gì về chế độ CS, khi tất cả đều ngập lụt sau cơn mưa?

Thật ra, nó biết mình không phải vì lương tâm cắn rứt, mà mang tâm trạng của người gian manh sắp phạm tội.

Nó tiếp tục gom hết số vàng cho vào túi rồi buộc lại miệng túi cẩn thận. Chỉ còn động tác cuối cùng là bỏ túi vải vào túi quần rồi mạnh dạn đi ra phòng ngoài, nhưng nó vẫn đứng ý ở đó. Tâm thần nó tự nhiên bấn loạn, tim đập mạnh hơn bao giờ hết, như có một khối nặng đang đè trên người. Bất chợt nó nhìn lên vùng bóng tối mờ mờ trước mặt thấy có những cặp mắt đang âm thầm nhìn nó. Á! Nó la lên, hồn vía bay bồng

chín tầng mây. Một luồng hơi lạnh chạy từ dưới xương sống lên tới gáy, rồi lạnh toát cả người.

Phải mất vài giây nó mới hoàn hồn, nhận ra không có ai nhìn nó cả mà chẳng qua đó là những cặp mắt trong hình ở bàn thờ. Rồi nó lại nghe rõ ràng có tiếng động nhỏ, hình như có người đang bước nhẹ sau lưng nó. Nó quay phắc lại, không thấy ai cả.

Nhìn xuống nền nhà nơi gây ra tiếng động, nó thấy con mèo mới lách vào cánh cửa đang tỉnh nghịch với miếng vải. Cùng lúc đó, nó nghe tiếng nói:

- Bà ơi, vào đây xem! Có ai bỏ túi vàng ở đây nè!

Nó không thể tin được đó là tiếng nói của chính mình. Người nó ngẩn ngẩn, ngơ ngơ.

Một sự thúc dục từ sâu thẳm nào đã buộc nó nói lên lời đó? Không! Nó không có một ý nghĩ nào cả, mà từ vô thức. Bên ngoài có tiếng dép lẹp xẹp chạy vào phòng:

- Đâu, đâu? Cậu nói túi vàng ở đâu?

Thoáng một cái, bà chủ nhà đã chạy tới bên nó. Bà thấy túi vải ở trên bàn thờ liền chụp lấy, miệng ấp úng không nói nên lời:

- Ồ, ồ...

Nó bước lui một bước. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến túi vàng được nữa.

- Bà hãy xem kỹ lại đi, đâu còn nguyên đó.

- Ồ, ồ... cảm ơn cậu quá, cảm ơn cậu quá!

Vừa nói, một tay bà cầm túi vàng, tay kia cầm tay nó đi ra khỏi phòng thờ với cử chỉ thiện cảm.

Tại phòng khách, bà mời nó ngồi xuống chiếc ghế nhỏ của bộ trường kỷ-một cử chỉ lịch sự đầu tiên từ lúc nó tới đây. Bà vội vàng mở túi vải đồ vàng bên trong ra đặt bàn. Hai tay bà run run, người giàu có như bà bắt được vàng cũng run! Bà

đếm đi đếm lại, xem chừng có đủ đâu vào đó mới ngẩng đầu lên:

- Tui đã để quên túi này trong đó, gần cả năm nay đi kiếm hoài, tưởng đã mất rồi.

Nó ngồi thờ người ra, hai tai lủng bùng. Bà chủ nhà còn nói gì nữa nó cũng chẳng màng để nghe. Nó tự trách, như còn tiếc rẻ cái túi vàng nằm trên mặt bàn thờ, trong bóng tối mờ mờ, “Tại sao mình quá nhát gan như vậy”

Để tỏ lòng biết ơn, bà chủ nhà biếu nó bốn tấm tranh sơn mài có hình mai, lan, cúc, trúc được lấy trên cây cột treo ở giữa nhà, rồi tiễn chân nó tới tận cổng ra vào.

Cánh cửa sắt được khép lại. Đứng ở ngoài đường tâm trí nó mới dần dần bình tĩnh lại. Ánh sáng chói chan của buổi trưa như xưa tan bóng tối mờ ảo ở trong bàn thờ mà nó mới rời khỏi. Bên kia cổng sắt là hư ảo, là mơ. Nó trở về với thực tại, cảm thấy dễ chịu như vừa trút bỏ một gánh nặng. Hồn nó lâng lâng. Một niềm vui nhẹ nhẹ và thâm lặng len lỏi vào tâm hồn nó. Có lẽ, đó là niềm vui vừa thoát được sự căm dỗ.

Về lại chợ trời, nó sang lại bốn bức tranh sơn mài cho người bạn hàng chuyên bán loại này được mười đồng. Họ cho giá bao nhiêu, nó bán bấy nhiêu, không hề kì kèo mặc cả. Cả túi vàng kia còn không lấy, hơi đâu kì kèo giá con con này.

Trở lại sạp của mình, nó ngồi dựa lưng vào bức tường có chộp mắt một chút cho khoẻ, nhưng bao ý nghĩ hỗn loạn luôn quay cuồng trong đầu. Phải chăng vì tiếc nuối. Cứ bỏ túi vàng vào túi quần rồi tự nhiên đi ra khỏi phòng thờ thì giờ này khâm khá rồi. Sao việc chỉ đơn giản thế mà nó không làm được? Nếu lúc ấy là kẻ gian thì chẳng lấy gì ngạc nhiên, đáng xấu hổ; còn bây giờ là người lương thiện cũng không có gì để tự hào.

Không! Hoàn toàn lúc đó nó không có một chút ý niệm gì về danh dự, tự trọng, điều nào tốt, điều nào xấu, điều nào nên làm, điều nào không nên làm. Giữa hai cái mâu thuẫn ấy ranh giới là đường tơ kẽ tóc.

Gần bốn mươi năm qua... Thời gian như vó câu qua cửa sổ. Sự việc cũ, ngày nào tưởng chừng như mới xảy ra, tất cả chỉ còn là dấu ấn khó quên trong cuộc đời.

Khi còn ở trong nước, có những lúc tận cùng khốn khổ, nó nhớ lại chuyện ấy mà không hề nuối tiếc. Đã nhiều lần nó tự hỏi tại sao nó đã có phản ứng đó? Tại nhát gan? Hoàn toàn không, vì nó biết rằng nếu như câu chuyện trở lại như lúc ban đầu, hay có trường hợp tương tự, nó cũng cũng có hành động như thế thôi.

Ánh sáng chiếu qua lăng kính cho ra bảy màu. Hành động trong cuộc sống cũng qua nhiều “lăng kính”. Đó là sự giáo dục từ gia đình, từ trường học, trường đời...

Đối với nó, đó là từ sự tôi luyện từ mái trường mà nó tự hào. Ở đó có điều tâm niệm:

“Danh dự là kim chỉ nam, hướng dẫn mọi suy tưởng và hành động của người Sinh Viên Sĩ Quan.”

Điều tâm niệm ấy vô hình nhưng luôn tồn tại. Trong ranh giới đường tơ kẽ tóc của sự chọn lựa; QUA LĂNG KÍNH ẤY, nó soi đường ta đi; ta làm theo mà nào hay biết./.





MẶT THẬT TÀN ÁC CỦA CỘNG SẢN VN LỘ RÕ KHI **HẠ SÁT TRUNG TÁ VÕ VÀNG**

Phạm Văn Hồng, K20

Lời giới thiệu:

Tác giả, Thiếu Tá Phạm Văn Hồng xuất thân Khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, phục vụ tại Bộ Tư Lệnh/ Quân Đoàn I/ Phòng 3. Ngày 16 tháng 1 năm 1974, ông và G. Kosh, một nhân viên của lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Đà Nẵng có nhiệm vụ theo tàu Hải Quân VNCH ra đảo Hoàng Sa khảo sát, nghiên cứu kế hoạch thiết lập sân bay. Ba hôm sau, quân Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa, bắt tất cả quân nhân VNCH kể cả nhân viên của Tòa Lãnh Sự Mỹ.

Sau một tuần, Trung Cộng đã thả người Mỹ vì lý do “nhân đạo”, và sau 29 ngày, các quân nhân VNCH mới được trả tự do. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Thiếu Tá Hồng đã bị Cộng phi giam trong trại lao động khổ sai hơn 8 năm ở Quảng Nam. Thiếu Tá Phạm Văn Hồng là một trong những nhân chứng vụ Cộng phi thảm sát Trung Tá Võ Vàng, K17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Trân trọng.

Khi nhắc đến danh tánh cố Trung Tá Võ Vàng, cựu Sinh Viên Sĩ Quan khóa 17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, có lẽ rất nhiều chiến hữu phục vụ tại Vùng I Chiến Thuật, nhất là các quân nhân Biệt Động Quân và người dân thị xã Huế, hẳn không ai xa lạ gì với tên tuổi của anh. Lý do dễ hiểu là vì trong

biên cổ Mậu Thân 1968, với trách nhiệm tái chiếm các mục tiêu từ Vĩnh Dạ, Dương Nổ, Bãi Dầu, và cuối cùng là Gia Hội, đơn vị anh đã đạt chiến thắng lẫy lừng và thanh toán mục tiêu trước giờ ấn định. Kết quả lối hành quân thần tốc của đơn vị anh khiến người dân cố đô Huế đã hết sức cảm phục và thỉnh cầu vị Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật lưu giữ Tiểu Đoàn 21 Biệt Động Quân, mà anh là Tiểu Đoàn Trưởng, ở lại thị xã để dân chúng được yên tâm sinh sống hầu tái thiết, an cư lạc nghiệp. Ý dân là ý trời, tiểu đoàn của anh phải “trấn thủ lưu đồn” tại vùng sông Hương, núi Ngự suốt sáu tháng mới được “buông tha”, lên đường chiến đấu tại những chiến trường khác cũng đang rất cần sức chiến đấu của tiểu đoàn anh.

Tên tuổi của anh đã bị bọn quỷ đồ ghi vào sổ đen từ dạo ấy.

Sau này với chức vụ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 5 thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh, anh lại tạo một chiến thắng lẫy lừng khác tại vùng cực Nam tỉnh Quảng Ngãi, đó là mặt trận Bình Đê, Sa Huỳnh. Trong cuộc thư hùng nảy lửa này, Trung Đoàn 10 địa phương cộng phỉ gần như bị xóa sổ hoàn toàn. Và đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến cái chết đầy oan khiên và đau đớn của anh sau này.

Người viết bài tường thuật này có cơ duyên biết khá nhiều về Trung Tá Võ Vàng, nhất là sau khi tên dã thú bắn anh 7 phát đạn từ sau ra trước. Người viết lại là người đầu tiên khiêng thi thể của anh từ suối lên mặt đường và làm biên bản về cái chết đau thương này...

X X X

Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, ngày thành phố Đà Nẵng bỏ ngõ, bọn cán ngổ tiến vào thị xã, người dân xứ sông Hàn mới lần đầu tiên nghe được từ ngữ “Ủy Ban Quân Quản”. Đến ngày 5 tháng 4 năm 1975, những quân nhân không còn đơn vị, từ sáng sớm đã nghe một bản thông cáo của “Ủy Ban Quân Quản” của CS thành phố đọc đi đọc lại trên đài phát thanh Đà Nẵng đại khái nói rằng: “Tất cả các sĩ

quan Ngụy, không chậm trễ, hãy tập hợp về số 2 đường Đồng Đa, Đà Nẵng để nghe nói chuyện về tình hình đất nước.”

Đây là cú lừa đầu tiên mà tất cả quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vốn chân thật chưa hề bao giờ ngờ được sự trá trá xảo quyệt của bọn lưu manh, đã vấp phải. Bị thôi thúc bởi bản thông cáo, tất cả các sĩ quan lữ lượt kéo nhau đến địa điểm nói trên để tìm hiểu xem hiện tình đất nước biến chuyển như thế nào. Và thế là, tất cả những người chân thật ngay thẳng, đã tự động... chui vào rọ! Có vào mà không có ra!

Cuộc đời tù “cải tạo” của những quân nhân còn kẹt lại khắp các vùng xứ Quảng bắt đầu từ đây. Chúng tôi bị đưa lên trại Kỳ Sơn, thuộc tỉnh Quảng Tín. Nơi đây chỉ là một vùng rừng núi hoang vu, cạnh suối nước chảy quanh co dưới chân khu mỏ vàng Bồng Miêu. Bây giờ danh nghĩa của chúng tôi bị gọi là những người “tù cải tạo”. Ngày ngày chúng tôi ăn không đủ no, mặc không đủ ấm nhưng phải lên rừng chặt cây, cắt tranh, rồi chính mình cùng nhau dựng lên những căn nhà... để tự nhốt mình.

Mới đầu, anh Võ Vàng và chúng tôi ở cùng Khối 2 thuộc Trại 1 Kỳ Sơn, nhưng khác nhà. Anh ở nhà 6 còn tôi ở nhà 9. Hai nhà này hầu hết là sĩ quan cấp tá, và thường đi lao động chung với nhau. Sau một thời gian ngắn, qua sự xáo xáo “biên chế” lại, anh Vàng về ở cùng nhà với chúng tôi.

Thực sự thì khi anh còn ở Biệt Động Quân, tôi đang ở Tiểu Đoàn 3/1 thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Tôi chỉ nghe danh anh chứ chưa hề biết mặt. Mãi cho đến sau này, khi anh rời binh chủng Biệt Động Quân về ngồi tạm tại Phòng 3, Quân Đoàn I để chuẩn bị theo học khóa tham mưu tại Đà Lạt, tôi mới hân hạnh được biết anh, vì tôi đã về Phòng 3/QĐI từ trước. Sau khi tốt nghiệp khóa học, Bộ Tổng Tham Mưu/ Tổng Cục Quân Huấn chỉ định Trung Tá Võ Vàng, K17 về phục vụ tại TVBQGVN do những chiến công mà anh đã đạt được, cùng những kinh nghiệm chiến trường vô cùng quý báu mà anh đã

thu thập qua những trận ác chiến với cộng quân. Những kinh nghiệm này cần được gìn giữ, lưu truyền cho các đàn em của anh. Trong thời gian phục vụ tại Trường Mẹ, Trung Tá Võ Vàng đã đảm nhận chức vụ Trưởng Khoa Chiến Thuật, rồi Trưởng Khố Huấn Luyện, thuộc Quân Sự Vụ. Là một Niên Trưởng, anh đã đem tâm huyết trao hết kinh nghiệm đầy máu và nước mắt cho đàn em của mình đang còn miệt mài kinh sử.



Thiếu Tá Võ Vàng, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 21 BĐQ, 1967. (Hình ảnh còn lưu lại từ một cựu quân nhân Mỹ, đã từng làm cố vấn cho BĐQ.)

Đến tháng 3 năm 1972, tình hình chiến sự vô cùng sôi động, Trung Tá Võ Vàng muốn được trở lại chiến trường xưa, đơn vị cũ... để cùng đồng đội chia xẻ hiểm nguy, mặc dầu chị Võ Vàng không vui! Anh đã đạt

được ước nguyện của người trai Võ Bị.

Đến bây giờ anh lại tái ngộ với tôi ở một nơi, trong một cảnh ngộ thật nghiệt ngã mà cả anh cũng như tôi, chẳng ai mong ước: Trại 1 “Cải Tạo” Kỳ Sơn.

Mỗi ngày anh cùng tôi rong ruổi trong công tác đồn cũi, cắt tranh, làm rẫy, trồng sắn, cuộc ruộng, cấy lúa v.v.... Thôi thì đủ thứ tạp dịch không tên, kể sao cho xiết.

Rồi ngày 11 tháng 4 năm 1976, ngày báo hiệu đại họa đã tới. Hôm đó là Chủ Nhật, anh Võ Vàng có tên gọi trong danh sách thăm nuôi. Người thăm anh không ai khác hơn là chị Võ

Vàng.

Kịch bản đã được soạn thảo từ lâu, mãi đến hôm nay mới là lúc bọn khát máu thực hiện. Chúng chuẩn bị tạo yếu tố tâm lý rất ác độc, nhưng hoàn toàn là bịa đặt, về con người anh Võ Vàng. Trong những lần sinh hoạt của toàn trại trên hội trường, tên Chính Ủy Trung Đoàn đến nói chuyện với tù nhân đã ngược ngạo, láo khoét tuyên bố rằng:

- Tên Trung Tá Võ Vàng là một tên mang rất nhiều tội ác với nhân dân và chiến sĩ cách mạng. Tên này độc ác đến nỗi mỗi khi sát hại một chiến sĩ cách mạng, hắn đều cắt tai rồi xâu thành chuỗi đeo tòng teng trước ngực, đi nghênh ngang trong thành phố Đà Nẵng.

Thật rõ ràng là chỉ những người cộng sản chuyên nghề lừa đảo mới tuyên truyền được những lời gian trá trắng trợn như thế. Thử hỏi vào lúc đó, thành phố Đà Nẵng có khoảng tám trăm ngàn dân, liệu có **một** người dân nào nhìn thấy anh Võ Vàng đeo tai Việt Cộng trước ngực, đi nghênh ngang trong thành phố hay không?

Song song với sự chuẩn bị yếu tố tâm lý, chúng đã tiên liệu thời gian anh Vàng sẽ có thăm nuôi, vì qui chế của tổng trại Kỳ Sơn lúc đó là 3 tháng được thăm một lần. Một tên quân báo từ Quân Khu 5 của CS đã xuống chờ sẵn tại Trại 1. Đến ngày anh được thăm nuôi, chúng cử một cảnh vệ tên Bốn, là một tên có máu lạnh, hướng dẫn bốn năm người trong danh sách ra khu thăm nuôi gặp gia đình. Sau ít chục phút gặp người thân, tên Bốn ra lệnh cho mấy anh em chuẩn bị về trại. Anh Vàng cũng cùng với mấy anh em khác sẵn sàng trở về, thì tên quân báo nói trên đã chờ sẵn tại khu thăm nuôi, lấy uy quyền của một cấp lớn hơn cho phép ở lại với gia đình thêm một thời gian.

Tên Bốn lại hô tất cả mọi người tập hợp đầy đủ để trở lại trại. Anh Vàng cùng mọi người chuẩn bị thì tên quân báo này lại một lần nữa ra lệnh cho anh Vàng được ở lại. Dĩ nhiên là lẽ

thường tình được một cấp lớn hơn cho phép, lại thêm yếu tố tình cảm gia đình thì đương nhiên anh Vàng nghiêng về phía ở lại. Tên cảnh vệ đành tức tối dẫn toán được thăm nuôi trở về trại, không có anh Võ Vàng. Đây là một yếu tố tâm lý vô cùng thâm độc, chúng cố tình kích động lòng tự ái của tên Bốn hầu gây lòng hận thù với tên vệ binh này, để chúng xử dụng tên này một cách đắc lực và hiệu quả trong chủ đích sát hại anh trong vài ngày sau.

Đường như linh tính được báo trước nên tuy được thăm nuôi và lại được ở lại lâu gấp đôi, gấp ba những anh em khác, nhưng khi về trại mặt anh lại lộ rõ vẻ không vui như lẽ thường tình. Và quả đúng, đến chiều anh bị gọi lên ban chỉ huy trại để nhận lệnh.

Xin được tản mạn ra ngoài đề, để mô tả căn nhà chúng tôi ở. Cũng giống như tất cả các nhà khác trong trại lán chúng tôi ở có bốn sạp ở bốn góc, bằng những cây rừng do chính những người tù đi chặt về ghép lại với nhau thành bốn sạp để nằm. Bốn sạp bốn góc đã tạo thành chữ thập dùng làm lối đi ở giữa. Tôi may mắn được nằm ngay trung tâm chữ thập, còn anh Vàng thì ngược lại, xuyên tâm đối với tôi, nghĩa là anh nằm tuốt phía ngoài bìa. Mô tả như vậy để quý độc giả hiểu được rằng chỗ tôi nằm là đắc địa, vì tại tâm của chữ thập có đào một cái hố để tới đến đốt lửa, hun khói để vừa đuổi muỗi, vừa sưởi ấm cho bớt lạnh. Cui đốt thì khói lo, sống ở rừng, mỗi khi hết giờ lao động, mỗi người tù đều phải vác về một cây cui để dùng cho chính mình vào buổi tối.

Chính vì vị trí đắc địa này mà mỗi tối anh Vàng thường lân la đến chỗ tôi nằm để hút thuốc lỏ với anh Phạm Ngọc Bảo. Anh Bảo là người có quan hệ mật thiết với anh Vàng, vì hai anh có nhà ở cạnh nhau trong vùng bãi biển Thanh Bình, Đà Nẵng. Hơn nữa, anh Bảo thuộc khóa 12 còn anh Vàng khóa 17 Võ Bị. Phần tôi là em út của cả hai anh, vì tôi thuộc khóa 20. Vì tình Võ Bị này mà ba anh em chúng tôi rất thương yêu và tuyệt đối tin tưởng nhau. Yếu tố tin tưởng này rất quan trọng,

vì ở trong tù một sự kiện vô cùng ô nhục là tình trạng “ăng ten”, nên không ai dám hở miệng tâm sự với người khác. Ba anh em chúng tôi thì không phải e ngại về yếu tố này.

Và rồi, như thường lệ, ngay buổi tối hôm thăm nuôi định mệnh này, anh đã kể hết một cách tường tận về chuyện được thăm nuôi thêm giờ, gây tức tối cho tên vệ binh và trại bắt anh phải làm kiểm điểm, vì đã cưỡng lệnh cảnh vệ. Anh hỏi ý kiến tôi và anh Bảo xem nên viết kiểm điểm như thế nào. Tôi đã rất chân tình góp ý với anh là chỉ viết thật ngắn gọn rằng: “Khi tôi được anh cảnh vệ ra lệnh về lại trại, tôi đã “nghiêm chỉnh” thi hành và chuẩn bị trở về, thì cán bộ của quân khu đã có nhã ý cố giữ tôi được ở lại với gia đình thêm ít phút nữa. Tôi cam đoan đây là lời khai sự thật của tôi v. v...”

Sáng thứ hai, ngày 12 tháng 4 năm 1976, anh viết xong bản kiểm điểm ngắn gọn như tôi đã góp ý và nộp cho trại, rồi trở về tiếp tục đi lao động cùng chúng tôi.

Buổi tối, anh lại đến chỗ tôi nằm và hút thuốc cùng anh Bảo, nhưng tâm trạng của anh vô cùng bồn chồn và lo lắng. Đường như tử thần đã báo trước cho anh thời khắc chấm dứt cuộc sống sắp tới. Tôi và anh Bảo trấn an anh cách nào cũng không làm anh giảm được sự bồn chồn lo lắng ấy.

NGÀY ĐỊNH MỆNH

Hôm nay là thứ Ba, ngày 13 tháng 4 năm 1976, như thường lệ, nhà chúng tôi được phân công đi phát rẫy trên đồng Cò Bay, lối đi lên vùng mỏ vàng Bồng Miêu và do chính tên Bốn dẫn đi. Khi vài anh có nhiệm vụ trực trong nhà, ra nhà kho để nhận dụng cụ phát rẫy gồm dao tông và rựa vè, anh Vàng đã nhận một con dao tông giống như tôi. Đường như muốn đè nén nỗi lo âu, anh luôn luôn đi cạnh tôi và trò chuyện cho khuây khoả... Đến khi vào khu vực phát rẫy, những người cầm rựa thì đốn những cây tương đối nhỏ, còn những người cầm dao tông như anh và tôi thì phải hạ những cây có đường kính lớn hơn. Gặp những cây quá lớn với cành lá xum xuê thì hai

anh em chúng tôi cùng đốn một cây.

Bỗng nhiên khoảng 10 giờ sáng, chúng tôi đã tiến lên cao được khoảng mười thước cách đường mòn, thì từ phía dưới đường, tên Bốn nói với lên trên:

- Anh trưởng toán đâu, cho tôi mười người cầm dao tông đi theo tôi lên phía kia đốn những cây lớn hơn.

Lúc đó anh nhà trưởng đi kiểm những người cầm dao tông. Anh Vàng nói với tôi:

- Ê mày, thôi tụi mình xuống đi, nó đang kiểm người cầm dao tông kia.

- Kệ cha nó, mình cứ lơ đi, coi như không nghe thấy. Tôi trả lời.

Chỉ một lát sau đó, tên Bốn đứng ngay sau lưng chúng tôi dưới đường mòn, vừa nói vừa chỉ thẳng vào anh Vàng:

- Anh kia! (Làm như tên này không biết tên anh Vàng.) Xuống đây đi đốn chỗ khác.

Thế là anh Vàng đi xuống, trong khi tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ mà tên này không gọi tôi. Đây là giây phút cuối cùng, sau đó tôi vĩnh viễn không bao giờ còn đứng cạnh anh nữa.

Anh mới rời tôi khoảng vài chục phút thì một loạt đạn chất chúa vang lên. Tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra nhưng vẫn nhủ trong lòng chắc có chuyện chẳng lành...

Mãi cho đến giờ nghỉ trưa, tôi tụt xuống đường mòn để chuẩn bị ăn trưa thì gặp ngay anh Lê Văn Lộc, Thiếu Tá Cảnh Sát, nguyên Trưởng Khối CTCT, Ty Cảnh Sát Thừa Thiên - Huế, hôm nay làm nhiệm vụ anh nuôi, nấu nước cho anh em uống. Thấy tôi, mặt anh chảy dài, mắt đỏ ngầu, ứa nước mắt, và nói ngay với tôi rằng:

- Anh Vàng chết rồi!

Tôi hết sức bàng hoàng, tay chân bủn rủn. Lần lần tôi mới vỡ lẽ. Số là, sau khi tên Bốn tách mười người đi đốn cây ở chỗ

khác, y đã dẫn toán này đi xa nơi cũ, chỉ chừng vài ba chục mét về hướng đồng Cò Bay, gần cây cầu lũng, địa danh “cây cầu lũng” anh em trại 1 Kỳ Sơn ai cũng biết, tên Bốn chỉ cho mọi người lên đó mà đồn. Khu vực này cây cối cũng có lớn, nhỏ, có hơn chỗ cũ gì đâu, mục đích chính chỉ là y muốn tách rời mười người này ra xa khỏi toàn khối 2 của chúng tôi. Sau đó, Bốn lại lấy hai người trong số mười người dao tông này, để đi đồn đốt về làm chòi cho trại! Mản trình diễn này quá tồi. Nếu đồn đốt thì phải gọi những người cầm rựa mới đúng vì dễ khoèo, dễ phứt, chứ sao lại lấy người cầm dao tông?

Hai người mà Bốn chỉ định là anh Võ Vàng và anh Nguyễn Văn Bá, Trung Tá Thủ Khoa khóa 13 Võ Bị....

Rõ ràng quá! Ý định đen tối của Bốn là lấy anh Vàng ra khỏi đám đông để dễ dàng động thủ, che dấu dã tâm đầy thú tính của mình. Khi hai anh vừa rời toán được mấy chục thước, thì Bốn chỉ tay nói anh Vàng xuống suối mà tìm đốt còn anh Bá thì đi thẳng qua bên kia cầu lũng, chứ hai người cùng đi với nhau thì đốt đâu cho cả hai người cùng đồn!

Anh Vàng vừa xuống hướng suối không đầy mười thước, thì một tràng đạn AK nổ dồn. Mấy chục con người mang thân tù tội đang cặm cùi đồn cây, đều ngừng tay. Linh tính cho biết là chắc chắn có chuyện gì bất thường.

Phần tôi, tôi biết được chi tiết vừa trình bày là do anh Bá kể lại. Và rồi, tiến xa hơn một chút, tôi càng được tường tận hơn khi tên Bốn đã nhìn tôi và yêu cầu tôi cùng anh Trần Hữu Cảnh, Thiếu Tá Phòng 2 Quân Đoàn I xuống hướng suối để khiêng xác anh Vàng lên. Vừa rẽ khỏi đường mòn chừng mười thước, tôi đã chứng kiến cảnh đau lòng đến xé ruột diễn ra trước mắt mình. Anh Vàng nằm úp mặt xuống dòng suối cạn. Từ thắt lưng lên đầu thì ướt, phần còn lại từ lưng xuống chân thì vẫn khô. Anh nằm úp mặt dưới suối. Khi lật xác anh lên, chúng tôi muốn oà khóc vì thấy những phát đạn quá tàn bạo. Tôi đếm được tất cả bảy vết đạn đều bắn từ sau ra trước, mà

trong đó hình ảnh của hai phát đạn xuyên ra phía trước thân thể anh, đã ám ảnh, đã hằn sâu, trong tâm trí tôi cho đến suốt đời, vì hai phát này đã kết liễu đời anh. Một phát từ sau lưng bắn toác ra phía trước ngực, hơi chệch về trái, có nghĩa là anh đã bị vận tốc xoáy của viên đạn phá tan tim và lồng ngực. Phát thứ hai từ hàm phải xuyên qua cửa miệng trái, vỡ hết hàm răng khiến cho miệng anh không còn khép lại được nữa. Năm phát còn lại thì rải rác ở cánh tay, hông, và ống chân...

Khiêng thi thể của anh lên mặt đường, đặt gần nơi anh Lộc làm anh nuôi, lúc này tôi mới lục trong túi của anh lấy ví, mở ra, thấy trong đó có tấm hình vợ con và số tiền 200 đồng. Một nhẫn vàng khoảng hai chỉ trên ngón tay và cổ tay còn đeo chiếc đồng hồ Longine. Xin mở ngoặc, vào lúc này do bên quân đội quản lý, nên các tù nhân vẫn còn được giữ các tư trang. Chỉ sau này, khi bọn bò vàng (công an) quản lý thì tư trang và tiền bạc mới bị ký gửi.

Khi làm biên bản, một sự lưu manh, xảo trá chuyên nghiệp của bọn cộng sản lại được thể hiện: cụ thể là chiếc nhẫn vàng thì chúng buộc tôi phải viết lại là chiếc nhẫn **màu vàng** và không ghi rõ trọng lượng! Sau này khi sang Hoa Kỳ, duyên may tôi được gặp chị Võ Vàng, tôi mới vỡ lẽ là họ trả lại cho chị chiếc đồng hồ hiệu Seiko. Quái lạ! Đồng hồ Longine đã bị “cải tạo” thành Seiko.

Sau khi làm biên bản, thi hài anh Vàng vẫn được để nằm tại chỗ. Khi ăn cơm trưa xong, một số anh em mới được phân công khiêng thi hài của anh về trại. Những anh này gồm anh Nguyễn Văn Tổ, Trung Tá nguyên Tỉnh Trưởng Phú Yên, anh Nguyễn Văn Chúc, Trung Tá, nguyên gốc Biệt Động Quân cùng thời với anh Vàng, anh ĐHX, Thiếu Tá thuộc Thiết Đoàn M48, Quảng Trị, và anh Trần Hữu Cảnh, Thiếu tá P 2/QĐI.

Một chuyện lạ rất huyền bí không chứng minh được do chính anh Trần Hữu Cảnh kể lại cho tôi nghe. Khi về đến gần cổng trại, phía bên tay phải là một căn nhà nhỏ chúng tôi

thường gọi là chuông cu, dùng để nhốt những anh bị kỷ luật, “cảnh vệ” đã chỉ cho toán khiêng xác anh Vàng vào trong đó. Bỗng nhiên xác anh nặng trĩu hai người khiêng bị trĩu hẳn xuống, không cách gì khiêng nổi. Anh Cảnh chợt nghĩ ra rằng đây là nhà kỷ luật chắc anh Vàng nhất định không chịu vào. Anh Cảnh bèn khấn vái với anh Vàng rằng:

- Xin anh hãy thông cảm cho chúng tôi được khiêng anh vào. Chúng tôi bắt buộc phải làm, chứ không phải tội tôi muốn như vậy.



*Một hình ảnh của người lính
BĐQ*

Sau nhiều lời khấn vái thì xác anh bỗng nhẹ hẳn đi để anh em khiêng vó.

Chưa hết, sau này tôi lại được một vài anh em ở ngoài Tổng Trại kể lại rằng tên Bốn sau này dường như bị điên điên, khùng khùng, suốt ngày cứ lảm nhảm vừa đi vừa nói:

- Tôi đâu có muốn giết anh! Tôi đâu có muốn giết anh!

Việc này tôi chỉ nghe kể lại chứ không được chứng kiến nên không hiểu thực hư ra sao, xin chỉ viết lại với sự dè dặt tối đa.

Khi đào huyết chôn anh lại gặp nhiều rắc rối. Những người đào huyết đang đào nửa chừng thì người trưởng trại tên Nhất, đi họp ngoài Tổng trại về, trông thấy bèn cho biết là chôn ở vị trí này, vì người ta sẽ phóng đường để cho xe cộ có thể chạy được lên mỏ vàng Bồng Miêu. Mọi người phải dừng tay, lấp hố, đi đào huyết khác. Đến vị trí thứ hai mới đào sâu được vài chục phân, thì gặp phải đá tảng, không cách gì đào nổi, nên lại phải đi kiếm chỗ khác. Huyết thứ ba ở khá cao trên triền núi. Khi đã xấp xỉ toán chôn cất mới hoàn tất việc mai táng cho anh.

Kiểm chứng lại việc chúng muốn phục thù, cướp mạng sống của anh, mới thấy rõ là chúng chuẩn bị một kế hoạch rất tỉ mỉ. Từ việc cử một tên cán bộ quân báo của Quân Khu 5 CS xuống chờ sẵn, đợi dịp anh Vàng được thăm nuôi, chọn một tên vệ binh có máu lạnh dẫn anh đi, gây cho hấn lòng căm phẫn với anh Vàng. Sau ngày chủ nhật được thăm nuôi, ngày thứ hai bắt nộp bản kiểm điểm, rồi đánh giá là lời khai tránh trở, quanh co, ngoan cố không nhận lỗi, ngày thứ ba cho đi lao động, cố ý cắt cử tên vệ binh Bốn hướng dẫn đi phát rẫy, rồi xuống tay hạ thủ và kết quả đã đúng như dự tính.

Thế nhưng nói như thế không có nghĩa là chúng không để lộ ra những màn diễn xuất quá tồi. Ngay sau khi bắn anh Vàng, tên Bốn đã xuống suối nhúng nước cho quần ướt đến đầu gối rồi thất thểu vác súng về trại, biết bao nhiêu cặp mắt anh em tù chúng tôi thấy khẩu súng của y còn nguyên vẹn, nhưng đến xế trưa, khi bọn cán bộ từ trung đoàn đến nơi xảy ra án mạng làm biên bản thì báng súng lại có vết chém! Biên bản ghi rằng “tên Vàng phản động” tính chém vệ binh để cướp súng khiến vệ binh buộc lòng phải bắn để tự vệ. Nhưng lỗ bịch thay vết đạn bắn lại toàn từ phía sau ra phía trước! Về điểm này xin được nói thêm là nhà 9 chúng tôi, tôi tôi thường có một y tá người Bắc, thường lân la xuống trò chuyện và hút thuốc lỏ với anh em chúng tôi. Ngay buổi tối hôm đó, như thường lệ, anh y tá này lại xuống, vừa bước vào nhà anh đã buột miệng nói ngay:

- Đ.M. chúng nó, chúng nó đang tâm bắn một người vô tội, vết đạn rõ ràng bắn từ sau ra trước mà bảo người ta là phản động, cướp súng của vệ binh! Ngày mai ghi vào biên bản xác minh, bố mày sẽ ghi rõ ràng là vết đạn bắn từ sau ra trước.

Và tiếc thay, chỉ vài ngày sau khi mặc mọt thốt ra những lời kể trên, người y tá còn chút nhân tính này không thấy xuất hiện tại nhà 9 chúng tôi nữa. Cướp đi mạng sống của anh Vàng, chúng vẫn chưa thỏa mãn được lòng hận thù của chúng. Chị Vàng sống tại Đà Nẵng cũng không được yên thân. Sau này khi được gặp chị, tôi mới được biết, chị bị cắt hết nguồn sống

của mẹ con bằng cách không cho chị được tiếp tục dạy học tại trường trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng nữa. Đồng thời còn cô lập gia đình chị bằng cách phao tin Võ Vàng là “một tên phản động khát máu, mặc dầu được đưa vào trại cải tạo để giúp hắn trở nên người lương thiện nhưng vẫn giữ bản chất cũ, đã cố tình cầm dao chém cảnh vệ để cướp súng, nên đã bị đền tội.” Thế là tất cả bà con chòm xóm, ngay cả người thân trong gia đình cũng phải xa lánh mẹ con chị, vì sợ bị liên lụy. Ấy là chưa kể nhiều người quá ngây thơ khờ dại, tin lời bịa đặt, đã chê trách anh Vàng quá dại dột, dùng dao mà độ sức với súng đạn thì làm sao mà thắng nổi! Anh hùng rom!

Mãi sau này, trong một dịp nhà báo Huy Phương phụ trách chương trình “Huỳnh Đệ Chi Bình” của đài SBTN có nhã ý tìm gặp tôi và muốn được tôi kể lại chuyện Trung Tá Võ Vàng bị thảm sát trong tù, tôi mới có dịp tường thuật khá đầy đủ cùng khán thính giả của đài. Chị Vàng đã xem được cuộc phỏng vấn này và chị đã phản náo được an ủi:

- Xem như anh Vàng đã được rửa mặt. (Rửa mặt ở đây có nghĩa là rửa nhục, lấy lại danh dự.)

Chỉ tiếc một điều là sao lại có một số người quá nhẹ dạ cả tin, nhất là tin lời tuyên truyền của Cộng Sản. Có lẽ họ chưa được nghe lời chỉ giáo của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. (**“Đừng nghe những gì CS nói, mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm.”**)

Mặt khác, mới thời gian ngắn trước đây tôi lại được dịp đọc một bài viết của anh Đ.H.X, cũng viết về cái chết của anh Vàng. Với anh Đ.H.X, tôi cũng biết khá nhiều về anh ngay từ khi mới nhập trại. Kẹt một nỗi là nay anh vẫn còn ở Việt Nam, bởi một lý do tôi không tiện nói ra vì sẽ rất có hại cho anh trong cảnh ngộ quá ngặt nghèo này. Đọc bài viết của anh, tôi vô cùng cảm phục cái tâm của anh, vì sau khi chứng kiến cái chết của anh Vàng, phải khiêng anh về trại, mai táng cho anh Vàng, anh đã nguyện trong tâm rằng sẽ kể lại đầy đủ cái chết

đau thương này, thì anh mới yên lòng trước khi nhắm mắt. Chỉ tiếc là hoàn cảnh của anh vẫn còn trong tình trạng cá chậu chim lồng, nên chưa nói hết được những gì anh muốn nói. Và lại, anh mới chỉ viết được phần anh chứng kiến kể từ đoạn thi hài anh Vàng được khiêng về trại và anh bị buộc phải làm biên bản sai sự thực, trái hẳn với những gì anh được chứng kiến, rồi tiếp theo phải ký vào biên bản trước hòng sủng.

Tự trung, cái chết của anh Võ Vàng tính đến nay, năm 2017, đã trôi qua hơn bốn thập niên, nhưng hình ảnh quá đau thương tàn bạo, đối với người được chứng kiến tận mắt như chúng tôi lúc nào cũng vẫn còn hiện rõ mồn một...!

Nếu được đọc lịch sử về cuộc nội chiến Nam-Bắc của Hoa Kỳ, sự ứng xử của đoàn Bắc Quân chiến thắng với đội Nam Quân chiến bại hết sức mã thượng, danh dự của kẻ chiến bại vẫn được tôn trọng. Gần hơn nữa, sự kiện bức tường Bá Linh sụp đổ, người Tây Đức cũng tiếp đón người Đông Đức vô cùng quân tử, không một chút hận thù. Có ai đó mơ mộng rằng đám cầm quyền CS Việt Nam cũng đối xử nhân đạo, tử tế với Việt Nam Cộng Hoà thì quả là người đó đã mắc bệnh... hoang tưởng!

Mặt khác, cuộc cải cách ruộng đất còn đó, vụ án Nhân Văn Giai Phẩm còn đó, và mới đây nhất làn sóng đồ tràn ngập miền Nam còn đó. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, các trại tù khổ sai, nhục hình mang danh “cải tạo” mọc lên như nấm gặp mưa. Cách đối xử với người tù vô cùng dã man, ác độc, mà vụ sát hại anh Võ Vàng là một điển hình. Thế mà lũ người **Xạo - Hết - Chỗ - Nói** vẫn lải nhải kêu gọi xóa bỏ hận thù, hòa hợp hòa giải dân tộc thì quả là chúng đang bị chứng... mộng du!

California, ngày 23 tháng 9 năm 2017.

Xuân Nay Nhớ Nhà.

Lê Anh, K27

Năm tháng trôi qua đầu tóc bạc
Trời cao khó thể trốn vào đâu
Đời người sức kém theo nhiều tuổi
Mộng cũng dần vơi cuối nẻo sâu

*Mấy chục năm làm người biệt xứ
Đêm tàn trăng rụng kiếp nhân sinh
Mài guơm, kết bạn tìm tri kỷ
Soi gương chỉ thấy bóng già hình*

Mấy chục năm quanh đi quẩn lại
Chuyện cũ nghe hoài đầy cả tai
Thời gian không đứng yên một chỗ
Cuộc cò người còn lại những ai?!

*Cuối năm Xuân đến âm thầm muộn
Xuân này có khác Xuân trước không?
Ngậm ngùi kỷ niệm nằm im tiếng
Mắt nhìn sâu kín một chân không*



Mây nước xa vời nơi xứ lạ
Xuân gì tuyết phủ ngập cỏ cây
Quanh đây màu đất màu đất bạc
Lòng buồn mưa trắng xuống sân đầy

*Xuân đến làm chi dậy nỗi chờ
Xuân về nếp trán lạnh hồn thơ
Mấy ai nghe nhớ hôm nào ấy
Người đi đi mãi có bao giờ...?*

Gió lộng từ xa ngàn mơ ước
Đời quen mưa nắng thưở quê nhà
Xứ người tưởng sống nhờ, ở đậu
Thế mà đã mấy chục xuân qua.

Độc Bản Thánh Ca Alpha Đỏ

(Trang 31)



... Trong bài thơ “Tình Say” của tôi do nữ nhạc sĩ Nhật Hạnh đã phổ thành ca khúc, có 2 câu thơ lục bát:

*Mai qua phố cũ tình say,
Anh mơ tập vẽ chân mày mỹ nhân.*

Vâng, tôi muốn được viết lên đây “**Bản Thánh Ca Alpha Đỏ**” để thương nhớ về Trường Mẹ (TVBQGVN) và những người nữ đã đi qua đời tôi.

Bởi trong tận đáy sâu tâm hồn tôi, chỉ hiện diện hình ảnh lẫm liệt của **Alpha Đỏ** và **Người Tình Quê Hương**, suốt cuộc đời tạm bợ này.

Cao Nguyên Tình Xanh Mùa Thu 2012

QUỐC NAM
C22/TVBQGVN

Các độc giả muốn biết thêm chi tiết, hoặc order sách “Bản Thánh Ca Alpha Đỏ” từ nhà xuất bản Đông Phương, liên lạc qua:

FAX số (206)260-8796 Email: Tuongvangvn@gmail.com

Thế thức trả tiền: Trong nội địa Hoa Kỳ, sách sẽ được gửi qua UPS bằng C.O.D. Ngoài Hoa Kỳ, Đông Phương sẽ gửi sách ngay qua US Post Office, sau khi thanh toán chi phí.

Giá: US \$15.00

TỔNG HỘI CỰU SVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU
BAN CHẤP HÀNH TỔNG ĐOÀN

P.O. Box 692230, Houston, TX 77269, USA

Phone: 832-630-1785 - Email: ttndh.us@gmail.com

THÔNG BÁO*

Học bổng VÕ BỊ dành cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam
Bảo trợ bởi Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Kính đại gia đình Võ Bị,

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu xin kính thông báo cùng quý vị học bổng VÕ BỊ dành cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam.

TĐ/ TTNDH tái lập học bổng VÕ BỊ cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam nhằm các mục đích như sau:

1/ Nói kết tình thân giữa hậu duệ Võ Bị ở hải ngoại và quốc nội.

2/ Khuyến khích lòng hiếu học của hậu duệ Võ Bị trong nước.

3/ Phụ giúp phí bút mực cho các hậu duệ Võ Bị Học Bổng Võ Bị tuy khiêm nhường, nhưng gói ghém rất nhiều những tình cảm, quan tâm của hậu duệ hải ngoại dành cho hậu duệ tại Việt Nam. TĐ/ TTNDH kính mong quý Chú, Bác, Cô chuyển thông tin này đến các Cô, Chú, Bác đại diện các khoá ở Việt Nam để học bổng VÕ BỊ sẽ được gửi đến tay các hậu duệ.

CHI TIẾT, ĐIỀU KIỆN, VÀ THỂ THỨC ĐỂ GHI DANH NHẬN
HỌC BỔNG VÕ BỊ

Học bổng VÕ BỊ bao gồm:

- Bốn học bổng cho các em cấp một.
- Từ lớp một đến lớp năm: \$100 một học bổng.
- Bốn học bổng cho các em cấp hai.
- Từ lớp sáu đến lớp chín: \$200 một học bổng.
- Bốn học bổng cho các em cấp ba.
- Từ lớp 10 đến lớp 12: \$300 một học bổng.
- Bốn học bổng cho các em đang học đại học: \$400 một học bổng.

- Học Bổng \$200 dành cho các em vừa tốt nghiệp Đại Học, đang xin việc làm. Học bổng này mong giúp các em về phí di chuyển, trang phục cho phỏng vấn tìm việc.

ĐIỀU KIỆN VÀ THẺ THỨC CHI DANH

- Ứng cử viên phải là con, cháu, chất của các cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

- Ứng cử viên phải hoàn tất đơn ghi danh nhận học bổng.

- Ứng cử viên phải viết một đoạn văn ngắn cho biết tại sao mình xứng đáng nhận học bổng. (Tối thiểu 100 từ cho các em cấp một, 200 từ cho các em cấp hai, 300 từ cho các em cấp ba, và 400 từ cho các em đang học đại học).

Những em được nhận học bổng năm học 2016-2017, xin gửi Tổng Đoàn cập nhật việc học của các em để Học Bổng Võ Bị sẽ tiếp tục song hành cùng các em trong hành trình trau dồi tri thức.

- Đơn ghi danh xin được gửi về địa chỉ/ điện thư của TĐ/ TTNDH:

TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU

P.O. Box 692230, Houston, TX 77269, USA

Phone: 832-630-1785 - Email: tndh.us@gmail.com

- Thời gian nhận đơn không giới hạn.

TĐ/ TTNDH kính mong các Chú, Bác, Cô chuyển giúp thông tin này đến hậu duệ ở Việt Nam để chúng con có thể nối kết tình thân với các anh chị em qua hoạt động này.

Chúng con kính gửi lời cảm ơn đến đại gia đình Võ Bị luôn ủng hộ vật chất và tinh thần cho những hoạt động của chúng con. Kính chúc đại gia đình Võ Bị của mình luôn được nhiều sức khỏe, an vui.

Ngày 28 tháng 11, năm 2017

Kính,

Thay mặt Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Tammy Huỳnh Ngọc Thúy

K19/2 -TĐT/ TĐ/ TTNDH

* <http://www.tvbqgvn.org/truyenthong/thanhthieunien/thongbaohocbong.htm>

** Vào web của Tổng Hội Võ Bị: tvbqgvn.org

Nhấn vào mục: **Truyền Thông**

Nhấn vào mục: **Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu**

Nhấn vào mục: **Thông Báo Học Bổng**



An Khang Thịnh Vượng!



Cứu Trợ Bão Harvey

Kính thưa quý chú bác Cựu SVSQ TVBQGVN,

Kính thưa quý cô bác Phụ Nữ Lâm Viên, quý thân hữu cùng các anh chị em hậu duệ Võ Bị - TTNDH,

Vào những ngày cuối tháng 8, cơn bão đã đổ bộ vào Houston và các thành phố lân cận. Trong năm ngày mưa to gió lớn, có nơi mực nước dâng cao hơn 5 feet, đã gây tổn thất nặng nề cho cư dân.

Cùng một số cơ sở thương mại, là hàng trăm ngàn căn nhà bị thiệt hại, hàng trăm ngàn người phút chốc trở thành vô gia cư. May thay, trong khó khăn hoạn nạn, người dân Houston đã nhận được nhiều sự giúp đỡ kịp thời từ nhiều thiện nguyện viên, từ cấp cơ quan chính phủ, đến các cơ quan bất vụ lợi, hội đoàn, nhà thờ, nhà chùa. Mọi người chung tay góp sức giúp đỡ các nạn nhân vượt qua các khó khăn.

Trong tình thân lá lành đùm lá rách và Tình Tự Võ Bị, các chú CSVSQ K21 Võ Minh Hòa - Cựu Hội Trưởng, và Phùng Hữu Châu - Cựu Thủ Quỹ của BCH Hội Võ Bị Houston (NK 2014-2017), đã nhanh chóng thành lập Ban Cứu Trợ (BCT) nhằm giúp xoa dịu những mất mát thiệt hại mà một số gia đình Võ Bị tại Houston đang gánh phải. Quý CSVSQ, quý thân hữu, quý hậu duệ VB khắp nơi trên thế giới cũng đã hướng về gia đình Võ Bị tại Houston & các thành phố lân cận và đã yểm trợ cho BCT.

Với số tiền yểm trợ **\$19,035 Mỹ Kim của 202 mạnh thường quân**, BCT chúng con đã có cơ hội đến thăm và ủy lạo 12 gia đình Võ Bị đã bị thiệt hại do cơn bão gây ra. Xin nhận nơi đây lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Chúng con, nhân đây cũng xin Ôn Trên tiếp tục che chở và giúp cho các gia đình nạn nhân bão Harvey sớm khắc phục những mất mát thiệt hại và sớm trở lại với cuộc sống bình thường.

Chúng con xin phép được phổ biến danh sách yểm trợ từ quý ân nhân* và chia sẻ một số hình ảnh của các buổi ủy lạo mà Đoàn TTNDH và BCH Hội Houston đã có cơ hội thực hiện. Chúng con xin cảm ơn các gia đình nạn nhân đã cho phép chúng con đến thăm hỏi và an ủi. Các buổi thăm vừa qua đã để lại trong lòng chúng con nhiều kỷ niệm quý báu. Sức chịu đựng và vượt qua khó khăn của các cô, chú, bác, và các anh chị thật sự làm chúng con khâm phục.

Trước khi tạm ngưng, chúng con kính chúc quý vị luôn mạnh khỏe và bình an trong cuộc sống!

Xin trân trọng tri ân và kính chào!

Tổng Đoàn TTNDH & Đoàn TTNDH Houston, Texas

Thay mặt Ban Cứu Trợ

Tammy Huynh, 19/2

* Danh sách các mạnh thường quân và một số hình ảnh được đưa lên web tại:

<http://tvbqgvn.org/truyenthong/thanhthieunien/baoharvey.htm>

* Vào web của Tổng Hội Võ Bị: tvbqgvn.org

Nhấn vào mục: **Truyền Thông**

Nhấn vào mục: **Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu**

Nhấn vào mục: **Quỹ của Bão Harvey, Texas**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÂY MÙA XUÂN 2018

(Tính tới ngày 15 tháng 12 năm 2017)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mr. Phạm Ngọc	Thiệp	7 300
2	Mr. Phạm Thế	Vinh	9 100
3	Mr. Lê Trọng	Hiệp	12 30
4	Mr. Ngô Như	Khuê	12 50
5	KHÓA 12		12 300
6	Mr. Nguyễn Văn	Úc	16 50
7	Mr. Trần Đình	Bảo	17 100
8	Mr. Lê Văn	Cưu	17 50
9	Mr. Nguyễn Văn	Dục	17 100
10	Mr. Hồ Văn	Được	17 50
11	Mr. Nguyễn Văn	Lân	17 50
12	Mr. Nam Sinh	Tín	17 100
13	Mr. Nguyễn Quang	Trung	17 50
14	KHÓA 17		17 200
15	Mr. Lại Đình	Đán	18 50
16	Mr. Huỳnh Văn	Giai	18 50
17	Mr. Đỗ Văn	Hạnh	18 50
18	Mr. Trần Ngọc	Huế	18 100
19	Mr. Nguyễn Ngọc	Khoan	18 100
20	Mr. Bùi Văn	Miêu	18 50
21	KHÓA 18		18 500
22	Mr. Phan Công	Bá	19 50
23	Mr. Nguyễn	Chí	19 50
24	Mr. Võ Quang	Giang	19 50
25	Mr. Nguyễn Đình	Hạnh	19 50
26	Mr. Trương	Khương	19 50
27	Mr. Nguyễn Hồng	Miên	19 50
28	Mr. Trương Thanh	Sương	19 50
29	Mr. Hà Trọng	Thu	19 50

30	Mr.	Hồng Khắc	Trân	19	50
31		KHÓA 19		19	300
32	Mr.	Nguyễn Tài	Ánh	20	50
33	Mr.	Nguyễn	Hai	20	50
34	Mr.	Trần Thanh	Quang	20	50
35		KHÓA 20		20	300
36	Mr.	Nguyễn Công	Bình	21	50
37	Mr.	Nguyễn Đào	Đoán	21	50
38	Mr.	Nguyễn Văn	Hải	21	50
39	Mr.	Phạm Quang	Hậu	21	100
40	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	50
41	Mr.	Đổng Duy	Hùng	21	50
42	Mr.	Trần Văn	Khiết	21	50
43	Mr.	Lý Văn	Lục	21	50
44	Mr.	Ng Khắc Song	Phương	21	50
45	Mr.	Lê Quý	Trần	21	50
46	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	100
47	Mr.	Nguyễn Trung	Việt	21	20
48		Khóa 21		21	200
49	Mr.	Lạc Minh	Châu	22	50
50	Mr.	Trần Văn	Tiến	22	50
50b	Mr.	Lê	Hoành	23	100
51	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	50
52	Mr.	Nguyễn	Em	25	50
53	Mr.	Nguyễn	Hàm	25	200
54	Mr.	Lê Khắc Phước & GĐ		25	100
55	Mr.	Ng Phước Ái	Đinh	26	100
56	Mr.	Bùi Văn	Hoàng	26	50
57	Mr.	Đào Quý	Hùng	26	100
58	Mr.	Phạm Đình	Lê	26	50
59	Mr.	Phan Anh	Tuấn	26	50
60		KHÓA 26		26	200
61	Mr.	Nguyễn Duy	Niên	27	50
62	Mr.	Trần Trí	Quốc	27	100
63	Mr.	Diệp Quốc	Vinh	27	100
64	Mr.	Hoàng Như	Cầu	28	50
65	Mr.	Nguyễn Đình	Lập	28	50
66	Mr.	Trương Thành	Minh	28	100

67	Mr.	Trần	Tường	28	50
68	Mr.	Tsu A Cầu & GĐ		29	200
69	Mr.	Phòng Tít	Chăng	29	100
70	Mr.	Đỗ Trọng	Đạt	29	50
71	Mr.	Đào Công	Hương	29	100
72	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	29	100
73	Mr.	Phan Văn Ý	Ý	29	100
74	Mr.	Phan Văn	Lộc	30	100
75	Mrs.	Trương Thị	Hiền	8/2	100
76	Mr.	Lê Bá	Hoàng	8/2	100
77	Mrs.	Cristina Cao & GĐ		14/2	100
78	Ms.	Ng Hồ Diễm	Anh	17/2	50
79		Tổng Đoàn TTNDH			300
80		Hội VB Kansas			100
81		Đoàn TTNDH Houston			200

Tổng Cộng: **7,850**

Chương trình yểm trợ “**Cây Mùa Xuân 2018**” chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số tiền đã được quyên góp sẽ được gửi tặng một số gia đình của CSVSQ/ TVBQGVN còn gặp khó khăn, hoặc gia đình của các CSVSQ đã khuất, vào dịp Tết Nguyên Đán 2018, như một món quà Xuân, cũng như để bày tỏ tình thân ái của các CSVSQ đến họ và gia đình.

Xin cảm ơn quý vị.

Nguyễn Văn Lộc, K30
Thủ Quỹ.

Hoàng Như Cầu, K28
Ủy Viên Xã Hội



YẾM TRỢ ĐẠI HỘI XXI

(Tính tới ngày 15 tháng 12 năm 2017)

Số TT	Họ & Tên	Khóa	Tiền
1	Mr. Nguyễn Kim	Biên	10 100
2	Mr. Phạm Quang	Mỹ	10 50
3	Mr. Nguyễn Quang	Hà	12 50
4	Mr. Nguyễn Quốc	Đồng	13 100
5	Mrs. Christina	Cao	14/2 100
6	Khoá 15 Nam Cali		200
7	Mr. Nguyễn Văn	Úc	16 100
8	Mr. Lê Văn	Cru	17 50
9	Mr. Nguyễn	Lân	17 100
10	Mr. Nguyễn Quang	Trung	17 100
11	Mr. Nguyễn Văn	Dục	17 100
12	Khóa 18		300
13	Mr. Bùi Văn	Miêu	18 100
14	Mr. Đỗ Văn	Hạnh	18 100
15	Mr. Huỳnh văn	Giai	18 50
16	Mr. Lã quý	Trang	18 100
17	Mr. Lại Đình	Đán	18 100
18	Mr. Lê Văn	Mề	18 100
19	Mr. Lương Công	Cản	18 100
20	Mr. Nguyễn Ngọc	Khoan	18 100
21	Mr. Phạm văn	Thuận	18 100
22	Mr. Trần Ngọc	Huế	18 100
23	Mr. Trịnh Bá	Tứ	18 50
24	Khóa 19		300
25	Mr. Châu Đức	Thảo	19 50
26	Mr. Đặng Đình	Liêu	19 50
27	Mr. Đình Văn	Thuận	19 100
28	Mr. Đỗ Tự	Cường	19 200
29	Mr. Dương Văn	Chiến	19 50
30	Mr. Hồ Văn	Hạc	19 50
31	Mr. Hoàng Gia	Hiếu	19 50
32	Mr. Hồng Khắc	Trân	19 100

33	Mr.	Huỳnh Ngọc	Ăn	19	50
34	Mr.	Lê Khắc	Kha	19	20
35	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	50
36	Mr.	Nguyễn Đình	Hạnh	19	100
37	Mr.	Nguyễn Hồng	Miên	19	200
38	Mr.	Nguyễn Minh	Tâm	19	30
39	Mr.	Nguyễn Ngọc Nam	Cường	19	50
40	Mr.	Nguyễn	Nho	19	100
41	Mr.	Nguyễn Văn	Hóa	19	100
42	Mr.	Nguyễn Văn	Tấn	19	50
43	Mr.	Nguyễn Văn	Triệu	19	100
44	Mr.	Nguyễn	Giám	19	60
45	Mr.	Nguyễn Xuân	Thi	19	30
46	Mr.	Tô Văn	Cấp	19	30
47	Mr.	Tôn Thất	Ban	19	100
48	Mr.	Trần Phú	Tĩnh	19	50
49	Mr.	Trần Tiến	San	19	20
50	Mr.	Trịnh Đức	Phương	19	20
51	Mr.	Trương	Khương	19	100
52	Mr.	Trương Thanh	Sương	19	100
53	Mr.	Võ Quang	Giáng	19	100
54	Mr.	Võ Trọng	Em	19	100
55	Mrs.	Nguyễn Khắc	Hiếu	19/1	100
56	Ms.	Julie	Vo	19/2	50
57	Mr.	Mark	Phan	19/2	50
58	Mr.	Nguyễn Hữu	Mạnh	20	100
59	Mr.	Nguyễn Thanh	Đức	20	100
60	Mr.	Trần Thanh	Quang	20	100
61	Mr.	Quách Tinh	Cần	20	100
62	Mr.	Đổng Duy	Hùng	21	100
63	Mr.	Hồ Tấn	Đạt	21	100
64	Mr.	Lê Quý	Trần	21	50
65	Mr.	Lý Ngọc	Đức	21	100
66	Mr.	Lý Văn	Lực	21	50
67	Mr.	Nguyễn Đắc Song	Phương	21	50
68	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	50
69	Mr.	Nguyễn Văn	Hải	21	50
70	Mr.	Phạm Công	Cần	21	30

71	Mr.	Trần Văn	Khiết	21	50	
72	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	100	
73	Mr.	Mai Vĩnh	Phu	22	100	
74	Mr.	Trần Văn	Tiến	22	50	
75	Mr.	Bùi Văn	Hồng	23	?	
76	Mr.	Đỗ Mạnh	Trường	23	50	
77	Mr.	Lê	Hoành	23	100	
78	Mr.	Quách Vĩnh	Niên	24	100	
79	Mr.	KT	Paris	25	119	
80	Mr.	Lê Khắc	Phước	25	100	
81	Mr.	Nguyễn	Em	25	100	
82	Mr.	Nguyễn	Hàm	25	300	
83	Mr.	Đặng Bích	Phương	25/2	119	
84	Mr.	Đặng Tuấn	Khoa	25/2	119	
85	Mr.	Đặng Tuấn	Khôi	25/2	119	
86	Mr.	Đào Quý	Hùng	26	100	
87	Mr.	Nguyễn Phước Ái	Đỉnh	26	100	
88	Mr.	Trần Quang	Diệu	26	60	€
89	Mr.	Diệp Quốc	Vinh	27	100	
90	Mr.	Diệp Tắc	Ziù	27	50	
91	Mr.	Nguyễn Đình	Huy	27	50	
92	Mr.	Nguyễn Duy	Niên	27	50	
93	Mr.	Nguyễn Văn	Tân	27	50	
94	Mr.	Trần Hữu	Hạnh	27	60	50 €
95	Mr.	Trần Tri	Quốc	27	200	
96	Mr.	Trần Văn	Hồ	27	100	
97		Khóa 28 Đông Bắc Mỹ		28	50	
98	Mr.	Hoàng Như	Cầu	28	100	
99	Mr.	Trần	Tường	28	100	
100	Mr.	Trương Thành	Minh	28	100	
101	Mr.	Đỗ Trọng	Đạt	29	100	
102	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	29	100	
103	Mr.	Phan Văn	Ý	29	100	
104	Mr.	Phòng Tít	Chăng	29	100	
105	Mr.	Tsu A	Cầu	29	200	
106	Mr.	Irwin	Tsu	29/2	50	
107	Ms.	Laura	Tsu	29/2	200	
108	Mr.	William	Tsu	29/2	50	

109	Mr.	Nguyễn Bạch	Châu	30	60
110	Mr.	Phan Văn	Lộc	30	100
111	Mr.	Hoàng Tôn	Long	31	60
112	Mr.	LHVB Âu Châu			357
113	Mr.	Hội VB Kansas			100
114	Mr.	TĐ/TTNDH			200
115	Mr.	LĐTTNDH Âu Châu			60
116	Ms.	Nguyễn T. Huyền	Nga	TH/K24	119

Cộng

10,792

Trong phần báo cáo có liệt kê một số ít người đã hứa yểm trợ nhưng check chưa kịp gửi đến. Nếu có thay đổi chúng tôi sẽ bổ túc trong số báo tới.

Trần Trí Quốc, K 27



CSVSQ & THÂN HỮU YẪM TRỢ ĐA HIỆU III

(Tính tới ngày 15 tháng 12 năm 2017)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mrs. Hoàng Xuân	Lãm	3 100.00
2	Mr. Huỳnh Thao	Lược	3 100.00
3	Mr. Đỗ Trang	Phúc	6 30.00
4	Mr. Nguyễn Như	Sang	6 30.00
5	Mr. Huỳnh Thanh	Tâm	6 50.00
6	Mr. Nguyễn Văn	Thình	6 50.00
7	Mrs. Nguyễn Hữu	Thư	6/1 30.00
8	Mr. Nguyễn Du	An	8 30.00
9	Mr. Lò Cẩm	Bảo	8 50.00
10	Mr. Lương Văn	Hoi	8 30.00
11	Mr. Nguyễn Danh	Sam	8 30.00
12	Mr. Lợi Nguyên	Tân	8 30.00
13	Mr. Lê Công	Chinh	9 50.00
14	Mr. Phạm Thế	Vinh	9 50.00
15	Mr. Dương Đình	Bộ	10 30.00
16	Mr. Phạm Đăng	Có	10 50.00

Báo Cáo Tài Chính

327

17	Mr.	Lê Bá	Đô	10	30.00
18	Mr.	Nguyễn	Lộc	10	50.00
19	Mr.	Nguyễn Đạt	Phong	10	30.00
20	Mr.	Vòng A	Sĩ	10	26.00
21	Mr.	Trương Quang	Thương	10	50.00
22	Mr.	Lê Tất	Biên	10P	30.00
23	Mr.	Đèo Văn	Sin	11	30.00
24	Mr.	Lê Văn	Tâm	11	40.00
25	Mr.	Lý Kim	Vân	11	100.00
26	Mr.	Trần Văn	Bì	12	30.00
27	Mr.	Vũ Minh	Bôi	12	50.00
28	Mr.	Hoàng Mộng	Cậy	12	30.00
29	Mr.	Lê Văn	Giầu	12	25.00
30	Mr.	Trần Thượng	Khải	12	30.00
31	Mr.	Nguyễn Công	Luận	12	50.00
32	Mr.	Nguyễn Đức	Vỵ	12	20.00
33	Mr.	Nguyễn Hoài	An	13	30.00
34	Mr.	Nguyễn Trọng	Đạt	13	20.00
35	Mr.	Nguyễn Quốc	Đồng	13	50.00
36	Mr.	Tăng Minh	Dũng	13	100.00
37	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30.00
38	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	30.00
39	Mr.	Trần Ngọc	Thạch	13	30.00
40	Mr.	Phan Văn	Anh	14	30.00
41	Mr.	Bừu	Khải	14	30.00
42	Mr.	Cao Xuân	Lê	14	30.00
43	Mr.	Trần Quang	Minh	14	20.00
44	Mr.	Phạm Văn	Phước	14	15.00
45	Mrs.	Nguyễn Văn	Bạc	14/1	50.00
46	Mr.	Trần Văn	Một	15	20.00
47	Mr.	Nguyễn Mỹ	Uân	15	30.00
48	Mr.	Nguyễn Văn	An	16	50.00
49	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	50.00
50	Mr.	Lê	Diêu	16	100.00
51	Mr.	Ngọc Cam	Doan	16	20.00
52	Mr.	Lục Sĩ	Đức	16	30.00
53	Mr.	Phạm Minh	Đức	16	60.00
54	Mr.	Nhũ Văn	Hải	16	100.00
55	Mr.	Lê Quang	Lộc	16	40.00
56	Mr.	Đinh Văn	Mễ	16	50.00
57	Mr.	Phạm Văn	Nghĩa	16	50.00
58	Mr.	Bừu	Ngô	16	50.00

59	Mr.	Nguyễn Như	Phú	16	20.00
60	Mr.	Nguyễn Đức	Thu	16	50.00
61	Mr.	Nguyễn Đăng	Thục	16	30.00
62	Mr.	Hồ Văn	Xuân	16	20.00
63	Mr.	Nguyễn Hữu	Cang	17	100.00
64	Mr.	Nguyễn Hoài	Cát	17	60.00
65	Mr.	Nguyễn	Duy	17	50.00
66	Mr.	Trần Bạch	Thanh	17	40.00
67	Mr.	Phan Văn	Bàng	18	50.00
68	Mr.	Nguyễn	Bê	18	40.00
69	Mr.	Trần Văn	Cần	18	40.00
70	Mr.	Lương Công	Cần	18	50.00
71	Mr.	Phạm Dự	Đáo	18	50.00
72	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	30.00
73	Mr.	Đỗ Văn	Hạnh	18	50.00
74	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	30.00
75	Mr.	Cao Quốc	Quới	18	40.00
76	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30.00
77	Mr.	Nguyễn Xuân	Toàn	18	30.00
78	Mr.	Nguyễn Định	Trà	18	30.00
79	Mr.	La Quý	Trang	18	50.00
80	Mr.	Nguyễn Quang	Bột	19	30.00
81	Mr.	Nguyễn	Chí	19	30.00
82	Mr.	Đỗ	Đăng	19	30.00
83	Mr.	Võ Quang	Giang	19	30.00
84	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	30.00
85	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20.00
86	Mr.	Trương	Khương	19	30.00
87	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50.00
88	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	30.00
89	Mr.	Nguyễn Bá	Luân	19	35.00
90	Mr.	Bùi Đức	Lưu	19	76.00
91	Mr.	Bùi Văn	Nam	19	30.00
92	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	30.00
93	Mr.	Lâm Văn	Niên	19	30.00
94	Mr.	Trịnh Đức	Phương	19	30.00
95	Mr.	Kâng Tum	Son	19	30.00
96	Mr.	Nguyễn Thành	Son	19	30.00
97	Mr.	Trương Thanh	Sương	19	20.00
98	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30.00
99	Mr.	Đặng Ngọc	Thạch	19	30.00
100	Mr.	Nguyễn Xuân	Thị	19	100.00

101	Mr.	Phan Văn	Thìn	19	50.00
102	Mr.	Trần Văn	Tiền	19	50.00
103	Mr.	Trần Bá	Tòng	19	30.00
104	Mr.	Trần Văn	Trữ	19	30.00
105	Mr.	Tăng Bửu	Tuyền	19	30.00
106	Mr.	Nguyễn Văn	Vinh	19	25.00
107	Mrs.	Lê Văn	Cứ	19/1	20.00
108	Mrs.	Trần Thiện	Đầu	19/1	30.00
109	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	25.00
110	Mr.	Đỗ Đức	Chiến	20	40.00
111	Mr.	Hoàng Đình	Hiệp	20	30.00
112	Mr.	Thái Minh	Hoàng	20	20.00
113	Mr.	Võ Văn	Huệ	20	25.00
114	Mr.	Vũ Thế	Khanh	20	100.00
115	Mr.	Phạm Văn	Lương	20	30.00
116	Mr.	Phan Thanh	Miền	20	50.00
117	Mr.	Đào Kim	Minh	20	30.00
118	Mr.	Vũ Văn	Minh	20	30.00
119	Mr.	Phạm Tấn	Nghiệp	20	20.00
120	Mr.	Hoàng Văn	Ngọc	20	30.00
121	Mr.	Trương	Phúc	20	30.00
122	Mr.	Lê Ngọc	Ràng	20	30.00
123	Mr.	Nguyễn Thiện	Sanh	20	50.00
124	Mr.	Phạm Văn	Sanh	20	75.00
125	Mr.	Bùi Văn	Thượng	20	50.00
126	Mr.	Nguyễn Khắc	Tung	20	20.00
127	Mr.	Vũ Tuấn	Việt	20	30.00
128	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20.00
129	Mr.	Hoàng Đăng	Xúng	20	30.00
130	Mrs.	Trần Văn	Thọ	20/1	200.00
131	Mr.	Nguyễn Công	Bình	21	50.00
132	Mr.	Bùi	Bồn	21	30.00
133	Mr.	Lê Văn	Bửu	21	30.00
134	Mr.	Trần Ngọc	Chánh	21	30.00
135	Mr.	Trương Văn	Hòa	21	30.00
136	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	50.00
137	Mr.	Liên Khi	Gia	21	40.00
138	Mr.	Cao Mạnh	Nhẫn	21	50.00
139	Mr.	Hồ	Sắc	21	50.00
140	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	50.00
141	Mr.	Lạc Minh	Châu	22	30.00
142	Mr.	Trần Kim	Đánh	22	40.00

143	Mr.	Trương Văn	Minh	22	50.00
144	Mr.	Nguyễn Văn	Niệm	22	50.00
145	Mr.	Nguyễn Đình	Ninh	22	40.00
146	Mr.	Trương Văn	Phồ	22	30.00
147	Mr.	Mai Vĩnh	Phú	22	30.00
148	Mr.	Huỳnh Vinh	Quang	22	30.00
149	Mr.	Trương Văn	Tăng	22	100.00
150	Mr.	Bùi	Trân	22	30.00
151	Mr.	Đặng Văn	Anh	23	100.00
152	Mr.	Nguyễn Văn	Ảnh	23	30.00
153	Mr.	Phạm Văn	Chắc	23	30.00
154	Mr.	Nguyễn Hữu	Chí	23	30.00
155	Mr.	Bùi Văn	Hưng	23	40.00
156	Mr.	Vũ Xuân	Nghiêm	23	30.00
157	Mr.	Trương Tấn	Quới	23	100.00
158	Mr.	Trần Văn	Tâm	23	40.00
159	Mr.	Nguyễn Văn	Tông	23	30.00
160	Mr.	Trần Văn	Tỷ	23	40.00
161	Mr.	Dương Tuấn	Việt	23	50.00
162	Mr.	Huỳnh Thiện	Lộc	24	50.00
163	Mr.	Vũ Thế	Cần	24	20.00
164	Mr.	Phan Thế	Thiệp	24	30.00
165	Mr.	Nguyễn	Em	25	50.00
166	Mr.	Hà Xuân	Lộc	25	30.00
167	Mr.	Vũ Hữu	Nghị	25	50.00
168	Mr.	Ngô Hồng	Sương	25	30.00
169	Mr.	Trần Kiên	Võ	25	50.00
170	Mr.	Nguyễn Văn	Bên	26	50.00
171	Mr.	Châu Văn	Hại	26	60.00
172	Mr.	Đặng Văn	Kế	26	20.00
173	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	20.00
174	Mr.	Ngô Văn	Nơi	26	30.00
175	Mr.	Vũ Thế	Thủ	26	30.00
176	Mr.	Nguyễn Văn	Gương	27	50.00
177	Mr.	Trần Văn	Hồ	27	40.27
178	Mr.	Nguyễn Bá	Hoan	27	30.00
179	Mr.	Trương Văn	Hơn	27	30.00
180	Mr.	Châu	Lân	27	30.00
181	Mr.	Quy Thiên	Quang	27	20.00
182	Mr.	Cái Hữu	Sáu	27	50.00
183	Mr.	Phan Văn	Bắc	28	50.00
184	Mr.	Dương Đình	Hưởng	28	30.00

185	Mr.	Nguyễn Trung	Lọng	28	100.00
186	Mr.	Tsu A	Câu	29	100.00
187	Mr.	Nghiêm Đoàn	Hiền	29	50.00
188	Mr.	Đào Công	Hương	29	50.00
189	Mr.	Vương Tín	Nghĩa	29	50.00
190	Mr.	Nguyễn Hùng	Phi	29	75.00
191	Mr.	Từ	Thanh	29	50.00
192	Mr.	Quách Vĩnh	Thọ	29	30.00
193	Mr.	Thạch	Hiền	30	30.00
194	Mr.	Võ Đức	Thạnh	30	30.00
195	Mr.	Nguyễn Quốc	Khảo	31	40.00
196	Mr.	Tương Minh	Tâm	27	50.00
197	HỘI VB PENNSYLVANIA				200.00
198	Mr.	Lu	Anthony	TH	20.00
199	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	50.00
200	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	15.00
201	Mr.	Trần Trọng	Bình	TH	30.00
202	Mr.	Phan Ngọc	Châu	TH	30.00
203	Mr.	Cô Tấn Tinh	Châu	TH	50.00
204	Mr.	Nguyễn X	Cung	TH	100.00
205	Mr.	Hải Thúc	Giáp	TH	30.00
206	Ms.	Oanh Thu	Henning	TH	100.00
207	Mr.	Huỳnh Phi	Hồ	TH	20.00
208	Mrs.	Nguyễn Thị	Huệ	TH	50.00
209	Mr.	Lê Đăng	Khoa	TH	30.00
210	Mr.	Trần Đình	Lộc	TH	30.00
211	Ms.	Nguyễn T. Huyền	Nga	TH	50.00
212	Mr.	Nguyễn Văn	Ngàn	TH	20.00
213	Mr.	Trương	Nghĩa	TH	20.00
214	Mr.	Nguyễn Đức	Nhiệm	TH	100.00
215	Mr.	Nguyễn Đức	Peter	TH	20.00
216	Mr.	Nguyễn Thanh	Phong	TH	30.00
217	Mr.	Trương N.	Phương	TH	20.00
218	Mr.	Đỗ	Sao	TH	30.00
219	Mr.	Vòng Chấn	Sênh	TH	30.00
220	Mr.	Phạm Ngọc	Tân	TH	20.00
221	Mr.	Vũ Đình	Thọ	TH	30.00
222	Mr.	Lê Văn	Thự	TH	20.00
223	Mr.	Lê Mạnh	Trí	TH	20.00
224	Mr.	Nguyễn Hào	Kiệt	VHV	50.00

Tổng Cộng

9,427.27

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 15 tháng 12 năm 2017)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 111:

- Ấn Loát	6,000.00
- Bưu Phí trong Hoa Kỳ	2,468.55
Bưu Phí ngoài Hoa Kỳ	1,636.59
- Lệ Phí Ngân Hàng	161.80
Chuyên Chở	350.00
- Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	533.00
- Bưu Phí Phụ Trợ+Dịch Vụ TS, VP Phẩm	968.50
Cộng =	12,118.44

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau Đa Hiệu 111	22,416.81
- Thu	9,427.27
Cộng =	31,844.08

3. Tồn quỹ

$$31,844.08 - 12,118.44 = 19,725.64$$

Thưa các NT, các anh chị, và các độc giả,

Số tiền đang tồn quỹ là **\$19,725.64**. Trong phần này, **chi phí cho Tập San Đa Hiệu 112 mà quý vị đang cầm trên tay chưa được tính đến**. Mong được sự ủng hộ tài chánh mạnh mẽ của các độc giả. Sự quan tâm của quý vị đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu luôn là động lực khích lệ chúng tôi.

*Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.
Trần Trí Quốc, K 27*

Cảm Ơn!

TRẢ LỜI THƯ TÍN



Đỗ Mạnh Trường, K23

1. Trả lời chung:

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các sĩ quan Văn Hóa Vụ và Quân Sự Vụ, các phu nhân, anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị, trong đó có các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu. Tuy nhiên, vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên chúng tôi không thể kịp đăng một số bài. Nếu trường hợp này xảy ra, rất mong quý vị thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số tới.

b. Mặc dù không giới hạn chủ đề, chúng tôi vẫn luôn mong mỗi đón nhận những bài có nội dung liên quan đến cuộc chiến tranh Quốc Cộng, đến thân phận người dân trước và sau cuộc chiến, đến gương anh dũng hy sinh của các chiến sĩ VNCH, ở tất cả các Quân Binh Chung, ở khắp mọi nơi, đặc biệt từ các CSVSQ/ VB. Nhất là, những ước vọng và tình cảm đầu đời của tuổi hoa niên, đáng sống và đáng nhớ, vẫn luôn được đón nhận.

DH113 dự trù phát hành, vào tháng 5 năm 2018. Khoảng thời gian mà cách nay 43 năm về trước, bao nỗi đau thương đã đột nhiên đổ ập đến từng người, từng gia đình, như một định mệnh. 30 tháng Tư năm nay lại về như một vết thương không bao giờ lành miệng; bao ký ức bi thương lại hiện đến với mọi người. Chắc chắn chúng ta vẫn luôn trăn trở, cũng như không khỏi tự dằn vặt mình về những điều chưa làm, hoặc không thể làm được.

Tuy nhiên, chúng ta không thể ngồi yên mà “nguyên rửa bóng đêm”. Điều quan trọng là chúng ta đã làm hết sức của

mình. Chúng ta vẫn tiếp tục đứng lên tranh đấu cho lý tưởng phục vụ Quốc Gia, dân tộc. Chúng ta không bỏ cuộc và vẫn còn cơ hội.

Chắc rằng, đã có một số cộng tác viên đang có ý định viết lại giai đoạn đó.

Nghĩ đến quá khứ nhưng không quên hiện tại và tương lai, chúng tôi cũng mong mỗi đón nhận những bài liên quan đến thái độ của chúng ta của ngày hôm nay, đặc biệt của các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu: **“Phải làm gì? Làm thế nào? Đã làm được gì chưa?”** để tranh đấu cho cộng đồng VN vững mạnh trên toàn thế giới, và tranh đấu cho một VN, không Cộng Sản, tự do, và dân chủ.

Mong rằng Ban Biên Tập sẽ luôn nhận được nhiều bài vở đa dạng để tập san luôn phong phú và đại diện xứng đáng cho tập thể VB.

c. Nhân dịp Tết Mậu Tuất sắp tới, thay mặt Ban Biên Tập Tập San, kính chúc quý vị dồi dào sức khỏe, an khang, chúc các anh chị thanh niên của các thế hệ kế thừa, trong đó có Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, luôn mạnh mẽ, dân thân phục vụ cho lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc.

2. Bà Hoàng Xuân Lãm, K3/1

“Cám ơn quý vị đã bỏ công sức để thực hiện tập san này.”
Lời khen của bà đã là phần thưởng vô cùng quý giá dành cho BBT. Cám ơn bà.

3. NT Nguyễn Ánh Mai, Khoá 5 Hoàng Diệu

Nội dung thư của NT v/v những nhận định quan trọng về tình hình đất nước và đưa ra những ý kiến thiết thực về những việc cần làm. Tôi đã chuyển thư của NT cho anh Tsu A Cầu, THT. Cám ơn NT nhiều.

4. Anh Nguyễn Xuân Cung, Khoá 6/2 Đinh Bộ Lĩnh (Con của NT Nguyễn Xuân Hải)

Anh cho biết tình trạng thân phụ của anh, *“vẫn minh mẫn,*

tự túc một mình, còn theo dõi tin tức qua Ipad và truyền hình.” Anh còn nhận xét, “Tôi có dịp đọc những bài viết về kỷ niệm quân trường, đời lính, những trận đánh đầy thuốc súng, bốn phận, trách nhiệm, tình yêu, gia đình,... Tôi thấy các anh còn có cái nhìn nhân bản, những rung động đầy tình cảm trong cuộc đời lính chiến...”

Tôi chúc Đa Hiệu sẽ sống mạnh, để chúng ta còn được nhìn thấy một nước VN tự do, đa đảng, không CS...”

Tôi rất vui khi biết rằng NT Hải, thân phụ của anh, đồng thời là vị NT của chúng tôi, vẫn khỏe mạnh và minh mẫn dù tuổi đã cao. Tôi rất cảm động khi được biết tình cảm của NT Hải luôn hướng về trường Mẹ. Cám ơn anh đã có những nhận xét tích cực và lời chúc lành dành cho Tập San Đa Hiệu. Mong rằng lời chúc của anh sớm thành sự thực. Cho tôi gửi lời kính thăm NT Hải.

5. NT Hạ Bá Chung, K10:

Thật là một kỷ niệm tuyệt vời khi được tiếp chuyện qua phone cùng NT. Với thái độ cởi mở, chân tình, và bình dị của NT, tôi luôn cảm thấy được khích lệ tiếp tục công việc của mình. Rất may mắn, tôi đã được quý vị cộng tác viên luôn nhiệt tình đóng góp bài vở cho Tập San ĐH.

6. Bà Nguyễn Văn Bạc, K14/1

Bà viết: *“Chúc Ban Biên Tập nhiều sức khỏe. Bài vở luôn chọn lọc khỏi sặc. Giữ vững tinh thần đoàn kết và tranh đấu, trong báo chí cũng như ngoài đời. Luôn là những tiền đồn tiên phong...”*

Cám ơn về lời khích lệ của bà, cũng như hướng dẫn BBT trong nhiệm vụ ngoài đời và trong báo chí. Chúng tôi đã và đang thực hiện các điều đã được bà gọi ý...

7. Nguyễn Văn Dục, K17

Cám ơn NT về sự ủng hộ của Hội VB Pennsylvania. Sự đóng góp của các NT, anh chị trong Hội VB Pennsylvania đã nói lên lòng quan tâm của quý vị với Tập San Đa Hiệu. Nhờ

mỗi người một bàn tay mà Tập San Đa Hiệu tiếp tục tồn tại cho đến nay. Cảm ơn NT về lời thăm hỏi dành cho mọi người trong toà soạn báo ĐH.

8. NT Nguyễn Phước Tây, K19

NT viết, *“Khen tinh thần hy sinh của các chú trong việc duy trì Tập San Đa Hiệu được trường tồn mãi mãi để các khóa liên lạc với nhau.”*

Không ai có thể phủ nhận sức mạnh truyền thông của Tập San Đa Hiệu. Cho đến nay, dù có các phương tiện liên lạc khác mau chóng và hiện đại, tập san của chúng ta vẫn là phương tiện cần thiết, là sợi dây liên lạc không thể thiếu để chúng ta có cơ hội liên lạc với nhau. Xin cảm ơn lời khen của NT.

9. Chị Nguyễn Thị Huyền Nga, thân hữu

Chị viết, *“...Khi đọc những trận đánh ở các chiến trường xưa, cũng giống như cảm giác hồi còn trẻ, tôi thấy nín thở, theo từng diễn biến cuộc hành quân. Trong lòng tôi vẫn thấy hồi hộp, đau xót, thương những người lính đang chịu đựng gian khổ, hiểm nguy...”*

...Những câu chuyện tình vẫn luôn đẹp khi lần đầu gặp gỡ, để rồi nếu không được trọn vẹn hạnh phúc thì là chia ly. Nếu trên thế gian này luôn có chiến tranh thì tình yêu của con người vẫn luôn còn sinh ly, tử biệt.”

Sau khi gần như đọc hết các bài của Tập San ĐH111, chị đã ghi cho biết cảm nghĩ gần như từng bài mà tôi không thể liệt kê đầy đủ. Thật may mắn chúng tôi có một độc giả, như chị. Rất mong chúng tôi sẽ tiếp tục nhận được các nhận xét khác của chị trong tương lai. Cảm ơn chị.

Khen Gặp Lại!



PHÂN ƯU

Thiếu Tướng **NGUYỄN VĂN KIỂM**
Cựu Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1 Chiến Thuật
Cựu Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN
Nguyên Chánh Võ Phòng Phủ Tổng Thống VNCH
Khóa 1 Trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông
Tử trần ngày 30 tháng 9 năm 2017
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 93 tuổi.

Bác Sĩ **TÔN THẤT NIỆM**
Cựu Y Sĩ Trưởng TVBQGVN
Vừa tử trần ngày 12 tháng 11 năm 2017
(Nhằm ngày 24 tháng 9 năm ĐINH DẬU)
tại Nam California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ: 90 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến của cố Thiếu Tướng Nguyễn Văn Kiểm và Bác Sĩ Tôn Thất Niệm. Sự ra đi vĩnh viễn của quý vị nêu trên là một tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị.

Nguyện cầu linh hồn những người đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

*Ban Chấp Hành Tổng Hội
Ban Tư Vấn và Giám Sát
Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN
Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu*



PHÂN ƯU

CSVSQ GIUSE **PHẠM CÔNG TIỂU**, K2/ TVBQGVN

Từ trần ngày 8-11-2017

Tại Orange County, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 93 tuổi.

CSVSQ **TỪ NGUYỄN QUANG**, K3/ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 8 tháng 12 năm 2017

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 90 tuổi

CSVSQ **VŨ TIẾN PHÚC**, K6/ TVBQGVN

Anh vợ của Cố CSVSQ Vũ Cao Hiến, K24/ TVBQGVN

Từ trần ngày 03-07-2017

Tại Vista, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ **NGÔ XUÂN NGHỊ**, K7/ TVBQGVN

Từ trần ngày thứ Bảy, 23 tháng 9 năm 2017

Tại tiểu bang Idaho, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ Phao Lô **PHẠM ĐỨC VUI**, K10/ TVBQGVN

Vừa mất phần ngày 12 tháng 12 năm 2017

Tại Portland, Oregon, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ **PHẠM VĂN NGHÌN**, K10/ TVBQGVN

Tên Thánh: Anton

Vừa mất phần ngày 12 tháng 12 năm 2017

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 84 tuổi

CSVSQ NGUYỄN HỮU VƯỢNG, K11/ TVBQGVN

Vừa từ trần sáng ngày 13 tháng 11 năm 2017

Tại Montreal, Gia Nã Đại

Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ Louis NGUYỄN DUY THẠCH, K12/ TVBQGVN

Vừa mãn phần ngày 6 tháng 11 năm 2017

Tại Baton Rouge, Louisiana, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ VŨ THẾ VIỆT, K13/ TVBQGVN

Tên thánh PHANXICO XAVIE

Từ trần ngày 11 tháng 9 năm 2017

Tại Baton Rouge, Louisiana, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 87 tuổi.

Nhạc Phụ của CSVSQ Lê Thanh Quang, K16 / TVBQGVN

Nhạc Phụ của CSVSQ Nguyễn Văn Nhân, K28/ TVBQGVN

Cụ Ông **GIUSE TRẦN VĂN TUYÊN**

Từ trần ngày 2 tháng 11 năm 2017

Tại Thành phố Wichita, Kansas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 97 tuổi.

CSVSQ ĐẶNG VĂN BẢNH, K16/ TVBQGVN

Từ trần ngày 30 tháng 10 năm 2017

Tại Louisiana, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 79 tuổi.

Trưởng Nam CSVSQ Nguyễn Thanh Thiên, K16 / TVBQGVN

Cháu NGUYỄN THANH TUÂN

Vừa từ trần ngày 23 tháng 11 năm 2017

Tại Concord, North Carolina, Hoa Kỳ

Hưởng dương 52 tuổi

CSVSQ ĐẶNG VĂN QUẢNG, K17/ TVBQGVN

Từ trần ngày 09 tháng 11 năm 2017

Tại Houston, Texas

Hưởng thọ 79 tuổi.

CSVSQ HOÀNG CÔNG THÊM, K18/ TVBQGVN

Vừa mệnh chung ngày 22 tháng 9 năm 2017

Tại SPOKANE, WA, USA

Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ ĐẶNG CAO THẮNG, K19/ TVBQGVN

vừa từ trần ngày 24 tháng 12 năm 2017

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 79 tuổi.

Thân Phụ CSVSQ Vũ Hữu Thuyết, K20/ TVBQGVN

Cụ Ông **VŨ HỮU SOẠN**

Từ trần ngày 04 tháng 9 năm 2017

Tại Surrey, British Columbia, Canada

Hưởng đại thọ 102 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN NGỌC XẢO, K20/ TVBQGVN

Từ trần ngày 01-9-2017

Tại Chợ Mới, An Giang, Việt Nam

Hưởng thọ 79 tuổi.

CSVSQ TRỊNH THANH TÙNG, K 21/ TVBQGVN

Vừa tạ thế ngày 07 tháng 09, năm 2017

Tại Melbourne, Australia.

Hưởng thọ 79 tuổi

Nhạc mẫu của CSVSQ Nguyễn Minh Châu, K23/ TVBQGVN

Cụ bà **ĐOÀN THỊ QUẾ**

Đã qua đời ngày 22-10-2017

Tại Đà Lạt, Việt Nam

Hưởng thọ 96 tuổi.

Trưởng nam CSVSQ Trần Quang Minh, K23/ TVBQGVN

Cháu **TRẦN DUY ALEC**

Tên Thánh GIUSE

Đã được Chúa gọi về ngày 02 tháng 11 năm 2017

tại San Francisco, California, Hoa Kỳ

Hưởng dương 43 tuổi.

Thân Phụ CSVSQ Nguyễn Phán, K24/ TVBQGVN
Cụ Ông NGUYỄN PHÁP

Vừa mất phần ngày 29 tháng 10 năm 2017

Tại VIỆT NAM

Hưởng thọ: 93 tuổi

CSVSQ **PHẠM VĂN DƯƠNG**, K24/ TVBQGVN

Từ trần ngày 14 tháng 9 năm 2017

Tại Sài Gòn, Việt Nam

Hưởng thọ 72 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN NGỌC SAN**, K24/ TVBQGVN

Từ trần ngày 11 tháng 12 năm 2017

Tại Nam California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 72 tuổi

CSVSQ **VÕ HỮU DANH**, K25/ TVBQGVN

Từ trần ngày 17 tháng 8 năm 2017

Tại Sacramento, CA

Hưởng thọ 69 tuổi

Nhạc Mẫu CSVSQ **HOÀNG CÔNG MỘT**, K25/ TVBQGVN

Cụ Bà PHẠM ĐÌNH CỜ

Nhũ Danh LÊ THỊ NÊ

Pháp Danh DIỆU NHƠN

Từ trần ngày 06 tháng 12 năm 2017

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 83 tuổi

Thân mẫu CSVSQ **LÂM NGỌC THƯỜNG**, K25/TVBQGVN

Cụ bà **NGUYỄN THỊ HOA**

Pháp danh DIỆU THIẾT

Từ trần ngày 16 tháng 12 năm 2017

Tại Melbourne, Úc Châu

Hưởng thượng thọ 96 tuổi

Thân Mẫu CSVSQ Lê Tấn Tươi, K28/ TVBQGVN

Bà quả phụ **LÊ PHÁT THỜI**

Nhũ danh **ĐẶNG LANG ANH**

Từ trần ngày 03 tháng 9 năm 2017
Tại bệnh viện Liverpool, Úc Châu
Hưởng thọ 82 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN TUẤN, K28/ TVBQGVN

Từ trần ngày 23 tháng 9 năm 2017
Tại Huế, Việt Nam
Hưởng thọ 69 tuổi.

Nhạc mẫu của CSVSQ Trần Ngọc Lạc, K30/ TVBQGVN

Cụ bà **ĐÀO VĂN HOA**

Nhũ Danh Trịnh Thị Ngọc

Pháp Danh Diệu Thủy

Đã từ trần vào lúc 14 giờ 35 phút ngày 1 tháng 11 năm 2017

Tại Fairfax, Virginia

Hưởng Thọ 84 tuổi.

CSVSQ LÊ VĂN KHUYÊN, K31/TVBQGVN

Tên Thánh GIUSE

Vừa được Chúa gọi về ngày 05 tháng 12 năm 2017

tại Việt Nam

Hưởng thọ 64 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến của các NT, các phu nhân, các anh chị, và thân nhân trong đại gia đình Võ Bị đã mất, đã được đăng trong số báo này.

Nguyện cầu linh hồn những người đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

Ban Chấp Hành Tổng Hội

Ban Tư Vấn và Giám Sát

Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU

- Em biết chứ.

Tôi biết anh như cánh chim trời bay trong gió, tôi chỉ là một nhánh cây nhỏ để anh dừng lại trong khoảnh khắc rồi lại theo chiều gió phiêu bạt muôn phương. Anh bay mãi chưa biết bao giờ mới dừng lại và được ở vĩnh viễn trong một cái tổ ấm êm. Tôi cầu nguyện cho ngày đó mau đến và tôi sẽ chờ, chờ mãi...

Gió từ bờ sông thổi nhẹ nhẹ vào thành phố mang theo chút lành lạnh của thời tiết cuối Đông. Trong hơi gió, tôi ngửi được mùi nồng nồng của đất quê hương hòa trong nước, mùi thoang thoang của các loài hoa, mùi khói sừng sa trường còn vương trên áo trận của anh, và cả mùi vị mật ngọt của tình yêu vừa tìm thấy. Tôi phải vui trọn đêm này, trân trọng từng giây từng phút vì ngày mai cánh chim kia lại bay về rừng cũ, sẽ để lại trong tôi nỗi nhớ nhung ngút ngàn.

Tôi cũng thầm cảm ơn những cánh chim ngoài kia đang lao mình vào phong ba, bão táp để cho người thành phố được yên vui, hạnh phúc.

** Đêm Tóc Rối – Hàn Châu.*

*** Đêm Tâm Sự - Trúc Phương.*

